BÁCH KHOA

Ố ĐẶC-BIỆT KỶ NIỆM ĐỆ-NHỊ CHU-NIÊN

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh **« Eau-de-vie cũ »** *40° và 50°*

— Rượu Tàu **« Lão-Mạnh-Tửu »**

— Rượu Tàu **« Ích-Thọ-Tửu »**

SI-RÔ « Verigoud » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm **« Distarome »**

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

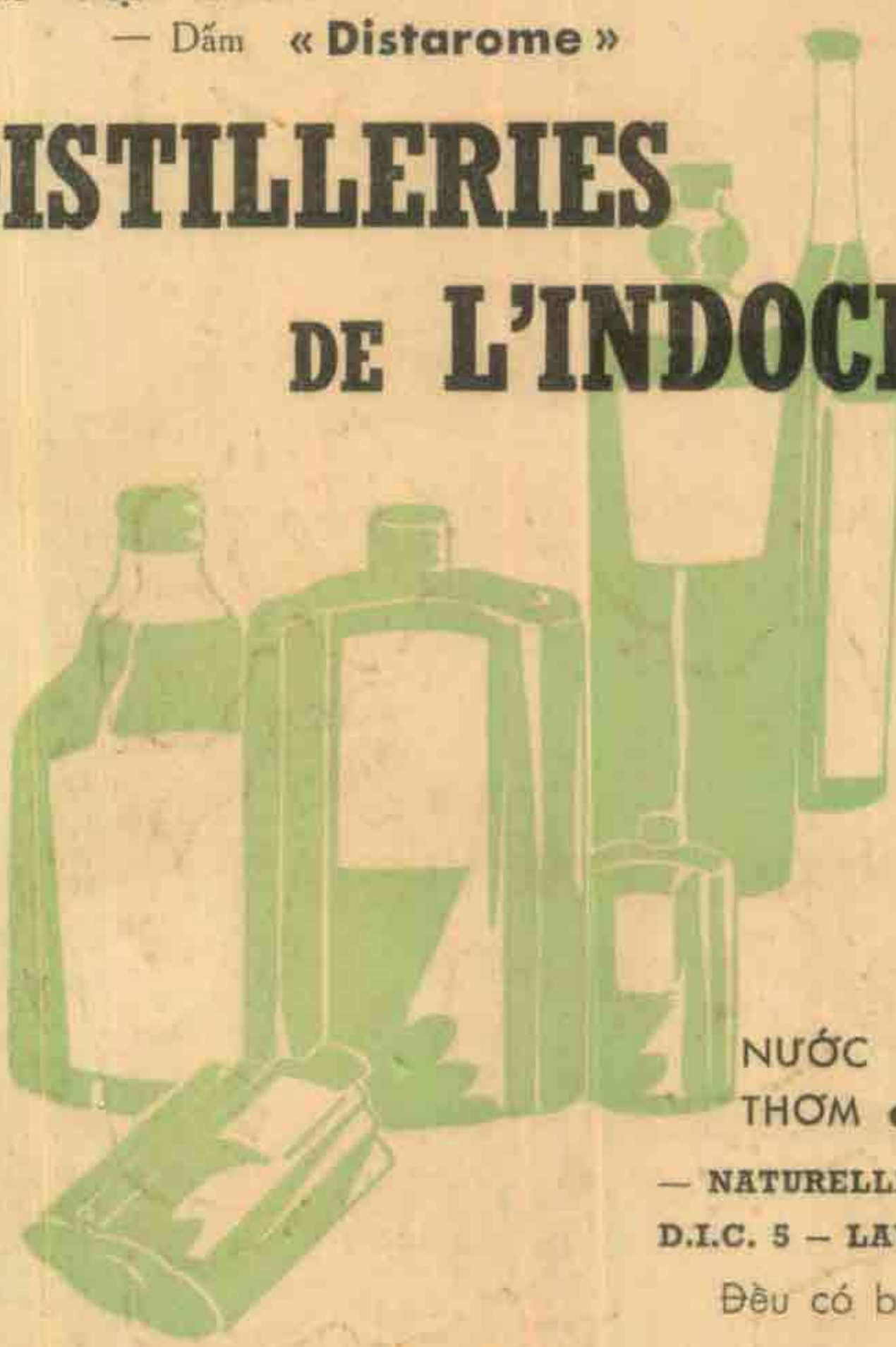

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. » :**

— NATURELLE — FOUGÈRE —

D.I.C. 5 — LAVANDE — STELLA

Đều có bán khắp nơi

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**

135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG-TY THƯƠNG-MẠI, KỸ-NGHỆ và TIỂU CÔNG-NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**

6, đường Hoàng Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

GIÁ BÁN
18 $

VIRGINIE

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

10.000 Kms
de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

* * * * * * * * * * * * * * * * * * *

DE PLUS EN PLUS de possibilités vous sont offertes pour le même prix.

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées

"33"
EXPORT
BIÈRE
BRASSERIES & GLACIÈRES DE L'INDOCHINE
33
EXPORT

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG"
bằng phi-cơ « SUPER G »)
cất cánh 16 giờ 30 mỗi thứ Hai

SAIGON — VIENTIANE

mỗi thứ Hai, bằng DC 3
— Tư } bằng DC 4
— Bảy }

SAIGON — HONGKONG

mỗi Chúa-Nhựt và thứ Năm
bằng Super G (chung với Air France)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**
116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON
Đ.T. 22.446-47 – 21.624-25-26

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 – 48 : 4 tập : 420 đ.

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã trong dịp đầu xuân.

BÁCH-KHOA SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN

SỐ 49 — NGÀY 15-1-1959

		Trang
BÁCH-KHOA	*Lá thư Bách-Khoa*	3
HUỲNH-VĂN-LANG	*Dân số và kinh tế*	7
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Khái niệm về Dân chủ*	12
THIỆN-THI	*Triết học và đời sống*	18
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	*Thú chơi sách*	24
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Những con đường giao thông giữa phương Tây và phương Đông*	29
CÔ-LIÊU (dịch)	*Những lo ngại của một nhà sinh vật học*	38
ĐÔNG-HỒ	*Những cảnh thiếp Tết*	41
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	*Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo*	51
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	*Ngũ hành sơn*	58
NGUYỄN-VĂN-XỨNG	*Tiếng đồng tông của tiếng Miệng và Ái*	62
BÁ-PHẦM	*Hàn-Tín và Montgomery*	63
NGUYỄN-PHAN-AN	*Huê-Phong.*	70
PHẠM-HOÀN-MỸ	*Lạc-vương hay Hùng-vương*	75
TRẦN VĂN-KHÊ	*Cảm tưởng khi dự Đại hội khảo nhạc quốc tế. (Lá thư hải ngoại)*	81
BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í	*Tiếng địa phương*	86
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Từ điển y ngữ*	92
ĐOÀN-THÊM	*Điện ảnh và các con cháu ông Tư.*	96
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	*Tam quốc diễn nghĩa*	105
ĐỖ-TẤN	*Đọc thơ Nguyên-Sa*	109
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI	*Thơ mừng Bách-khoa*	114
NGUYỄN	*Đường thi dịch giải*	115
VŨ-QUỲNH-BANG	*Thần Hà-Bá (truyện dịch)*	116
NGUYỄN-PHÚC	*Làng tôi (thơ)*	127
BÌNH-NGUYÊN-LỘC	*Đêm không hết*	128
NGUỴ-TẦN-THƯƠNG	*Dáng mà thương (thơ)*	138
NGU-Í NGUIỄN-HỮU-NGƯ	*Huyền ca (thơ)*	138
VŨ-HẠNH	*Má (thơ)*	139
HƯ-CHU	*Bút màn (truyện ngắn)*	140
ĐỖ-TẤN	*Ai người tráng sĩ (kịch thơ).*	148
MẶC-THU	*Đi trong tối (thơ)*	154
VÕ-PHIẾN	*Áo vải mộng công hầu*	155
KIỀU-YIÊU	*Tâm hồn (truyện ngắn)*	158
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	*Phóng-Văn-Thực (dịch Liêu-trai)*	166
	Khói lửa kinh thành	170

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỲNH-VĂN-LANG	:	*Dân số và kinh tế.*
HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Khái niệm về dân chủ.*
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	:	*Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Tết đi thăm một nhà cách mạng.*
ĐINH-CƯỜNG	:	*Thung lũng mùa xuân Trường Cửu.*
THUẦN-PHONG	:	*Con Heo theo quan niệm ta trong văn thơ.*
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	:	*Thú chơi sách.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Nhạc sĩ Beethoven và giao hưởng khúc số 9.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Xem bói, xem số.*
SONG-AN CƯ SĨ	:	*Tito Cộng-sản quốc tế hay quốc gia.*
MỘNG-TUYẾT	:	*Xuân chậm.*
ĐÔNG-HỒ	:	*Mảnh vá trên vai áo nàng Thơ.*
XUÂN-VIỆT	:	*Nhân dịp Tết nguyên Đán, nhớ đến hoa đào và so sánh Nguyễn-Du với thi sĩ Đông và Tây Phương.*
PHÙNG-BÁ-KHANH	:	*Tế giao thừa giờ nào mới đúng.*
ƯNG-TRÌNH	:	*Vấn đề dịch kinh sách.*
LAN-ĐÌNH	:	*Người khóc thầm ban đêm (truyện ngắn).*
LƯU-NGHI	:	*Hăm nhăm tháng chạp.*
VŨ-HẠNH	:	*Chiều cuối năm.*
KIỀU-YIÊU	:	*Trương-Hồng-Tiệm (dịch Liêu-trai).*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ T. Sg. 25 539

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Các bạn thân mến,

HÔM nay Bách-Khoa ra mắt các bạn đã vừa trọn hai năm.

Kiểm điểm lại, Bách-Khoa cũng thấy vui mừng là nỗ lực của mình đã thể hiện rõ ràng trên gần năm chục số, và hình thức cũng như nội dung đã được luôn luôn cải tiến để tờ báo mỗi ngày thêm xứng đáng với lòng tin yêu của các bạn.

Đạt được kết quả ngày nay, tất nhiên phần lớn, Bách-Khoa đã nhờ sự cộng tác mỗi ngày mỗi nhiều của các văn gia, nghệ sĩ, các nhà chuyên môn các ngành, các anh em sinh viên, học sinh trong nước, ngoài nước, nhưng Bách-Khoa cũng đã trông cậy nhiều ở bạn đọc xa gần đã luôn luôn phê bình, khuyến khích cho tờ báo được hoàn bị thêm, giới thiệu, cổ động cho tờ báo được phổ biến sâu rộng hơn, và vì vậy gia đình Bách-Khoa mỗi ngày như càng thêm đông đảo trên đường phục vụ đất nước.

✦

Góp phần nhỏ bé trong công cuộc xây dựng đất nước, đó là nhiệm vụ mà Bách-Khoa tự đề ra từ buổi đầu. Xây dựng đất nước, trước hết phải chăng là xây dựng chế độ,

vì chỉ có một chế độ thực sự dân chủ mới làm cho đất nước chóng phục hưng và mạnh mẽ, đồng thời mới đem lại đầy đủ các quyền tự do căn bản cho con người, khôi phục lại giá trị chính đáng của con người và xây đắp một khung cảnh thuận tiện cho con người hoàn toàn nẩy nở. Với mục đích đó, Bách - Khoa đã tự nguyện làm diễn đàn chung cho mọi vấn đề xây dựng, Bách-Khoa đã cống hiến bạn đọc những bài biên khảo, nghị luận, những sáng tác văn nghệ khả dĩ cung cấp một phần nào tài liệu về tình trạng nước nhà, nước bạn, trong quá khứ, hiện tại hay tương lai, những vấn đề mới mẻ hay trọng đại, những tư tưởng cao đẹp hay hữu ích, những nếp sống phức tạp của nông thôn hay thành thị, những tâm tình thời đại...

Những số Bách-Khoa đến tay các bạn tất nhiên chưa hẳn đã nói lên được những gì mà Bách-Khoa mong muốn, nhưng những người đã thai nghén ra các số đó, dù chỉ là đề nghị một biện pháp, nghị luận một vấn đề hoặc sáng tác một văn phẩm, cũng đều mang nặng một thiện chí xây dựng, đều thiết tha muốn cái hay, cái đẹp, muốn hướng về sự thực, tôn trọng, tìm hiểu và phô diễn sự thực dưới muôn hình thức. Phải chăng nỗi niềm băn khoăn tìm về cái Thực, cái Hay, cái Đẹp đó đã khiến cho các bài trong Bách-Khoa, nhìn riêng từng số, thì thấy như dị biệt, mà nhìn chung toàn thể, vẫn có chỗ tương đồng và đồng nhất ?

Không rõ có phải vì vậy mà trong dịp phái viên của Bách-Khoa ra miền Trung, tiếp xúc với bạn đọc, đã nhận được một lời tri kỷ của một độc giả cao niên : « Bách-Khoa như người bạn già ít nói, người bạn không lớn tiếng về lập trường, về đường lối, nhưng toàn tập đọc xong là cảm thấy ngay đường đi nước bước... »

★

Hai năm qua, những lá thư hằng ngày gửi về tòa soạn, từ lời chân thật của một em học sinh ở Đô thành, đến ý sôi nổi nhiệt thành của một quân nhân miền biên giới, hoặc giọng trầm tĩnh thiết tha của một bực lão thành, ngoại tám mươi, thôn Vĩ-Dạ, đã là một nguồn khích lệ lớn lao cho Bách-Khoa vượt mọi trở lực mà cố gắng hơn nữa, và cũng là một nguồn nhận xét quí báu mà căn cứ vào đó Bách-Khoa sẽ tìm thấy đường lối cải tiến cho tờ báo của các bạn tươi hơn, sâu sắc hơn, phong phú hơn, đầy đủ hơn... như các bạn hằng nhắc nhủ.

Biết rằng nhiệt tình của các bạn bao giờ cũng là nguồn vui và sức mạnh giúp Bách-Khoa tiến tới và sự ủng hộ của các bạn sẽ làm cho tiếng nói của Bách-Khoa lan rộng thấm sâu, Bách-Khoa phấn khởi bước sang năm thứ Ba này với một niềm hân hoan và tin tưởng.

B. K.

BÁCH-KHOA hân hạnh trình bày cùng bạn đọc thân mến bộ biên tập và các bạn đã cộng tác với Bách-Khoa trong hai năm qua:

— Nguyễn-Phan-An
— Nguyễn-Văn-Ba
— Vũ-Quỳnh-Bang
— Mạc-Ly-Châu
— Tăng-Văn-Chỉ
— Đỗ-Trọng-Chu
— Hư-Chu
— Tiêu-Dân
— Vi-Huyền-Đắc
— Lan-Đình
— Nguyễn-Đồng
— Minh-Đức
— Thiên-Giang
— Bùi-Giáng
— Vũ-Hạnh
— Trần-Hà
— Vũ-Hân
— Yã-Hạc và Trịnh-Nguiên
— Quang-Huấn
— Phạm-Hoàng-Hộ
— Nguyễn-Trần-Huân
— Minh-Hữu
— Trần-Đức-Huyên
— Phan-Vọng-Húc
— Đông-Hồ
— Phùng-Bá-Khanh
— Hoài-Khanh
— Hoàng-Khanh
— Nguyễn-Huy-Khánh
— Trần-Văn-Khê
— Phan-Khoang
— Thái-Văn-Kiểm
— Vũ-Kỳ
— Huỳnh-Văn-Lang
— Phạm-Duy-Lân
— Nguyễn-Thiệu-Lâu
— Nguyễn-Hiến-Lê
— Nguyễn-Quang-Lệ
— Cô-Liêu
— Nguyễn-Anh-Linh
— Hoàng-Thái-Linh
— Bình-Nguyên-Lộc
— Huy-Lực
— Phạm-Hoàn-Mỹ
— Nguyễn
— *Tử-Quyên* Đặng-V -Nhâm
— Lưu-Nghi
— Diên-Nghị
— Trương-Uẩn-Ngọc
— Cô Thoại-Nguyên
— *Ngu-Í* Nguiễn-Hữu-Ngư
— Võ-Phiến
— Thuần-Phong
— Nguyễn-Phúc
— Huỳnh-Đức-Quang
— Nguyễn-Tử-Quang
— Lê-Văn-Siêu
— Đỗ-Tấn
— Diệu-Thanh
— Nguyễn-Huy-Thanh
— Phạm-Ngọc-Thảo
— Đoàn-Thêm
— Vũ-Văn-Thiện
— Bùi-Văn-Thịnh
— Võ-Thu-Tịnh
— Mặc-Thu
— Lê-Thương
— Ngụy-Tần-Thương
— Phạm-Thị-Khánh-Trang
— Bà Vân-Trang
— Phan-Văn-Trí
— Phan-Lạc-Tuyên
— Cô Mộng-Tuyết
— Huy-Trâm
— Lam-Việt
— Lê-Văn
— Đông-Xuyên
— Kiều-Yiêu

B. K.

DÂN SỐ VÀ KINH TẾ

HUỲNH-VĂN-LANG

Trong hai số trước (Bách - Khoa số 44 và 45), ông Nguyễn-Quang Lệ có đề cập đến vấn đề dân khẩu ở Việt-nam. Chúng tôi sẽ nói đến vấn đề dân khẩu trên thế giới một cách tổng quát để đặt một ít tiêu chuẩn chung mà so sánh hay nhận xét những tương quan giữa dân số và sự phát triển kinh tế ở Việt-nam.

*

Mực gia tăng dân số chỉ là hiệu số của số sanh và số tử. Ví dụ : mỗi năm mỗi 1000 người thì sanh thêm được 40 và chết đi 20 chục, thì mực gia tăng dân số là 20 °/₀₀ hay 2 % mỗi năm. Cho nên mực dân số gia tăng sẽ lên, nếu số sanh lên mà số tử không thay đổi, hoặc số sanh không thay đổi mà số tử giảm đi, hoặc số sanh xuống mà số tử lại xuống nhanh hơn. Trường hợp sau nầy là trường hợp chung cho thế giới hiện tại. Ở những nước Tây-Âu, Bắc-Mỹ, Úc... thì tuy số sanh thấp, nhưng số tử lại rất thấp và số thọ cao hơn. Ở các nước khác, Phi-châu, Đông-Âu và nhứt là Á-châu, thì số sanh đã cao — tuy gần đây có xuống chút ít — mà số tử lại giảm đi quá nhanh. (Bản 1 và 2)

BẢN I.

Sanh — Tử — Bách phân gia tăng dân số. (1954)

NHỮNG NƯỚC SỐ SANH THẤP					NHỮNG NƯỚC SỐ SANH CAO				
Tên Quốc-gia	Số sanh	Số tử	Bách phân gia tăng	Năm	Tên Quốc-gia	Số sanh	Số tử	Bách phân gia tăng	Năm
Gia-nã-đại	28.7	8.2	20.5	1951	Tân-gia-ba	48.9	9.3	39.6	1947
Mỹ	24.9	9.2	15.7	1950	Đài-loan	44.5	8.1	36.4	1940
Úc	22.5	9.1	13.4	1954	Mã-lai	43.8	12.2	31.6	1947
Ý	17.9	9.2	8.7	1951	Tích-lan	36.2	10.4	25.8	1953
Pháp	18.8	12.0	6.8	1946	Đảo Maurice	41.3	16.	25.30	1952
Anh	15.6	11.4	4.2	1951	Madagascar	33.	13.	20.00	

Để hiểu rõ hơn, ta nên lấy ra mỗi nhóm một nước để so sánh số sanh số tử, trong 25 năm qua :

BẢN II.

	NƯỚC ANH		NƯỚC TÍCH-LAN	
Năm	Số sanh	Số tử	Số sanh	Số tử
1920-24	21.7	12.5	38.5	28.9
1925-29	17.6	12.5	40.6	24.9
1930-34	15.8	12.2	37.8	22.4
1946	19.4	12.1	38.4	20.3
1947	20.7	12.4	39.4	14.3
1948	18.1	10.9	40.6	13.2
1949	17.	11.7	39.9	12.6
1950	16.3	11.7	40.4	12.6
1951	15.8	12.6	40.5	12.9
1952	15.7	11.4	39.5	12.
1953	15.9	11.4	39.4	10.9
1954	15.6	11.4	36.2	10.4

Một điều khác cũng đáng lưu ý, là mỗi lần sau chiến tranh — mực gia tăng dân số lại lên, như nước Pháp trước Đại-chiến thứ nhất (1914-18) mực gia tăng dân số hằng năm chỉ có 0.18 % (1911) và sau lại lên 0.55 % (1921) ; trước Đại-chiến thứ hai, 0.03 % (1936) và 0.34 % (1956) sau chiến tranh. Các nước khác cũng như thế hay gần như thế cả, trừ ra nước Nhật, sau Đại-chiến thứ hai này thôi. Cho nên số người chết vì chiến tranh chỉ trong một thời gian ngắn là không còn dấu vết nữa.

Vì những lẽ nói trên mà dân số trên thế giới gia tăng một mực đáng lo ngại. (Bản 3)

BẢN III.

Dân số thế giới trong 300 năm qua.

1650	470	triệu
1750	700	»
1850	1,090	»
1950	2,450	»

Và đến năm 1980, dân số thế giới sẽ lên đến 3.500 triệu, theo sự dự đoán của Liên-hiệp-quốc. Trong khoảng 2 thế kỷ 1650 - 1850, dân số thế giới gia tăng gấp đôi, và chỉ trong một thế kỷ sau 1850 - 1950 dân số thế giới lại gia tăng gấp đôi một lần nữa. Hơn nữa, chỉ trong 30 năm tới đây (1950-80) cái số người gia tăng sẽ bằng dân số thế giới trong năm 1850, nghĩa là trên 1.000 triệu người. Và đến năm 1980, nội dân số Á-đông — kể cả phần Đông Nga — sẽ gần bằng cả dân số thế giới trong năm 1950 (Bản 4)

BẢN IV

Ước lượng dân số thế giới năm 1980. (Từng triệu)

Địa phương	1950	1980		
		Đa	Trung	Thiểu
Thế Giới	2.454	3.990	3.628	3.295
Phi-châu	198	327	289	255
Mỹ-châu	330	577	535	487
Á-châu	1.320	2.227	2.011	1.816
Âu-châu	593	840	776	721
Úc-châu	13	19.2	17.5	16.1

Và nếu cái mực gia tăng hiện giờ — từ 1,5% đến 1,6% hằng năm — tiếp tục mãi thì chỉ trong 600 năm nữa là người ta sẽ tràn ngập cả mặt đất, mỗi người chỉ còn lối một thước đất vuông (1m2) để đứng.

*

Trong thời gian, dân số thế giới gia tăng một mực rất nhanh và rất đều. Nhưng trái lại sự phân phối dân số trong không gian thì lại hết sức chênh lệch, chẳng những là giữa các nước với nhau mà còn trong các miền ở mỗi một nước là khác (trừ một số ít nước). (Bản 5)

BẢN V

So sánh mật độ dân số trong một ít nước (1954)
(Từng cây số vuông Km2)

QUỐC GIA	DÂN SỐ	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ
Nhật	83.418.685	369.782 km 2	238
Ấn-độ	356.879.394	3.288.375 —	115
Đài-loan	5.872.084	35.961 —	240
Maroc	7.442.110	390.800 —	21
Madagascar	4.566.107	589.840 —	8
Ai-cập	19.021.840	1.000.000 —	20
Bỉ	8.512.195	30.507 —	289
Pháp	42.843.520	551.255 —	78
Ý	47.032.271	301.191 —	158
Anh	50.225.224	244.015 —	245
Thụy-điển	7.041 829	449.200 —	16
Gia-nã-đại	14.009.429	9.960.547 —	2
Mỹ	150.697.361	7.827.976 —	21
Ba-tây	51.976.357	8.513.844 —	7
Haïti	3.097.304	27.750 —	126
Úc	8.986.529	7.703.867 —	1
Lào	1.360.000	237.000 —	6
Cam-bốt	4.100.000	175.000 —	23
Việt-nam	26.000.000	329.600 —	79

Sự phân phối dân số giữa thành thị và đồng ruộng của các nước cũng khác xa nhau. (Bản 6).

BẢN VI

Bách phân dân số thành thị và đồng ruộng

Quốc gia	Thành thị	Đồng ruộng	Quốc gia	Thành thị	Đồng ruộng
Mỹ	64.	36.	Thái-lan	9.9	90.1%
Gia-nã-đại	61.6	38.4%	Hồi-quốc	11.4	88.6%
Bỉ	62.7	37.3%	Tích-lan	15.4	84.6%
Tây Đức	68.6	31.4%	Nam-Tư	16.2	83.8%
Đan-mạch	65.1	34.9%	Hàn-quốc	19.6	80.4%
Anh	80.8	19.2%	Haïti	12.2	87.8%
Úc	68.9	31.3%	Maroc	18.5	81.5%

Ngoài sự phân phối dân số về địa dư, còn có sự phân phối giữa đàn ông đàn bà, theo trình độ học thức và nhứt là theo tuổi tác. Ở đây ta nên đặc biệt lưu ý đến sự phân phối theo phương diện sau này. Ta thử lấy ra một nước tương đối kém mở mang Ba-Tây 51 triệu dân — và một nước mở mang — Anh, 50 triệu dân — cùng một dân số tương đương nhau, để so sánh sự phân phối về tuổi tác, thì ta sẽ thấy một sự khác xa nhau lạ thường. (Bản 7).

BẢN VII

Phân phối tuổi của 2 nước Anh và Ba-Tây.

	NƯỚC ANH	NƯỚC BA-TÂY
. . . . . 15 tuổi	23.5 %	45. %
từ 16 — 30 »	21.8 %	31. %
» 31 — 45 »	22. %	13.7 %
» 46 — 60 »	18.5 %	7.7 %
» 61 — 75 »	8.7 %	2. %
» 76 —	5.5 %	0.6 %
	100. %	100. %

Nước Ba-Tây quá nặng khoảng đầu, trong khi nước Anh hơi nặng khúc đuôi một chút. Nhưng ta thấy nước Anh mạnh ở khoảng giữa rõ rệt, (từ 15 đến 60 tuổi) 62.3%, trong khi ở Ba-Tây, chỉ có 52.4 %, nghĩa là phần dân số sản xuất được ở Ba-Tây kém hơn những 1/6, như sẽ nói sau.

*

Trong đoạn này, chúng tôi chỉ nêu ra những đặc điểm của vấn đề dân số trong các nước. Chúng tôi có ý lựa ra những nước, với những con số thống kê... mà nhiều nhà kinh tế đã tìm hiểu những sự liên đới giữa dân số và sự phát triển kinh tế, nhứt là đặc biệt so sánh giữa những nước kém mở mang và những nước đã mở mang. Và từ đó, chúng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu vấn đề dân số ở Việt-nam, trong những liên quan của nó với sự phát triển kinh tế nước nhà sau này.

(Còn tiếp)

HUỲNH-VĂN-LANG

Chú thích.— Các thống kê trong bài này đã lấy trong những tài liệu về dân số các nước của Liên-hiệp-quốc (ONU), nhứt là quyển Demographic Yearbook 1955, U.N. New York 1955.

Vì các tài liệu tham khảo rời rạc, tác giả phải chắp nhặt mỗi nơi một ít nên nhiều con số thống kê ghi lại trong bài đôi khi không ăn khớp với nhau, mong bạn đọc thứ lỗi cho.

KHÁI NIỆM VỀ DÂN CHỦ

DÂN CHỦ LÀ GÌ?

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)

2.— Hai cách thức biểu hiện dân chủ: hai quan niệm dân chủ

A.— Hai triết lý

Trong bài trước bàn về cảm niệm tự do, chúng tôi đã nói lý tưởng dân chủ, dù là dân chủ cổ điển hay dân chủ mác-xít, xét cho sâu xa, đều phát nguyên từ một nguồn cảm niệm, đó là cảm niệm tự do. Song cảm niệm ấy khi nó thể hiện ra thành hình một cơ chuẩn chính trị hay xã hội nào thì nó phải khuất chiết, uốn cong mình qua một quan niệm về nhân sinh và về vũ trụ, nghĩa là qua một triết lý. Vậy, như ta đã biết, hai triết lý, hai nhan sinh quan và vũ trụ quan hiện đang đối lập nhau quyết liệt và chia thế giới ra làm hai phe, chính là triết lý duy thần (hay duy linh) và triết lý duy vật vậy.

Quan niệm duy thần, về đại thể, là quan niệm cổ truyền của các chế độ dân chủ Tây-phương. Nguồn gốc các lý tưởng của quan niệm trên rất phức tạp. Nguồn gốc ấy gồm một số các quan niệm tôn giáo phát sinh tự cổ Do-thái và hoàn kết trong Phúc-Âm; một số các quan niệm duy lý duy thần (vì cũng có những quan niệm duy lý duy vật), cá nhân chủ nghĩa và tình cảm chủ nghĩa; lại cũng gồm thâu cả xã hội không tưởng chủ nghĩa, và nói chung, gồm hầu hết các triết lý có khuynh hướng duy thần. Theo các quan niệm trên thì tự do vốn cố hữu với bản chất con người, con người sinh ra vốn có tự do và con người sở dĩ gọi là con người chứ không phải con vật chỉ bởi tại có tự do đó thôi. Tự do ấy có một giá trị trường cửu, bất diệt, không gì so sánh được: người ta có thể cải thiện điều kiện hành sử cho tự do, nhưng tự do bao giờ cũng phải được tôn trọng: người ta không thể giày xéo tự do mà bảo là phụng sự tự do, dù chỉ giày xéo trong một giai đoạn và với mục đích mở rộng tự do.

Quan niệm thứ hai cũng phát nguyên từ lâu đời, song bước tiến triển của nó tiềm ẩn qua các thế kỷ Ki-tô giáo và mãi tới thế kỷ XVIII mới mở đường cho Rút-xô và cuộc cách mệnh Pháp năm 1793 đi tới một xác định cụ thể và hoàn kết trong chủ nghĩa Mác-xít. Quan niệm này coi tự do là một cái gì phải chinh phục mới có, và chỉ có ở trong tương lai. Người ta không thể nào có tự do trước khi dùng khoa học và Cách mệnh xã hội mà bẻ gãy các xiềng xích của các quyết định thiên nhiên hiện đang trói buộc mình. Bởi đấy, điều cần thiết không phải là tôn trọng những tự do ảo tưởng, đặc quyền của một thiểu số, mà là tạo ra bằng mọi cách kể cả sự cưỡng bách, những điều kiện để giải phóng con người.

Nếu muốn dùng hai châm ngôn để qui kết hai quan niệm thì châm ngôn của quan niệm thứ nhất là : « *dùng tự do để đưa tới chỗ được tự do hơn* » và châm ngôn của quan niệm thứ hai là : « *dùng giải phóng để đưa tới chỗ được tự do thật.* »

Xem thế đủ biết, phát nguyên từ một cảm niệm, cảm niệm tự do, dân chủ đã phân rẽ ra làm hai ngành, tùy theo khuất chiết qua quan niệm duy thần hay duy vật, qua nhân sinh quan, vũ trụ quan này hay nhân sinh quan, vũ trụ quan kia. Dân chủ, về cảm niệm thì chỉ có một, mà khi biểu hiện, phô diễn, lại hóa ra hai vậy.

B.— Hai cơ chuẩn của các định chế chính trị.

Cố nhiên là trên địa hạt tổ chức quốc gia và xã hội, mỗi cơ chuẩn dân chủ kéo theo sau chúng hai cơ chuẩn chính trị khác nhau, và giải quyết ba vấn đề thiết yếu trong công cuộc tổ chức xã hội khác nhau, đó là vấn đề *tổ chức chính quyền*, vấn đề *tự do công bảo* và vấn đề *quan hệ giữa Nhà nước và kinh tế*.

1.— Vấn đề tổ chức chính quyền.

Về điểm này, ta có thể nói tất cả mọi chế độ dân chủ cổ điển đều căn cứ trên những nguyên tắc chính trị - pháp lý có khuynh hướng muốn thực hiện những sự quân bình rất khó thực hiện, là dung hòa trật tự và tự do : quân bình giữa nhu yếu cầm quyền và nhu yếu đồng hóa kẻ thống trị với kẻ bị trị (chế độ đại nghị) ; quân bình giữa các cơ quan chính quyền (chế độ phân quyền và chế độ lưỡng viện) ; quân bình giữa quyền uy của đa số và quyền hạn của thiểu số (nguyên tắc hiến tính và lý thuyết nhân quyền).

Trái lại, các chế độ dân chủ không phải cổ điển — bởi chỉ lưu tâm đến việc tạo ra điều kiện cho tự do phát hiện mà không lưu tâm đến việc tôn trọng tự do hiện nay chưa có hay chỉ mới có một cách khuyết thiếu — lại có khuynh hướng muốn thiết lập một chính quyền có tác động mạnh hơn. Bảo đảm cho tự do là ở chỗ chính quyền có hiệu năng hay không, chứ không phải ở chỗ lấy sự dung hòa củng cố chính quyền. Chỗ mà dân chủ cổ điển phân biệt và phân chia để dung hòa thì dân chủ không phải cổ điển lại dung hợp và trộn lẫn : trộn lẫn chính quyền, đồng hóa lãnh tụ, Đảng và quần chúng, bài xích tất cả những cách biện biệt luật pháp về hình

thức, v. v... Chính là khi dung hợp và trộn lẫn như thế, chính quyền lần lần sẽ đi tới chỗ suy yếu, rồi biến đi và đương nhiên đạt tới chế độ vô chính phủ vậy.

2.— Vấn đề tự do công bảo

Vấn đề thứ hai, các chế độ dân chủ phải giải quyết là vấn đề các tự do công bảo, các tự do của người công dân được bảo đảm.

Theo quan điểm của chế độ dân chủ cổ điển thì tự do công bảo là những tự do vốn có một giá trị thực tại và tuyệt đối, đảm bảo cho người công dân được hưởng những quyền cá nhân bất khả xâm phạm của mình. Nhưng cách kiểm sát a priori (như kiểm duyệt trước rồi mới cho xuất bản, xin phép trước rồi mới được thi hành) đều phải loại trừ, không kể một vài trường hợp đặc biệt. Kiểm sát, trên nguyên tắc, chỉ có thể a posteriori và phải giao cho các tòa án trách vụ trừng trị những vi phạm đã dự liệu một cách phân minh bằng những bản văn phát xuất tự quyền lập pháp. Trên địa hạt tư tưởng và nhất là địa hạt phát biểu tư tưởng, chủ nghĩa tự do thường khi đi tới chỗ cực độ, đến nỗi coi tất cả mọi ý kiến dù trái nghịch với lý tưởng dân chủ cũng có thể được tự do phát biểu, miễn là không có tính cách phỉ báng và trực tiếp xúi giục người ta hành động bất hợp pháp thì thôi.

Trái lại trong quan niệm thứ hai, điều phải quan tâm đến trước hết là tự do mai sau và phải tránh, không để cho sự hành sử tự do hiện tại phương hại tới tự do mai sau và cho những tự do công bảo có thể trở thành một phương tiện chống đối lại trật tự cần phải thiết lập. Nhà nước có bổn phận canh chừng, không cho người ta phá hoại dân chủ và giám thị kẻo người ta hành sử tự do mà gây bất lợi cho lý tưởng cần phải thực hiện. Nhiều khi còn phải đi xa hơn nữa và phải coi dân chủ là chế độ của đa số, nên phải hạn chế tự do của thiểu số vì thiểu số có thể dùng cách chỉ trích, sàm báng gây nguy hại cho công cuộc thực hiện ý chí của đa số.

Trên điểm này, đối lập giữa hai quan niệm rất là rõ rệt. Trong quan niệm thứ nhất, người ta coi ý kiến của đa số chỉ có giá trị khi nào nó phát xuất tự một bầu không khí hoàn toàn tự do và chính vì vậy mà nó không thể đi tới chỗ tiêu trừ tự do là điều kiện cốt thiết khiến nó trở nên chân chính. Đối lập không những là một quyền của thiểu số mà còn là một thứ công quyền có mục đích soi sáng, mở mắt cho đa số, như tại nước Anh, trong Hạ nghị viện, chức vụ « *lãnh tụ đối lập của Anh hoàng* » có một tính chất quan thức và được hưởng lương bổng đặc biệt. Trái lại quan niệm thứ hai cho rằng một khi ý chí của đa số xuất phát rồi thì ý chí ấy phải được thực hiện, không thể để cho thiểu số chỉ trích hoài và lúc nào cũng có thể đem ra đặt lại được mãi.

Đối lập giữa hai quan niệm thường thấy phô diễn trên nhiều địa hạt khác nhau, từ tự do ngôn luận trên báo chí cho đến tự do phát biểu ý kiến trên diễn đàn các nghị hội.

Ở đây, ta lại thấy phát hiện rõ mối xung đột giữa *tự do* và *bình đẳng*. Nguyên bởi sự kiện tự do có thể đưa

người ta tới chỗ tận dụng khả năng để phát triển tới cùng độ những thiên tư của mình, người ta đã thấy tự do là nguồn mạch của những tệ đoan bất bình đẳng, vì xã hội nào mà chẳng gồm những người giỏi người dốt, người thông người ngu : người giỏi bao giờ chẳng hơn người dốt ; người thông bao giờ chẳng được ưu đãi hơn người ngu, mà người này dốt, người kia ngu có phải bao giờ cũng là lỗi tự họ đâu. Trái lại, một xã hội chủ trương bình đẳng lúc nào cũng trông chừng cẩn mật, không chịu để cho sự hành sử tự do có thể biến thành một bức thang cho một số người leo lên cao hơn một số người khác và vì vậy mà xã hội ấy tất phải đi tới chỗ hạn chế tự do. Từ Mông-tết-qui-ơ đến Bec-tơ-răng đơ Giu-ve-nen (Bertrand de Jouvenel) qua Pơ-rê-vôt, Pa-ra-đôn (Prévost — Paradol), ai nấy đều nhận thấy quần chúng thường ưa được bình đẳng hơn là ưa được tự do, và chính Bec-tơ-răng đơ Giu-ve-nen đã từng nói rằng « tự do chính thật bắt rễ từ nơi quí tộc, chứ không phải từ trong đám lê dân. »

3.— Vấn đề quan hệ giữa Nhà nước và Kinh tế

Vấn đề thứ ba dân chủ cần phải giải quyết là vấn đề quan hệ giữa Nhà nước và nền kinh tế của quốc gia.

Quan niệm dân chủ thứ nhất cho rằng ảnh hưởng các hiện tượng kinh tế tới các điều kiện hành sử quyền tự do cá nhân dù lớn lao đến đâu cũng không thể khiến cho tự do trong chế độ tư bản chủ nghĩa hay bán tư bản chủ nghĩa phải tiêu tán mất. Thế lực của kim tiền và thế lực kinh tế, chính trị của các tờ rớt không phải là không có, nhưng rút cuộc tuyên truyền và hành động của các thế lực trên sẽ đi tới chỗ thất bại. Cứ để cho mọi sự được tự do diễn biến trong cạnh tranh và cứ để cho các quyền lợi tư nhân phát triển, và đi tới chỗ xung đột nhau, tự do tự nhiên sẽ phát hiện ; chứ kỳ vọng vào một chế độ hoàn toàn tập sản hóa trong đó tất cả mọi phương tiện biểu diễn tư tưởng đều bị xã hội hóa cùng trở thành tuyên truyền một chiều và đều nằm trong tay một bọn cầm quyền, là điều nguy hiểm. Không ai chối cãi kinh tế ảnh hưởng tới chính trị, nhưng thà sinh hoạt trong một nền kinh tế cạnh tranh mà mọi người còn được tự do phát biểu ý kiến và tự do thành lập chính đảng, vẫn dễ chịu hơn là sinh hoạt trong một nền kinh tế mà Nhà nước nắm giữ độc quyền tất cả mọi sự, về kinh tế cũng như về tư tưởng. Đó chính là điều ông Daniel Villey thực muốn nói ra, khi ông viết : « Tôi không chắc tôi có ưa Nha nước hơn *một tờ-rớt* không, nhưng tôi chắc tôi ưa *hai tờ-rớt* hơn Nhà nước. »

Quan niệm trên thế tất đưa người ta tới chỗ khước từ tất cả những công cuộc cải tiến nào xét ra về phương diện kinh tế tuy có lợi, nhưng về phương diện tự do, lại ra chiều bó buộc, với chủ ý tăng cường thế lực của Nhà nước, khiến cho mọi phương tiện tuyên truyền và hành động trở thành món độc quyền của Nhà nước hay khiến cho quốc dân trở thành những kẻ làm công cho Nhà nước hết cả. Tình trạng bất an và khiếm khuyết của nền kinh tế, theo quan niệm này, là những hậu quả không thể tránh được, khi người ta muốn được hưởng một chủ nghĩa tự do kinh tế, điều kiện

cốt thiết để đi tới một chủ nghĩa tự do chính trị. Hay nói một cách khác : muốn được tự do về kinh tế để rồi được tự do về chính trị thì phải coi bất an, khiếm khuyết là chuyện tất nhiên, và phải rán chịu, vì không làm thế khác được.

Trái lại, quan niệm dân chủ thứ hai cho rằng các tự do công bảo chỉ là bánh vẽ đối với quần chúng và chính vì muốn thực hiện tự do chân thực cho họ mà cần phải trao nền kinh tế cho Nhà nước nắm giữ. Có được thế đoàn thể mới tạo ra được những điều kiện cụ thể cho việc hành sử tự do và khiến tự do không còn là món dành riêng cho một thiểu số được ưu đãi, mà trở thành món hưởng dụng của toàn thể quốc dân. Quan niệm trên đặt dân chủ kinh tế và xã hội làm căn bản cho dân chủ chính trị ; vì vậy đối với họ, dân chủ = xã hội chủ nghĩa.

4.— Kết luận

Do những nhận xét trên, ta có thể chứng minh trên nhiều điểm (tuyên truyền, chính đảng, giáo dục), rằng tùy theo quan niệm về tự do và về nhân sinh quan, vũ trụ quan, mà người ta đi tới cơ chuẩn chính trị này, hay cơ chuẩn chính trị kia.

Như giáo sư G. Vedel đã viết một bài đăng trên tạp chí Etudes, số tháng giêng năm 1946, trong đó có đoạn như sau : « Tự lý tưởng dân chủ, có hai con sông phát nguyên và phân tán ra : Con sông thứ nhất dẫn tới những chính thể đại nghị ôn hòa tự do, rất e ngại sự Nhà nước nắm giữ các giường mối trong cuộc sinh hoạt kinh tế, có khuynh hướng tôn trọng tự do, coi tự do là một giá trị hiện hữu, người ta đã thể hiện nó và đã sống bằng nó tự lâu đời rồi. Con sông thứ hai dẫn tới những chính thể dân chủ trực tiếp, theo xã hội chủ nghĩa, và tổ chức quốc gia theo kế hoạch, có khuynh hướng trông về tự do mai sau và về công cuộc giải phóng con người để thực hiện tự do. »

C. — *Thực tế với lý thuyết*

Trong bài này, chúng tôi cố gắng diễn tả hai khuynh hướng, hai trào lưu dân chủ mà vẫn tự biết dù cố gắng thế nào cũng không thể đem lại một hình dung đúng với thực tế trăm phần trăm. Hai khuynh hướng, hai trào lưu khác biệt hẳn nhau trong những nét đại cương, song nhiều khi những biến thiên, những ngẫu nhĩ trong hoàn cảnh sinh hoạt thực tế đã khiến cho những nét đại cương ấy khó giữ được đường kẻ thẳng tắp mà không bị uốn cong, nghiêng lệch theo chiều ngược hẳn.

Đó là chưa kể điều mà ta thường nhận xét thấy là khi các đảng phái hoặc các chính trị gia nêu lên một vấn đề chính trị nào thì thường hay cố công cùng sức khoa trương lý thuyết để thuyết phục cho được nhiều người nghe theo. Trong khi nỗ lực tuyên truyền như vậy, đảng phái hoặc chính trị gia ít khi chịu trình bày tất cả chủ trương chính trị của mình có thể gồm những điều lợi ích, mà khi xét cho cùng sẽ thấy mâu thuẫn nhau, chối bỏ nhau. Thí dụ đảng viên của một đảng dân chủ tự do khi thuyết minh đảng mình bài trừ chế độ độc tài Nhà nước, thì không hề bao giờ chịu đả động đến sự khống chế của thế lực kim tiền trong

cuộc sinh hoạt chính trị quan trọng thế nào. Hoặc đảng viên của đảng cộng-sản khi thuyết minh về các lợi ích của chủ trương đảng cũng không hề bao giờ chịu nói trắng cho mọi người rõ những câu thúc, cưỡng bách sẽ khó chịu ra sao. Từ sau cuộc đại chiến thứ hai, nhiều nước tây phương đã lao mình vào con đường tập sản chủ nghĩa mà không đo lường những hậu quả sẽ xảy ra cho mình về phương diện chính trị, khi hành động táo bạo như vậy.

Khoa ngôn ngữ chính trị gồm nhiều phương thức, có thể dung hòa được những thứ không sao dung hòa được, vì trên giấy tờ, ai muốn vẽ rồng, vẽ rắn gì mà chẳng được. Như ta thường thấy, người ta nói « thực hiện ý chí của đa số mà vẫn tôn trọng quyền lợi của thiểu số », hoặc « kiểm duyệt báo chí mà vẫn bảo đảm được tự do ngôn luận » và tuyệt nhiên không hề nghĩ rằng : trong câu nói của người ta, vế trên thế tất phải loại trừ vế dưới, hoặc vế dưới thế tất phải loại trừ vế trên.

(Viết đến đây, chúng tôi chợt nghĩ đến phương thức của người Pháp đề nghị với dân Việt-Nam cách đây năm, sáu năm, phương thức ấy trước đây có thể khiến chúng ta bực tức, nhưng ngày nay chỉ khiến chúng ta mỉm cười : Việt-Nam « *độc lập* », nhưng độc lập « *trong* » Liên - hiệp Pháp. Chúng tôi nhắc lại phương thức ấy là cốt để làm sáng tỏ thêm ý tưởng của chúng tôi ở đoạn này.)

Vậy nếu ta xét hình thức bề ngoài và tư tưởng người ta thường biểu diễn ra một cách công khai thì ta thấy cuộc sinh hoạt chính trị của một chính thể dân chủ cổ điển đối chiếu với sinh hoạt chính trị của một chính thể dân chủ không phải cổ điển, không có gì là cách biệt nhau lắm. Song nếu xét từ những danh từ, lý luận bề ngoài, mà đi lần lần xuống những lý do thâm viễn đã khiến cho những tin tưởng cùng định chế chính trị bén rễ thật sâu bên dưới, ta sẽ thấy hiển hiện rõ rệt sự dị đồng căn bản giữa hai quan niệm về vũ trụ và nhân sinh.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

Kỳ sau : Dân chủ thật và dân chủ giả.

Đính chính

Bách-Khoa, số 48 ngày 1-1-1959, « Khái niệm về dân chủ », trang 11 cột 2, dòng 31. Thay vì : ... Cứu cánh sau hết của dân chủ chính là sự đồng hóa những kẻ thống trị *bởi* những kẻ bị trị. . Xin đọc là : Cứu cánh sau hết của dân chủ chính là sự đồng hóa những kẻ thống trị *với* những kẻ bị trị.

Danh ngôn, danh lý

TINH THẦN KỶ LUẬT

★ Những cái làm cho người ta thuận theo kỷ luật là tinh thần lợi ích chung, tinh thần danh dự chung, tinh thần sự nghiệp chung. Phải có những tinh thần ấy, kỷ luật mới không tiêu trừ hay làm suy yếu sáng kiến của các phần tử trong tổ chức. (Cha Sertillanges)

TRIẾT-HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

THIỆN-THI

LẮM kẻ, động nhắc đến hai chữ « triết lý », vội liên tưởng tới ngay một môn học gì trừu tượng, viển vông, huyền hoặc, riêng dành cho hạng người rỗi giờ ngồi vẽ voi, thừa tiền mua pháo đốt. Theo họ, giữa thế giới văn minh này mọi giá trị phải được đo lường bằng hiệu quả tay sờ mắt thấy ! Óc thực tế trước hết ! Sống, đối tượng tiên khởi ! Triết gia sẽ đem lại gì cho xã hội, nếu không ngoài một mớ tư tưởng suông ?

Có lẽ cũng một phần vì thành kiến đó mà ngành « Triết » tại nước nhà chỉ lẻ tẻ được vài sinh viên theo học, đang khi Y và Luật hấp dẫn một con số tương đối đông đảo.

Nhưng quan niệm như trên, người ta đã hoàn toàn ngộ nhận ; hoặc lầm lẫn triết học với một vài diện mạo triết gia, tìm thú tiêu dao ở gọt dẽo và dàn bày lý sự ; hoặc đồng nhất nó với một vài sản phẩm triết lý tiên thiên nào đấy.

★

Cứ sự thực ẩn tàng nhưng sâu sắc, « *triết học chỉ có thể đội danh Triết-Học khi dí sát, để tìm hiểu và phục vụ sự sống* ». Ngoài nhãn giới đó, ta chỉ gặp những hệ thống triết lý hư danh. Vậy tất cả vấn đề ở chỗ biết cách quan niệm nhân sinh — vì đã hẳn sự sống nói đây là sự sống loại biệt của con người — và khám phá ra diện mạo chân thực của môn « triết ».

★

Đề khai mào, sự sống có thể xác định bằng cảm quan và ý thức. Cảm quan và ý thức đặt ta đứng trước thực tại : - thực tại chính bản thân, thay đổi tùy thời gian cảnh huống, song tựu trung vẫn trước sau duy nhất ; thực tại thiên hình vạn trạng của thế giới ngoại vật, đảo lộn quay cuồng, luôn giây biến hóa, nhưng vẫn trong nề nếp một định luật nào bí ẩn ; đồng thời ta cũng nhận thức dây liên lạc nối ta cùng ngoại giới : cá thể biệt lập và độc đáo giữa muôn vàn, ta vốn có trong vũ trụ, ít là một vị trí.

Ở giai đoạn sơ thủy nói trên, đơn thuần thay biểu hiện sự sống ! Ngoài những điều kiện tối thiểu đó, thực tại con người sẽ tan biến, nhường chỗ cho khoáng vật hay cây cỏ ; với chúng, nền móng được kiến tạo cho tòa nhà nhân bản xây lên ; chúng là nguyên liệu, là dự kiến đệ nhất của hết mọi ý niệm, tư tưởng muốn thành hình.

Chính vì lý do ấy, chúng đồng thời cũng làm nền tảng cho lâu đài triết học.

Biên cương triết học hàm chứa vũ trụ bao la các hữu thể, tất cả những gì quả quyết dù chỉ một mảy may sự hữu. Trong mỗi vật, triết học nhắm lĩnh hội chính cái thực tại cấu kết nên nó, một cái gì trong nó rắn chắc uyên nguyên đến nỗi, giả thử ngày nào cái ấy mất đi, nó chỉ còn là hư vô và trống rỗng. Nhưng lĩnh hội hay hiểu biết đâu phải là tác tạo đối tượng ; mà khuôn đúc trí khôn theo thực tại hiện hữu ở ngoài ; nói cách khác, làm sao cho ý niệm bình phương cùng thực thể. Muốn vậy, trước hết và cần thiết phải có một cuộc trực giao với thực thể, để trước hết ý thức sự hữu diện của đối tượng, kế đó bàn hỏi nơi đối tượng thực tại nó hàm chứa, sau cùng bảo đảm tính cách chân minh của hoạt động hiểu biết. Riêng với trí khôn mặc thể, trực giao cùng sự vật sống động, nhất thiết phải cần nhờ ý thức và cảm quan. Vẫn hay, ý thức cũng như cảm quan chỉ dẫn ta tới hiện tượng, và đó là nhược điểm của loại hiểu biết bằng lý trí. Tuy nhiên, hiện tượng lệ thuộc và mạc khải bản tính ; mặt khác, duy có chúng khả dĩ kiểm điểm được, nên, dựa vào chúng để khởi hành là điều kiện không thể tránh của hoạt động lý trí dã hẳn, song còn là con đường độc nhất để lý trí thấu đạt thực tại.

Triết học vươn lên rất cao nhưng vẫn vững chãi trong đà tiến... Ấy chính vì triết học biết khởi hành từ rất thấp. Để khám phá ra cái cơ cấu siêu hình kết thành thực tại, triết học đã nhờ sự cộng tác của giác quan và ý thức sống. Ngoài thái độ nhún nhường thiết yếu ấy, môn triết sẽ có thể, ngay từ khởi điểm, khiếm khuyết đối tượng, biệt lập khỏi thực tại.

★

Nhưng sự sống « con người » không dừng lại ở cảm quan và ý thức. Cảm quan hay ý thức chỉ mới cống hiến các dự kiện, các vật đích, các đề tài suy tưởng ! Chính sự suy tưởng mới là hoạt động cốt yếu, nhu cầu loại biệt. Nhu cầu này bắt rễ từ nhân tính, và diễn đạt qua những câu hỏi dồn dập nảy ra trong trí, mỗi lần một đối tượng đến trình diện. Do đó, cũng dễ hiểu cái thị hiếu — mãnh liệt thúc bách — ta gọi là tính « tò mò » muốn xem, muốn biết, ước vọng vô biên, biết cho thật nhiều mà không bao giờ thỏa. Sơ phớt điều này, các cha mẹ thường đâm ra bẳn gắt khó chịu, mỗi lần con cái họ nài xin cắt nghĩa cho chúng tất cả những gì chúng mắt thấy tai nghe... Chúng sẽ chưa mãn nguyện bao lâu người ta chưa cho chúng rõ « cái đó là cái gì ? làm bằng gì ? ai làm ra ? dùng để làm gì ? » Chúng không ngờ khi buột miệng đặt bốn câu hỏi giản dị

như thế, chúng đã sớm biểu lộ một bộ óc triết học đi trước tuổi !... Thì có gì đâu ! Ai nấy đều khả dĩ hàm chứa một khiếu năng khoa học, nghệ thuật, văn chương v..v... nhưng trong hết mọi con người bất luận, « luôn luôn và nhất thiết tiềm tàng mầm giống triết học... » Bởi vì, bên phía chủ thể, triết học chỉ cốt khai thác đến mức cùng những chiều hướng tự nhiên của tư tưởng. Quả thực, bốn câu hỏi thô sơ trên kia, triết học sẽ đặt lại một cách phân minh và ý thức hơn, trên một bình diện cao và sâu hơn — cái đó đã hẳn — nhưng triết học chỉ làm có thế. Triết học ra đời chẳng qua để phúc đáp nhu cầu hiểu biết nó là sự sống chiếu theo nhân tính của con người muôn thuở. Nhu cầu ấy không chịu ngừng lại trên những giải quyết — thực tế và hữu ích thì vẫn có — nhưng luôn luôn phân diện, tạm thời, mà các khoa học dưới thường trình bày về sự vật. Các khoa học này chỉ cắt nghĩa được những hiện tượng biệt lập tách khỏi chủ thể (ta hãy nghĩ tới đối tượng mô thức của lý hóa sử địa chẳng hạn), chứ không đi sâu vào thực hữu nòng cốt, cái người ta gọi là cơ cấu siêu hình của mỗi vật ; một nhiệm vụ dành riêng cho ngành khoa học tối cao, lần này mới xứng đáng danh nghĩa khoa học : Triết Học.

Chưa cập bờ triết học, tư tưởng của ta vẫn mãi còn thèm khát tuổi trưởng thành. Và khi nghĩ đến câu định nghĩa bóng bẩy của Pascal : « Con người là một cây sậy biết tư tưởng », ta không khỏi đâm ra trầm mặc !

✶

Tuổi trưởng thành mà triết học mang lại cho tư tưởng, đó là sự thấu triệt — không phải ít nhiều lý do — mà các nguyên nhân tối cao cấu tạo nên mỗi vật, mỗi vật trong ấy phải kể con người nữa, nhất là con người ! Tham vọng của triết học bao la như vũ trụ hữu thể. Nói rằng triết học chỉ đặt ngoài nhãn giới duy có hư vô, tức cũng như nói, triết học không loại trừ gì hết. Tuy nhiên, triết học không khệ nệ ôm đồm, vì không phải là tổng hợp các thứ khoa học có thể có, một cái gì tỉ như cuốn bách-khoa tự điển.

Bộ môn nào có góc nhìn của bộ môn ấy... Góc nhìn của triết học đâm sâu vào nòng cốt sự vật, « Hữu Thể », cái cắt nghĩa tất cả, mà không gì cắt nghĩa được nó, vì ngoài hữu thể ra, còn có gì nữa ?

Chính bởi vậy mà, qua các môn học lấy con người làm đối tượng, duy có triết học khả dĩ sờ đụng tới sự sống uyên nguyên nhất, tuy vẫn hàm súc bao tỏa nhất : nhân sinh mãi dưới hạ tầng cơ sở song nâng đỡ cả tòa nhà, thực tại vừa then chốt vừa lan tỏa, thấm nhập.

Nói đến sự sống, tự nhiên người ta có hướng chiều liên tưởng ngay tới những nỗ lực bức sốt, nếu không phải là hạnh phúc thâu lượm, về vấn đề sinh nhai, về kế hoạch khai thác cuộc đời : các điều kiện sinh hoạt một nghề nghiệp, một địa vị trong xã hội, một gia đình ấm cúng, và những gì nữa !... Đó mới là sự sống cụ thể — người ta nghĩ vậy — ! Và người ta lấy làm bỡ ngỡ khi nghe triết gia tuyên bố : « sự sống cụ thể nhất ở trên bình diện siêu hình... »

Hãy nghe nó lưu chuyển khi để lòng lắng xuống suy niệm hai chữ rất thông thường : « Tôi Sống ».

Tôi có thể bạc tiền nứt đố đề vách, lạc thú tận hưởng tràn trề, công thành danh toại trong việc mưu bá đồ vương ! Cao hơn nữa, tôi có thể là một thiên tài xuất chúng, một anh hùng lỗi lạc, một đại đức hiền nhân. Các trị giá tôi chủ trương, có thể đáng khen, đáng quý... Nhưng khi đem so sánh với chính thực tại cấu kết nên Tôi, Tôi và Hiện-Hữu của tôi diễn đạt thành sự sống tôi đang nắm giữ, các trị giá kia lu mờ hẳn. Chúng chỉ là tương đối. Sự cách biệt vẫn hay là xa xôi từ ông vua tới anh mõ ; nhưng sự cách biệt sẽ vô biên và vô phương cứu chữa, nếu Tôi không phải là Tôi nữa, mà là Anh, là Người Khác (ví thử như khi vì một lý do nào, tôi không sinh trưởng bởi cha mẹ này, cha mẹ nọ !) ; hoặc khi tôi cũng không có khả năng nói lên một cách ý thức tiếng Tôi, vì phải mang thực thể một con vật, một cái cây, một hòn sỏi chẳng hạn ; hoặc nữa — điều nghĩ tới đã rùng rợn, — tôi vẫn còn ở trong cái hỗn mang, cái hư vô, cái trống rỗng người ta sẽ không đời nào nói tới.

Vậy sống trước tiên là quả quyết hiện hữu, tuyên bố sự hiện diện trong thế giới Thực-Thể. Bước đầu tiên ấy thiếu hụt, sẽ không bao giờ có gì nữa hết... Trái lại, với một chủ thể như con người, nguyên sự hiện hữu thôi đã đủ để có toàn bộ. Trước hết, sự sống ! Vì con người chỉ có thể hiện hữu như một sinh vật, nghĩa là một chủ thể tự động : chẳng những có trong mình nguyên lý sự chuyển động, mà còn điều hành tác dụng chuyển động đó để hoàn thiện chính mình : một chuyển động vừa nội khởi, vừa nội tại ! Đối với khoáng chất, chuyển động là tự tiêu hao, tự hủy hoại ; sinh vật trái lại, chuyển động để tự phát huy, nảy nở, tồn tại trong sự sống.

Hiện hữu như một sinh vật, con người chỉ có thể là một sinh vật có lý tính, hàm chứa — ngoài sự sống xác thể — sự sống tinh thần, cố nhiên một tinh thần mặc xác. Phân tích cơ cấu sự sống biệt loại nào, ta sẽ thấu đạt nguyên lý sự sống thực vật và cảm xúc, kế đó nguyên lý sự sống tinh thần thể hiện trong hai quan năng : tư tưởng và ý muốn tự do. Tư tưởng và ý muốn tự do, đó mới là hoạt động chủ chốt của sự sống cụ thể nhất, nếu hiểu tiếng cụ thể theo một nghĩa sâu đậm : cái gì liên đới nhất tới thực tại nòng cốt của con người.

Để chỉ huy, điều động, và chịu trách nhiệm về tất cả cái cơ cấu phức tạp, đa diện vừa nói trên, phải kêu gọi tới vị lãnh tụ siêu hình : cái Tôi chủ thể... Ta hãy trầm tĩnh nói lên chữ Tôi, với một ý thức chăm chú, sáng suốt, ta sẽ thấy nội chứa của nó giàu có vô hạn. Chính nhờ Tôi làm chủ sự sống của tôi, nên sự sống của tôi, lẽ ra chỉ có một giá trị « lạnh lùng » mà đối với Tôi, bỗng nhiên trở nên đầy ý nghĩa : nó không còn thuộc về Anh, về Người Khác nữa. Bá chủ sự sống đó, lý đương nhiên, tôi có quyền đội tên Tôi cho một trăm ba mươi lăm thứ thực tại lỏng lẻo, thiên hình vạn trạng : Tôi sống, Tôi là người, Tôi suy nghĩ ; Tôi ước muốn, Tôi nghe, Tôi nhìn, Tôi cảm xúc, Tôi đi đứng, Tôi mạnh khỏe, Tôi tài ba, Tôi đức độ v.v... Nhưng, giờ đây bén rễ tinh thần

trách nhiệm, để đảm đương cuộc sống theo một ý nghĩa mình lựa chọn sau khi đã nhận thức và suy tính.

Và cứ như thế mãi, đầm sâu, lan tỏa, thấm nhập, chúng ta say sưa chiêm ngưỡng kho tàng sinh hoạt thực thụ nhất, mà triết học vừa mở hé cho ta cánh cửa...

*

Khi đã lĩnh hội được thế nào là sự sống sâu xa dưới làn quang tuyến triết học, ta tự thấy có nhiệm vụ phải bác bỏ hết mọi học thuyết chủ trương thỏa mãn nhu cầu đời sống nguyên bằng các trị giá lấy ích lợi hay khoái lạc làm chuẩn đích. Đồng thời quả quyết và đòi hỏi cho con người « những ý nghĩa sống ». Quả vậy, nằm trên giường thêu trướng gấm, đi giữa vóc tía lụa là, nếm đủ cao lương mỹ vị, an hưởng vợ đẹp con khôn, tất cả những sự đó sẽ đem lại gì cho tôi, bao lâu tôi chưa tự đặt, hay có đặt mà không tìm ra giải đáp, các câu hỏi : « Tại sao có tôi ? Tôi là ai ? Sống để làm gì ? Đâu là nguyên lai và đích cùng sự sống ? »

Có người sẽ nói : giữa thế kỷ hai mươi, không nên vận dụng đến các bung xung lối thời kia nữa ! Nhân loại đã khôn lớn. Khoái lạc, danh vọng, tiền tài đã từ lâu bị vượt mức. Giờ đây không ai chối cãi được tính cách cao thượng và giai bền của các trị giá hiện được chủ trương : tỉ như khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, cùng những tài năng lỗi lạc siêu quần về trí khôn cũng như ý chí !

Nâng được nhu cầu nhân sinh lên thấu bậc đó, phải công nhận là một bước tiến lớn lao. Con người quả tự biểu thị là người hơn, khi xử dụng các quan năng chuyên biệt của nhân tính. Dù vậy, lỗ trống vẫn còn mênh mông sâu thẳm, bao lâu các thiên năng vạn xuất kia vẫn chưa đặt và giải quyết các vấn đề chủ chốt của đời sống. Chẳng chóng thì chày, một niềm thất vọng bao la sẽ đến lấp hộ họ chỗ thiếu sót, thất vọng của những kẻ chủ tâm khai thác một cuộc đời trước sau vẫn vô nghĩa lý. Trên bình diện nhân sinh, có khi họ thèm muốn cả đến hạnh phúc bác nhà quê, bình thản sống một cuộc đời đã được giải quyết ổn thỏa. Họ đã hoàn thành công trình nọ, tác phẩm kia, họ chưa chu tất « Sứ Mệnh Làm Người ».

Tại sao thế ? Bởi vì được dựng nên với ý thức tinh thần và ý chí tự do, ta không thể nào mù quáng lao mình theo hướng bản năng như súc vật ; mà đòi hỏi cho mỗi hành vi cử chỉ của ta, cho bản thân và cho cuộc sống toàn diện Một Ý Nghĩa. Ý nghĩa hay lẽ sống, là điều kiện tối khẩn cho sự xử dụng ý chí tự do, động lực khai thác cuộc đời theo sở năng của mỗi nhân vị. Vì không thể có sự lựa chọn trước khi so đo cân nhắc ; và không thể có so đo cân nhắc, khi không có một trị giá cứu cánh làm tiêu chuẩn, gọi khác đi, định hướng hay ý nghĩa cuộc đời.

Ý nghĩa cuộc đời, nhưng ý nghĩa chân minh — vì nó chỉ có một — duy triết học mới đủ khả năng cống hiến. Tìm hiểu được cơ cấu siêu hình, ắt khám phá ra mục tiêu của cơ cấu đó..., cũng như tìm hiểu được bộ phận chiếc đồng hồ tất nhiên khám phá ra công

dụng chiếc đồng hồ... Và đây không phải là một cống hiến nhỏ triết học mang lại cho sự sống.

★

Đối với những ai rõ biết giá trị triết học, thái độ thờ ơ lãnh đạm, nếu không phải là khinh bạc của nhiều người, vốn gây nên lo ngại ; « nhất là » và « chính vì » chúng ta đang sống trong thời đại nguyên tử lực ; thời đại khoa học tân tiến, kỹ thuật phát triển ; mà đồng thời cũng là thế kỷ được mệnh danh là thế kỷ được *chi phối bằng tôn chỉ, bằng ý thức hệ*, thế kỷ mà con người cảm thấy rõ rệt : chính trị, kinh tế, khoa học không còn đủ mãnh lực chế ngự nổi sinh hoạt cá nhân và đoàn thể nữa, ngoài một hệ thống tư tưởng xác đáng làm kim chỉ nam cho nhân loại giữa cái thế giới xáo trộn hỗn mang này !

Có một nền triết học chân minh vững chãi, mới mong thoát khỏi hai hiểm họa vô cùng ác liệt ngày nay : bị chi phối tận rễ sâu con người bởi một ý thức hệ phản nhân bản ; bị guồng máy khổng lồ của khoa học kỹ thuật nghiền nát.

Vũng-tàu, mùa gió lộng.
THIỆN-THI

Kẻ ngu ở địa vị cao

Khổng-Tử nói rằng :

— Người thợ khéo mà thích đo dắn mực thước thì tất giỏi ; người có dũng lực mà biết học hỏi thì tất đắc thắng ; người có tri khôn mà thích bàn mưu thì tất thành việc. Những kẻ ngu thì khác hẳn. Cho nên không phải là người đáng bảo thì bảo họ cũng không nghe ; không phải chỗ đất đáng trồng thì trồng cũng không thể mọc. Được người xứng đáng thì khác nào góp cát lại mà tung ra như mưa ; nếu không được người xứng đáng thì khác nào họp một đám diếc mà đánh trống cho nghe. Ôi, ở nơi trọng yếu, nắm giữ tôn sủng, chuyên chế công việc, mà ghét bỏ người hiền, đó là tinh tình của kẻ ngu vậy. (Đối với những người này), địa vị cao thì tất nguy, trách nhiệm nặng thì tất đứt, cái đó có thể đứng đợi mà trông thấy được.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

Thú chơi sách

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

TRƯỚC hết, ta thử hỏi : « Thú chơi sách là gì ? »

— Xin đáp : « Thú chơi sách là một thú nhàn, đóng cửa tháp ngà để đọc chuyện cung trăng, hoặc dở trang sách tìm người trong mộng. Nhưng nói vậy không cũng chưa đủ : nhà chơi sách chẳng những đọc mà thôi, còn mân mê cuốn sách, rờ rẫm cái bìa êm ái hoặc trang giấy mịn màng, để hết tâm tư và kính cẩn tưởng còn hơn các phong lưu công tử thời xưa tiếp nhân tình bằng xương bằng thịt !

Thi-sĩ Pétrarque nước Ý, một buổi chiều giữa thế-kỷ thứ XIV, nhơn nói đến sách, có thốt ra câu nầy, tuy cầu kỳ nhưng chí lý :

« Tôi có bằng hữu đủ hạng người và thuộc đủ « các nước. Bạn không khi nào phiền-nhiễu tôi, và « một khi tôi hỏi han điều gì, vẫn có câu trả lời « túc trực. Có bạn nhắc tôi những dĩ vãng êm đềm « năm xưa, có bạn chỉ tôi những huyền diệu trong « vũ trụ. Bạn dạy tôi sống cho phải đường, bạn « dạy tôi chết cho phải cách. Trong những bước đời « éo-le bối-rối, tôi đều có thể trông cậy vào y, và « những người bạn quí ấy chỉ cầu xin được có một « chỗ ở yên tịnh, nhỏ gọn trong vuông nhà thanh « nhã của tôi, là đủ hài lòng ». (Thuật theo giọng Léo Larguier, trong bài tựa sách mẫu rao hàng Mercure, tháng 5 năm 1939).

Những bạn ấy, không cần nói, các ngài cũng đoán biết, ám chỉ những pho sách quí của tác giả để trong thư viện quí giá của người.

Một nữ sĩ Pháp khác, bà Georges Sand, khi nói đến sách, cũng có một câu đầy kinh nghiệm : « Sách là những bạn chí thành, không bao giờ biết phản bội. » Câu nói càng thêm ý nhị, khi tự miệng người phái đẹp thốt ra.

Nhưng tôi tưởng cũng không cần trưng cầu điển tích xa xôi làm gì, bởi phương đông há chẳng có câu : « Thư trung hữu nữ nhan như ngọc ». Tạm dịch : « trong cuốn sách có ẩn người con gái đẹp dung nhan như ngọc ». Một câu bóng bẩy để khuyên ta cố học cho thành tài, tức nhiên chừng ấy sẽ được giàu sang thêm có vợ đẹp. Thế mà, tôi thú thật, vì quá mê chuyện Liêu-Trai, chuyện thần thoại, nên ba mươi năm về trước, khi còn độc thân, tôi đã quá tin lời sách, đến nỗi không đêm nào là không kính cẩn lật từng trang một để tìm mỹ nhơn ! Thời gian trôi qua : bao nhiêu chua cay hiện ra trước mắt : răng thưa, mắt kém, mớ tóc năm nào còn đen nay đã trắng xóa, cõi lòng se lại bao nhiêu... Rồi : « trước sau nào thấy bóng người ! » Tuy vậy, tôi vẫn chưa bỏ tật cũ, và nếu ai chịu khó theo tôi về nhà, ắt sẽ bắt gặp, đêm nay cũng như những đêm đã qua, tôi cũng vẫn cứ mân mê cuốn sách, không cố tìm người đẹp trong thơ nữa, mà phen này muốn nghe cho được giọng nói của mỹ nhơn ! (1)

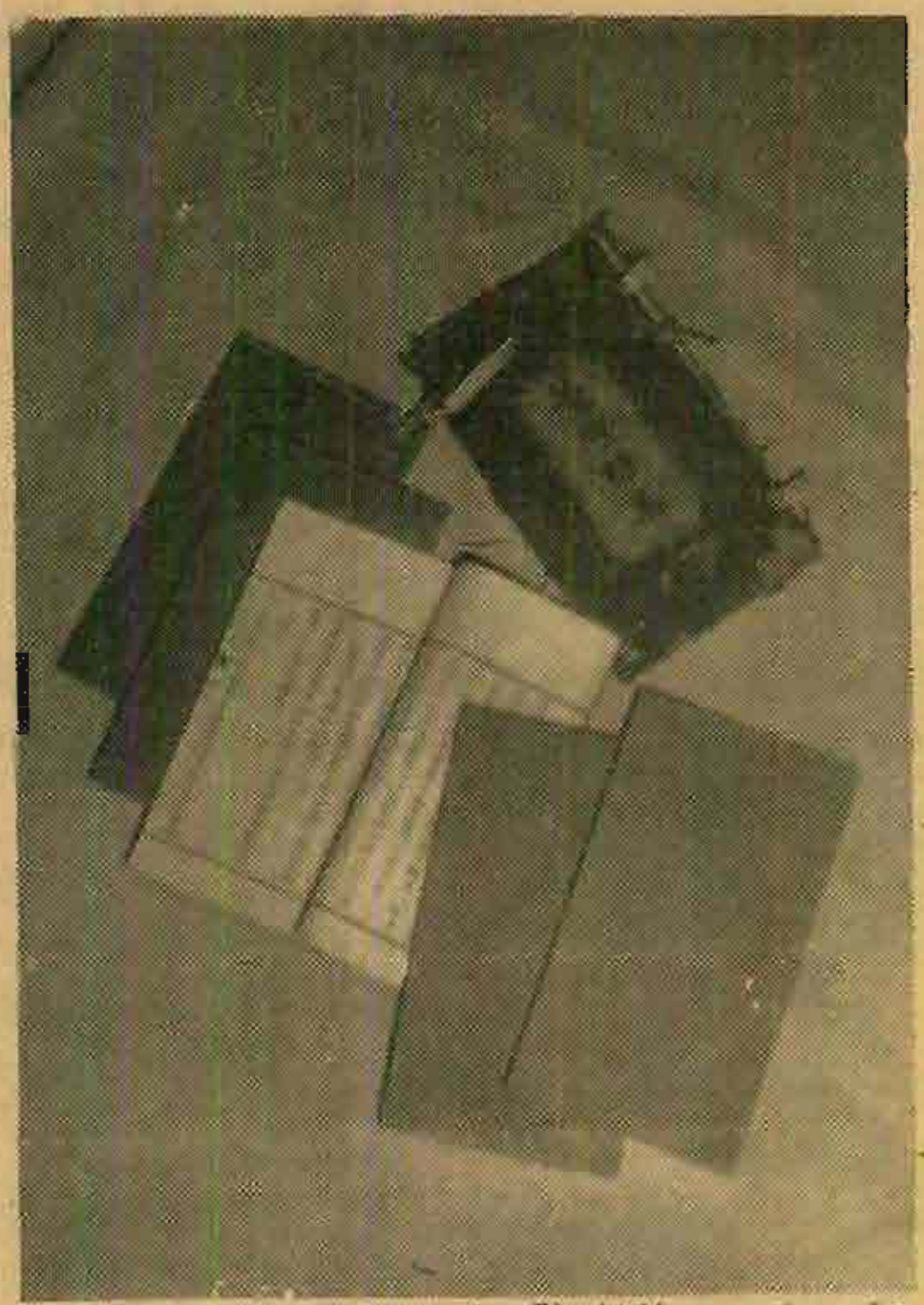

Bộ « VT đạ thi tập » của Tùy-lý-Vương tìm gặp tại làng « Chóc Đốt » (Sóc-trăng), 1946.
Sưu tập của tác giả.

*

Bây giờ, đến phiên ta thử hỏi : « Nhà chơi sách là gì ? »

— Xin đáp : Nhà chơi sách là người ham chuộng, mê thích và sưu tầm sách.

Nói như vậy cũng vừa tạm được, chớ chưa gọi là đúng hẳn, vì ta cần nên phân biệt :

1) hạng mê sách, nhưng chỉ mê sách hay và sách lạ (le vrai bibliophile). Ông Đào-Duy-Anh thích nghĩa là : « người ham chơi sách lạ ». Tự-điển Đào-Đăng-Vỹ chua như vầy : « Bibliophile » : người quí sách, yêu sách, người sưu tầm sách quí, sách lạ để đọc.

2) khác với người mê sách mà không phân biệt sách nào với sách nào (le bibliomane). Đào-Duy-Anh thích : « người hay cất sách, người nghiện sách, người thư

1) Anh Nguyễn-Hoạt có dịch trong báo Tự-Do số 528 ngày 6-10-58 bài « Mọt sách » rút trong Liêu-Trai, ý như để giúp tôi bình vực thuyết nầy phần nào. V.h.S.

cuồng. » Đào-Đăng-Vỹ: « người ham mê sự sưu tập sách vở, ham mê về tàng-thư-tịch ».

3) hoặc khác hẳn với anh « bibliomaniaque », xin tạm dịch là « người điên sách ». Trong tự-điển Đào-Duy-Anh không thích rõ « bibliomaniaque » là gì, và dạy xem qua chữ « bibliomanie ». Chữ « bibliomanie » chua là « tính nghiện sách, thư cuồng ».

Đào-Đăng-Vỹ chua : « thuộc về sự ham mê sưu tập sách vở.

Tóm lại « bibliomaniaque » còn ở trong vòng lẩn quẩn, ít người biết, tuy vẫn được ghi tên từ lâu trong đại tự-điển Littré.

Bibliomaniaque chỉ được nhà văn hào Paul-Louis Courrier « bày đặt » ra, và ông Hàn-lâm Pháp Louis Barthou nhìn nhận ; nhưng bố đẻ và cha đỡ đầu dường thế, thảo nào danh từ « bibliomaniaque » chẳng trở nên bất hủ, như ta được biết từ lâu.

Anh bibliomaniaque nầy mới là con vật lạ, ta có thể gọi là « khách si tình » trong khoa chơi sách, — sách quí, sách hay, sưu tầm và trân trọng dã dành, nhưng anh bibliomaniaque dành dụm lượm bất luận sách nào, từ cuốn tiểu thuyết có danh đến cuốn sách mẫu rao hàng của mấy hiệu thương mãi, tỷ như truyện « Lục-Vân-Tiên » in trong sách thuốc Renoux, chuyện « Chăng Cà-Mum » in trong sách thuốc Nhị-Thiên-Đường (1), như vậy cũng còn miễn cưỡng tha thứ được, đến như anh ta cất để dành cuốn sổ tay biên đồ giặt của ông danh nhân nầy (2), cuốn sách chép toa nấu ăn của bà nữ sĩ nọ, hoặc giả tàng tiu tờ trích lục cuốn sổ nhà khách điếm kia, trong cuốn sổ ấy có biên ngày nào tháng nào, viên trung úy hai lon Napoléon Bonaparte có đến tá túc tại phòng số mấy..., v.v. và v.v., thì tôi xin chịu, vì thưa quí bạn, dẫu cho là của một nữ sĩ tài hoa hay của một vĩ nhân bất tử, theo tôi, những giấy tờ thuộc hạng đó, nói rằng để đậy nắp hũ dưa chua thì là quá đáng, chớ nào có giá trị văn chương gì mà hòng phải quí trọng ôm đồm cắp nắp đến thế. Âu chẳng qua cũng là một việc ngông cuồng xứng với danh từ « bibliomaniaque » trong Pháp ngữ vậy !

---

(1) Năm 1910 nhà thuốc Renoux Sai-gòn có in truyện « Lục-Vân-Tiên » xen lẫn với các trang rao bán thuốc tây từ vị acide borique để chế ra nước « lô-bích-kê » rửa mắt đỏ, đến thuốc hồ-phách Santal Midy trị bịnh « đau lậu thần hiệu », thêm có in hình ngộ nghĩnh « Vân-Tiên đá Cốt-Đột », « Nguyệt-Nga vẽ Hà-Khê họa bức tượng Vân-Tiên », v. v... Bổn nầy nay xem lại có lẽ là đồng nhứt, gần nhứt với bổn Lục-Vân-Tiên do các tiền bối trong Nam lưu truyền lại. Tiện đây nên nói luôn về bộ « Lục-Vân-Tiên » in bên Pháp năm 1883 (E. Leroux, éditeur) do nhà học giả Abel des Michels dịch ra Pháp văn và có in kèm bản chữ nôm Lục-Vân-Tiên do cụ Trần-Nguyên-Hanh, giáo sư tại trường ngôn ngữ đông phương tại Paris sưu tầm và sao lục. Bản năm 1883 nầy in vào lúc cụ Nguyễn-Đình-Chiểu còn sanh tiền là bản hiếm có nhứt. (Nguyễn-Đình-Chiểu sanh 1-7-1822, mất 3-7-1888). Lối năm 1915, nhà thuốc Nhị-Thiên-Đường trong Chợ-lớn in sách rao bán thuốc Tàu cũng bắt chước nhà Renoux xen chuyện Chăng-Cà-Mum để câu khách. Chuyện Chăng-Cà-Mum nay có một tập sau cho in lại và cũng còn câu độc giả như năm xưa. Ba bộ sách nầy nay thuộc loại sách sưu tập hiếm có.

(2) Thỉnh thoảng nhà giáo giá Hôtel Drouot, Paris vẫn đem ra đấu giá bán bút tích văn nhơn, anh hùng : những bức thơ tình của Napoléon hoặc thủ bút của Voltaire, Anatole France, v. v ..

Trong diễn-tích Việt-Nam xưa còn nhắc lại một nhà chơi sách kỳ quái, từng châu chứa bao nhiêu sự thông hiểu cổ kim dồn trong cái bụng phệ no tròn như quả dưa nhứt chợ tết, — tôi muốn nói nhà khôi hài Cống-Quỳnh, đã khéo bày chuyện phơi sách giữa chợ để có dịp lột trần như nhộng nằm ngửa cho công chúng vô xem cái « bồ chữ » và cái vật tự nhiên của cha sanh mẹ đẻ ra, — nhân vật nầy nếu có thật ắt là một sản phẩm độc nhứt của nước Việt mà thôi, vì không thấy trong các sách đông tây nào nói đến !

Trong hạng chơi sách, tạm gọi là « hạng nặng » thì có nhà in sách, nhà bán sách, tức là những nhà sản xuất gầy dựng, sanh đẻ và đỡ đầu cuốn sách, — và sau nầy vì sách hay hiếm có nên nảy ra nghề cho mướn sách, tức là một thứ « nhà thổ » riêng biệt, lợi dụng cuốn sách nhiều hơn ai tất cả : thân sách bị vày vò, anh bất chấp, ruột sách bị xé cắt, anh không kể, anh kể tiền vô nặng túi mà thôi ; chợt khi cuốn sách nhàu nát, « hết xài », anh cho đóng bìa o-bế lại mới, đề dễ mạ tròng đen lần chót, và bán theo loại sách không tái bản nữa, khác nào mụ tú bà nuôi gái trong nghề cho ruớc khách và khi gái già, bèn đem đợ, hoặc đem gả chẳng chút xót thương. Sách cũ sách hiếm có cho mướn còn có chỗ chế, sách mới tinh hảo, sách « ra lò còn nóng hổi » cũng cho mướn luôn, chẳng cần xét rằng làm như thế thiệt hại rất nhiều đến quyền lợi tác giả và nhà xuất-bản. Nhưng cũng có khi nhờ mấy anh cho mướn sách mà ngẫu-nhiên nhà chơi sách công phu lâu lâu sắm được một hai pho sách quí : sách cổ không còn tái bản nữa, hoặc một vài quyển Nam-Phong còn thiếu trong toàn bộ. Trong giai đoạn nầy, không biết ai tinh khôn hơn ai : anh cho mướn sách tuy có ngừa trước, đề phòng cẩn thận đánh giá thật cao và ép ký quỹ một số tiền to tát đề cho người mướn sách « ngán » mà không « đoạt » sách, nhưng dè đâu một khi cuốn sách cho mướn kia được vào địa vị hiếm lạ quí như « nàng Kiều », thì thiếu gì hạng « Thúc sinh chơi sách », và một khi mình chưa có bộ đó hoặc cuốn đó, thì hỏi người nào lại tiếc gì mà không bỏ ra mớ tiền vừa tháo cũi sổ lồng cho bộ sách quí kia mãn kiếp trầm luân, vừa mua được vật bấy lâu khao khát ! Thử hỏi ai « thua lận » ai giữa hai người nầy ? Một điều rõ rệt nhứt là giá thử nhà chơi sách mượn người đánh máy sao chép bản kia thay vì mua cuốn sách mục nát, thì khi trả công đánh máy sẽ biết mắt đến giá nào. Tự nhiên mua sách cũ tại nhà cho mướn sách coi vậy mà tiện lợi nhứt. Thêm nữa, việc làm nầy, lương tâm không trách cứ được, vì chớ quên người mướn sách đã ký quỹ trước một số tiền gấp mười mươi lần giá cuốn sách châu xưa.

Lại còn một hạng chơi sách lạ lùng nữa ! Không kể trong mùa bão to gió lớn nầy sản xuất rất nhiều mà hạng người nầy đã có từ lâu tại Sài-gòn suốt các tỉnh lớn miền tự do, tức là hạng văn sĩ « điên chữ » ngồi nói lảm nhảm hằng giờ hoặc bôi lọ đen cả chục trang giấy mà còn chưa bằng bụng, hạng người ấy nếu các bạn chịu khó đi dự mấy đám tiệc to hay dở tờ báo thân yêu hằng ngày là thường bắt gặp. Ấy cũng là một hạng thuộc về nạn nhơn của nghệ thuật chơi sách, họ đọc nhiều, nhớ nhiều rồi họ xáo trộn sức nhớ lại làm

một món ăn thập cẩm, không còn biết của ai với của ai, tự hào là bạn của sách mà không phân biệt sách, trích lời nói trong sách cũ mà không đủ gan chỉ rõ đã vay mượn của ai (1), tuy vậy hạng nầy cũng còn khá hơn những hạng cũng đội danh thân với sách, nhưng chỉ biết ăn cắp sánh, mượn sách không trả, « cọp sách », chận lận sách từ nhà bưu chính để đem về đọc rồi như sách hay thì lại giữ luôn làm của, hoặc đến thư viện hay nhà bạn thân, này nỉ hỏi mượn sách về rồi khi trả, cắt lên những trang có điển tích hay, tranh ảnh đẹp, — sau nầy lâu ngày mướn in thành tập, tự khoe là văn phẩm do trí óc mình sáng tác, hạng ấy ở phương tây thì đứng ngang hàng với bọn con buôn không ngay thẳng, cạo nhãn hiệu hóa phẩm của người rồi gá nhãn hiệu mạo tề của mình vào (démarquer), còn bên phương đông ta thì liệt vào bọm thờ Đạo-Chích làm thầy, bình thời đi bắt cắp trâu bò hoặc ngựa lừa của thiên hạ, đem về nhà uốn sừng sửa xoáy cho ra khác dấu xưa, cốt ý để mạ tròng đen của dân lương thiện, hạng ấy, nhơn tâm ấy, tôi không biết nên tặng họ danh từ gì cho xứng, và xin nhờ quí bạn kiếm tên khai sanh giùm !

Nhơn vì tôi đã nhắc đến văn đổi tráo « démarqué », tôi xin nói thêm rằng chỉ có một loại văn luôn luôn cần phải thay đổi sửa lại (démarqué) trước khi đem ra thông dụng. Ấy là những bức phiên dịch các điện tín bí mật đánh bằng số hay chữ riêng (télégrammes chiffrés ou surchiffrés). Thứ điện tín đặc biệt nầy, khi gởi đi thì ghi bằng những con số kín (ẩn số, mật mã), những chữ có ám hiệu riêng, đến khi nhận được, phải tra trong một cuốn sổ ám hiệu (code), dịch lại từng loạt cho thành câu văn đoạn phải xáo trộn một lần nữa, hoặc pha thêm vài danh từ xã giao hoặc xén bớt những tiếng thông thường, cốt làm sao cho ý nghĩa được rõ ràng sáng suốt đúng như nguyên văn, và đề ngừa gian tế một khi họ ăn cắp được bản dịch thì cũng khó mà đem so sánh với chữ, số trong điện tín nguyên văn, để tìm ra mối manh, « lật tẩy » cuốn sổ ám hiệu kia đi, — văn démarqué chỉ có ích trong trường hợp nầy mà thôi và chỉ đem áp dụng chánh thức trong loại điện tín ám hiệu, ngoài ra không có nơi đâu đem dùng minh minh chánh chánh bao giờ.

(còn tiếp)

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

---

(1) Tôi còn nhớ cách nay trên ba mươi năm tại chợ Sa-đéc, có một ông quản già rất mực phong lưu, chiều nào mãn giờ làm việc, — vì quên nói ông coi về thơ từ công văn từ tòa bố gởi ra tổng làng, — chiều nào ông cũng chễm chệ ôm một cặp da xộn xện đầy « giấy má quan trọng », ngồi xe kéo chạy thẳng một mạch vào động phù dung « chú Lốc », sau khi kéo ba sợi lót lòng, mặc sức ông đem ra ngâm nga tụng đọc : báo Nông-Cổ-Mín-Đàm năm 1905 trong ấy có in truyện Tam-Quốc dưới chữ ký chủ nhân Paul Canavaggio (kỳ thật do cụ Lương-Khắc-Ninh dịch thuật), hoặc tờ Thời-Báo có nói về phong trào « tây chay chi noa » . . . Chiều nào như chiều nầy, ông quản vẫn tái diễn cái tập quán « hút tiệm để đánh giấc », kịp đồng hồ gõ đứng bảy giờ ông mới lơn tơn về nhà xơi cơm. Ông Tập, ông Quản Tập nay đã là người thiên cổ, xứ Sa-đéc « nước ngọt sông trong » mất một nhà chơi sách ít đâu có ! Riêng tôi, tôi mất một bạn già dáng mến từng chỉ tôi cái hay của bản dịch các nhật báo xưa, thêm nữa một ân nhân đã tặng tôi một dĩa « Mai-Hạc » qui.

GIAO THÔNG
GIỮA
Phương Tây và Phương Đông trong thời Thượng cổ và Trung cổ

Nguyễn-hiến-Lê

TÔI không nói rằng văn minh của chúng ta hoàn toàn là văn minh vật chất, không có thứ văn minh nào là hoàn toàn vật chất cả ; nhưng tôi phải nhận rằng nguyên động lực mạnh nhất của văn minh là tính thích ăn của ngon, mặc đồ đẹp của nhân loại. Cứ xét lịch sử giao thông, giữa phương Tây và phương Đông thì thấy rõ điều ấy.

★

Theo các sử gia châu Âu thì tài liệu cổ nhất ghi trong sử về sự giao thông giữa La-mã và Trung-hoa, là một đoạn văn trong *Hậu Hán Thư* của Phạm-Việp viết vào thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Đoạn văn đó nói rằng người La-mã bắt đầu tới Trung-hoa vào thời Linh-Đế đời Đông-Hán thế kỷ thứ hai sau T.L — (ở La-mã lúc đó là Hoàng-đế Marc Aurèle) mà họ tới là để mua lụa của Trung-hoa chứ không phải để tìm hiểu triết lý chính trị của Khổng-Giáo, hoặc những tư tưởng siêu thoát của Lão-giáo. Sự giao thiệp giữa Âu-châu và Ấn-độ, Tích-lan còn sớm hơn nhiều, mà cũng có mục đích thương mãi : người Âu lúc đó cần mua những đồ gia vị của phương Đông như hồ tiêu, tiểu hồi, đại hồi, quế,...

Vậy trong thời thượng cổ, chính do lòng thích ăn của ngon, thích mặc đồ đẹp mà người phương Tây lặn lội, mạo hiểm qua phương Đông. Tới thời Trung cổ cũng vậy, Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ, Vasco de Gama đi vòng Hảo vọng giác tìm đường qua Ấn-độ, Magellan đi vòng quanh thế giới, đều không phải để nghiên cứu triết lý, văn minh của phương Đông mà chỉ vì ham những vật ngon của lạ của phương Đông.

Mới vài thế kỷ nay, người phương Tây mới được sung sướng, chứ hồi xưa họ thua kém chúng ta xa về cái ăn, cái mặc. Nhất là thời họ chưa tiếp xúc với phương Đông, khoảng hai ngàn rưỡi năm trước thì họ cực khổ vô cùng. Về cái mặc, ngoài lông cừu, da thú, họ chỉ biết những thứ vải thô. Lần đầu tiên mà họ thấy những tấm lụa của Trung-hoa óng ả, mướt và mịn, nhẹ và mát, chắc họ đã

trố mắt ra nhìn, rồi ao ước, rồi thèm thuồng. Tới khi họ thấy một vài bà Hoàng La-mã bận những áo gấm, áo vóc, lóng lánh, rực rỡ màu sắc chở từ Trường-an lại, thì họ tưởng đâu như những nữ thần trên Trời lạc xuống hạ giới. Mà không phải bà Hoàng nào cũng được bận những đồ quý đó.

Sử có chép vợ Hoàng-đế Marc Aurèle muốn có một cái áo lụa để bận mà chồng không cho vì lẽ không đủ tiền mua ! Quả thực là lụa hồi đó mắc ghê gớm. Khắp châu Âu người ta không bán lụa mà chỉ đổi lụa, đổi lụa lấy vàng. Cứ một cân lụa đổi lấy một cân vàng. Bạn cứ tính giá vàng bây giờ thì thấy một ki-lô lụa ở La-mã hai ngàn năm trước giá khoảng 100.000$ ngày nay. Nhưng mất thì mất, chứ có lý gì vị chúa tể một đế quốc, là Marc Aurèle mà không sắm nổi cho vợ một cái áo lụa ? Tôi ngờ ông vua hiền triết nổi tiếng là khắc kỷ đó đã quá keo cú với bà vợ. Vì với các mỹ nữ ở đảo Cos, trên biển Egée, gần Hi-Lạp, còn bận được gấm vóc kia mà. Các ả ấy cần kiệm và khôn lắm. Gấm vóc của Trung-Hoa dày quá, cho nên nặng cân và giá cao ; các ả mua về tháo từng sợi ra, rồi dệt lại, nhưng dệt thật thưa, thành một thứ hàng cực kỳ nhẹ, mỏng và bận vô thì bao nhiêu vẻ đẹp của các ả cứ nửa ẩn nửa hiện như ngày nay người ta bận đồ Nylon vậy. Đến nỗi, sau này, Pline, một văn sĩ và chính khách La-Mã ở thế kỷ thứ nhất phải than thở : « Thì ra bây giờ người ta phải đi đến tận cùng trái đất để cho các bà có những tấm voan che thân thể mỹ miều và cho các ông táng gia bại sản vì những gấm cùng vóc ». Ông tính sơ sơ rằng mỗi năm, La-Mã phải mua của Ấn-Độ, Trung-Hoa, Á-Rập 100 tỉ sesterce riêng về cái khoản xa xỉ của các bà. Sesterce là một thứ tiền bằng bạc, nhỏ nhất thời đó. Nếu nó chỉ nhỏ bằng một đồng hào của ta hồi tiền chiến, thì 100 tỉ sesterce cũng bằng mười tỉ bạc « bà đầm xòe » của ta rồi, nghĩa là khoảng một ngàn tỉ đồng bạc của ta ngày nay. Dân La-Mã xa xỉ thật ! Mất nước là phải.

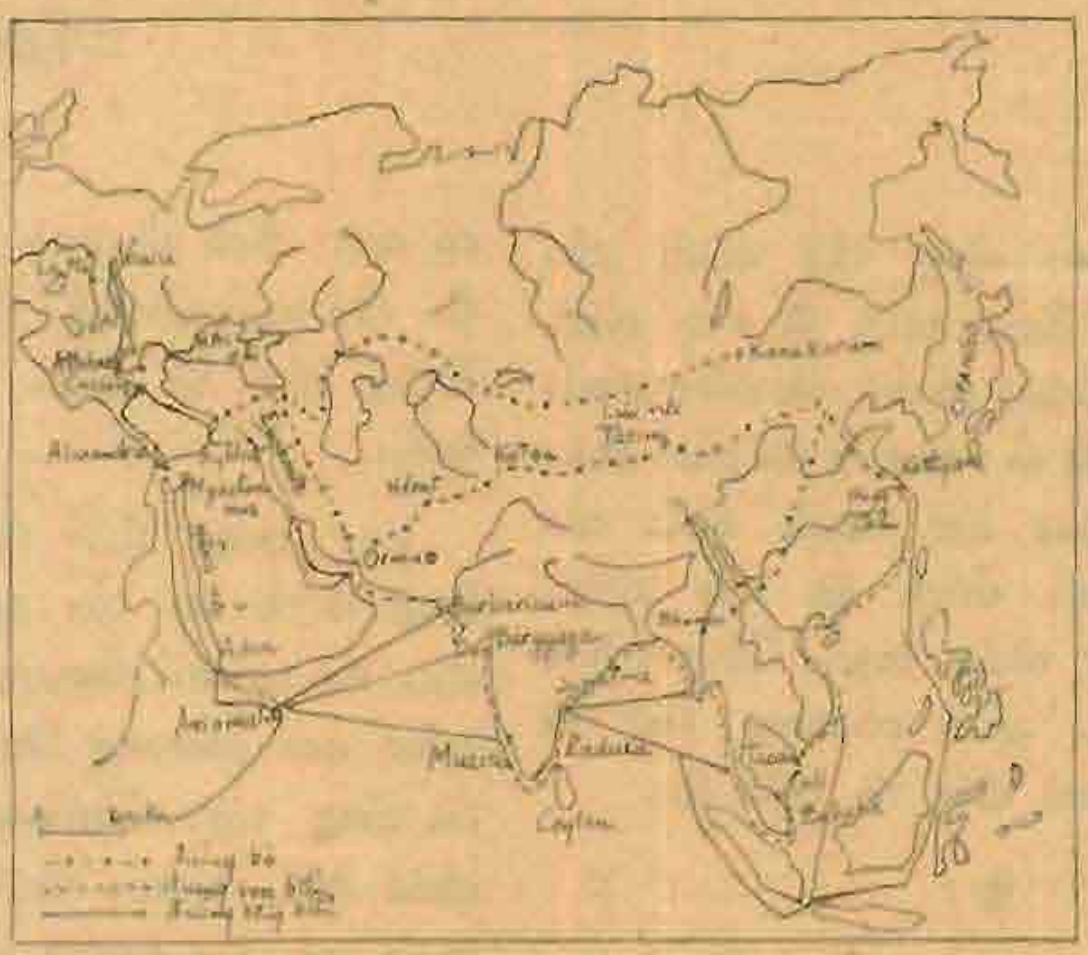

Đó là về cái mặc. Về cái ăn, họ cũng phải nhờ phương Đông chúng ta mới thấy đời có thú một chút. Tội nghiệp ! Thức ăn của họ thời xưa ahạt nhẽo làm sao ! Họ ăn rất khỏe, nằm cả một dùi dê hay dùi bò mà cắn gặm, nhưng bữa nào như bữa nấy, từ vua chúa tới thường dân, chỉ có thịt

chấm muối. Tuyệt nhiên không có một món gia vị. Họ không biết mùi thơm của quế, vị chua của chanh, vị ngọt của đường. Cho nên khi họ nhấm được một hột hồ tiêu, một chút quế hoặc một lát gừng thì họ thích mê đi, xuýt xoa, nhép nhép cái miệng, rồi bá cổ nhau mà nhảy

Tôi đoán chắc vậy. Không thế thì làm sao đọc cuốn *Un livre de bonne cuisine* do một hội văn nhân Đức viết khoảng thế kỷ 14, xuất bản thế kỷ 19, trân tàng trong khắp các tủ sách quan trọng ở Châu Âu, ta thấy bất kỳ món nào cũng dùng gia vị, rất nhiều gia vị : hồ tiêu, gừng, quế, đinh hương, hồi hương, sa nhân, nghệ, riềng, tỏi...

Đây tôi xin chép lại một món trong những món họ cho là ngon nhất, mà chỉ có các ông công, ông hầu của họ mới dám dùng trong những đại tiệc, món « lươn nhồi ».

« Lấy lươn sống, dùng tro mà chùi cho sạch da. Cắt lớp da ở chỗ cổ lươn rồi lột da cho tới đuôi. Băm rau mùi tây, rau « sauge » thêm vô thật nhiều gừng, tiêu, hồi hương và muối, rồi đắp lên mình con lươn, lật lớp da lại đề bao. Sau cùng đề lên lò quay. Ăn thật nóng ».

Bạn có thấy chảy nước miếng không ? Tôi sợ cho họ, sao mà họ ăn cay thế. Mà món nào cũng dặn kỹ : « Thêm nhiều gia vị vào... » Họ thích tới nỗi trong rượu bia và rượu chát họ cũng cho gừng, đinh hương, hồi hương vô. Uống mà không cay xé miệng thì họ chưa hả.

Mà những gia vị đó đâu phải rẻ. Theo Stefan Zweig (1) thì hồ tiêu đắt nhất : ở đầu thế kỷ 11, cứ một cân hồ tiêu đổi lấy một cân bạc. Ông Paul Herrmann trong cuốn *L'homme à la découverte du monde* (Plon) bảo ở thế kỷ 13, một tạ hồ tiêu ở Anh giá bằng 80.000 hồi 1952.

Trách chi ở châu Âu hồi xưa, người ta chẳng dùng hồ tiêu thay cho bạc. Muốn mua đất cát, nhà cửa, trả bằng hồ tiêu ; của hồi môn cho con gái cũng tính bằng hồ tiêu, muốn mua quyền mua tước, cũng trả bằng hồ tiêu, thậm chí đến các lãnh chúa bắt đóng thuế quan cũng bằng hồ tiêu. Cho nên hồi Trung-cổ, muốn khen ai giàu vào hạng nhất nhì trong nước, người ta bảo « Ông ấy là một bao hồ tiêu. »

Đến cái thứ dễ trồng bậc nhất như gừng, các thứ mà bên mình liệng đi, như vỏ cam, mà họ cũng quý như vàng. Họ cân những thứ đó bằng những cái cân tiểu li của thợ kim hoàn, và khi cân họ phải đóng kín mít các cửa lại, sợ có ngọn gió tai hại nào thổi vô mà làm bay một chút bột gừng, bột vỏ cam đi mất chăng.

Tơ lụa, gấm vóc và các đồ gia vị được quý báu như vậy chỉ vì hiếm, mà hiếm cũng do sự giao thông, vận tải rất khó, chứ tại nơi sản xuất thì giá có là bao. Như hồ tiêu, ở quần đảo Mã-lai không trồng cũng mọc, có khi hái không kịp, hột rụng xuống đầy đất. Đại hồi, tiểu hồi, quế thì từ Ấn-độ đến Phi-luật-tân, xứ nào cũng có. Còn gừng thì chỉ chôn một củ xuống đất, ít tháng sau đã thành một bụi, đến nỗi người mình đã có câu : « thứ nhất thì đường đương,

(1) Magellan. (Bernard Grasset).

thứ nhì thì chủng khương » : dê với gừng là hai loài sinh sản mau nhất.

Tơ lụa thì thời thượng cổ, chỉ có Trung-hoa sản xuất được, nhưng đến đầu kỷ nguyên cơ đốc, nó cũng không phải là vật hiếm. Trong kinh Thi, gồm nhiều ca dao từ đời Xuân Thu, cách đây khoảng ba ngàn năm, ta đã thấy nhiều bài nói đến cây dâu như bài *Tang trung*, *Tang hồ*, Điền « trên Bộc trong dâu » (tang gian Bộc thượng) để chỉ những tình trai gái lén lút cũng là ở trong Kinh Thi. Vậy thì thời đó, công việc trồng dâu nuôi tằm đã là một công việc thông thường trong dân gian Trung-hoa rồi. Ta có thể tin chắc như vậy vì các nhà khảo cổ ngày nay đều nhận rằng người Trung-hoa đã biết trồng dâu nuôi tằm từ 5, 6 ngàn năm nay, mà theo truyền thuyết Trung-hoa thì bà Luy-Tổ, chính phi của vua Hoàng-đế (thế kỷ thứ 27 trước T.L.), là người đã phát minh ra cách nuôi tằm. Một ngày xuân ấm áp, bà ra vườn chơi, để ý đến một loài sâu nọ ăn một thứ lá cây ; và nhả ra những sợi nhỏ lóng lánh, vàng nõn, rất đẹp mắt. Bà kêu các cung phi lại coi và từ đó ngày nào bà cũng ra nhận xét loài sâu đó. Ít lâu sau bà thấy trên cây đầy những trái vàng nhỏ, lại nhìn kỹ thì ra không phải trái cây mà là những búp chỉ. Bà kiên nhẫn gỡ lần lần được một sợi dài lạ lùng, sau cùng bà thấy một con sâu co mình nằm yên trong cái ổ đó. Bà nghĩ ngay tới cách nuôi thật nhiều những con sâu đó mà ta gọi là con tằm, rồi dùng những sợi tơ chúng nhả thành kén để dệt quần áo.

Ta thử tưởng tượng hồi đó khắp thế giới, loài người còn che thân bằng da thú hay lá cây, mà bỗng nhiên, dân tộc Trung-hoa phát minh được ra lụa, thứ hàng vừa bền, vừa đẹp mà tới ngày nay khoa học vẫn chưa làm hơn được, thì có phải là một phép màu không chứ ?

Văn minh của Trung-hoa nhảy một bước vĩ đại, và dân tộc Trung-hoa đã có được một nguồn lợi vô biên. Tất nhiên là các vua chúa Trung-hoa tìm đủ cách khuếch trương nguồn lợi đó ở trong nước và giữ kín bí mật của lụa, không cho tiết lộ ra ngoài, như ngày nay Nga Mỹ giữ bí mật của các loại bom khinh khí vậy. Bí mật đó, ba ngàn năm sau, người phương Tây mới đánh cắp được. Tương truyền rằng dưới triều Hoàng-đế By-Dăng là Justinien (527 - 565) hai tu sĩ cơ đốc mạo hiểm tới Trung-hoa mà hồi đó người Âu gọi là *Serinda*, dò thám được cách trồng dâu nuôi tằm, về Constantinople truyền bá trong dân gian. Sau đó, Âu-châu mới lần lần sản xuất được tơ, còn trước kia đều phải mua của Trung-hoa, qua tay không biết bao nhiêu trung gian rải rác trên những con đường dài vạn dặm.

*

Có hai con đường : đường bộ và đường thủy ; đường bộ xuyên qua châu Á chở lụa nhiều nhất, cho nên có tên là con đường chở lụa ; đường thủy qua Ấn-độ-dương, chở gia vị nhiều nhất, lụa chỉ là món hàng phụ.

Không ai biết được con đường chở lụa có từ hồi nào. Chắc nó phải có từ khi lụa ở Trung-hoa bắt đầu được các dân tộc Ấn-độ, Ba-tư biết đến, nghĩa là cách đây ít gì cũng ba bốn ngàn năm ; nhưng trong lịch sử phương Tây, người

ta chỉ nói tới nó bắt đầu từ thế kỷ thứ hai trước T.L.

Theo Paul Herrmann trong cuốn *L'homme à la découverte du monde* thì thế kỷ thứ bảy trước T.L., người Hi-lạp đã biết một con đường nối trung bộ Á-châu với con sông Don ở Nga và chở rất nhiều ngọc, vàng, lụa qua châu Âu. Héroadote, một sử gia Hi-lạp sinh ở thế kỷ thứ 5 trước T.L., cũng kể dài dòng về một con đường thương mãi đi từ Hắc - hải, tiến lên phương Bắc, qua con sông Don, tới sông Volga, ngược theo con sông nầy tới Selonos rồi băng qua một cánh đồng cỏ mênh mông, leo núi Oural, rồi tiến về phía đông, tới miền đồi núi ở trung bộ Á-Châu. Con đường đó thời Trung - cổ vẫn được các con buôn dùng, nhưng chưa phải là đường chuyên để chở lụa. Đường chở lụa ở về phía Nam (coi trên bản đồ), từ Trung - hoa tới lưu vực sông Tarim, qua Khotan, Samarkand, Hérat, tới Ormuz, trên Vịnh Ba - Tư, rồi đi ngược lên Thổ-Nhĩ-Kỳ, tới bờ biển Địa-Trung-Hải hoặc Hắc-Hải. Trong thời Hán Vũ-Đế (thế kỷ thứ 2 thuộc T.L.), mỗi năm có tới mười hai đoàn thương nhân chở hàng hóa trên con đường đó. Mỗi đoàn gồm phỏng trăm người và một số lạc đà, ngựa rất đông. Tỉnh Bactra ở Ba-Tư thành một trung tâm thương mãi rất thịnh vượng. Thương đoàn nào cũng ghé đó để chở thêm những hương phẩm của Á - Rập như sạ hương, dầu bông hồng, long diên hương, trầm hương vì không một giáo đường nào ở Châu-Âu không dùng hàng ngày những hương đó.

Đọc những cuốn kể sự mạo hiểm của Huyền Trang qua Ấn - Độ thỉnh kinh, ta có thể tưởng tượng được một phần nhỏ những gian lao của bọn con buôn trong các đoàn lữ hành đó. Họ phải qua hàng chục nước, hàng trăm cửa ải, những sa mạc mênh mông, những rặng núi hiểm trở, phải chịu những cơn bão cát, những cơn dông tuyết, nhất là phải chống cự với những quân cướp có khi đông hơn họ và nhiều khí giới hơn họ. Nhưng khổ sở tới mức nào họ cũng chịu được hết, miễn là có lợi ; mà hễ có lợi, thì tốn kém bao nhiêu họ cũng không quản. Mười năm trước, những ghe buôn cá từ Hồng - ngự về Sài-gòn phải khốn đốn ra sao về cái món tiền mãi lộ — chính phủ bên nào cũng bắt đóng thuế, đảng phái nào cũng có quyền đòi thuế — thì hai ngàn năm trước, các thương đoàn từ Trung - hoa tới La - Mã phải tốn kém biết bao mới qua thoát được mọi cửa ải. Nhưng con buôn thì có bao giờ chịu thiệt, phí tổn càng cao thì các ông hoàng bà chúa ở Châu-Âu càng phải trả đắt. Trách chi một cân lụa chẳng ngang giá với một cân vàng.

Nhưng con đường chở lụa đó nhiều khi đã bị nghẽn. Vào thời mà La-mã chiếm được Ai-cập, nghĩa là ít lâu trước Tây lịch, quân Hung Nô làm chủ miền Tarim, và đường bộ từ Tây qua Đông bị cắt đứt trong hai thế hệ, rồi mới mở lại. Tới năm 130 sau T.L. cũng do rợ Hung Nô mà đường bị nghẽn lần nữa, lâu hơn, luôn cho tới thế kỷ thứ 7, khi nhà Đường đã thống nhất Trung-Quốc.

★

Không dùng được đường bộ thì các con buôn dùng đường thủy.

Từ thời thượng cổ vẫn có những liên lạc thường xuyên giữa châu Âu và miền cận Đông, và trên Địa Trung-Hải tấp nập những ghe biển chở những sản vật ở Á và Phi qua Âu. Mà cũng từ thời thượng cổ, Á-rập và Ba-tư vẫn giao thiệp với Ấn-độ bằng đường biển, Ấn-độ lại giao thiệp với Trung-hoa bằng đường biển. Néarque một tướng lãnh của Alexandre, hoàng-đế Hi-lạp (thế kỷ thứ 4 trước T.L.) kể chuyện đã thấy ở Ấn-độ thứ « serica dermata », tức thứ lụa Trung-hoa...

Chúng ta không được biết thời Alexandre, những thương thuyền theo con đường nào để đi từ Athènes tới Ấn-độ. Có lẽ họ tới Alexandrie, vô một sông con kinh nối Địa Trung-hải với Hồng-hải, theo bờ Hồng-hải tới Aden rồi lại theo bờ biển Á-rập tới vịnh Ba-tư, sau cùng tới Ấn-độ. Đường đó dài nhưng dùng toàn ghe được. Một đường nữa ngắn hơn, nhưng có đoạn phải bỏ ghe, lên bộ, là đường từ Athènes tới Byblos (miền Syrie ngày nay) tới sông Euphrate rồi xuôi dòng sông này ra vịnh Ba-Tư, sau cùng cứ theo bờ biển mà tới Ấn-độ.

Chắc có độc giả lấy làm lạ sao thời đó mà đã có một con kinh nối Địa-trung-hải với Hồng-hải. Vâng, cái công trình vĩ đại của Negrelli và Lesseps ở giữa thế kỷ trước không phải là mới mẻ gì. Từ thế kỷ 13 trước T.L., vua Ai-cập Ramsès II đã tìm cách đổi hướng chảy của sông Nil để nối hai biển đó với nhau. Lần lần cát sa mạc làm lấp đường nước nhân tạo đó và bảy trăm năm sau, khoảng 600 năm trước T.L., vua Ai-cập Néchao cho đào lại. Hérodote vô cùng thán phục kỳ công đó. Ông viết: « Con kinh dài tới nỗi đi bốn ngày mới hết, và rộng đến nỗi hai chiếc ghe biển lớn có thể đi song song được. Phải dùng 120.000 người Ai-cập để đào con kinh đó. »

Trăm năm sau, vua Ba-tư là Darius, sửa sang và đào rộng thêm, và lúc đó kinh rộng khoảng 45 thước, sâu 6 thước, bờ đều xây đá. Theo Plutarque thì năm trăm năm sau, kinh lại cạn, cho nên nữ-hoàng Cléopâtre, sau trận Actium, cho chiến thuyền qua Hồng-hải mà không được.

Vậy trong thời vua Alexandre, chắc kinh còn dùng được. Tới đầu kỷ nguyên, kinh đã lấp, con đường thủy từ La-mã tới Ấn-độ mới đứt quãng. Từ Venise, ghe tới Alexandrie, đổ bộ qua eo biển Suez tới Myoshormes. Từ đấy có ghe ra Aden rồi Ariomata, sau cùng băng ngang Ấn-độ-dương, tới Barbaricum, hoặc Barygaa, hoặc Muziris, trên bờ biển phía tây Ấn-độ.

Học địa lý chắc bạn còn nhớ trên Ấn-độ-dương, có gió mùa thổi ; mùa hè gió thổi từ Ấn-độ tới Phi-châu, mùa đông thổi ngược lại từ châu Phi tới Ấn-độ. Các ghe thuyền Ấn-độ và Á-rập chắc biết lợi dụng ngọn gió đó từ mấy nghìn năm trước, nhưng giấu kỹ bí mật, thành thử người Hi-lạp thời Alexandre không biết, cứ phải đi theo bờ biển từ Aden tới Ấn-độ và đáng lẽ mất hai tháng thì phải mất trọn một năm mới tới chỗ.

Nhưng tới thời César, sự giao thông giữa La-mã và Ấn-độ đã tổ chức đàng

hoàng. Mỗi năm có tới hai chục chiếc tầu biển vượt Ấn-độ-dương, và sau khi La-mã chiếm Ai-cập, khoảng 30 trước T.L., số tàu tăng lên tới một trăm, chạy đều đều, đúng ngày đúng giờ. Người ta đã đánh dấu những chỗ cạn hoặc hiểm trở khi gần tới các hải cảng để cho các thuyền trưởng biết đường đi. Người ta lại biết xây những hải đăng. Nổi danh nhất là hải đăng *Pharos* ở Alexandrie. Xây hải đăng, ngày nay còn là công việc khó khăn đối với các kỹ sư chuyên môn, mặc dầu họ có nhiều phương tiện và dụng cụ tối tân, vậy mà 280 năm trước T.L., chiếc Pharos đã cao tới 160 thước, đèn chiếu xa được 50 cây số, thì quả là một kỳ công của cổ nhân. Đến thế kỷ 14, hải đăng đó còn đứng vững trên đảo Pharos (do đó mà sau này các hải đăng đều gọi là *phare*), và nếu không có một cuộc động đất tàn phá thì chắc ngày nay chúng ta vẫn còn được thấy nó.

Ngoài ra, lại có những cuốn sách ghi những chỉ thị rõ ràng cho các thuyền trưởng trên con đường Ấn-độ. Trong một cuốn đó, ông Paul Herrmann đã trích ra đoạn dưới đây :

« *Tại Ấn-Độ có rất nhiều sông. Trên bờ biển, thủy triều rất mạnh. Vào những ngày sóc, vọng trong mỗi tháng, thủy triều dâng lên cao hơn trong ba ngày rồi hạ lần lần xuống trong những thời gian ở giữa. Ở vài nơi, thủy triều còn mạnh hơn ở Barygaza ; có khi đột nhiên người ta thấy đáy biển, hoặc ngược lại, thấy sóng dập vào những nơi mà mới mấy giờ trước còn phơi đất ra. Khi thủy triều mới lên, nước biển bị dồn ép dữ dội, đẩy nước sông ngược về nguồn, vào xa trong đất liền. Cho nên kẻ nào không biết rõ những miền đó, có thể gặp nguy hiểm khi cho tàu ghé bến hoặc rời bến. Nếu sức ép của nước do thủy triều lên, mà không giảm, thì neo có thể bật tung lên, và tàu bị sóng đánh tấp vào bờ, nghiêng ngả trên dòng nước rồi mắc cạn.* »

Những chiếc tàu buôn thời đó thường rất lớn. Như chiếc Tessaracontère (thế kỷ thứ II trước T.L.) dài 129 thước và chở được 6.500 tấn ; chiếc Alexandria, mà người ta tin rằng do Archimède chỉ cách đóng, chở được 4.200 tấn. La-Mã đóng những tàu nhỏ hơn, nhưng theo Pline (thế kỷ thứ nhất sau T.L.) thì cũng có chiếc chở được 2.500 tấn.

Thường thường, những tàu buôn đi Ấn-Độ, khởi hành vào cuối tháng sáu ở Myoshormos hay ở Bérénice, phía bắc Hồng-Hải, một tháng sau tới Ocelis, gần Bab-el-Mandeb. Từ đó, thuận gió mùa tàu băng qua Ấn-Độ-Dương và mất khoảng bốn chục ngày tới Barygaza ở Ấn-Độ. Tháng chạp, gió mùa thổi ngược, tàu trở về Hồng - Hải, thời gian lâu hơn một chút.

Từ Barygaza có những tàu khác theo bờ biển Ấn-Độ, tới Poduca (Pondichéry ngày nay) hoặc Sopatma (Madras ngày nay). Từ hai hải cảng đó lại có những tàu vượt vịnh Bengale tới bờ biển Đông - Dương rồi theo bờ biển Đông-Dương mà tới Trung - hoa. Cũng có những tàu tiến xuống phía Nam, qua những đảo Sonde rồi tới Phi-luật-tân và sau cùng ngược lên tới Kattigara (có lẽ là Hàng-châu ngày nay.)

★

Đó đại loại con đường biển từ phương Tây sang phương Đông hồi đầu kỷ nguyên là như vậy. Những con buôn La-mã tới Trung-hoa mà Phạm-Việp đã chép trong Hậu Hán Thư có lẽ đã theo đường bờ biển Đông-dương và có thể đã ghé Nam Việt ngày nay, vì hồi tiền chiến, một nhà khảo cổ Pháp đã đào thấy ở miền núi Ba-thê những đồng tiền La-mã. Hồi đó chắc núi Ba-thê ở gần biển hơn ngày nay.

Ở đầu thế kỷ thứ hai, người Á-rập gọi Trung-hoa là *Cine*. Theo Paul Harrmann, tên Cine đó do tên *Tchina* mà các thủy thủ Ấn-độ dùng để chỉ nhà Tần, Nhà Tần đã thống nhất, mở mang Trung-quốc, cho nên các nước khác gọi Trung-quốc là Tần. Người Á-rập đọc Tchina ra Cine, còn người Hi-lạp đọc là Sinaï. Người Hi-lạp còn gọi người Trung-hoa là *Sérien*, do chữ Hi-lạp *Sericon* là lụa, mà chữ sericon do chữ *tí* là tơ của Trung-hoa. Sau người Á-rập còn phân biệt Nam Trung-hoa mà họ gọi là Cine với Bắc Trung-hoa mà họ gọi là *Cathaï*. Có lẽ chữ Cathaï do một tiếng Mông-cổ, chỉ tên một giống rợ, rợ Kitaï đã xâm chiếm Trung-hoa trong thời Trung-cổ. Gần đây người Nga vẫn còn gọi Trung-hoa là Kitaï.

*

Thời Trung-cổ, người phương Tây còn dùng một con đường nữa, nửa bộ nửa thủy, ngắn hơn con đường thủy nhưng khó khăn, nguy hiểm hơn. Các tàu ở phương Tây tới cửa biển của sông Iraouaddi (Miến-điện), hàng hóa vận qua những ghe nhỏ để ngược dòng sông lên Bhamo, rồi từ Bhamo có những đoàn voi hay ngựa chở lên Vân-Nam và sau cùng lên miền Hoa-Bắc.

*

Tới thế kỷ 14, thường thường các tàu ở phương Tây chỉ tới Ấn-độ hoặc Tích-lan ; muốn qua Trung-hoa người ta xuống những ghe biển của Trung-hoa. Những ghe đó rất lớn, tổ chức dàng hoàng và có đủ tiện nghi : có « ca bin » và phòng tắm riêng cho các khách sang.

Theo những ký ức của Ibn Batuta, một người Á-rập du lịch gần khắp Âu-Á ở đầu thế kỷ 14, thì những ghe đó có tới 12 cánh buồm đan bằng tre như những chiếc chiếu không lồ. Ghe chở tới 1.200 người trong số đó chỉ có 200 hành khách, còn 1.000 người kia gồm 600 thủy thủ và 400 lính, phần nhiều là lính Abyssinie. Những lính đó bắn rất giỏi, có mộc, cung, tên, Mũi tên nhúng vào dầu naphte để đốt những thuyền của địch. Số lính đó rất cần để chống nổi với bọn hải khấu, khỏi bị chúng cướp hoặc bắt nộp những số tiền mãi lộ thái quá. Hai bên ghe là những hàng chèo mà chiếc nào chiếc nấy lớn như những cột buồm, buộc bằng những dây thừng, lớn bằng bắp vế. Mỗi chiếc cần từ 10 đến 15 thủy thủ để chèo. Họ chèo đứng, sắp thành hai hàng. Một hàng kéo dây thừng về phía mình rồi thả ra, và hàng kia lại kéo về phía họ. Ghe có bốn từng, và lênh đênh trên biển hàng tháng rồi mới ghé bến.

Bạn thử tưởng tượng 1200 người trong một chiếc ghe, bằng số dân cư một châu thành nhỏ thời Trung-cổ. Rồi còn phải chở lương thực và nước uống

đủ dùng hai ba tháng, nhất là phải chở rất nhiều hàng hóa nữa. Như vậy, ghe dù lớn tới bực nào cũng luôn luôn chật cứng, mà sự bố trí những « ca bin » riêng với những phòng tắm riêng không phải là một xa xỉ. Nó là một sự cần thiết, nếu không thì có hành khách hạng sang nào dám xuống ghe. Thứ nhất là các cụ đại thần Trung-hoa, đi đâu thì dắt cả một đoàn vợ và nữ tì theo sau. Tôi nghe nói, thời thái hậu Từ Hi cầm quyền, một sứ thần của triều đình Thanh qua Luân-đôn được Anh Hoàng mời vào ở trong điện Birmingham, mà cụ lớn chở theo một bu gà, để dưới gầm giường trong điện, chỗ ngài nằm. Bầy gà đó quả thật là đặc biệt không biết họ nuôi cách nào mà con nào con nấy tròn vo, trui lông và đỏ hỏn, y như một khối huyết. Thời đó mà còn vậy thì trong thời Trung-cổ các sứ thần Trung-hoa đi đâu còn kềnh càng biết mấy. Tất phải có « ca bin » riêng cho họ mới được.

★

Vậy từ trên 2000 năm trước, phương Tây và phương Đông vẫn tiếp xúc với nhau thường xuyên, bằng cả hai đường bộ và thủy. Nhưng người ta chỉ tìm kiếm những vật ngon của lạ của nhau thôi. Mãi đến thế kỷ 18, thế kỷ của Voltaire, phương Tây mới bắt đầu hiểu lõm bõm triết lý của phương Đông, còn cái vị chua chát của khoa học phương Tây thì phải đợi đến vụ Nha phiến chiến tranh, phương Đông mới có hân hạnh được nếm. Có gì lạ đâu. Ăn và mặc vẫn là động lực mạnh nhất của văn minh mà !

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Giúp mình nhưng cũng phải giúp người

Khổng-Tử nói rằng :

— Cho mình là hạng phú quí mà biết hạ mình với người thì người nào mà không tôn trọng mình ? Cho mình là hạng phú quí mà biết yêu người thì người nào mà không thân với mình ? Nói ra mà không ai trái lại, thì có thể cho là hạng người biết nói vậy. Nói ra mà mọi người đều hưởng theo cả thì có thể cho là hạng người biết thời vậy. Cho nên kẻ giầu có mà lại biết làm cho người giầu có, thì dầu có muốn nghèo cũng không thể nào nghèo được ; kẻ sang trọng mà biết làm cho người sang trọng thì dầu muốn hèn hạ cũng không thể nào hèn hạ được ; kẻ phát đạt mà biết làm cho người phát đạt thì dầu có muốn khốn cùng cũng không thể khốn cùng được.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

Những lo ngại của một nhà sinh vật học

(Lời nhà bác học Jean Rostand)

CÔ-LIÊU

TĂNG thêm tuổi thọ, sinh con trai hay con gái theo ý muốn, thụ thai nhân tạo, tạo ra một thế hệ con không cha, thay đổi nam thành nữ, nữ thành nam, nuôi dưỡng bào thai trong bình pha lê, thay đổi tính tình con người trước hay sau khi sinh ra, điều hòa tính khí bằng phương pháp hóa học, dùng phương pháp khoa học để làm cho người ta trở nên thuần hòa hay để tạo ra những người có thiên tài, có đức hạnh ; bây giờ người ta biết rằng khoa học ngày mai có thể giải quyết hay buộc phải giải quyết những vấn đề ấy.

Mỗi phát minh tân kỳ đó đều có thể đem lại khó khăn cho cuộc sống vì đặt ra những vấn đề xã hội nan giải như tăng gia quá nhiều số người già cả, hay gây ra những thắc mắc phiền hà cho chính bản thân con người. Bài này sẽ nói đến cạnh khía thứ hai của vấn đề : những thắc mắc mà khoa học sẽ gây ra cho bản thân con người.

*

Người ta có thể sinh con trai hay con gái theo ý muốn. Hay lắm. Nhưng ta đã chắc rằng cha mẹ sẽ thỏa mãn khi có thể sinh trai hay gái theo ý muốn, hay họ sẽ hối tiếc thời kỳ hoàn toàn không biết đứa con sinh ra sẽ là trai hay gái ? Trong gia đình sẽ có những cuộc xích mích kiểu này : « Vì anh muốn có một thằng con trai nên bây giờ nó bỏ xác ngoài mặt trận đó, nếu nghe em, sinh con gái có phải bây giờ có con có cái không ? »

Mà chính đứa trẻ nó sẽ nghĩ sao, khi biết rằng cha mẹ nó có ý định trước cho nó làm trai hay làm gái ?

Vấn đề biến cải cái thai nam thành nữ hay trái lại nữ thành nam trước khi sanh cũng không kém phần quan trọng. Nếu đứa trẻ không thỏa mãn với thân phận làm trai hay làm gái của nó, nó sẽ trách cứ cha mẹ đã chủ ý bắt nó là trai hay là gái theo ý muốn của mình.

Giờ xin nói đến vấn đề thụ thai nhân tạo. Đứa con gái tự tay người tạo ra đó sao khỏi đau khổ khi so sánh mình

với những trẻ khác được sinh ra theo luật thiên nhiên ? Đứa con hoang đã đau khổ vì tự ty mặc cảm, đứa con của những người mẹ trinh nữ mồ côi cha vì khoa học, sẽ đau khổ đến đâu ?

Nói đến tình phụ tử, ta sẽ nghĩ sao nếu ta có một đứa con chỉ là kết quả của một cái bào thai nuôi trong bình thủy tinh bằng chất hérédine ? Đối với đứa con ngoại tình về phương diện hóa học đó, ta có cảm tưởng rằng chúng không phải khí huyết của ta mà là con của khoa học vậy. Dây liên lạc phụ tử nối liền ta với tương lai hầu như bị gián đoạn.

Kỹ thuật tiếp cấy cơ thể người ta có thể tiến tới chỗ thần diệu chắp nối từng mảnh người khác nhau lại để làm một người. Chừng đó một người có những bộ phận thuộc về người khác như thế còn có cảm giác thân mình là của mình không ? hay sẽ có cảm tưởng là thân mình đã bị cưa cắt bớt đi, thân mình đã băng hoại ? Nếu phạm tội, luật sư có thể lý luận rằng chính cơ quan tiếp vào cơ thể phạm nhân chủ trương hành động gây ra tội ấy, chứ khách hàng của ông ta vô tội.

Người ta có thể nói rằng con người sẽ không bị xúc phạm nếu không phạm đến bộ óc. Nhưng bác sĩ Carrel đã cả quyết rằng người ta cảm nghĩ và đau khổ bằng tất cả các cơ quan trong người chứ không riêng gì bộ óc. Vả lại ta có chắc rằng sau này bộ óc không bị khoa học giải phẫu xúc phạm đến sao ? (1)

Một vấn đề nữa liên lạc đến vấn đề nói trên là vấn đề nhân tài. Khi mà người ta có thể dùng kích thích tố để kích thích cho con người trở nên thông minh, có tài năng, có thần khí thì những quan niệm cũ của ta về nhân tài sẽ còn không ? Ta có khen ngợi và kính mến những nghệ sĩ và bác học do khoa học tạo ra không ?

Chúng ta rung động cảm kích trước một tâm hồn tài hoa lỗi lạc chỉ vì những tài hoa ấy là những tác phẩm ngoại hạng của tạo hóa. Thiên tài của họ có đượm một vẻ huyền diệu siêu phàm mà ta không hiểu được, không bắt chước được. Khoa học có phương pháp tạo ra hai nhân tài là cố ý gạt bỏ những vẻ huyền diệu siêu phàm ấy, ta còn căn cứ vào đâu mà ngợi khen, kính trọng ?

Ông Teilhard de Chardin đã nói : « Dù muốn dù không, ta phải biết rằng không cái gì ngăn cản được con người luôn luôn tiến tới trên mọi phương diện, nhất là trên địa hạt sinh vật học, vì thúc đẩy bởi một sức thiên nhiên, một thứ « khẩn cấp nội tâm ». Người ta sẽ tiến đến chỗ cùng tột của khả năng khảo sát và sáng tác.

Tôi (J. Rostand) thận trọng và dè dặt hơn đối với những hứa hẹn của sinh vật học, tôi không gán cho người ta một sứ mạng của Thượng-Đế, tôi chỉ quan niệm con người là tối thiêng liêng, xúc phạm đến thể xác tất nhiên cũng xúc phạm đến linh hồn.

Tôi muốn biết rõ loài người có thể thỏa hiệp với mình, có thể thích ứng được với bộ mặt mới mà họ tự tạo ra không ? Loài người có thể tiêu hóa

(1) Mới đây vụ cấy tủy xương sống cho những người bị nhiễm phóng xạ nguyên tử ở Pháp cho ta một ý niệm về tương lai kỹ thuật cấy và tiếp trong phạm vi các bộ phận thần kinh hệ.

được những phát minh sáng kiến về sinh vật học mà không làm tổn thương sự quân bình của đời sống tinh thần hay không ?

Đôi khi, trong những phút mềm lòng của một người khảo cứu khoa học thuần túy, tôi đã tự hỏi rằng cưỡng ép thiên nhiên, biến đổi những nét chính yếu của dòng sống, người ta liệu có tránh khỏi việc tạo ra cho đời sống một bầu không khí giả tạo ? Tôi đã tự hỏi rằng đảo lộn những quan niệm truyền thống rường cột về liên hệ cha con, về con trai con gái, về nhân vị, người ta liệu có tránh khỏi xúc phạm đến đời sống « tình cảm nội tâm » của giống nòi hay không ?

Trong địa hạt nguyên tử học, có những giới hạn nhiễm xạ trong cơ thể người ta mà người ta không thể vượt qua, trong phạm vi đời sống tinh thần cũng có thể có những giới hạn huyền bí mà nếu vượt qua, ta sẽ đặt loài người trước tình trạng hoang mang, khiếp nhược và cô đơn.

*

Một vấn đề rất quan trọng đặt ra cho nhân loại là ta hãy xét xem kỹ thuật sinh vật học có đưa người ta đến những con đường không hợp nhân đạo, đề những đòi hỏi thầm kín của bản năng con người bị cưỡng ép hay không ?

Tôi không có tham vọng giải quyết những vấn đề như thế. Tôi chỉ muốn ghi lại những thắc mắc, lo ngại và xúc động của một sinh vật học gia. Từ bao nhiêu năm người ta tưởng tượng, dự đoán và chờ đợi những sự tiến bộ ấy, để rồi khi thực hiện được người ta không tránh khỏi ấy náy trong lòng. Tôi chỉ muốn mọi người cùng tôi suy nghĩ về những thắc mắc do khoa học gây ra cho đời sống, vì người ta muốn cho khoa học đạt tới chỗ tuyệt vời nên đã đề khoa học ngự trị trên đời sống con người mà gây ra những thắc mắc ấy.

Về phần tôi, tôi cho rằng sau này nhân loại có bổn phận phải kiểm soát chặt chẽ sự áp dụng những phát minh và sáng kiến khoa học. Như vậy người ta nên hỏi ý kiến các nhà đạo đức. Nhưng trước hết người ta phải yêu cầu các ngành khoa học hãy hỗ tương kiểm soát lẫn nhau. Khi vật lý học sáng chế ra bom nguyên tử thì sinh vật học tố cáo ảnh hưởng nguy hiểm của bụi phóng xạ đến cơ thể sinh vật nhất là về truyền thống giống nòi. Trước những dự định táo bạo của sinh vật học, các nhà tâm lý học, thần kinh học, giải phẫu tâm lý học có bổn phận phải bầy tỏ lời thanh nghị.

Người ta phải cho ta biết rõ sức khỏe tinh thần của ta sẽ bị tổn thương thế nào khi đem áp dụng một cách vội vàng những sáng kiến mới mẻ của phòng thí nghiệm.

Một sự phối trí nhịp nhàng những kỷ luật chung về khoa học như thế sẽ là một sự cần thiết xã hội. Khoa học vật chất phải nhường bước cho khoa học nhân sinh, khoa học nhân sinh phải nhường bước cho khoa học tinh thần. Nếu sự hòa hợp những kỷ luật chung đó chưa thực hiện được trên thực tế thì chúng ta không thể chấp nhận những phát minh thần diệu của loài người mà không có đôi chút thắc mắc.

CÔ-LIÊU

Phỏng dịch bài « Inquiétudes d'un biologiste » của Jean Rostand, Nouvelles littéraires ngày 20-11-58.

ÚC VIÊN THI THOẠI

郁園詩話

NHỮNG CÁNH THIẾP TẾT

CHỪ đây thì không khảo cứu được nhiều hơn. Khảo cứu để biết xem, nhân dịp đầu năm mới, tục lệ gởi cho nhau những cánh thiếp chúc lành, khởi thủy tự dân tộc nào, trong xã hội loài người.

Chúng ta có tục lệ này vốn là có sẵn, hay bắt chước theo Tàu, hay bắt chước theo Tây ?

Có lẽ, người Việt ta không sẵn có tập tục này và cũng không phải bắt chước theo Tàu, mà có lẽ là tập quán truyền từ khi tiếp xúc với Tây phương.

Nghĩ rằng theo Tây phương ; vì Tây phương mới có tổ chức viễn thông nhanh chóng kịp thì, chứ như từ Hà-bắc gởi đến Giang-nam hay từ Cao Lạng gởi đến An Hà, kẻ sứ giả phải đổi ngựa từng trạm dịch, trải qua bao nhiêu dặm đoản đình, tràng đình, thì một cánh thiếp đến nơi, chín chục thiều quang đã hết tự bao giờ. Xuân sự đã qua mùa, cánh thiếp cũng không còn phong vị nữa.

★

Năm đó, cách đây, kể năm thì mới mười chín năm, kể Tết vừa đúng hai mươi bận Tết.

Năm đó là năm Canh-thìn, 1940. Có một hiệu sách nhỏ, ở một tỉnh nhỏ miền Tây, khai trương chào Tết bằng bốn câu thơ :

Cửa nhà văn mở gió xuân vào.
Tiếng pháo đầu năm tiếng tiếng cao
Nguồn mực tràn theo luồng gió đến
Pháo hồng chữ đỏ biết bao nhiêu.

Mười năm khói lửa trải qua. Cách mười năm sau, mùa xuân năm Canh-dần, 1950.

Lại cũng hiệu sách đó, thu thập những mảnh giấy chữ tro tàn, lại một lần nữa, khai trương giữa thủ-đô miền nam nước Việt. Con thuyền thơ vượt sóng, cánh chim trời tung gió bốn phương :

Góp lại tự bốn phương
Tung ra khắp bốn phương
Cánh buồm trời cửu vạn
Buồm thả sóng trùng dương

Tết năm đó, nhờ cành hoa mai nở thịnh, đưa chữ báo tin xuân. Thi nhân nghĩ bài thơ mở hàng.

Mưa gió mở lòng hoa
Sách mở thư trang diễm diễm
Hoa mở bốn mùa tươi
Sách mở vạn xuân đời.
Vườn xuân nghìn cánh Thiên nhiên nở
Diễm diễm nghìn trang Chữ nghĩa cười
Ý ngát tình thơm lòng giấy mực
Tờ thơ xuân thắm gởi ai ai

Đêm đó, ấn cảo nhà in đưa lại để lãnh ý của tác giả, rồi thì cho ống mực lăn chữ lên mặt hoa tiên. Thi nhân vừa kiểm điểm ấn cảo, vừa ngâm nga đắc ý, tựa ấn thiu thiu.

Sáng, giụi mắt, nhìn lại lần chót để giao trả ấn cảo cho nhà in. Thì ngạc nhiên biết bao ! Tay ai đêm qua đã chữa hai tiếng thơ đầu, trở thành :

Sương nắng mở lòng hoa.

Ai đó đã nhắc cho biết rằng : *Mưa gió* nặng nề đủ cho cánh hoa tàn héo, chính *sương nắng* mới đem lại khí phát sinh, ấp ủ cho lòng hoa xuân tươi ấm.

Mãi cho đến bây giờ, cũng chưa biết được hai chữ thơ huyền ảo kia là do tay ai đêm đó, trong giấc bướm mơ xuân.

Thế là duyên văn nợ chữ, từ Tết đó, bắt đầu nên duyên nợ với ai ai.

*

Mùa xuân Tân-mão, 1951.

Cánh thiếp tết thứ hai, lại theo gió bay đi :

Vạn thuở xuân còn trên đất Việt
Xuân còn trên đất Việt thân yêu
Vườn xuân hơn hớn hoa Văn học
Hơn hớn vườn xuân diễm diễm kiều.

Đến mùa, xuân đến, mùa xuân thắm
Mực vấy trân châu bút điểm vàng
Xuân đến thư trang, xuân diễm diễm
Muôn nghìn hoa Chữ nở Văn chương.

Một bạn xưa của Trí-Đức Học-xá, anh Cao-Văn-Hai, ở đâu chợt đến, chào mừng người cố cựu :

Hoa, đến mùa xuân, tràn đất Việt,
Phấn vương hương nhẹ gió lâng lâng,
Nàng tiên diễm diễm về trên sách
Sách đượm men nồng đậy ý xuân

Giữa chốn đô thành đầy khói lửa
Tị Tần hãy đến diễm thư trang
Thay cho nước suối hoa đào đỏ
Có một giòng hương, vạn quyển vàng.

Tết năm thứ hai này, đưa đến cho thi nhân một niềm vui mới lạ. Từ hải ngoại bay về một cánh thiếp đẹp lạ lùng. Phong bì nền hồi văn cổ tự, cánh thiếp nền hồng mẫu đơn đại đóa, bốn chữ « cung hạ tân hi » nét son đỏ chói. Một cánh thiếp rất Tàu, của một thi nhân có một tên hiệu cũng rất Tàu :

Mr & Mrs P.S. Chang, Connaught Rd West-Hongkong :

Nghìn dặm tin đưa từ đất Việt
Của đồng bào Việt rất thân yêu
Đượm đầy hương sắc vườn Văn học
Diễm diễm thư trang lộng vẻ kiều.

Tha hương lâu kém màu tươi thắm
Phút bỗng trưng lên những ánh vàng,
Của nụ hoa xuân vườn diễm diễm
Đưa xuân lại với khách văn chương.

Gần đây, mỗi dịp áp Tết, chúng ta được thấy bao nhiêu cánh thiếp Tàu xinh xinh ngập tràn Chợ-lớn, mắt chúng ta quen rồi. Chứ hồi chín mười năm về trước, giữa lúc mà « Hương-cảng đầu can nhật, Sài-côn nhập mộng thì », thuở đó, mà được nhìn một cánh thiếp Tàu, từ ngoài mây nước gởi về, không phải là một điều thường có. Huống nữa, của một bạn thơ, với một danh hiệu lạ mắt chưa từng quen, với câu thơ :

Của đồng bào Việt rất thân yêu

thì đã đem đến cho thi nhân một niềm xuân cảm động nao nao.

Và khi đọc đến câu :

Tha hương lâu kém màu tươi thắm

thì dầu không nghe khúc sáo Chiết liễu ở Lạc-thành nữa mà lòng cố viên ai lại chẳng ngậm ngùi.

Duy danh hiệu P.S. Chang cứ vẫn là bí mật.

✱

Mùa xuân Nhâm-thìn, 1952.

Nhân có cánh thiếp Hong-kong gởi đến năm rồi, thi nhân năm nay cho in bài thơ Tết thứ ba trên cánh thiếp Tàu duyên dáng.

Chẳng cần tìm đâu xa, thi nhân đã có đối tượng cho nguồn thi cảm :

Bức hồng tiên má đỏ hây hây, đóng khung bằng đôi mép viền môi thắm, mực tươi nhanh nhánh, bút ai đánh rơi như một nét mi huyền :

Ấp ủ men xuân lòng đất nước
Từ xưa chưa lỗi hẹn bao giờ
Cũng như hoa, đến mùa xuân, nở
Mực, đến mùa xuân, dậy ý thơ.

Giấy trải tờ hồng làn má thắm
Bút rơi giọt xạ nét mi huyền.
Nàng xuân diễm diễm cười trong sách,
Lời ngọc câu vàng chữ nhoẻn duyên.

Nhân cánh thiếp đẹp của Tết thứ ba này mà đã rung bao tâm tư yêu mến và bừng lên bao nụ cảm thông :

Chợt lắng tiếng nàng xuân diễm diễm
Ngọt ngào nhạc điệu quyến đông phong,
Tâm tư nào chẳng rung yêu mến,
Phơi phới bừng lên nụ cảm thông...

Hoa nhỏ thẹn mình thân đã thảo
Đài không xanh mướt, cánh không hồng
Nhưng khi nghe thấy tình thơm ngát
Chắc hẳn nàng xuân cũng động lòng.

Nguyễn-Văn-Trung

Bốn phương đào thắm
Mộng năm mây gió huy hoàng
Mỗi độ xuân về thơm áo chiến
Quang trung đến giữa tiếng reo vang

Trích Hoa-Băng

Hoa chữ thơm bừng hương đất
Vườn xuân văn học nở gần
Hoa xuân diễm diễm tưng bừng nở
Trong giấy xuân và trong chữ xuân.

Trích Hồ-thị Kim-Quy

Tin xuân bay bướm tờ hồng thắm
Hương gấm tình quê tự bấy giờ
Mai nở nhớ ai người vạn dặm
Nam Phong góc cũ trúc lơ thơ.

Trích Bạch-Như

Năm trước, nhận lời thơ từ hải ngoại, đã bâng khuâng, năm nay nhận lời thơ từ chốn muôn dặm tử phần, khiến cho lòng du tử thi nhân lại thêm một từng bâng khuâng cảm động.

Có một bạn thơ được dịp ngâm câu « *Hà-tiên đất trích gối sầu hôm mai* » hỏi thi nhân :

Ai buộc hương xuân bằng má thắm
Để ta tâm sự với nàng Thơ ?

Trích Thanh-Phong

thì thật là khó trả lời.

Than ôi ! Nam Phong gác cũ, cố viên tây vong lộ mang mang ! Vời trông áng mây Tần mà tình xuân não nuột.

Có một điều lạ, tết 1952 đó, lại nhận được một tấm danh thiếp « cung chúc tân xuân » của Ông Bà Chang Pao-San, từ Hà-nội.

Đã lạ lùng chưa ? Mr & Mrs P.S. Chang kia với Ông Bà Chang Pao San này là hai hay là một ?

Ai là ai đây ?

Không cho một lời nào để biết rõ hơn.

Cánh thiếp Tết lại bị bao bọc thêm một lần xuân bí ẩn.

✶

Mùa xuân Quí-tị, 1953.

Cánh thiếp Tết thứ tư, lại cứ tuần hoàn :

Xuân nở bốn phương trời diễm diễm
Bốn phương trời ngỏ cánh thư trang
Mây tuôn nam bắc tờ hoa gấm
Gió lộng đông tây tiếng ngọc vàng
Nước mực hòa tan lòng đại khối.
Tin văn gởi khắp ý quần phương
Thiếp đào lá thắm trôi dòng ngự
Thả rụng thơ xuân vạn nẻo đường.

Và những vần thơ họa, theo xuân, lại cứ tuần hoàn :

Ngàn trước ngàn sau và mãi mãi
Mỗi lần đào ửng mái thư trang
Thi-nhân thấm bút trên tờ gấm
Thêm một lần thơ dệt mộng vàng.

Trích Trần Đình-Khải

Hương mực vừa lan xa mấy dặm
Trời thơ đã thấy ấm muôn phương
Đông hồ trăng nước không thay đổi
Vận sự hào hoa của thịnh Đường.

Trích Cao Văn-Hai

Nửa trên của thi sĩ họ Trần và nửa dưới của thi sĩ họ Cao, ngẫu nhiên ghép thành một thiên luật đường toàn bích.

Chúng ta ngâm, một mạch, tám câu đáp họa bài nguyên xướng, có như tờ lá đỏ của chàng Vu Hựu trôi trả về dòng nước ngự cấu.

Và còn đây, một bí ẩn ba năm, đến đây, mới mở tung cánh mộng :

Ba năm ba thiếp ở ba nơi
Bến Cảng thành Long lại đất Sài
Vì thử mỗi năm « chàng » mỗi bến
Mỗi năm mỗi « thiếp » đuổi theo hoài.

Dưới bài thơ ký tên là Trương Bảo-Sơn.

Ôi chao ! P. S. Chang hay Chang Pao San, giờ mới rõ chính là Trương Bảo-Sơn rất Việt-Nam đó mà. Đã từ Hương-cảng ghé về Hà-nội, rồi chiếc thuyền thơ hải ngoại mới buộc lại bến Sài-côn. Chàng Trương lại tỏ ý lo sợ, nếu cứ mỗi xuân sẽ bị một « thiếp » theo hoài, thì « chàng » không biết tránh xuân ở bến Đào nguyên nào cho kín dấu.

*

Mùa xuân Giáp-ngọ, 1954.

Cánh thiếp Tết thứ năm, lại theo cánh buồm mây, đỗ khắp bờ văn học:

Đời mở lòng xuân từ vạn thuở
Mà xuân vẫn giữ ý nguyên trinh
Từ lâu sách mở lòng trang chữ
Chữ vẫn còn nguyên ý đẹp lành.

Cánh gió mở tung trời nghệ thuật
Bốn phương chim rải ý nguyên trinh
Buồm mây đỗ khắp bờ văn học
Diễm diễm thuyền đem ý đẹp lành.

Có những bạn thơ, tung tích tưởng không biết đâu rồi, mà một chiều xuân, chợt đến : một người bạn gái rất lâu xa, nữ sĩ Hoàng-Trân, từ Ngũ - hành - sơn « cảnh trí nào hơn cảnh trí này » đưa vào một cánh hoa xuân :

Ngát gió bốn phương buồm diễm diễm
Con thuyền văn học thuận dòng trong
Mây lành tám hướng đời hoa gấm
Về cánh thư trang nở ánh hồng

Nữ sĩ Hoàng-Trân

Có những bạn, âm dung tưởng còn đây, mà đã vắng lặng giữa xuân đời.

Có những cánh thiếp, không kết duyên được trong những cuộc thập thúy đồng chu, lạc lỏng ở đâu đâu, rồi đến cuối mùa xuân, lại đưa trả nguyên về vườn cũ.

Người sứ dịch không tìm thấy dấu bèo trên mặt nước, cũng là một chuyện thường tình.

Nhưng mà kinh hoàng thay ! Có một cánh thiếp Giáp-ngọ đã trả về, mang về theo mấy dòng bút ghi nguệch ngoạc của người bưu trạm : « Ông Kha đã cửu tuyền chi hạ, kính gởi trả lại... »

Than ôi ! Là lời cáo phó do người bưu trạm báo tin của một ngày xuân tang tóc. « Ông Kha » tức là Ngô Chung-tử, người bạn thơ ở bến Vị-Hoàng từ hai mươi lăm năm trước đây mà !

Rất xa mà rất gần. Rất gần mà bỗng cách xa biền biệt.

*

Mùa xuân Ất-mùi, 1955.

Quanh cánh thiếp Tết thứ sáu, có biết bao là diễm sử.

Vì thi nhân lười nghĩ, hay quả thực, tứ thơ đã đến lúc sơn cùng thủy tận, hay vì lẽ gì khác nữa mà ở cõng làng thơ xuân năm Ất-mùi, thấy yết một bảng cầu thơ, vàng son lộng lẫy :

Đền Thơ tên yết bảng son
Trạng Thơ gọi chút đền ơn lạng vàng
Đem vào diễm diễm thư trang
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai.

Và đây là thiên Đường luật đã chiếm giải khôi nguyên :

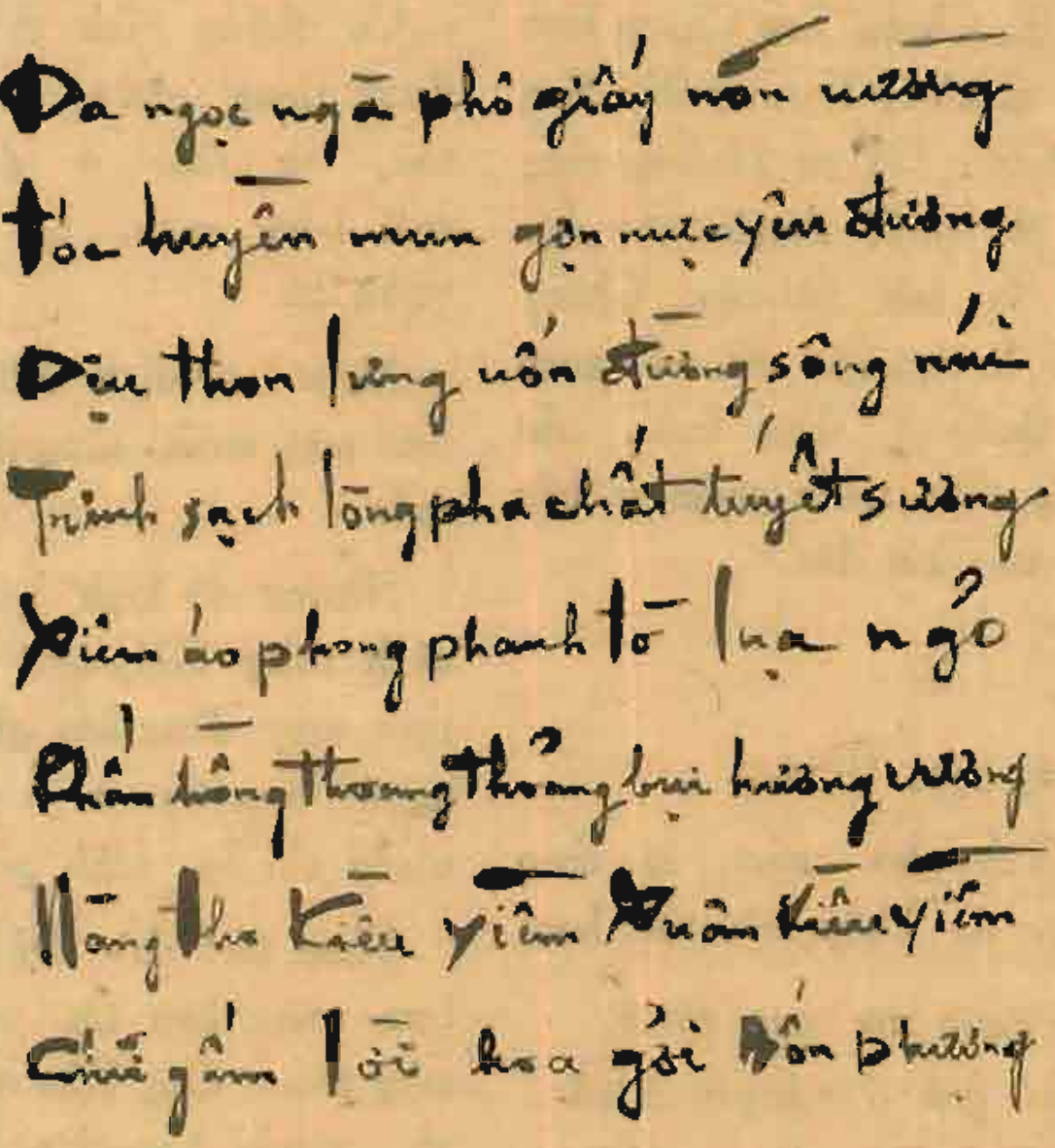

Vì có bạn không ưng nhìn con chữ in trên tờ gấm. Vì có bạn bắt cho xem thử « bút rơi giọt xạ » có đúng là những « nét mi huyền » hay không. Cho nên nàng Thơ phải tự tay nhúng ngòi thơ trong ao nghiên đá chép thơ xuân, như trên đó.

Nhân có việc tranh giải thơ xuân, mà Tết năm Ất-mùi này, thi nhân đã nhận được không biết bao nhiêu lời châu ngọc :

Có những lời thơ rất thơ đã dành, lại có những lời không vần mà cũng rất thơ :

« *Hôm nay, lại được coi chữ gấm trên tấm thiếp. Giữa xã hội cát bụi này, một tâm hồn nghệ sĩ thật hiếm. Muốn mượn câu thơ đời Thanh tặng Tùy viên, để tặng nhau :*

« *Kỳ nhân dữ bất lưỡng phong lưu* ».

Trích Mặc-Nô tử

Có bạn đắn đo :

Xuân về gợi cảm nguồn thơ
Mừng xuân lại nhớ Đông-hồ bốn phương
Nàng Út diễm diễm thư trang
Năm năm vẫn nhả hàng hàng ngọc châu
Năm nay thi tứ để đâu
Mà anh chị lại đi cầu người ta ?
Lạng vàng mua một lời hoa,
Khỏi đưa tôi cũng giúp ba bốn hàng
Chin e xuân trách « Anh Chang »
Vì thơ hay vị lạng vàng ? Lại thôi !

Anh Chang

Thì ra anh P.S. Chang năm xưa vẫn còn thích đùa nàng Út.

Trước khi họa thơ, thi sĩ Vũ Hoàng Chương thêm có mấy lời dẫn, cách điệu Tuyết hồng lệ sử, cách điệu Tây sương ký ;

« *Thơ xuân phụng tiếp từ lâu, bây giờ mới có bài phụng họa. Duyên văn một*

mối, tình vẫn thiết mà ý vẫn thành. Đắc ý một vần, mùa xuân đủ đẹp » :

Xuân mới ba mươi sáu nón nường
Riêng cành mai cũ chiếm yêu đương
Dài sông nghĩa ấy tình cao nút
Pha tuyết thân này mặt nhuốm sương.
Chẳng đợi đông quân làm đạo chủ
Vốn là hoa hậu sánh thi vương.
Giang-nam mộng lẫn vào Giang-bắc
Trời bốn phương lòng chỉ một phương.

Vũ Hoàng-Chương

Năm Ất-mùi này lạ lắm, sao mà có rất nhiều thơ xuân bay bướm :

Tháng năm theo gió rụng lần,
Mà xuân dân tộc lại gần gieo hương...
Ý xuân dậy khắp muôn phương,
Thơ xuân thả rụng nẻo đường văn chương.
Mở lòng cho phấn hương vương,
Cho xuân đời thắm cho trương giấy cười...
Lời hoa nở cánh đào tươi,
Tờ hoa ý ngát gởi ai ai cùng...

Phạm Đàn

Xuân nhân loại thăng bình, xán lạn như nàng Xuân Vũ trụ :

Vũ trụ đông nam có một nường
Lòng đầy đạo lý rộn yêu đương
Môi như vành nguyệt hôn vòm biếc
Mắt tựa vừng ô nghé cửa sương
Lưng thắt ngân hà đai ngũ đế.
Tay vờn bắc đẩu ẩm tam vương
Long hoa hội mở bao vui rộn
Tiệc họp muôn sao khách bốn phương.

Dương Siêu-Hoàn

★

Mùa xuân Bính-thân, 1956.

« *Cám ơn thi nhân đã cho coi vóc gấm. Dệt đào canh tơ mà được như vậy, quả là tay chức nữ tài tình. Thích nhất ở canh chỉ thứ hai* ».

Mặc Nô tử

« Vóc gấm đào canh tơ » tức là cánh thiếp tết thứ bảy này :

Họa đào năm vần thơ tết cũ
Còn dây muôn thuở ý xuân quen.

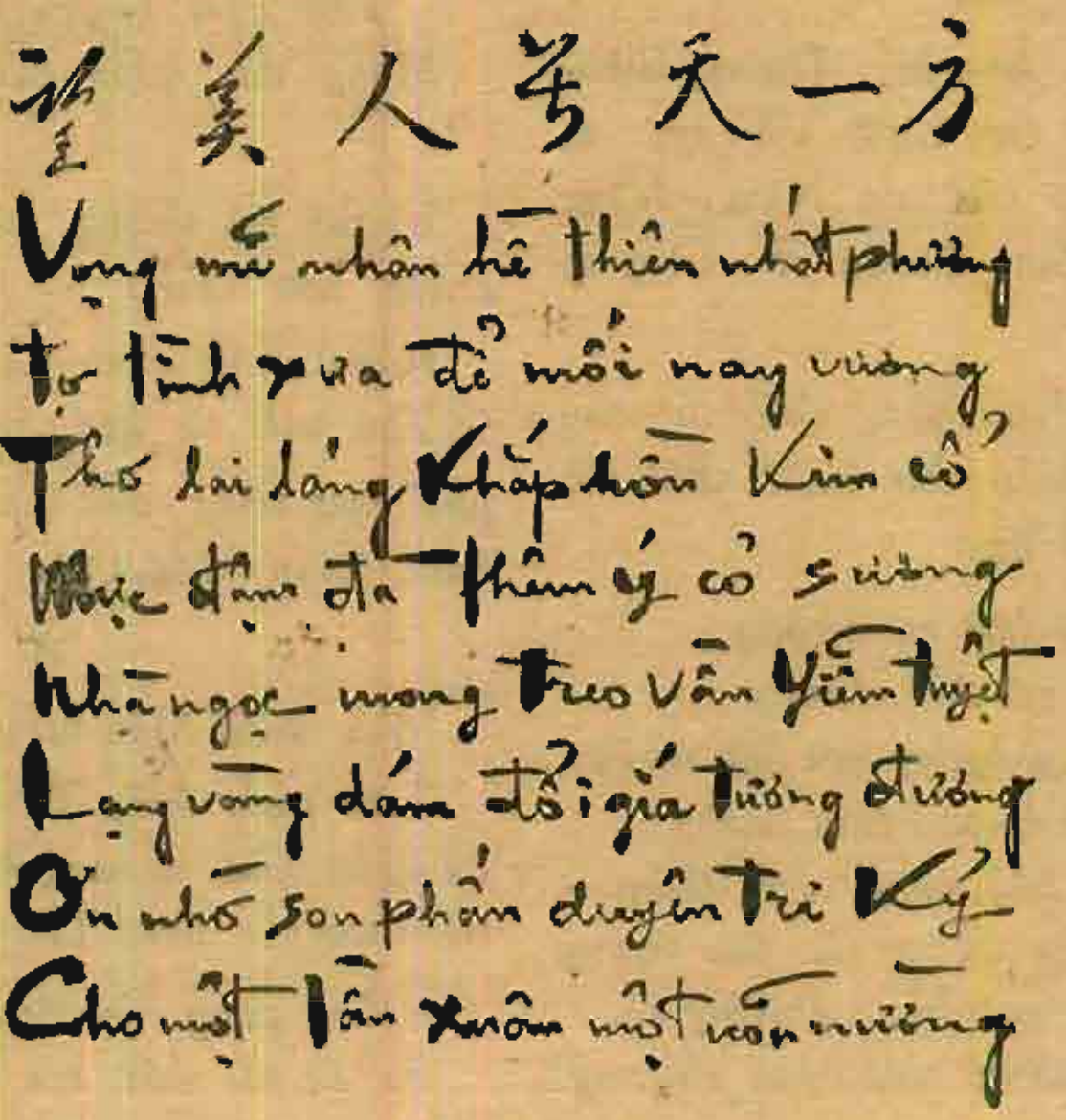

Là ý thi nhân không dám nghĩ đem lạng vàng đánh đổi lấy một vần thơ. Vàng sánh với thơ, cân xứng tương đương làm sao được. Duy lòng những thành khẩn ước mong, chỉ cầu được một vần diễm tuyệt, để treo cao ở chốn ngọc đường.

Bức gấm gởi đi, đã kết đảo mối tơ tằm thì tấm đoạn trả về, cũng phải là những vóc hồi văn, đưa ngược cánh én thoi vàng trên khung cửi :

Nghe ý xuân về tự bốn phương
Mà lòng bối rối vạn tơ vương
Đìu hiu vườn vắng mơ hồng lịa
Bát ngát trời cao mộng tuyết sương
Gió vút e phai hồn cảm hứng
Bụi lầm ngại vần suối yêu đương
Chừng mô đến xứ xuân kiều diễm
Được ngắm nàng Thơ đẹp nõn nường.

Trương Uẩn-Ngọc

★

Mùa xuân Đinh dậu, 1957.

Nhân Tết năm Ất-mùi, Dương Siêu-Hoàn giới thiệu cho nàng Vũ - trụ và muốn cho kết giao với một Nàng. Nàng nào duyên dáng đảm đương cho bằng cô nàng nước Việt.

Cô gái Việt-Nam quàng chiếc áo nâu non, màu cánh thiếp thứ tám, chúc thọ mừng tuổi Lạc Hồng :

Con nhà ai đó hỡi cô nường
Cô Việt nhà ta gái đảm đương
Đôi thúng triêng hoàng vai đất nước
Bốn nghìn năm lẻ tuổi tinh sương
Son Âu phấn Mỹ càng tươi thắm
Tình Lạc duyên Hồng cứ vẫn vương
Cao kín Tràng sơn khuê trướng rủ.
Mây mưa quanh đó mặc ngàn phương.

Có vị lão thi ông đã họa mừng cô gái Việt-Nam bằng những tiếng tơ đầm ấm dương hòa. Họa thơ xuân mà cũng là họa khúc đàn xuân đó :

Vóc ngọc tuy cho mùi tục nhuốm
Lòng băng chi để nghiệp trần vương
Nâng cầm mừng đón xuân minh mị
Lần phím trong chờ bạn bốn phương.

Trích Trần-Văn-Hương

Vì được đón cô nàng Việt-Nam mộc mạc, có một dung nhan đất nước ưa nhìn, nên phải có những câu mộc mạc của vần thơ đất nước :

Đồng đăng có phố Kỳ lừa
Có hình Tô thị có chùa Tam-thanh
Đường xa không tiện du hành
Miền Nam non nước kinh thành cũng xinh

Cũng tuyết phủ cũng hồ xanh,
Sài-gòn cũng có bức tranh tuyệt vời.
Thư trang diễm diễm qua chơi,
Buồm mây lướt mộng chim trời bay êm
Tay cầm quyển sách lên xem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò.

Cao-Văn-Hai

Vì thế mà những nàng Thơ đài các chẳng hạn như :

Rượu tràn chén gấm men còn ngọt
Thơ viết tờ hoa mực vẫn đầm

phải ngự riêng một chiếu, trong bữa tiệc mùa, xuân khác.

★

Mùa xuân Mậu-tuất, 1958.

Trên cánh thiếp Tết thứ chín, thi nhân đã trang điểm lại nàng Thơ, phảng phất nét phấn son của nàng Thơ năm Vị năm Thìn.

Lại càng kín đáo mặn mà,
So bề tài đức lại là phần hơn :

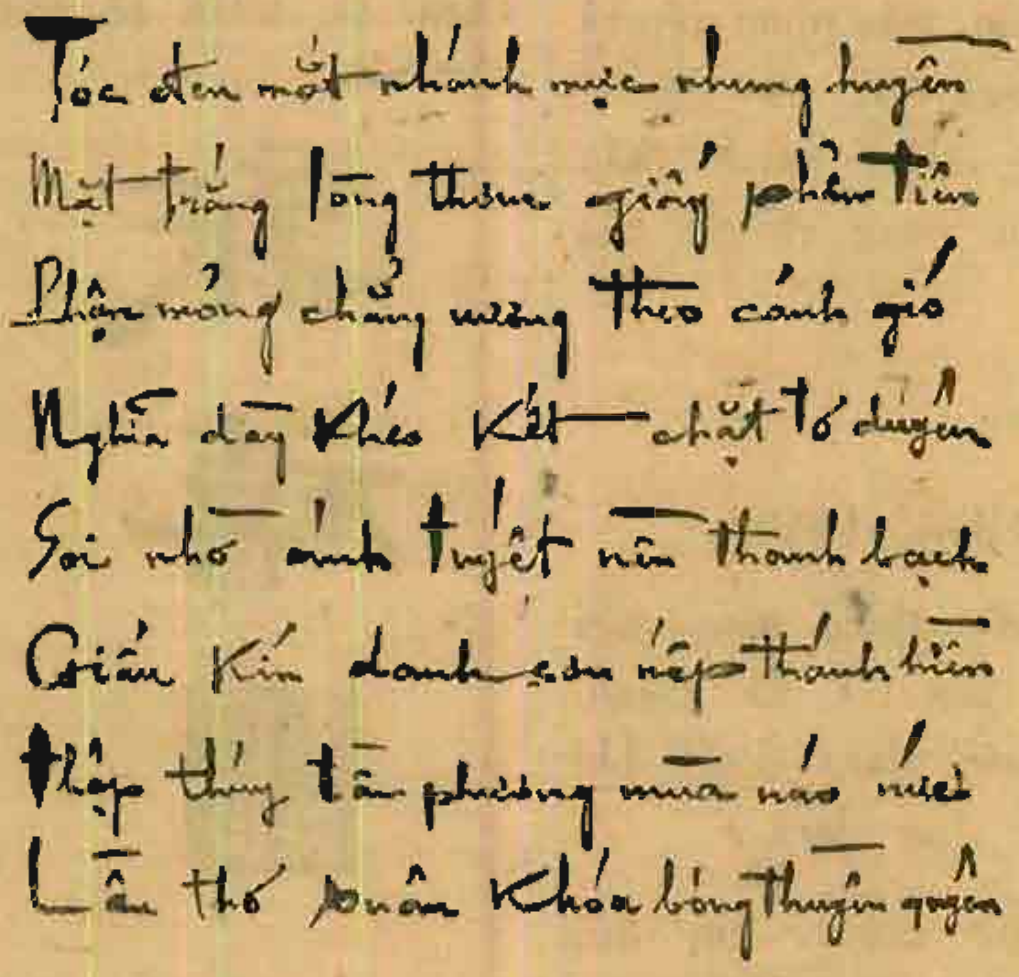

Mười hai tháng cách đây, những vần thơ họa văng vẳng tiếng ngâm còn rất mới, điểm có chút vị mùa xuân của hạnh lâm quít tỉnh cho nàng Thơ thêm khí sắc :

Gấm chiếu thanh nan quà viễn khách
Hương lồng đan táo dấu tiên hiền.

Trích Đỗ Long Giang

Lời hay chữ đẹp ý cao huyền
Dở bức hoa tiên ngỡ thấy tiên

Trích Tạ Thúc-Khải

Hương sắc một mùa tràn đất nước
Niềm tin đôi nét hẹn giao duyên.

Trích Phạm Đàn

Phòng thơ xuân đến vẫn u huyền
Thầm lặng hồn vương bóng dáng tiên
Vẫn mấy lần xuân đời vẫn nợ
Còn bao nhiêu tuổi chữ còn duyên
Mai ngời ánh tuyết niềm trong trắng
Tuyết tựa lòng mai nét dịu hiền
Thoang thoảng hương hoa lòng lại nhớ
Lầu thơ kia với bóng thuyền quyên.

Phan-Ngọc-Châu

Khép mở đài trang diễm diễm huyền
Tay phàm hồ dễ bén tờ tiên
Hương nồng phấn đượm ngây ngây sắc
Yến rã oanh rời thắm thắm duyên
Há dắm say chi mùi tục lụy
Mà ôm ấp mãi mộng cao hiền.
Rách lành giữ lấy lề cho vẹn
Khăng khít muôn đời đẹp phận quyên.

Bình-Hành

*

Một viên gạch trao ra, bao nhiêu viên ngọc trả về, trong chín năm, ngọc gieo châu ném loạn tao đàn.

Kiểm điểm lại mà ánh hào quang sáng chói mắt người nhìn. Nhìn say sưa, nhìn mê mẩn bâng khuâng bao niềm vui rộn. Vui rộn thêm cho lòng xuân mới tưng bừng.

Chừ đây, tháng tận năm cùng, chỉ còn đủ thì giờ nhặt vội mấy hạt gần tay trên đó, để cho nàng Thơ cài lên mái tóc đón

xuân sang. Còn thì xin trân trọng xếp cả vào một tráp bảo tàng, đợi có dịp sẽ kết thành một tràng chuỗi minh châu khuê bích, là món tư trang vô giá của nàng Thơ.

★

Mùa xuân năm Kỷ-hợi, 1959.

Thi nhân đứng trước thềm năm mới rồi đây! Chín bài thơ tết đã thành. Bài thơ tết thứ mười đang đợi. Thi tình xuân tứ đã sẵn sàng chưa ?

Cánh thiếp Tết thứ mười, xin hẹn đến cùng một lượt với tiếng pháo giao thừa, thi nhân sẽ khai bút cho nàng thơ năm sớm.

新禧 恭賀

ĐÔNG-HỒ

Úc viên, đầu năm mới lịch trời

★ Có *tin* kẻ lãnh đạo mới có thể *theo* kẻ lãnh đạo đến cùng, và kẻ lãnh đạo có cảm thấy người tin mình mới có can đảm đòi hỏi người nỗ lực và hy sinh để đưa mọi người tới thắng lợi.

Một cách phòng loạn

Khổng-Tử nói rằng :

— Cái tình tình của hạng trung nhân (hạng người tư chất trung bình), hễ có thừa thì xa xỉ, không đủ thì dè sẻn, không ngăn cấm thì dấm đuối, không đặt mức thì cẩn rỡ, chiều theo sự thèm muốn thì đồ nát. Thế cho nên hạng con đã phải đòn vọt (quá đáng) thì không thể theo được lời dạy của cha, người dân đã phải hình phạt (quá đáng) thì không thể theo được mệnh lệnh của nhà vua. Đó là vì đã ghét thì khó lòng mà nhẫn được, đã cấp bách thì khó lòng mà làm cho trọn được. Cho nên người quân tử không vội đoạn tuyệt, không vội hạn chế, mà chỉ làm sao cho ăn uống có ngần, đồ mặc có chừng, của nhà có mức, đồ súc tích có số, xe ngựa đồ dùng có hạn, đó đều là để phòng cái gốc loạn vậy....

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

HỒN TRUNG-HOA
VÀ
KI-TÔ GIÁO (1)

F. HOUANG
Phan-Khoang
và
Hoàng-minh-Tuynh
(*dịch*)

II.— Hồn tôn giáo của Trung-hoa

Nước Trung-hoa là cả một vũ trụ. Văn minh của nước này có một tầm rộng lớn trong thời gian, trong không gian, và trong tinh thần ; những kinh lịch của nó, tuy thuần nhất trong bản chất, song bao gồm nhiều sắc thái khác nhau, nên dấu gắng rút lại trong mấy điểm đặc thù cũng là việc không thể làm được. Song cũng cứ xin thử trình bày sau đây vài nét đại cương về nền tôn giáo Trung-hoa, đúng được chừng nào quí chừng nấy vậy. Trước hết, xin gắng chỉ ra con đường đi tới của tôn giáo Trung-hoa trải qua bao thế kỷ. Rồi vạch ra những điều bất biến của hồn tôn giáo Trung-hoa và những năng lực còn tiềm tàng của nó. Theo lẽ thông thường, xin lấy lịch sử làm bằng cứ, trước khi bày tỏ những điều suy tưởng riêng tư của một người Trung-hoa và một tính đồ Kitô giáo.

Chúng tôi nói « tôn giáo », chứ không nói « các tôn giáo ». Vì cần phải giải rõ tinh thần tôn giáo của dân tộc Trung-hoa hơn là chi tiết của mỗi tôn giáo ; hơn nữa, tâm hồn người Trung-hoa không ưa sự phân biệt theo kiểu Descartes, nên thường đặt các chủ nghĩa tôn giáo vào một đơn vị có cơ thể, có sinh khí, hơn là tổ chức cho có hệ thống. Trung-hoa ngày nay là nơi gặp gỡ của tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới. Vì Kitô giáo và Hồi-hồi giáo chưa được hồn Trung-hoa đồng hòa, cho nên chúng tôi chỉ bàn đến những hình thức tôn giáo có tính chất thuần túy Trung-hoa mà thôi.

Để được rõ ràng, chúng tôi sẽ kế tiếp trình bày năm giai đoạn của cuộc tiến triển của Trung-hoa về tôn giáo : tôn giáo cổ sơ, ba trào lưu tôn giáo cổ

(1) Xin coi Bách-Khoa từ số 48.

điển, sự thiết lập Khổng-giáo làm quốc giáo, sự du nhập Phật-giáo, sự tổng hợp của Tân Khổng-giáo ở thế kỷ XII.

Tôn giáo cổ sơ

Về nền tôn giáo cổ sơ, tức là từ nguyên thủy cho đến thế kỷ X trước Thiên - Chúa giáng sinh, chúng ta có những bằng cứ rất lộn xộn. Ông Granet đã dùng phương pháp xã hội học để thử lập lại các tín ngưỡng ấy, nhưng phương pháp ấy dùng mình nó, e sẽ đưa đến những giả thuyết không thể kiểm điểm được. Vì vậy theo chúng tôi, những phát kiến của những nhà khảo cổ tìm thấy rõ được nguồn gốc hơn là những ức đoán của những nhà xã hội học. Nhờ những cuộc đào đất trong tỉnh Hồ-nam, người ta đã tìm thấy được những tài liệu chứng tỏ một cách chắc chắn rằng ở thiên niên kỷ I trước Thiên-Chúa, nhà Thương đã có một nền văn minh đặc biệt Trung-hoa. Nhờ các tài liệu ấy, nhờ những điều ghi chép trên những bình, lọ bằng đồng, những mai rùa, những hài cốt có chạm, khắc, chúng ta có thể kiểm điểm lại những điều mà Kinh-Thi và Kinh-Thư, hai sách ra đời từ thế kỷ VI trước Thiên-Chúa, cho chúng ta biết về Trung-hoa thượng cổ.

Do đó, có thể phân biệt ở Trung-hoa cổ sơ ba thứ lễ bái.

Lễ bái thần linh phổ thông ở các dân tộc cổ sơ, cố nhiên thịnh hành ở Trung-hoa cổ sơ chuyên nông nghiệp. Lễ bái thần linh là cách biểu lộ tình liên hệ giữa người và thiên nhiên. Các mãnh lực thiên nhiên như mưa, mây, sấm, sông, được thần linh hóa và tôn thờ. Thêm vào đó, người ta thờ ngũ tự là thần cửa, ngõ, giếng, bếp, và ở giữa nhà, vị thần quan trọng hơn hết có lẽ là thần Thổ-địa.

Ngoài ra, người Trung-Hoa cổ sơ còn thờ phụng Trời là vị cao hơn các vị thần thiên nhiên nữa. Trong các sách xưa, sự thờ Trời (Thiên) thường liên kết với sự thờ một vị chủ tể tối cao (Thượng-đế). Người Trung - Hoa cho Trời là vị chủ tể tối cao, hay họ dùng danh từ Trời là để ám chỉ vị chủ tế tối cao ?

Đó là những vấn đề người ta thường tranh luận. Các nhà biện thuyết Ki-tô giáo, theo ý kiến các Giáo sĩ Dòng-tên thế kỷ XVII, khuynh về giải thích thứ hai ; các nhà nghiên cứu văn hóa Trung Hoa đa số đều khuynh về giải thích thứ nhất. Nhưng theo các sự nghiên cứu mới nhất thì Thượng đế là danh từ nhà Thương dùng riêng để chỉ thủy tổ của bộ lạc mình, còn Trời hoặc Thiên là uy quyền tối cao, ở trên tổ tiên và các vị thần linh thiên nhiên. Nhưng Trời không có hình thể như người, nên ủy mệnh cho Vua làm Thiên tử (con Trời) phải chịu trách nhiệm với Trời về trật tự trong vũ trụ và giữa nhân gian. Vì thế bốc phệ là việc quan trọng. Muốn biết ý muốn của Trời, các vua, chúa thường nhờ sự bói toán. Trong các việc chiến tranh, hòa bình, hôn nhân, chinh phạt, họ phải bói bằng mai rùa rồi mới dám quyết.

Sự thờ cúng thứ ba, rất hệ trọng vì có ảnh hưởng trong sự thành lập tôn giáo nước Trung-hoa, là thờ cúng tổ tiên. Không một dân tộc nào đặt ra một lễ nghi tinh tế trong việc thờ cúng tổ tiên như thế ; không một xứ nào mà sự liên hệ giữa

người sống và người chết đào luyện tâm hồn con người một cách sâu sắc như thế. Hình như ở thế kỷ X trước Thiên-Chúa, sự thờ cúng tổ tiên chỉ dành riêng cho vua, chúa, nhưng rồi nó liền trở thành một tập tục lớn lao trong đời sống tôn giáo của tất cả người Trung-hoa. Các giáo sĩ thường cho đó là mê tín dị đoan, vì họ thấy thờ cúng tổ tiên chỉ là để cầu vong linh tổ tiên phù hộ về vật chất, nhưng theo chúng tôi thì đấy là sự biểu lộ mối tình liên hệ giữa những người thân thích trong một bộ tộc.

Trở lên là những yếu tố chủ yếu của các sự thờ phụng ở nước Trung-hoa cổ sơ. Sự thờ phụng linh hồn, thờ phụng Trời, thờ phụng tổ tiên không phải là những tín ngưỡng bác tạp, mà nó kết hiệp lại trong ý muốn của người Trung-hoa xưa được cộng đồng, cảm ứng với Tự nhiên, với Trời, và người. Nhưng phải đợi đến thế kỷ V trước Thiên-Chúa giáng sinh, các thờ phụng ấy mới gây ra những suy nghĩ triết lý sâu xa, làm phát sinh cuộc khủng hoảng tôn giáo, đặc tính của thời đại gọi là cổ điển.

III. — Ba trào lưu tôn giáo của Trung-hoa cổ điển

Tôn giáo của Trung-hoa thời cổ điển có nhiều khả năng sáng tạo hơn thời nào hết. Lạ thay, tôn giáo ấy cũng đồng thời với sự đản sinh của đức Phật-tổ, sự phát đạt của chủ nghĩa tiên tri Cổ Do-thái và sự phát khởi của tư tưởng Hy-lạp. Về phương diện xã hội và chánh trị, đó là thời kỳ mà một số tiểu quốc độc lập ra đời để thay thế cho nền phong kiến cũ ; các tiểu quốc này do các tiểu vương phong kiến tham lam cai trị, đánh nhau luôn luôn để tranh giành bá quyền và thường tìm kiếm những nhà tư tưởng có đặc tài để nhờ giúp đỡ.

Thế kỷ thứ V này thường gọi là thế kỷ Khổng-tử, nhưng thời ấy còn có hai nhân vật khác, trí lực như thế, là Lão-tử và Mạnh-tử ; vị trên trầm tư mặc tưởng, vị dưới khuynh về hành động. Tư tưởng của Mạnh-tử, chẳng kém gì của Khổng-tử và Lão-tử, đã đào luyện tâm hồn tôn giáo người Trung-hoa, thế mà vì không kết tinh lại ở một chế độ nào, nên thường không được người ta biết đến lắm. Tuy vậy, nếu không kể đến nó, tức là phạm một thiếu sót cho nền tôn giáo Trung-hoa. Người ta thường cho Lão-tử sinh trước Khổng-tử và Khổng-tử ra đời trước Mạnh-tử. Nhưng tài liệu các sách sử không xác nhận được phần nào cho điều ấy. Có những bài văn, cho là của Khổng, Mạnh, Lão, trong đó họ công kích lẫn nhau, nhưng đó là những cuộc bút chiến giữa các học phái, chứ không phải là những lời nói chánh thức của các tôn sư. (1)

Như vậy, Khổng-Tử, Lão-Tử, và Mạnh-Tử tượng trưng ba cuộc vận chuyển của Tôn giáo Trung-hoa trong cuộc biến hóa lần đầu. Trong thời đại loạn ly, khốn khổ tiếp theo những chinh chiến thường xuyên, những tín ngưỡng cũ đều tỏ ra bất lực trong việc dẹp trừ rối loạn trong con người cũng như trong xã hội. Học thuyết của Khổng, của Mạnh, và của Lão, cả ba đều nhằm một mục đích cứu dân. Họ nêu lên cho các vua, chúa đương

(1) Theo chúng tôi, hình như, trái với niên đại ký truyền thuyết, tác giả Đạo-đức-kinh ra đời sau Khổng-Tử và Mạnh-Tử.

thời tấm gương của các thánh quân, hiền chúa xưa kia, là những bậc lo lắng trước hết cho nhân dân hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng tuy theo một mục đích, ba học thuyết đều khác nhau về thái độ đối với các sự thờ phụng cổ sơ, với Trời, cũng như về điều kiện giải thoát và cuộc sống tinh thần mình chủ trương.

Trước hết, đối với các thờ phụng của nước Trung-hoa thái cổ, Mạnh-Tử tỏ ra là một người bảo thủ cương quyết. Thái độ ông là duy thần. Ông tin Trời mà ông cho là đồng nhất với Thượng-Đế, một vị chủ tể, thưởng phạt mọi người như một ông vua chí công. Ông cũng tin linh hồn của tổ tiên là có thật, và tin quỉ thần.

Trái với Mạnh-Tử duy thần, Lão-Tử lấy vũ trụ làm trung tâm. Đối với Lão, Trời là Đạo, nguyên lý cố hữu của vũ trụ, sinh ra muôn vật. Ông hoàn toàn không để ý đến linh hồn tổ tiên và quỉ thần có hay là không có, mà chỉ cho rằng đầu đuôi, thủy chung của muôn vật, muôn loài, của vũ trụ, đều ở trong Đạo. Ông so sánh Đạo với một bà mẹ từ bi thương yêu tất cả con cái, không phân biệt.

Ở giữa chủ nghĩa duy thần của Mạnh-Tử và chủ nghĩa vũ trụ của Lão-Tử, quan niệm của Khổng-Tử chú trọng đạo tâm của con người. Ông tin Trời nhân cách hóa của cổ nhân, nhưng chỉ nhận đấy là một chủ tể thần thánh để chỉnh lý lương tâm đạo đức của con người. Ông kính trọng quỉ thần và linh hồn tổ tiên, nhưng cấm người ta dò xét các điều huyền bí ấy. Một lần, một môn đệ hỏi ông về việc chết, ông đáp : « Việc sống còn chưa biết, biết việc chết sao được ? » (1)

Xem đó, người ta biết vì sao Mạnh-tử chủ trương cúng tế bằng lễ vật, nhưng không dùng nghi lễ, còn Lão-tử chế nhạo mọi nghi lễ, Khổng-tử thì, cũng như Isaïe, bài xích những sự cúng tế bề ngoài, và giống như Ezéchiel, cho rằng điển lễ có một ý nghĩa huyền bí.

Do ba quan niệm về Trời, hoặc về đấng Thần minh tối cao ấy, phát sinh ba quan niệm khác nhau về điều kiện giải thoát.

Quan niệm nhân cách về Trời chi phối tất cả tư tưởng tôn giáo của Mạnh-tử. Thầy Mạnh cho rằng Thượng-đế thưởng hay phạt người, tùy theo người tuân hay không tuân ý muốn của Trời và ý muốn ấy tóm lại trong lời dặn bảo : « Phải thương yêu lẫn nhau. » (2) Lòng thương ấy không có giới hạn, lan rộng đến cả mọi người, không trừ một ai, và có thể đi đến sự hy sinh bản thân mình nữa. Để có một ý kiến về sự sâu xa và mạnh mẽ của tư tưởng tôn giáo của Mạnh-tử, xin thuật lại một đôi lời nói của ông.

Thầy Mạnh nói : « Hãy nghe lời vua Thang cầu với Thượng-đế xưa kia : nếu ta làm điều thiện thì Trời biết, nếu ta làm điều ác thì Trời cũng thấy. Nếu dân phạm lỗi với Trời thì ta chịu lỗi ; nhưng nếu ta phạm lỗi thì dân vô tội. » Thầy Mạnh nói tiếp rằng : « Vua

(1) Luận-ngữ XI

(2) Oeuvres de Mei-ti của Sauen Ijang, quyển VII, chương 28

Thang sang như con Trời, giàu như vị chủ tể cả nước, mà không sợ dâng thân mình cho Thượng-đế và quỉ thần để làm vật giải oan. Ấy là vì vua hiểu rõ lòng thương khắp nhân loại vậy. » (1)

Vấn đề giải thoát, cứu rỗi, ở Lão-tử khác hẳn. Đạo là Thượng-đế tự tại trong vũ trụ, điều chỉnh tất cả.

Đối với cá nhân cũng như đối với xã hội, chỉ nhờ Đạo, trong Đạo, mới có sự giải thoát được. Vì đó, Lão-tử chú trọng những đức tính của Đạo mà ông cho là những gương mẫu đạo đức của người. Ông dạy người đừng dùng bạo lực, đừng tranh giành, vì Đạo không dùng bạo lực và bài xích sự tranh giành. Ông nói : đạo của Trời là gia ân mà không làm hại, đạo của người hiền là làm việc mà không tranh giành (2). Trong một chương khác của sách Đạo-đức-kinh, ông ca tụng sự khiêm nhượng : « Đoàn quân mạnh không thắng, cây cao phải gãy ; cao và sức mạnh là thấp, chỉ sự yếu ớt, sự khiêm tốn mới là toàn thiện (3) ». Ông cũng khuyên nên thương người, nhưng lòng thương ấy ở Mạnh-tử thì nhiệt liệt biết bao, còn ở Lão-tử thì thật là hờ hững, thản nhiên.

Thái độ của Khổng-tử ở giữa hai thái độ cực đoan ấy. Ông khuynh về luân lý nhiều hơn là tôn giáo, và cho rằng trí người không thể biết được tuyệt đối chứ không độc đoán một lẽ gì. Vì thế, hình như ông tìm một sự dung hòa giữa chủ nghĩa vị tha thái quá của Mạnh-tử và chủ nghĩa cá nhân của Lão-tử. Để cứu vãn xã hội, phải cứu vãn con người trước đã : không phải con người không tưởng, trừu tượng là người không bao giờ có, mà con người cụ thể như đã có trong bản thể luân lý của nó và trong sự giao tế với người khác. Chữ « *nhân* » mà Khổng-tử dùng đến luôn bày tỏ lòng tốt của con người, lòng tốt ấy cốt lấy những tình cảm của mình mà đo tình cảm của người khác. Vì đó, có qui tắc : « Đừng làm cho người khác điều mình không muốn người ta làm cho mình » (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân), hoặc nói một cách vắn tắt : « Thương người » (ái nhân). Không quá cao như Mạnh-Tử chịu hy sinh mình vì một nhân loại trừu tượng, không như Lão-Tử thương người lành lẫn người dữ, đều với một sự lãnh đạm bình tĩnh, Khổng-Tử tùy theo những đức tính trung, chánh, thành, của người khác về mặt cụ thể, xã hội, mà cư xử lại cho xứng hợp.

Đạo đức ấy, vì trước hết lo tu sửa thân mình, nên là một đạo đức cá nhân. Nhưng nó nới rộng dần từ cá nhân ra đến gia đình, từ gia đình ra đến làng mạc, — làng mạc cũng là một gia đình nới rộng, — từ làng ra đến nước, rồi từ nước mà hoàn tất ở cả nhân loại, chẳng khác nào những gợn sóng gây lên do một viên đá quăng xuống giữa hồ nước nó lan dần dần ra đến tận bờ hồ.

Sự sai thù về điều kiện đạt đạo ấy tạo ra ba thứ tâm linh, và hành trạng của Mạnh, Lão, Khổng cho ta thấy mỗi vị này là hóa thân của một tâm linh ấy.

Suốt đời, Mạnh-Tử cho người đói thức ăn, cho người không nhà nơi nương náu, cho người rách đồ mặc, chôn cất

(1) Sách trên, chương 16, trương 9b
(2) Đạo đức kinh chương 81.
(3) Đạo đức kinh chương 76.

người chết không ai chôn cất, và cứu giúp những quốc gia bị công kích một cách bất công. Ông đã hết sức hoạt động, chu du thiên hạ, để truyền bá học thuyết bác ái của mình. Mình mặc vải thô, không thiết đến sự ăn uống, đi chân không, đầu cạo, mùa đông cũng như mùa hè, ông đã sống một đời khổ hạnh không thua gì các Linh mục ở sa mạc. Vì đó, tuy những người đối lập có chỉ trích ông là trái nhân tình, lòng từ thiện anh hùng ấy cũng khiến nhiều kẻ hâm mộ, theo làm môn đệ.

Tinh thần hoạt động ấy trái với sự tĩnh tịch vô vi của Lão-Tử biết bao! Đối với Lão, tất cả đều rút lại ở công hiệu của thuyết vô vi. Không làm gì hết, nhưng rồi tất cả sẽ làm xong. Từ bỏ mọi hình thức bề ngoài, quên cả bản thân mình nữa, tiến đến một trạng thái hoàn toàn hư không, ấy là phương tiện độc nhất để thực hiện sự hòa hợp thần bí với Đạo. Theo truyền thuyết, Lão-Tử từ bỏ chức Trụ-hạ-sử là chức quan coi giữ kho sách nhà vua để sang phương Tây, rồi sau đó không biết: ông ra thế nào. Dẫu thuyết ấy khó tin, chúng ta cũng có thể biết ông, theo bài thơ này của sách Đạo-đức kinh :

Đoạn tuyệt với học thì không ưu phiền. Chữ « dụy », chữ « a » khác nhau là mấy ? Cái thiện, cái ác, xa nhau bao nhiêu ?

Điều chúng nhân sợ, không thể không sợ, nhưng không sợ đến nỗi mờ mịt hoang mang.

Chúng nhân hớn hở, như hưởng cỗ to, như lên xuân đài.

Ta trơ trơ như đứa trẻ chưa lớn, không biết đi về nơi nao.

Chúng nhân đều có thừa, riêng ta vẫn thấy như thiếu. Ta là kẻ ngu chăng ? Mờ mịt lắm ! Chúng nhân sáng láng, riêng ta vẫn thấy như tối tăm. Chúng nhân hăm hở, riêng ta hững hờ. Chợt như gió biển, không biết về đâu. Chúng nhân đều có, riêng ta vẫn trơ trơ như người bỉ lậu.

Duy ta khác với người, mà quí trọng Mẹ nuôi. (1)

---

(1) Nguyên văn Đạo đức kinh, chương 20, trích trong « Đạo đức kinh » do Cha Wiéger S.J. biên tập như sau :

Tuyệt học, vô ưu. Dụy chi dữ a, tương khứ kỉ hà ? Thiện chi dữ ác, tương khứ hà nhược ?

Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang hề kỳ vị ương tai ?

Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như đăng xuân đài.

Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài thặng hề nhược vô sở qui.

Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược dĩ. Ngã ngu nhân chi tâm dã tai ? Hỗn hỗn hề. Chúng nhân chiêu chiêu, ngã độc nhược hôn. Chúng nhân sát sát ; ngã độc muộn muộn. Hốt nhược hải lâu hề, tự vô sở chỉ. Chúng nhân giai hữu, dĩ ngã độc ngoan tự bỉ.

Ngã độc dị ư nhân, nhi qui thực mẫu.

Nguyễn-văn-Đạo đức kinh, chương 20, Cha F. Houang trích đăng trong tập : « Âme chinoise et Christianisme », chúng tôi tiếc không sưu tầm được, nên phải buộc lòng đăng bản của cha Wiéger. Để được kỹ càng hơn, chúng tôi xin lục đăng dưới đây bản dịch của Cha Houang :

Chacun s'échauffe et se dilate,
Comme s'il festoyait au sacrifice du Boeuf
Ou qu'il montât sur les Terrasses du Printemps :
Moi seul demeure en paix, imperturbable,
Comme un petit enfant qui n'a pas encore ri,
Morose comme un sans-logis.
Chacun amasse et thésaurise,
Moi seul je parais démuni,
Quel innocent je fais,
Quel idiot je suis !
Chacun paraît malin, malin,
Moi seul me tais, me tais.
Fluctuant comme la mer,
Je vais et viens sans cesse,
A chacun quelque affaire
Moi seul m'en abstiens.
Incivil et têtu,
Pourquoi si singulier ?
Je suis têter ma Mère.

« Mẹ » đây cố nhiên là Đạo, nguyên tắc phát sinh ra tất cả sự vật trong vũ trụ

Ở Khổng-Tử thì không có gì giống như thế. Với đức Trọng-Ni, tất cả đều chừng mực, thận trọng. Ông đã tìm ra một điểm quân bình ở giữa sự hành động của Mạnh-Tử và sự vô vi của Lão-Tử. Ông rầy quở một môn đệ đã có thói quen ngủ trưa sau bữa ăn, điều ấy làm cho người ta cho ông là một người theo chủ nghĩa tích cực ; nhưng ông thú thật với một môn đệ khác rằng lòng ước ao của ông là « được bơi một chiếc ghe đi rong chơi, quên hết phiền muộn, hát, đàn với vài người bạn », và điều ấy có thể làm cho người ta cho ông ưa tĩnh tịch, vô vi. Nếu có khi ông ứng phó một cách can đảm với sự hiểm nghèo thì cũng lắm lúc ông gìn giữ đường đi nước bước cẩn thận như đi trên băng giá.

Tâm linh của ông có lẽ được biểu lộ hoàn toàn hơn cả ở thuyết trung dung, mà cháu nội ông đã đem phô diễn thành hệ thống trong sách Trung-dung. Thuyết này ảnh hưởng đến tinh thần tôn giáo Trung hoa, lấn át cả thuyết của Mạnh-Tử, Lão-Tử, đến nỗi 500 năm sau khi Khổng-Tử qua đời, Khổng-giáo trở thành tôn giáo chính thức của nước Trung-hoa.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

★ Công kích những quyết định của người lãnh đạo thường là một điều nguy hiểm. Công kích như vậy có thể là công kích suông, thiếu xác đáng. Có điều nguy hại hơn, là có khi do đấy mà người dưới đâm ra hoang mang, lưỡng lự, làm hư hỏng cả những kế hoạch đã được chuẩn bị kỹ càng từ trước.

Góp trí để trị

Công-tử (con vua) nước Kinh mới 15 tuổi đã giữ quyền tướng quốc. Khổng - Tử nghe nói, sai người tới xem chính trị ra sao ? Sứ-giả đi về, báo với ngài rằng :

— Xét tới nơi triều đình, thấy thanh thản, trong sạch, mà rất ít việc. Trên thềm có 5 ông già và dưới thềm có 20 tráng sĩ.

Khổng-Tử nghe nói khen rằng :

— Họp trí khôn cả 25 người đó, có thể trị cả thiên hạ cũng được, huống chi là một nước Kinh !

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

NGŨ HÀNH SƠN

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Ngũ-Hành-Sơn là tên chung mà vua Minh-Mạng đã đặt cho năm trái núi mọc lên trên một độn cát dài, thuộc tỉnh Quảng-nam.

Từ Cửa Hàn đi xuống chỉ có mấy thôi đường.

Ngũ-hành-sơn gồm núi *Kim-sơn*, *Mộc-sơn*, *Thủy-sơn*, *Hỏa-sơn và Thổ-sơn*.

Các núi này là một thắng cảnh của nước Việt-nam, cũng lại là nơi chiêm bái của tín đồ đạo Phật. Đối với các nhà địa lý thì là một đề tài để khảo cứu. Nhà khảo cổ cũng phải giải quyết một vài vấn đề:

★

1) Trong các núi Ngũ-hành thời núi *Thủy-sơn* là quan trọng hơn hết.

Núi này không cao mấy, có các bục đá để đi lên, có những chỗ phẳng để nghỉ và để cho du khách ngoảnh xuống dưới đồng bằng mà nhìn cảnh độn cát trắng phau, ruộng lúa, xóm làng và biển xanh biếc. Càng lên cao càng bao quát được phong cảnh, một phong cảnh rất đẹp.

2) Có các cụ già, « lần tràng hạt niệm Nam mô Phật » chống gậy, lúc đi, lúc nghỉ để lên lễ chùa. Trên núi có nhiều Chùa.

Người phàm tục lên gần tới chùa đầu, ngồi nghỉ, nhìn về phía dưới, thấy « kia non non nước nước mây mây », nghe « thoảng bên tai mấy tiếng cháy kinh » thời người phàm tục cũng cảm thấy « lâng lâng chẳng bợn chút trần ai. » Còn « khách tang hải » cũng « giật mình trong giấc mộng. »

Ai đã đi vãng cảnh chùa Hương tích, thuộc tỉnh Hà-nam Bắc-Việt thời đã biết rằng chùa Hương-tích đã được ghi là Nam-thiên đệ nhất động.

Các chùa ở núi Thủy-sơn cũng có một đức « từ bi » cảnh tỉnh kẻ trần gian.

Vào chùa đầu, *chùa Tam-thai* đặt trong

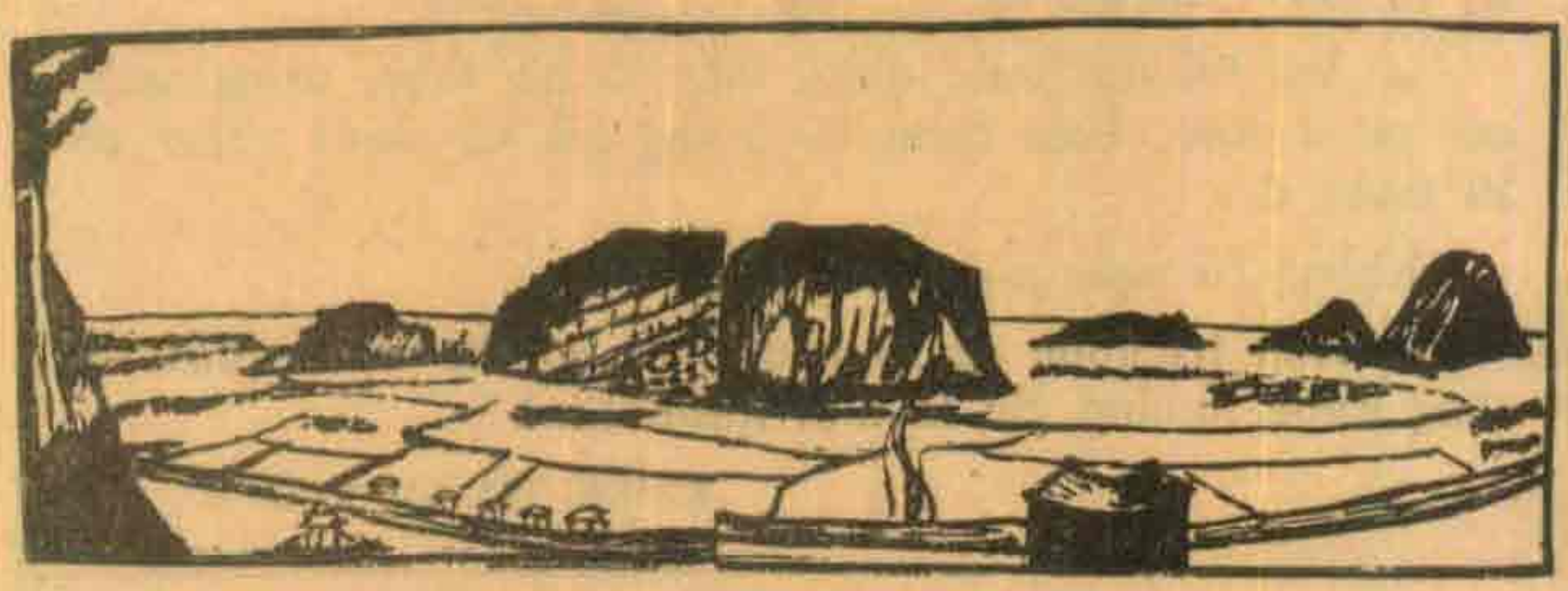

Tranh vẽ bao quát Ngũ Hành Sơn (vẽ theo hình chụp của phòng thông tin Huê-kỳ)

một cảnh như tiên cảnh, ta thấy các vị sư già, đạo đức lộ ra trên nét mặt.

Rồi ta vào các động : Động *Huyền-không*, động *Linh-nham*, động *Vận-thông*, động *Thiên-linh*, động *Tàng-chân*, động *Chiêm-thành*.

Thế nào là một cái động ?

Nhà địa lý giảng sự thành lập các động như sau này.

3) Các núi Ngũ-hành toàn là núi đá vôi. Mà là đá vôi già, già lắm, già hơn các đá thuộc tuổi u-ra-lô péc-miêng (ouralo permien) vì thuộc về tuổi đề-vô-niêng (dévonien).

Đá vôi ở Ngũ-hành-sơn già tuổi nên rất rắn, biến thành chất máp (marbre).

Các núi đá vôi ở Hương-tích ở Tử-trầm, ở Bắc-sơn và các đảo ở Vịnh Hạ-long, cùng các lèn ở Quảng-bình cũng cùng một tuổi già như núi Ngũ-hành và cũng rất rắn.

Vì vậy cho nên có nhiều động.

Động tức là một cái hang ở trong núi đá vôi rắn.

Ở Hương-tích, Tử-trầm, Bắc-sơn Phong nha, Còn ở Đồng đăng... và nhiều nơi có núi đá vôi già... ta có nhiều động.

Vì sao các núi đá vôi có động còn các núi khác không có ?

Nguyên là các đá vôi chồng chất lên thành phiến, chẳng khác gì một đống gạch. Nước mưa theo những khe phiến mà chảy xuống. Trong các phiến đá vôi có những phiến mềm ; vả lại chất vôi dễ bị nước đánh tan. Vì vậy một núi đá vôi chẳng khác gì một cây sâu ăn ở trong. Và các động là các lỗ hổng trong núi đá vôi, do nước mưa ngấm xuống và làm tan các phiến đá vôi mềm.

Mộc sơn

Ở trong các động Hương-tích, Tử-trầm có những nhũ đá, nghĩa là những dây đá từ trên trần động rũ xuống và từ dưới mọc lên, do nước đá vôi đọng lại.

Thi sĩ Chu-mạnh-Trinh đã có câu vịnh các nhũ đá đó, ở động Hương-tích :

« Đá ngũ sắc lung linh như gấm dệt »

Vì nước ngấm đục núi đá vôi thành động, đục mãi ở bên trong, thành chỏm núi bị xụp xuống, cho nên mới có những động lộ thiên. Ánh sáng ở trên rọi xuống động, chỗ sáng, chỗ tối, chỗ mờ mờ, gây nên một cảnh huyền ảo. Không khí lại mát, có chỗ lạnh toát người. Ở động Hương-tích và động Tử-trầm, có hang lộ thiên, có nhũ thạch, có nước nhỏ giọt, giọt nước ti ta ti tách, đá ở các nhũ thạch lung linh như gấm

dệt, du khách có cảm tưởng lạc vào một thế giới thoát trần.

Các động ở Thủy-sơn đều là động lộ thiên. *Vận thông động* có tên nôm là Hang trời, *Thiên linh động* có tên là Hang gió, vì ở động trên, nhìn thấy trời, ở động dưới bao giờ cũng có gió mát thổi. Nhưng cũng còn có một cái hang âm u gọi là *Hang Âm phủ*. Ở các hang Thủy-sơn, không có nhũ thạch, không có nước nhỏ tí ta tí tách, nhưng cũng có một chỗ có nước rỉ. Nhà sư trụ trì cho hứng vào một cái bể, trong một cái hang nhỏ đào, để khách thập phương tới múc uống, gọi là lộc Phật : nước mát lạnh, có nhiều chất đá vôi, người mộ đạo, nhà thi sĩ nghĩ tới câu :

« *Nước dương muốn rửa người dần lửa duyên* ».

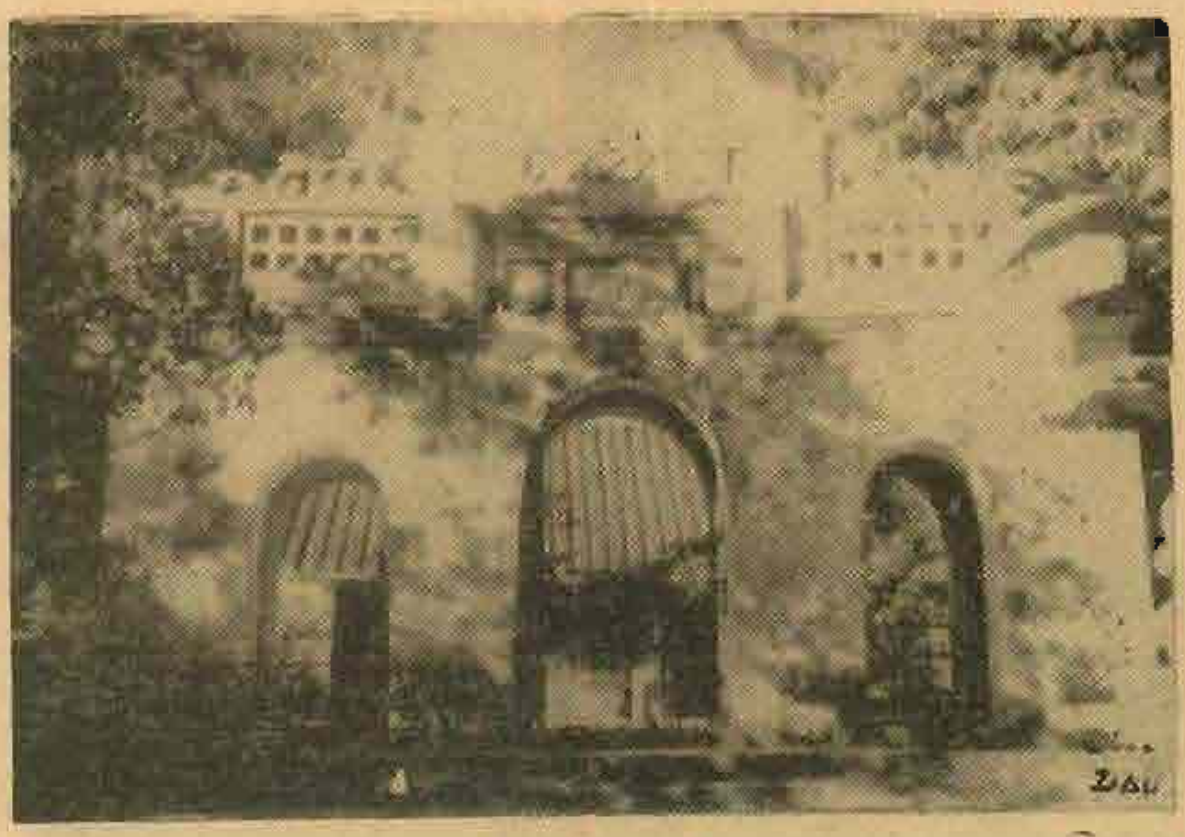

Cửa Tam bảo chùa trên Thủy-sơn

4) Trong các động này có những chùa.

Người phàm tục đến đâu tới thăm các động cũng bị đạo Phật cảm hóa. Có tượng đức Phật Thích ca mâu ni nhập định, tượng Ngài nhập Nát bàn. Rồi tiếng mõ, tiếng chuông, hòa với các câu kinh nhà sư tụng... thật là « bầu trời, cảnh Phật. »

Nhưng ở trong động, bên cạnh chùa thờ Phật thời cũng có miếu thờ Bà. Bà đây là nữ thần Thiên-y-a-na mà tên phạn là U-Ma. Nữ thần này do Ấn-độ đem sang và người Chàm thờ cúng. Ở *động Chiêm-thành*, ta còn thấy tượng của các vị thần mà đông người Ấn-độ thờ cúng ấy là tượng thần Vích-nu (Vichnu).

Miếu thờ Bà và động Chiêm-thành đặt cho nhà khảo cổ một vấn đề. Ấy là đạo Bà-la-môn do người Ấn-độ đem sang cách đây trên dưới một ngàn năm trăm năm và đạo dạy cho thổ dân là người Chàm. Người Chàm đã tìm ra các động nói trên và đã thờ cúng các thần của họ ở đấy. Và con đường đá, đẽo từ chân núi lên đỉnh núi là do họ làm : hãy còn di tích một cái cổng to, bằng đá, bị đổ.

Người Lạc-Việt ta tới miền Quảng-nam vào khoảng thế kỷ thứ mười bốn, mười lăm. Ta đem đạo Phật của ta vào và ta lập chùa ở trong các động nói trên. Nhưng ta vẫn giữ tượng Chàm để thờ, ta lại còn làm miếu nữa.

Các nhà sư trụ trì đều mặc áo cà-sa mầu nâu chứ không mầu vàng. Còn có một chùa sư nữ nữa, ở gần con đường xuống. Vì ở Thủy-sơn có một con đường lên và một con đường xuống, toàn có bực đá cấp.

Xuống dưới chân núi, nhìn lên trên ta thấy các cây đại cổ thụ, các cây bồ đề

nhớn nhỏ, mọc trong kẽ đá. Gió biển thổi... thực là một tiên cảnh.

Mộc-sơn, Thổ-sơn, Kim-sơn, Hỏa-sơn là những núi nhỏ. Ở Kim-sơn, mới đây thổ dân tìm ra một cái động.

Ở dưới chân núi, có các quán bán các tượng, các đồ chơi bằng đá. Đẽo đá thành hình là cả một nghệ thuật của một số dân sở tại.

*

Ngũ-hành-sơn là một danh lam thắng cảnh của nước Việt-Nam, cũng là một nơi mà đệ tử Phật-giáo lên chiêm bái. Còn là một địa điểm khảo cứu về địa lý và về cổ học.

Trong non nước Việt-nam, Ngũ-hành-sơn là nơi mà ta nên đến.

Chú thích

1) Các động Hương-tích và động Tử-trầm là hang ở mặt đất hay ăn sâu xuống độ năm mười thước (tiếng Pháp gọi là grotte).

Các hang ở Thủy-sơn là hang lộ thiên ở *ngay trên đỉnh núi*. Các hang này vì vậy có một tính cách đặc biệt: không có nhũ đá.

Nhũ đá, tiếng Pháp gọi là stalactite và stalacgmite.

Các hang ở Thủy-sơn, nhà địa lý Pháp sẽ gọi là aven.

2) Trong hồi chiến tranh vừa rồi, người Pháp cho quân đội của họ phá nhiều núi để lấy đá giải đường cho xe thiết giáp chạy. Các vết tang thương đó, núi Ngũ-hành còn ghi.

3) Ở trên sườn núi Thủy-sơn và ở các núi khác, có nhiều cây bồ-đề con mọc. Ta có thể nhờ người đánh để đem về trồng: giống cây bồ đề là giống hiếm. Đức Phật đã đắc đạo ở dưới bóng cây bồ đề...

4) Các tượng Phật bằng đá, ở dưới chân núi tuy thô sơ, nhưng vì làm bằng đá ở núi Ngũ-hành nên rất quý.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

---

* Kẻ lãnh đạo cũng là người như mọi người, nên kẻ lãnh đạo cũng có những khuyết điểm như mọi người. Do đấy, kẻ lãnh đạo có bổn phận phải luôn luôn trau dồi tài đức để xứng đáng với chức vụ. Song, những người cộng tác với kẻ lãnh đạo là những người thấy rõ những nhược điểm của kẻ lãnh đạo, cần phải coi chừng, chớ để cho những nhược điểm ấy thôi miên mình. Họ sẽ là nạn nhân thứ nhất, một khi uy tín của kẻ lãnh đạo mất đi.

* Kỷ luật có được tuân theo một cách vui vẻ và tích cực thì mới có lợi. Thái độ thụ động, rụt rè, sợ sệt, trong trường hợp này cũng như trong mọi trường hợp khác, bao giờ cũng bất lợi. (Cha Sertillanges)

Tiếng đồng-tông của tiếng Miệng và Ái

Phần đông chúng ta đinh ninh rằng tiếng Việt thuộc loại độc âm (hay đơn âm) thì bao giờ lại có tiếng đồng tông như tiếng Pháp. Thế mà có rất nhiều, như tiếng *miệng* chẳng hạn. Tiếng *miệng* rất giàu tiếng đồng tông với tính cách độc âm về vần đầu là « M » như sau :

a) *Thuộc danh từ :*

Nói chung cả miệng và môi thì gọi là — Mồm
Cái lỗ mồm thì gọi là — Miệng
Cái vành mồm thì gọi là — Môi
Hai bên khóe mồm thì gọi là — Mép
Cái mồm nhọn hoắt thì gọi là — Mỏ
Cái mồm bằng thẳng thì gọi là — Mõm
Thức ăn tha trong mõm hay mỏ thì gọi là — Mồi

b) *Thuộc động từ :*

Há miệng ra toác hoác thì gọi là — Mở
Ngậm miệng lại chim bim thì gọi là — Mím
Miệng cười chỉ nhích môi thôi thì gọi là — Mỉm
Miệng tuôn ra những tiếng chế giễu thì gọi là — Mỉa
Miệng tuôn ra những hằn học thì gọi là — Máng
Miệng nói cho cùng biết để làm theo thì gọi là — Mách
Miệng bảo cùng ăn cho vui thì gọi là — Mời
Miệng nhai cơm dứt trẻ ăn thì gọi là — Mớm
Miệng ngậm đồ ăn mà mút chùn chụt thì gọi là — Mút
Miệng vọt đồ ăn ra linh láng thì gọi là — Mửa

c) *Thuộc tính từ:*

Cái miệng không còn một cái răng thì gọi là — Móm
Cái miệng mất cả thăng bằng thì gọi là — Méo
Cái miệng méo mà nước mắt muốn tuôn ra thì gọi là — Mếu

*

Thế mà vẫn chưa ngộ nghĩnh bằng những tiếng đồng tông cũng tính cách độc âm về vần cuối là « Ái » của tiếng *Ái* như sau :

Cái thứ mà giống đực ai cũng sủng ái thì gọi là giống — Cái
Giống cái thuộc loài người thì gọi là — Gái
Giống cái thuộc loài chim thì gọi là — Mái
Giống cái thuộc loài thú thì gọi là — Nái

Nhưng có điều giống cái mà lên chưn, cắm sừng trên đầu giống đực, hóa thành giống của loài yêu, loài qui thì lại gọi là — Quái (Nữ kê tác quái).

NGUYỄN-VĂN-XỨNG

CÁCH NHAU CẢ NGÀN NĂM

HÀN-TÍN
VÀ
MONTGOMERY
gặp nhau trên CHIẾN-LƯỢC

của BÁ-PHAM

NGƯỜI ta thường nói : « Đông-phương và Tây-phương không bao giờ gặp nhau. » Câu nói sai lầm ấy đã bị đánh đổ nhiều lần. Nơi đây, một lần nữa tôi xin trình bày để quý độc giả thấy rằng trên lãnh vực quân sự, Đông-phương và Tây-phương rất thường gặp nhau. Và, cách xa hơn cả mười mấy thế kỷ, vị Nguyên-soái Anh Monty, trong trận chiến tranh thế giới thứ nhì, đã áp dụng một chiến lược y như chiến lược mà vị Nguyên-soái Hàn-Tín đã áp dụng trong trận « Hán — Sở tranh hùng ». Và cả hai vị đều thành công rực rỡ.

Đại Nguyên-soái Hàn-Tín

Như phần đông chúng ta đều biết, Hàn-Tín được người Đông-phương xem như là một vị Tướng-lãnh số một, tài điều binh khiển tướng không ai so sánh nổi, có công khai-cơ dựng nghiệp cho dòng Vua nhà Hán cai trị Trung-quốc 500 năm có thừa.

Cứ theo sử thì sau khi nhà Tần thu Lục-quốc rồi, dùng bạo lực mà cai trị, tuy trong nước được yên bề ngoài, nhưng bề trong dân tình thán oán, chỉ chờ dịp phản lại mà thôi.

Khi Hạng-Võ và Lưu-Bang khởi nghĩa, dẹp xong nhà Tần rồi thì Hạng-Võ bội ước, phong cho Lưu-Bang làm Hớn-vương vào trấn nơi đất Thục (tức Tứ-Xuyên ngày nay) rồi phía ngoài lại phong cho ba vị Đại-tướng là Chương-Hàng, Đồng-Ế và Tư-mã-Hân làm tam Tần-vương để chận con đường ra của Lưu-Bang.

Sở dĩ Hạng-Võ làm như vậy là nghe lời Quân-sư Phạm-Tăng, biết Lưu-Bang là người có chí lớn, sợ có ngày chiếm lấy Kinh-đô nhà Tần là Hàm-dương cho nên đày vào Thục rồi cho Đại-tướng chận giữ bên ngoài.

Đường đi từ Hàm-dương vào Thục chỉ có một con đường gọi là « sạng đạo » tức là đường sàng (vì núi non hầm hố nhiều lắm cho nên bắt cầu hay lót sàng

làm đường mà đi). Vì vậy cho nên thuở ấy, người ta cho đất Thục là một chỗ « đất tội », khi vị Quan nào phạm kỷ luật thì Vua cho thuyên chuyển vào đó cũng như đày đi chỗ hiểm trở để trừng phạt vậy.

Hạng-Võ tự lập mình làm Tây Sở Bá Vương, chia Trung-Quốc ra làm nhiều Chư - hầu mà phong cho các Tướng có công dẹp nhà Tần. Một dàng cầm giữ gia quyến của Lưu - Bang tại Kinh - đô Bành-Thành, dàng khác bắt cưỡng bách họ Lưu phải nhập Bao-Trung (Kinh-đô nước Thục) Tam Tần-Vương chận bên ngoài, cho như thế là đắc sách lắm.

Lưu - Bang lấy làm giận sự bội ước của Hạng - Võ, muốn chống lại, nhưng nhờ Thừa-Tướng Tiêu-Hà và Quân-Sư Trương-Lương can gián lắm nên mới dằn lòng vuốt giận, kéo binh vào Bao-Trung.

Nguyên binh sĩ của Lưu-Bang toàn là người Sơn-Đông, chưa từng thấy đường sá hiểm trở bao giờ, nay gặp con đường Sạng-Đạo lắt lẻo, gập ghềnh như vầy thì đâm ra phẫn uất, rập nhau mà la lên : « Bọn ta nếu qua khỏi con đường nguy hiểm nầy mà có người ngăn giữ chặt chẽ lối ra thì chúng ta không còn hy vọng gì trở về thăm cha mẹ quê hương được. Vậy chi bằng chúng ta liều chết đánh một trận với quân Sở, may thắng thì còn trông thấy làng nước và thân nhân, mà rủi có chết cũng lưu danh hậu thế, hơn là phải bị chết lần chết mòn trong đất ma thiêng nước độc nầy ».

Phàn-Khoái làm đầu, quyết trở lại mà tử chiến với Bá-Vương. Hán-Bái-Công Lưu-Bang cũng nóng lòng, muốn làm theo kế ấy. Nhờ có Thừa-Tướng Tiêu-Hà, Quân-Sư Trương-Lương và mưu sĩ Lịch Sanh khuyên giải nên vào Bao - Trung mà chiêu mộ binh mã, chừng nào cường thạnh thì sẽ kéo binh ra dẹp an Tam-Tần mà tranh ngôi Hoàng - Đế với Bá-Vương thì mới có cơ thành công được, chớ nên nóng giận mà làm càn thì chỉ bị quân Tam - Tần cũng đủ thất bại rồi.

Hán-Bái-Công là người thông minh và có chí lớn, nên nghe theo lời khuyên giải mà len lỏi vào Bao-Trung.

Trương-Lương đưa Bái-Công đi được nửa đường rồi từ giã Bái-Công trở ra để tìm người đủ tài làm Tướng mà dẹp Tây Sở Bá-Vương.

Khi ông ta trở lại được vài giờ, thì lửa sáng rực trời, xem lại thì họ Trương đã phóng hỏa thiêu hủy trọn ba trăm dặm đường Sạng-đạo.

Thấy đường Sạng - đạo bị đốt, chư Tướng và binh sĩ rống khóc lên rằng : « Bọn ta sống làm người quang ngoại (1), thác làm quỉ Bao-Trung, biết chừng nào trùng tu Sạng-đạo được mà về phía Đông ? Thực Trương - Lương giết bọn ta rồi ! ».

Hán-Bái-Công cũng cả tiếng trách mắng Trương-Lương nhưng Tiêu-Hà lại gần nói nhỏ : « Chúa-công không nên oán trách Trương-quân. Lúc ra đi ông ta có bàn việc nầy với tôi rồi, cho rằng đốt đường Sạng-đạo có bốn điều lợi ích : một là Hạng-Võ chắc rằng Chúa-công không còn phương tiện nào về Đông, sẽ để cho Chúa tôi mình ở yên nơi Tây-

(1) Đời ấy, ở trong Tây - Thục thì gọi là quang ngoại, còn ở ngoài Tây - Thục thì là chỗ lập nghiệp của nhà Tần, gọi là quang nội.

Thục. Hai là Tam-Tần cũng vững lòng cao gối ngủ an. Ba là chư tướng sẽ an lòng phụng sự Chúa-công. Bốn là Chư-hầu không còn dánh chác chi với ta cho hao quân tổn tướng ». Nghe nói, Hán-Bái-Công mới hiểu thâm ý của Trương-Lương.

Thật quả, đốt đường Sạng-đạo rồi thì nước Tây-Thục cũng như có bức màn sắt che kín, Tây-Sở và Tam-Tần không còn dòm ngó chi đến nữa.

Nhờ có mưu mẹo của Trương-Lương, Hàn-Tín là một người đại tài chỉ làm chức nhỏ mọn « Chấp-kích lang » cho Tây Sở mới bội Sở sang Tây-Thục mà đầu Hán-Bái-Công. Trong lúc băng rừng leo núi mà vào Bao Trung thì ông làm bạn với một Tráng-sĩ tên Tân-Kỳ, người gốc gác ở địa phương ấy ; người nầy mới chỉ cho Hán-quân một con đường tắt gọi là đường Trần-Thương, rất ít ai biết, do con đường nầy, có thể điều độ quân sĩ ra khỏi nước Thục một cách dễ dàng.

Khi vào Bao-Trung, Hàn-Tín rất được Hán-Bái-Công trọng dãi, đăng đàn bái Tướng, phong cho Hàn làm Phá-Sở Đại-nguyên-soái thống lãnh cả ba quân đề xuất ngoại đánh Tây-Sở Bá-vương.

Không đầy một trăm ngày, Đại-nguyên-soái Hàn-Tín kéo binh ra đánh Tam-Tần, phong Phàn-Khoái làm tiên phuông.

Hậu thành công trong công việc vĩ đại ấy, Hàn-Tín áp dụng nguyên tắc « xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị » (ra chỗ không ngờ, đánh chỗ không phòng bị) là phép dùng binh thứ nhứt của Tôn-Võ-Tử đời Chiến-quốc.

Trước hết, Hàn Nguyên-soái cấp cho Tiên-phuông Phàn-Khoái một muôn nhân mã và cho hai Đại-tướng Châu-Bột và Trần-Võ theo phụ lực, với sứ mệnh ra trùng tu lại con đường Sạng-đạo, một tháng phải làm cho xong nếu sai hẹn thì cứ y quân pháp mà xử trảm.

Phàn-Khoái, Châu-Bột và Trần-Võ đốc xuất ba quân làm việc bất kể ngày đêm, ra sức tu bồi : chỗ cao thì băng đất, chỗ thấp thì bắc cầu, núi gò thì phá đá, gai gốc thì dọn đường. Cực khổ không bút mực nào tả nổi, quân sĩ ta nha thiết xỉ, oán hận Hàn-Tín chẳng cùng. Có nhiều người vì không chịu nổi mà chết, ai nấy đều căm hờn, chỉ sợ oai Hàn-Tín nên chẳng nói ra mà thôi. Trong bọn chỉ có Phàn-Khoái, Châu-Bột và Trần-Võ biết là kế, còn kỳ dư đều tin là thực.

Châu-Bột và Trần-Võ lại còn giả đò chịu cực khổ không nổi phần bị Phàn-Khoái hắt hủi quá nên sang đầu chúa đất Thượng-tần là Chương-Hàng rất được Chương tín dụng.

Bọn Tam-Tần-Vương thấy Hàn-Tín trùng tu Sạng-đạo thì ngạo nghễ cười, cho rằng Hàn làm một việc uổng công vô ích, vì dọn lại 300 dặm đường sàng, nào phải là chuyện năm, huống gì là chuyện tháng ? Nên không phòng bị chi cả.

Trong lúc ấy, sau khi chọn được ngày lành, Hàn-Tín thỉnh Hán-Bái-Công thân chinh, âm thầm độ binh ra ngả Trần-Thương. Quan tướng của Tam-Tần vì ỷ lại đường Sạng-đạo mà không phòng bị, thấy binh Thục ào đến hàng hà sa số, tưởng đâu ở trên trời rớt xuống, mất hết tinh thần, làm sao cự nổi. Binh Hớn đến đâu thắng đó. Lại Hàn-Tín có tài

Tưởng-Soái, dùng hỏa công đốt Chương-Hàng làm cho Chương phải bỏ xứ mà trốn ; tháo nước sông mà phá quân của Đồng-Ế, rút cục Đồng-Ế và Tư-Mã-Hân phải cởi giáp lai hàng. Định được Tam-Tần, Hàn-Tín kéo đại quân đến lấy Hàm-dương, kinh đô nhà Tần.

Sự thành công của Hàn-Tín được rực rỡ, hoàn toàn. Sở dĩ được như thế là nhờ mưu kế đầu tiên giả đò làm lại con đường sàng là con đường mà ai ai cũng tưởng là duy nhất để cho đối phương dễ ngươi, không đề phòng. Rồi do đó mà « xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị » kéo binh ra ngả Trần-Thương, thế mạnh như chẻ tre. Người đời sau bất hủ hóa tài làm tướng của Hàn-Tín trong giai đoạn lịch sử đó bằng câu :

Minh tu Sạng-đạo, ám độ Trần-Thương

nghĩa là bề ngoài thì giả trùng tu con đường sàng, còn bề trong thì kéo quân xuất ngoại theo ngõ Trần Thương.

★

Thống - chế Montgomery

Xem sách báo thuật lại trận giặc thế giới thứ hai (1940-1945), chúng ta thấy rằng sở dĩ quân đội Anh thắng được quân đội Đức ở Phi - châu là nhờ nơi tài điều binh của Thống-chế Montgomery, mà vị đại tướng nầy sở dĩ thành công là nhờ ông áp dụng một chiến lược y như chiến lược của Hàn-Tín ngót ngàn năm trước kia.

Tuy ngày nay, người ta rất tiến bộ về mặt vũ khí, tuy chiến cụ có thay đổi, nhưng chiến lược vẫn bất di bất dịch.

Như chúng ta biết lúc khởi giặc, Thống-chế Đức, Von Rommel cầm đầu quân đội viễn chinh toàn thắng ở Phi - châu, các thuộc địa của Pháp và Anh đều bị ông ta chiếm lấy. Dũng cảm và tài điều binh khiển tướng của ông thực là ít ai bì kịp. Người ta cho rằng ông Rommel là vị Đại - tướng tài bộ hơn hết các Tướng lãnh Đức trong trận giặc vừa qua.

Nhưng qua năm 1942, khi đệ bát lộ quân do Thống-chế Montgomery chỉ huy sang Phi - châu thì cuộc diện thay đổi lần lần. Nhờ tài điều binh của mình mà Thống-chế thắng trận El Alamein, làm cho quân đội Đức xững vững, lần lần ngã lòng thối chí, cuộc cờ đổi hẳn lại.

Đây là lời của Thống-chế thuật lại :

« Trước khi đánh trận El Alamein, tôi có gặp vị Sĩ-quan tình báo của tôi, Thiếu - tá Williams. Ông nầy cho tôi biết rằng Lục quân của Rommel và lính nhảy dù của ông hành động cách nào cho chúng luôn luôn ở giữa quân đội Đức và quân đội Ý. Có nhiều chỗ binh Đức lại bọc hậu binh Ý, đóng dài theo mặt trận, mà binh Ý thì không thể tín nhiệm được khi chiến cuộc trở nên gay go. Ý kiến của Thiếu-tá là nếu làm cho hai đạo binh rời xa ra thì đánh tan mặt trận toàn binh Ý không có gì là khó, và sự thắng trận cuối cùng có thể đề cập được.

« Muốn cho kế hoạch ấy được thành tựu, tôi nghĩ phải lập mưu gạt Rommel mới được.

« Toàn thể sự gạt gẫm đã được tổ chức theo đà một « lộ quân » (armée). Phải để ý đặc biệt đến các chi tiết vì

nếu có sự cầu thả trong một khu vực hành binh nào đó thì có thể vì đó mà tất cả kế hoạch phải hỏng.

« Thực hành một sự « tháu cáy » vĩ đại như thế trong kỳ hạn đã định, bắt buộc một công trình hết sức to tát, nhiều mưu lược nền tảng, một dụng cụ nguỵ trang khổng lồ với những nhân viên chuyên môn và sự di chuyển phối hợp với nhau giữa hàng trăm chiếc xe trong những vùng lựa chọn.

« Một điển hình của chiến lược « nghi binh » ấy là sự đặt một cái cống chuyền dầu lửa (pipeline) giả ở miền Nam để cho địch tưởng rằng quân ta sẽ đánh một một vố to nơi hông ấy. Khởi sự làm hồi cuối tháng chín, và nhịp nhàng của sự làm việc chỉ rằng nó phải được hoàn thành vào đầu tháng mười một.

« Cái cống ấy được đặt dài độ 20 hải lý (gần 37 cây số) từ điểm ở ngay dưới chỗ mạch nước Bir Sadi, cách 4 cây số về phía Đông thị trấn Samaket Gaballa.

« Cái hầm cũng được đào một cách đúng kích thước thường lệ. Có năm hải lý hỏa xa giả, làm bằng thùng dầu lửa không, dùng để đặt cái cống. Cái cống thì được phân ra từng chặng dài, theo cái hầm đã đào. Khi nào một đoạn năm hải lý hầm được lấp lại, thì cái cống lại phải lấy ra đem đặt qua đoạn năm hải lý kế đó. Những nhà chứa bom giả được dựng lên tại ba chỗ, những điềm nước và hầm chứa nước được đặt vào hai chỗ.

« Công việc làm khởi ngày 26 tháng 9 và ngưng ngày 22 tháng 10.

« Mọi việc đều sẵn sàng.

« Ngày 23 tháng 10 vào lúc 21 giờ 40, khởi đầu bắn do hàng ngàn đại bác của đệ bát lộ quân. Rồi với 1200 chiến xa, chúng tôi tấn công hẳn.

« Lúc ấy, tôi ngủ trong chiếc xe của tôi vì không làm gì hơn nữa được, và tôi biết rằng người ta sẽ cần đến tôi. Trong một trận giặc, có một thời khoảng quyết liệt khi kết quả bất phân và tôi nghĩ tôi phải nên ngủ cho thực khỏe trong khi có thời giờ.

« Ngày thứ bảy 24-10 thì các Sư-đoàn chiến xa của tôi bị đại bác chống chiến xa của Rommel làm cho phải chậm lại. Vị chỉ huy đoàn thứ Mười không tỏ ra cương quyết mà sự cương quyết là cần thiết khi công việc khởi sự bối rối và khi trong các Sư-đoàn chiến xa của ông có sự mềm nhũn, chậm chạp.

« Tôi mới đổi ý lại, bảo y phải ra lệnh cho các Vị Chỉ-huy Sư-đoàn dưới quyền phải hăng hái hơn, nếu không, tôi sẽ cho người khác thay thế họ. Sự can thiệp của tôi bắt đầu có kết quả : lối 18 giờ, Đại-đội chiến xa của Sư-đoàn Một, ra khỏi hành lang bị Sư-đoàn Mười lăm của Đức công kích, đó là điều tôi muốn vậy.

Phía Nam, Sư-đoàn Tân-tây-lan khởi cử động hướng về phía Tây Nam và khởi cuộc hành động phân tán. Và cùng phía Nam, Đoàn thứ Mười đóng vai tuồng nó y theo kế hoạch đã định.

« Ngày thứ Năm 29-10, chúng tôi đã làm xong theo ý kiến của Thiếu - Tá Williams. Quân Đức bị đẩy tuốt về hông mặt nó, không còn liên lạc với quân Ý nữa. Quân Đức ở phía Bắc, quân Ý ở phía Nam và cái lằn phân hai chủng quân

đi ngay miền Bắc của hành lang Bắc của chúng tôi.

« Tôi mới sửa kế hoạch lại và quyết định đánh đòn chót tại điểm nối ấy, nhưng tràn qua mặt trận quân Ý nhiều hơn.

« Tôi quyết định như vậy, ngày 29-10, lúc 11 giờ. Nhiều sĩ quan không tin cuộc hành binh nầy kết quả tốt đẹp, còn tôi thì khác hẳn. Ngày 2-11, vào lúc 1 giờ, tôi mở cuộc hành binh đặt tên là « Supercharge », trên một trận dài bốn ngàn thước. Thành công hẳn hoi. Đến tối, chúng tôi bắt được một ngàn năm trăm tù binh.

« Ngày 3-11, quân địch sửa soạn rút lui vì đã bị tổn thất nặng nề.

« Ngày 4-11, vào lúc 2 giờ khuya, tôi đánh hai đòn mãnh liệt chỗ giữa vùng bị đánh thủng, chỗ mà quân địch cố chống lại không cho chúng tôi mở rộng lỗ thủng ấy. Nhưng vô ích, trận giặc đã kết liễu, chúng tôi hoàn toàn thắng lợi. Các Sư-đoàn chiến xa của tôi rượt quân Đức thối lui mà đánh vào hậu tập nó những vố đau điếng, còn đoàn quân thứ Mười ba của Ý không thể làm gì hơn là đầu hàng, chúng không thể chạy đâu được vì quân Đức đã lấy hết tất cả dụng cụ chuyên chở của chúng.

« Phần thắng về chúng tôi ».

Thuật xong trận giặc mà nhờ cách khôn khéo dùng binh và nhờ đức dõng cảm của Thống-chế mới chuyển nguy thành an được, Thống-chế có những lời kết luận rất xác đáng như sau :

« Những Tướng-lãnh vội ngã lòng thối « chí khi công việc có chiều nghịch lại, « những Tướng-lãnh thiếu cương nghị « để làm cho nó đi theo chiều thuận, những « Tướng-lãnh thiếu sự quyết đoán, thiếu « đức tánh cứng cáp và đức dũng cảm « trí thức để làm cho kế hoạch mình « thành công cuối cùng, những Tướng- « lãnh ấy là vô ích.

« Hơn nữa, họ lại còn nguy hiểm nữa, « vì mỗi dấu hiệu ngã lòng hay do dự « tức thì phản chiếu dài theo từ trên xuống « đến chót, khi cái kết quả chót không « được chắc chắn.

« Nếu tôi không có tính cương quyết, « nếu tôi không tỏ ý chí hẳn hòi, muốn « cho kế hoạch tôi được thi hành chu « đáo thì chúng tôi đã không thắng nổi « trận El Alamein.

« Tuy thường thiếu dầu xăng, Đại- « tướng Rommel chưa hề bị đánh bại « trận nào. Phen nầy, y bị đánh bại một « cách quyết liệt. Phân số của quân lực « của Trục ở Phi-châu đã giải quyết « xong rồi ! ».

Vụ công của Thống-chế Montgomery thực là hết sức quí báu vì nhờ nó mà kể từ ngày nầy, quân Đức không còn chút hy vọng gì ở Phi-châu được nữa. Và do đó sự toàn thắng cuối cùng của Phe Đồng-Minh trở nên chắc chắn và tấn tới mau chóng vậy.

Để thưởng công Thống-chế, Nữ-Hoàng Anh ban cho Ngài tước Hầu xứ El Alamein.

★

Như bạn đọc có thể so sánh, hai chiến lược có khác nhau chỗ nào đâu ! Cái thuyết « *dương Đông kích Tây* » thời đại nào mà không dùng được ? Khéo

gạt gẫm địch quân để họ chăm chú chỗ này rồi đánh họ ở một chỗ khác, câu « xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị » có lúc nào, thời nào mà vô nghĩa đâu ?

Chính vì vậy mà đến ngày nay, bộ « *Binh thơ Tôn - Tử* » vẫn còn là sách gối đầu của các học sinh Sĩ - quan ở Trung-Quốc. Theo thiển ý nó cũng đáng có mặt trong tủ sách giáo khoa của các học đường quân sự Việt - Nam hay vô luận nước nào khác.

BÁ-PHẦM

Phải cẩn thận đối với những cái cùng ở với mình

Khổng-Tử bảo các học trò rằng :

— Sau này khi ta chết đi, thì trò Thương (tên Tử-Hạ) càng ngày càng tăng tiến, trò Tứ (tên Tử-Cống) càng ngày càng kém sút đi.

Tăng-Tử liền hỏi Khổng-Tử :

— Thày nói vậy là nghĩa thế nào ?

Khổng-Tử đáp :

— Trò Thương thích ở cùng những người hơn mình ; trò Tứ thì thích nhắc tới những người không bằng mình. Cách ở đời, nếu không biết người con thế nào thì trông ở người cha, không biết người kia thế nào thì trông ở người bạn của người ấy, không biết ông vua thế nào thì trông ở những người giúp việc của vua ấy, không biết chất đất chỗ đó thế nào thì trông ở các cây cỏ mọc trên đất ấy. Cho nên nói rằng « cùng người hay cùng ở, khác nào vào cái nhà chứa giống chi lan (hai thứ cỏ thơm), giờ lâu sẽ không thấy mùi thơm nữa, tức là đã hóa theo mùi đó rồi. Bằng ở cùng những người bất thiện tnì chẳng khác vào trong hàng tôm cá, giờ lâu cũng không thấy mùi tanh nữa, tức là cũng hóa theo mùi tanh đó rồi. Chỗ chứa son thì tất đỏ, chỗ chứa sơn thi tất đen. Cho nên người quân tử tất phải cẩn thận đối với những cái cùng ở với mình.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

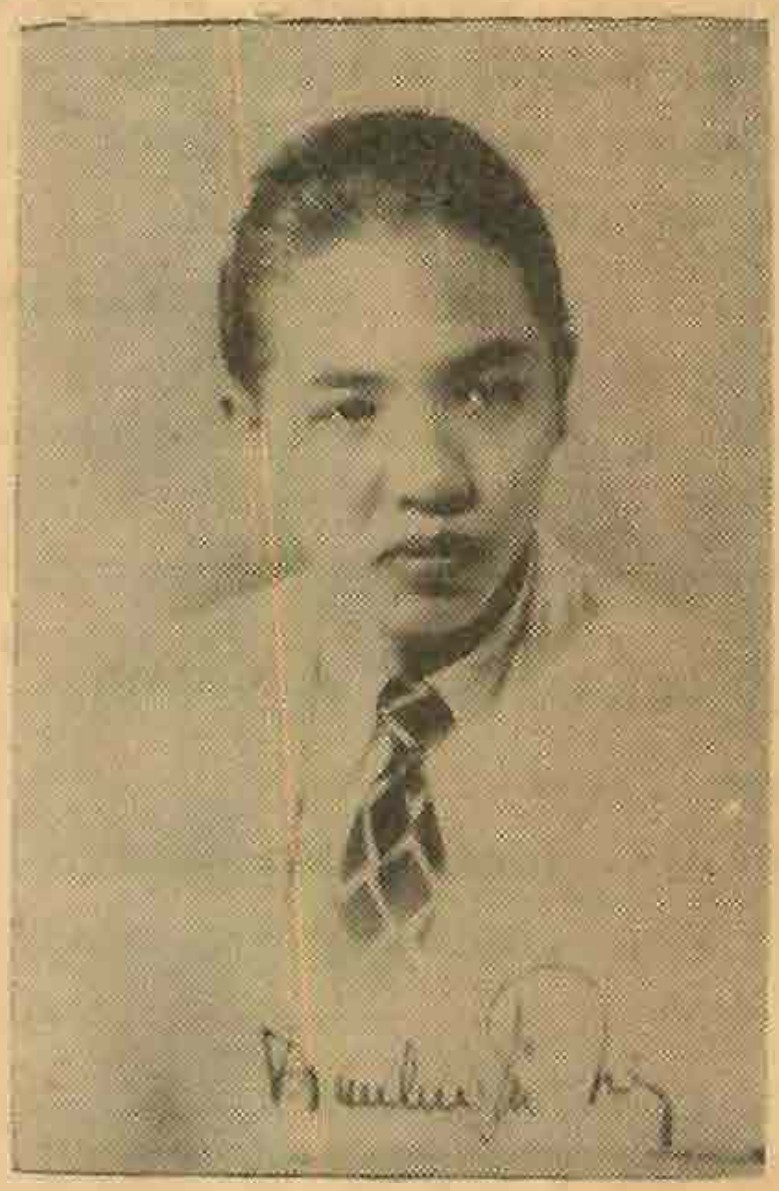

Thi Sĩ Việt Nam Hiện Đại.

HUỀ-PHONG

Lược sử : *Thi sĩ Huê Phong chính tên là Trần-huê-Phong sinh vào khoảng 1916-1917 con ông Trần-nhật-Thắng ở làng An-Bình tại Đầu-Sấu Cần-thơ.*

Học xong ban Thành Chung, thi sĩ từng đi làm cho Bảo Quản Đề Áp (Hypothèques) *ở* Nam - vang *(Cao - Miên) rồi từ tháng bảy năm 1944 lại về làm ở sở Ngân-khố tức Kho Bạc* (Trésor) *ở Sadec* (Nam-Việt).

Chưa có vợ con cho tới khi qua đời, Huê Phong vốn là bạn thân của các thi nhân Việt-Châu, Nguyễn-Bính, Hoàng-Trân, Tân-Phương. Về sau, vào khoảng 1945, qua các cuộc biến động chính trị của thời đại, thi sĩ đã bị chết về tay « Việt Minh » không rõ trong trường hợp nào và lúc nào(1).

Thi sĩ đã cho đăng rải rác một ít thi ca trên đôi tạp chí văn nghệ xuất bản ở Nam-Việt vào khoảng 1940 - 1944. Trên đây là hình chụp thu nhỏ lại tấm ảnh của Huê Phong với chữ ký của thi nhân, gởi tặng một người bạn thân năm 1945 ở miền Trung. (2)

Bây giờ đây nhắc đến Huê - Phong, cơ hồ không ai biết tới, kể cả những người yêu thơ ! Điều ấy không có gì lạ lắm vì Huê-Phong thuộc hẳn vào lớp thi nhân thời tiền chiến (3) và vì ngay thuở sinh thời, Huê-Phong cũng rất được ít người biết đến thơ mình, hiểu được lòng mình... Hãy nghe đây lời than nhẹ

(1) Theo lời thuật lại của thi sĩ Việt - Châu năm 1945

(2) Phần lược sử này chỉ chép theo ký ức đôi người bạn thân của thi sĩ.

(3) Chữ tiền chiến nơi đây cũng như trên kia, xin hiểu là từ 1945 trở về trước.

nhàng trong một lá tâm thư của Phong gởi cho một người bạn thân :... « Thơ của Phong đăng trên báo, được đọc chăng chỉ bằng những con mắt hững hờ... » (4) Nhưng không riêng gì trong lĩnh vực thi ca, Huê-Phong mới gặp sự hững hờ ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, Phong đã từng gặp nhiều bội bạc và nhứt là trong ân tình, người thanh niên đa cảm, chí thành ấy — vào khoảng 1940 — đã hơn một lần ngậm kín đau thương. Cho nên trong một lá thư khác (5) Phong đã không ngần ngại giải bày cùng bạn nỗi lòng riêng :... « Ngày nào vào buổi chiều Phong cũng ra bến ngồi nhìn mây nước để nghe cái buồn mênh mang nó man mác trong lòng... »

Niềm bi thương kia còn lưu dấu lại trong những lời thơ tràn đầy một nỗi buồn nhẹ nhàng nhưng thấm thía :

...Du dương đàn ngắn dây chờ
Ngón tay Tư-Mã động hờ sẽ ngân,
Song le suốt nửa tiệc trần
Đàn kia chưa gặp một lần nhạc công
Khô se đã lắm tơ chùng
Âm thầm, cơn bụi, lạnh lùng... dấu hoen...

(Huê Phong : « *Phượng Cầm* »)

Ta tưởng nghe đâu đây tiếng thở dài chua xót của một Người Thơ suốt đời cô quạnh cảm thương mình rồi thương cả tình nương :

... Vì trong nửa cốc rượu tình
Có pha men hận, lệ mình lệ ta,
Bụi hồng khuất, bóng hồng xa
Ta về gian khổ, mình ra lạc loài...

(Huê Phong : « *Giếng Mắt* »)

Một mối sầu tràn lan theo nhịp thơ và các điệp ngữ như đi sâu vào cảm quan của người đọc để rồi trong khoảng khắc đã xâm chiếm cả tâm hồn khách yêu thơ và ta tưởng thấy hình bóng lẻ loi của Người Thơ vẽ dài trên con đường nghìn dặm, con đường gian khổ của Ân Tình hay con đường đoạn trường của thế sự :

... Từ khi trong giếng mắt nàng
Lỡ câu được chiếc cá vàng yêu đương
Lòng ta quen biết đoạn trường
Tháng năm se lại trên đường phiêu linh...

(Huê-Phong : « *Giếng Mắt* »)

Đau khổ trong tình trường, thi nhân đã từng xem mình như một cánh bướm già mỏi mòn hương phấn qua bao cuộc tình duyên vô vọng để ngày nay không còn dám yêu hoa :

... Ngó vơ lơn : nói tình si,
Mắt buồn xin ý mà chi hỡi nàng !...

(Huê-Phong : « *Bướm già* »)

Ta hãy gắng đồng cảm với thi nhân niềm xót xa vô hạn :

... Thôi đừng gợn nữa thu ba !
Đừng gieo ý hận trách ta : ôi ! mình !
Bướm còn nhớ thuở điêu linh
Còn cay hương phấn ái tình đầu tiên.

(Huê-Phong : « *Bướm già* »)

(4) Trích lá thư ngày 15 tháng 6 năm 1944 từ Nam-vang gởi đi.

(5) Trích lá thư ngày 22 tháng 7 năm 1944 từ Sadéc gởi đi.

Nhưng tuy đã đôi phen chết nửa tâm hồn như Hàn-Mặc-Tử ngày xưa :

... Người đi một nửa hồn đi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ...

(Huê-Phong : « *Bướm già* »

Huê-Phong vẫn không thoát khỏi nghiệp chướng của tình trường nên đành phải ngậm ngùi thú nhận :

... Lòng ơi ! đếm lá lòng xanh
Còn bao nhiêu, rụng giếng tình bấy nhiêu !

(Huê-Phong : « *Giếng mắt* »

Trong cuộc đời của Huê-Phong, nỗi đau xót về ân tình với bao nhiêu nhớ thương vô vọng đã là nguồn cảm hứng dồi dào nhất khơi dòng cho bao nhiêu lời thơ thấm thía một nỗi buồn mênh mang như một tiếng thở dài trong bóng tối. Thơ Phong thường ngả về mặt tâm tưởng để ghi lại một nếp rung cảm chân thành hay phân tích nỗi lòng riêng mà mối sầu đang ngự trị. Nếu thi nhân có đôi lúc nói tới bướm hoa, sông núi, âu cũng chỉ là để diễn tả nỗi sầu thương, niềm khao khát của tâm tư cho đậm đà hơn.

Đọc Huê-Phong nhất là qua bài « Phượng cầm », ta có thể liên tưởng tới những lời ngậm ngùi khắc trong tình trường của tác giả « Nghẹn ngào » (6) tức Tế-Hanh, một thi nhân miền Trung đồng thời với Huê-Phong :

Nhưng tôi nghèo lắm than ôi !
Đó đây lẻ chiếc, trọn đời bơ vơ !
Tủi thân chỉ gặp hững hờ
Lòng đơn lạnh lẽo nay chờ mai trông...

(Tế-Hanh « *Trao đổi* »)

Lời thơ của thi nhân từng được « Giải thưởng khuyến khích về Thơ » của « Tự lực văn đoàn » ngày trước tuy chưa được giật giào, hàm xúc bằng những lời thơ của Huê-Phong nhưng mối sầu của hai người vẫn là một và hai nguồn cảm hứng rất gần nhau trong một nỗi chờ đợi bơ vơ...

Để nguôi quên những thất vọng về tình trường, Huê-Phong đã cố gắng tìm ý nghĩa cuộc đời trong men khói giang hồ của một vài xê dịch...

Những ngày sang sống gởi tận quê hương của Đế-Thiên, Đế-Thích hay các chuyến du ngoạn về đồng quê Nam-Việt để thăm viếng Việt-Châu hoặc phiếm đàm cùng các bạn thơ Nguyễn-Bính, Tân-Phương đã giúp thi nhân nguôi quên được một phần sầu muộn và cũng đã mở cho tâm hồn Huê-Phong một lối thoát tới những phương trời cao rộng với bao cám dỗ của sông hồ... Nỗi mơ ước viển trình kia, ta còn thấy bóng dáng qua lời thơ khả ái khi Người Thơ tâm sự với những con thuyền :

Hỡi những con thuyền im sóng nước
Nghỉ ngơi giây lát bến sông chiều,
Ngày mai gió lộng đi xa tắp
Chảy đến phương nào mới bỏ neo ?...

(Huê Phong : « *Mơ sóng nước* »)

Và Người thấy lòng mình rộn ràng lên bao niềm mơ ước những chân trời xa lạ :

... Ta khát khao thuyền ơi viễn du
Cho ta theo ghé dặm giang hồ...

(Huê Phong : « *Mơ sóng nước* »)

---

(6) « *Nghẹn ngào* » tức « *Từ nhớ đến thương* » hay « *Hoa niên* » sau này khi xuất bản là thi phẩm của Tế-Hanh người Trung-Việt.

nhất là khi gió đã lên, đúng như lời của thi hào Paul Verlaine (7)

Tách bến ta đi một sớm nào
Thuyền lên no gió cánh buồm cao...
(Huê-Phong « *Mơ sóng nước* »)

Cho tới bao giờ mệt mỏi Người Thơ sẽ dừng gót chân lãng tử, trở về ôn lại cùng cố nhân hình ảnh một quãng đời say :

Rồi lúc mỏi mòn thân lữ thứ
Trở về cắm lại bến sông xưa,
Thuyền nghe mỏi rạn trong xương cốt
Nằm kể cùng sông truyện hải hồ.
(Huê Phong : « *Mơ sóng nước* »)

Thơ Huê-Phong từ tứ thơ, lời thơ cho tới cách chữ dùng và nhạc điệu chung của toàn bài không bao giờ mạnh mẽ, ồ ạt, xoắn xít như thơ của Huy-Thông hay Xuân-Diệu mà chỉ nhẹ nhàng du dương lan tràn ra rồi đi sâu vào tâm hồn ta như âm ba một khúc tiêu sầu ngân dài trong đêm lạnh để rồi ôm ấp cả không gian, vạn vật và lòng người... Cho nên cũng là một điều dĩ nhiên nếu những bài thơ hay của Huê-Phong — mà ký ức mòn mỏi của chúng tôi còn nhớ được — đều là những bài viết theo thể lục bát là một thể thơ thường thích hợp để diễn tả nỗi sầu hơn niềm vui.

Ta tưởng thấy thấp thoáng qua các lời thơ trên một ảnh hưởng xa xôi của tác giả « Đoạn trường tân thanh » cùng các thi sĩ vô danh của nền ca dao phong phú. Nhưng dù có chăng, đâu phải là một điều đáng trách... Trong khi nền thi ca Việt - Nam vào khoảng 1942 — 1945 — vì ảnh hưởng của hoàn cảnh chính trị quốc gia và quốc tế... — đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng mà các thi nhân lỗi lạc bấy giờ từ Chế-Lan-Viên... cho tới Nguyễn-Xuân-Sanh, Phạm-Văn-Hạnh... đều lần lượt vô tình hay cố ý đi xa dần nguồn gốc dân tộc để tiến sâu vào một lối thơ gần như tối tăm mang nặng trong lòng nỗi khó hiểu của thời đại, thì Huê-Phong, Việt-Châu trong Nam cũng như Hồ - Zếnh, Huyền - Kiêu ngoài Bắc, trưởng thành trong khoảng ấy, đã không bị lôi cuốn vào trào lưu kia lại vẫn giữ được sắc thái Việt-Nam uyển chuyển, nhẹ nhàng, tế nhị, há chẳng phải là một điều đáng khen sao ? Chỉ đáng tiếc cuộc đời Huê-Phong quá ngắn ngủi nên tài hoa kia chưa có điều kiện phát triển đến tận cùng...

Dù sao, trên thi đàn Việt-Nam hiện đại (8) nếu Tế - Hanh vẫn chiếm được một địa vị khả quan trong số các thi sĩ hàng nhì (9) thì sao hôm nay với một hồn thơ nhẹ nhàng, man mác ẩn hiện trong những lời thơ uyển chuyển, du dương, ta không có thể đặt Huê-Phong vào một chỗ ngồi ngang hàng với tác giả « Nghẹn ngào » thuở ấy ?

---

(7) Chép theo ký ức : « Le vent se lève; il faut tenter de vivre » (Paul Verlaine).

(8) Về chữ « hiện đại » dùng trong toàn tập, xin hiểu là từ những năm 1946 — 1945 trở về trước, tức là lúc biên giả khởi viết tập « bình luận văn học » này. Về quan niệm đầy đủ về chữ « Thi sĩ Việt-Nam hiện đại » cùng quan điểm và lập trường của biên giả khi viết, xin xem rõ trong bài « Tự Ngôn » đặt ở đầu sách sau này khi xuất bản.

(9) Tạm dịch danh từ : « Poète secondaire » trong tiếng Pháp.

Thi Ca Trích Diễm

Phần trích diễm nầy sẽ càng phong phú hơn khi tập bình luận được xuất bản sau nầy. Bây giờ đây vì khuôn khổ giới hạn của tờ báo, biên giả chỉ cho trích diễm — tùy theo sự nghiệp thi ca của từng thi nhân — năm, bảy bài hoặc tương đối xuất sắc nhất, hoặc có tích cách tiêu biểu nhất cho thiên tài của từng thi sĩ một.

Cố nhiên khi trích dẫn — trong phần trích diễm nầy cũng như trong phần bình luận trên — biên giả bao giờ cũng hoàn toàn tôn trọng nguyên văn của các thi sĩ lúc sinh thời. Nếu có sự sai lệch nào ở một đôi chữ, ấy là một chuyện ngoài ý định của biên giả và xin các bạn yêu Thơ thân mến hiểu cho rằng đấy chỉ là một sự vô ý của thợ nhà in khi sắp chữ hay hoặc cũng có thể là một sự lầm lộn vô tình của ký ức đã suy mòn của biên giả sau bao nhiêu ngày bệnh hoạn và lao lung của những năm đã qua.

PHƯỢNG CAM

Lòng ta là một chiếc đàn
Chứa muôn âm điệu giữa ngàn mối tơ,
Dư dương đàn ngần dây... chờ
Ngón tay Tư-Mã động hờ sẽ ngân,
Song le suốt nửa tiệc trần
Đàn kia chưa gặp một lần nhạc công!
Khô se đã lắm tơ chùng,
Âm thầm... cơn bụi, lạnh lùng...dấu hoen,
... Bây giờ nhạc sĩ là em
Ngón thần diệu ấy đạo trên phím nầy...
Tơ già ngại dứt từng dây,
Phím già đã mọt ở cây phượng cầm,
Cung già đã lạc thanh âm
Lấy gì họa khúc ngàn năm bạch đầu!

Huê-Phong

GIẾNG MẮT

Mắt nàng đẹp lắm, nàng ơi
Như mùa thu đẹp giếng khơi dịu lành
Ta là ngư phủ đầu xanh
Muốn câu loại cá tâm tình được chăng?
... Từ khi trong giếng mắt nàng
Lỡ câu được chiếc cá vàng yêu đương,
Lòng ta quen biết đoạn trường
Tháng năm se lại trên đường phiêu linh...
Vì trong nửa cốc rượu tình
Có pha men hận lệ mình, lệ ta,
Bụi hồng khuất, bóng hồng xa
Ta về gian khổ, mình ra lạc loài!
Gió mưa dù có giữa mài,
Năm năm một khối u hoài chưa tan
Năm năm hồn ấp mộng làn,
Năm năm kể xiết muôn vàn điêu linh!
Lòng ơi đếm lá lòng xanh
Còn bao nhiêu, rụng giếng tình bấy nhiêu!

Huê-Phong

BƯỚM GIÀ

Ta là một xác bướm già
Mà em là một đóa hoa xuân cười,
Hoa còn lộng lẫy màu tươi
Nhưng đôi cánh bướm đã phai phấn vàng...
Hé đôi song, lén nhìn sang,
Hé đôi song, lén nhìn sang làm gì?
Ngó vơ lơn: nói tình si,
Mắt buồn xin ý mà chi hỡi nàng!
Bụi mờ hai giếng mắt nàng,
Gió sương nạm bạc đôi hàng tóc xanh.
Mười duyên lỡ hết khôn thành
Lòng tơ nát lửa vị tình chua cay,
Đời ta cát bụi đã đầy,
Đời em trong tựa một ngày mới dâng,
Yêu gì cách biệt Đoài, Đông...
Yêu gì bướm cỗi mà bông xuân cười!
Thiếu chi bướm đẹp vườn mai,
Sao hoa yêu một cánh phai bướm già!
Thôi đừng gợn nữa thu ba,
Đừng gieo ý hận trách ta: ôi! mình!
Bướm còn nhớ thuở điêu linh
Còn cay hương phấn ái tình đầu tiên.

Huê-Phong

NGUYỄN-PHAN-AN

(Ảnh đền Hùng-Vương — Tỉnh Phú-thọ)

18 VỊ VUA DỰNG NƯỚC TA

LÀ

LẠC-VƯƠNG

HAY

HÙNG-VƯƠNG ?

PHẠM-HOÀN-MĨ

Vua **Hùng**, *đời* **Hùng-vương**, *làng*, *miếu* **Hùng-vương**, *đền* **Hùng**, *núi* **Hùng**, *đi hội đền* **Hùng**..., người Việt ta hầu như in trí, khắc lòng, ghi miệng rằng tổ dòng giống mình, mười tám vị vua dựng nước mình, là **Hùng-vương**, là vua **Hùng**.

Thật ra, thì cách đây non trăm năm, sử gia Ngô-Sĩ-Liên trong bộ « Đại-Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ », có chú :

« *Lạc-tướng hậu ngoa vi Hùng-tướng.* »

(Lạc-tướng sau lầm là Hùng-tướng).

Song chỉ nói đến « tướng » mà chẳng nói gì đến « vua », nên câu này bị bỏ quên vì thế ?

Trước đó, Lê-Tắc, trong cuốn « *An-nam chí lược* », có gọi các vua đầu tiên nước ta là Lạc-vương. Nhưng vì sử gia này là một tên đại Việt-gian, dân chúng và thức giả xem như không có ; sách hắn lại soạn lúc hắn lưu vong bên Tàu, căn cứ vào sách Tàu, thành hầu hết sử gia cũng như học giả nước ta sau này chẳng để ý đến nó mấy.

Và gần đây, ông Henri Maspéro trong bài « Etudes d'histoires d'Annam » (Khảo cứu về Nam-sử) đăng trong tập « Kỷ-yếu của trường Bác-cổ Viễn-Đông », quyển XVIII, số 3, năm 1918, quả quyết rằng gọi Hùng-vương là lầm, phải gọi Lạc-vương mới đúng. Nhưng vì dù sao ông cũng là người ngoại quốc, lại tập « Kỷ-yếu của trường Bác-cổ Viễn-Đông » không mấy phổ thông, nên rồi, sử sách, thi, văn nước Việt vẫn một mực gọi tổ tiên nòi Việt là **Hùng-vương**, là vua **Hùng**.

Thế thì vấn đề : **Hùng-vương** *hay* **Lạc-vương** đã được một người Pháp

đặt lại một cách rõ ràng từ năm 1918 bằng tiếng Pháp, trong một tập kỷ-yếu viết bằng tiếng Pháp, của người Pháp, và đến năm 1932, *Ứng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tố mới đặt lại thêm lần nữa, bằng chữ Việt, trên một tạp chí Việt-ngữ, của người Việt. Song chưa có một tiếng vang nào. Mãi đến năm 1939, cuốn « *Việt-Nam văn hóa sử cương* » của *Vệ-Thạch* Đào-Duy-Anh ra đời, chúng ta mới thấy hai tiếng Lạc-vương chánh thức được nhìn nhận bởi một nhà học giả thận trọng, có uy tín, trong một cuốn sách có giá trị, bàn đến một vấn đề quan trọng, là văn hóa của dân tộc. Chúng ta được đọc :

« *Dân thường gọi là dân Lạc, ở thành thôn ấp dưới quyền quản trị của Lạc-tướng, mà các Lạc-tướng lại là anh em bà con của Lạc-hầu, có thái ấp to hơn. Các Lạc-hầu thì thần phục một vị bá chủ là Lạc-vương.* »

Hai chữ cuối cùng này, Đào-Duy-Anh có chú thích rằng đã theo nhà cổ học Henri Maspéro. Tưởng cũng nên trích lại nguyên chú thích đã làm những ai để ý đến sử nước nhà — nhất là giới dạy học và đi học — phải phân vân.

« *Theo nhà cổ học H. Maspéro thì tên Hùng-vương mà sử ta dùng để chỉ các đời vua đầu tiên của nước Văn-lang xưa là sai. Sách « Nam-Việt chí » có câu : « Đất Giao-châu phì nhiêu lắm, vua xứ ấy gọi là Hùng-vương ». Sách « Thủy-kinh-chú » cũng có câu ấy, nhưng không phải dẫn ở sách « Nam-Việt chí » mà dẫn ở sách « Giao-châu ngoại ký », song ở đây thì tên vua không chép là Hùng-vương 雄王 mà lại chép là Lạc-vương 雒王. Sách « Quảng-châu ký » lại viết chữ Lạc là 駱. Một nhà chú thích sách « Đại-Việt sử ký toàn thư » lại nói rằng tên Lạc-tướng 雒將 sau đổi là Hùng-tướng 雄將. Nhưng nhà ấy không nhận ra rằng tên Lạc-vương cũng biến thành Hùng-vương, cho nên các sách sử bây giờ đều chép Lạc-tướng, Lạc-hầu, nhưng Hùng-vương. Lạc-vương mà biến thành Hùng-vương nguyên chỉ vì hai chữ Lạc 雒 và Hùng 雄 hơi giống nhau mà nhận lộn.* »

Thế là cùng *Ứng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tố, *Vệ-Thạch* Đào-Duy-Anh nhận vua đầu nước Văn-lang ta là Lạc-vương; sau đó còn *Huân-Phong* Hồ-Hữu-Tường, *Hoa-Bằng* Hoàng-Thúc-Trâm, và nhiều người nữa. Giờ đây — đúng chẵn bốn mươi năm sau bài đính chính của Henri Maspéro — đở lại chồng sách sử viết cho học sinh, chỉ có hai quyển cấp tiểu học là dùng hai tiếng « Lạc-vương ».

Cho nên chúng tôi thấy có bổn phận phải trình bày tất cả ý kiến về vấn đề này cho bạn đọc có thể theo dõi từ đầu tới đuôi cuộc tranh luận, và do đó mà chọn một trong hai tên : *Hùng-vương* hay *Lạc-vương*.

Cuộc tranh luận vốn khá dài, lại hầu hết người trong cuộc đều ở thế giới khác — thế giới của người đã chết, hoặc thế giới chẳng tự do — nên chúng tôi trích văn nhiều hơn là tóm tắt. Vì e tóm tắt có thể tối nghĩa, do đó bạn đọc hiểu mập mờ hay hiểu lầm, mà trích văn tuy có dài dòng, đôi khi phải lặp lại, song được cái lợi là ghi lại đôi lối lập luận, đôi quan niệm về sử, đôi giọng văn lúc bàn cãi thiệt hơn..., tưởng không phải là

vô ích. Chúng tôi lại xin xen đôi ý kiến hoặc nhận xét riêng.

Trước hết, chúng ta hãy tìm xem ý kiến của... Chính-quyền.

Trong cuốn « Chương trình Trung-học » do bộ Quốc - gia Giáo - dục xuất bản năm 1957, chúng ta thấy ghi nơi mục « Chương trình Sử ký », lớp đệ Thất :

« A.— Việt-sử : từ Thượng-cổ đến sơ diệp nhà Ngô.

— Thời đại Lạc-Việt (333-111 trước Tây lịch).

« Các thời đại trong Việt-sử.

« Nguồn gốc dân tộc Việt — Đất Lạc-Việt — Lạc-vương — Lạc-hầu — Lạc-tướng — Thuộc Thục — Nhà Tần thôn tính Bách-Việt — Thuộc Triệu. »

Ghi như thế mà không lời bàn, lời giải thích, thành ra các nhà soạn sách sử cho học sinh dường như quên lửng ý kiến của bộ Giáo-dục, ý kiến tương đối đáng được tôn trọng hơn hết, vì nó vốn của Chính-quyền.

Giờ xin, mời bạn đọc cùng chúng tôi tìm xem — *trong sử sách* —

Hai chữ « Hùng-vương » lần đầu xuất hiện ở đâu ?

Hai chữ « Hùng-vương » xuất hiện lần đầu trong bộ « Đại-Việt sử ký toàn thư, ngoại kỉ » của sử gia Ngô-Sĩ-Liên ; bộ này ra đời năm Hồng-Đức thứ X, dương lịch nhằm năm 1479.

Theo ông *Ứng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tố thì đoạn có hai chữ ấy xuất hiện như sau (do ông dịch lại) :

« Vua Hùng-vương 雄王 lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn-lang, chia trong nước ra làm 15 bộ..., đặt ra tướng văn gọi là *Lạc-hầu* 雒侯, tướng võ gọi là *Lạc-tướng* 雒將 (*Lạc-tướng* sau nhầm là *Hùng-tướng* 雄將), con trai vua gọi là *Quan-lang*, con gái vua gọi là *Mị-nương*, quan-lại gọi là *Bồ-chính*, đời đời cha truyền con nối gọi là *phụ-đạo* ; đời đời vua gọi là *Hùng-vương* 雄王».

Hai chữ *Hùng-vương* này bằng cứ ở đâu ? Ra đời tự bao giờ ? Các nhà làm sử không nói đến, có lẽ cứ chép y nguyên ở sách cũ ra ; nhưng chép ở sách nào, không bao giờ nói rõ cả. Một ông giáo sư ở trường Bác - cổ Viễn-đông (Henri Maspéro. — Etudes d'histoires d'Annam) sát hạch các sử liệu nước ta, nói rằng : « Hai chữ Hùng-vương chép trong quyển *Việt-sử lược* và quyển *Việt-điện u linh tập*, từ thế kỷ XIV. Trước kia cũng đã thấy chép trong quyển *Thái-bình toàn vũ-ký* (quyển 170, trang thứ 9a) từ đời nhà Tống (thế kỷ thứ X), quyển này dẫn đến hai lần đoạn sau đây của Trần-Hoài-Viễn.

« Trần-Hoài-Viễn đời Hậu-Ngụy (thế kỷ thứ V) viết ở quyển « Nam-Việt-chí » : « Đất ở Giao-chỉ rất là mầu mỡ, xưa có vua gọi là *Hùng-vương* 雄王, người giúp việc gọi là *Hùng-hầu* 雄侯, ruộng gọi là *Hùng-điền* 雄田 ».

Ông Tố vừa nhận xét vừa hỏi :

« Xem như thế thì hai chữ *Hùng-vương* lưu truyền trong sử sách đã hơn 1500 năm nay ; nhưng có đích là *Hùng-vương* không ? »

Đến phiên hai chữ Lạc-vương.

Theo ông Henri Maspéro thì bộ « Thủy-kinh-chú », cũng đời Hậu-Ngụy, chép một

câu y như câu trên, song Hùng-vương 雄王 đều viết là Lạc-vương 雒王 ».

Quả là rắc rối. Chúng ta hãy nhờ bộ sách khác.

Bộ « *Giao-châu ngoại vực kí* » xuất bản ở thế kỷ thứ IV, có đoạn : « Khi xưa đất Giao-chỉ chưa có quận huyện, đất cát gọi là *Lạc-điền* 雒田 ; ruộng ấy theo nước triều lên xuống, dân khai khẩn cày cấy, nhân thế gọi là *Lạc-dân* 雒民 ; đặt ra *Lạc-vương* 雒王, *Lạc-hầu* 雒侯 làm chủ các quận huyện ; quan huyện nhiều là *Lạc-tướng* 雒將 ; *Lạc-tướng* đeo ấn bằng đồng, dây xanh. Về sau, con vua Thục đem ba vạn quân đánh *Lạc-vương*, *Lạc-hầu* và phục được các *Lạc-tướng* ; con vua Thục nhân xưng là An-Dương-vương. »

Và nhà khảo cổ Nguyễn-Văn-Tố nhắc ta để ý :

Hùng 雄 và *Lạc* 雒 khác nhau rất ít, rất dễ lộn lầm. Vô ý để chép chữ này ra chữ nọ.

Chúng ta hãy đi ngược lại thời gian thêm nữa, và vẫn nhờ các sử gia Tàu đưa đường chỉ nẻo.

Sử gia Trung-hoa có nhiều văn tài cũng như nhiều uy tín là Tư-Mã-Thiên, trong bộ « *Sử-kí* » xuất bản đã hai ngàn năm nay, ghi chữ *lạc* 駱 thật là rõ ràng, chẳng thể lầm lẫn với chữ *hùng* 左 và 佳, 雄 được, đoạn có chữ *lạc* 駱 ấy trích lục ở « Quảng-châu-kí » như sau :

« Đất Giao-chỉ có ruộng *Lạc-điền* 雒田, theo nước triều lên xuống ; người được ăn ruộng ấy gọi là *Lạc-hầu* 雒侯, quan các huyện gọi là *Lạc-tướng* 雒將, đeo ấn đồng dây xanh, tức là lệnh ngày nay. Sau con vua Thục đem quân đánh *Lạc-hầu*, tự xưng là An-Dương-vương, trị huyện Phong-khê. Sau Nam-Việt-vương là úy Đà đánh phá An-Dương-vương, sai hai ông sứ giữ hai quận Giao-chỉ, Cửu-chân, tức là Âu-Lạc ».

Trên đây, toàn là chứng cớ lấy ở sử Tàu cả. Mà sử ta thì phần lớn căn cứ vào sử Tàu.

Tưởng cũng nên trích dẫn câu này trong quyển « *Đại-Việt sử kí toàn thư* » của Ngô-Sĩ-Liên ».

Lạc-tướng hậu ngoa vi Hùng-tướng (*Lạc-tướng* sau lầm là *Hùng-tướng*).

Cho nên nhà khảo cổ Nguyễn-Văn-Tố kết luận :

« Xem như thế thì ra không có *Hùng-vương*, chỉ có *Lạc-vương*. Cái nhầm ấy không phải là tại các nhà làm sử nước ta, chính là tại các nhà làm sử nước Tàu. »

Trên đây là những dẫn chứng và kết luận của *Ưng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tố, *một nhân viên trường Bác-cổ Viễn-đông, trong bài* « Hùng-vương hay Lạc-vương ? » đăng ở « Đông-thanh tạp chí », *số 6, ngày 15-9-1932.*

Sau đó, chẳng có âm vang nào về câu hỏi ông Tố đặt : « *Hùng-vương hay Lạc-vương ?* » Báo, sách cứ theo tục cũ mà gọi Hùng-vương. Cho đến bảy năm sau, năm 1939, Quan-hải tùng thư » xuất bản cuốn « *Việt-nam văn hóa sử cương* » của *Vệ-Thạch* Đào-Duy-Anh, người ta mới thấy một học giả chân chánh là họ Đào phụ họa nhà khảo cổ có uy tín họ Nguyễn, như chúng tôi đã thuật ở đoạn mở đầu.

Người soạn sách, người viết báo, giới dạy học, giới đi học bắt đầu để ý đến « Hùng-vương hay Lạc-vương ».

Hai năm sau, trên mặt tuần báo « Tri-Tân », số 9, ngày 1-8-1941,

Ông Nguyễn-Văn-Tố lại lên tiếng. *Lần này không hỏi* « Hùng-vương hay Lạc-vương ? » *mà quả quyết* : « Lạc-vương, chứ không phải Hùng-vương ».

Ông dẫn sách *Annam chí lược*, đã dẫn một đoạn sách cũ, là *Giao-chỉ thành-kí* : »

« *Tích vị hữu quận huyện thời, quán điền tùy triều thủy thưởng há. Khẩn kì điền giả vi Lạc-dân, thống kì dân giả vi Lạc-vương* 雒王, *Phó-vương giả vi Lạc-tướng, đai đồng ấn thanh thụ.* »

Nghĩa : *Xưa lúc chưa có quận huyện, tháo nước vào ruộng, theo nước triều lên xuống (nghĩa là lúc nước lên thì thôi, lúc nước xuống thì làm). Làm ruộng là Lạc-dân, trị dân là Lạc-vương, giúp vua là Lạc-tướng, đều ấn đồng dải xanh.* »

Rồi ông kết luận.

« Như thế là *Lạc-vương*, chứ không phải *Hùng-vương*. »

Và ông hỏi :

« Thế *Hùng-vương* xuất xứ ở đâu ? »

Ông tự trả lời : chính ông Henri Maspéro ở trường Bác-cổ Viễn-đông tìm thấy trong quyển *Nam-Việt chí*, của người Tàu, làm từ thế kỉ thứ V, đều viết Hùng-vương 雄王. Sau các nhà chép sử đều theo đó mà viết Hùng-vương. Mà lầm thế là vì hai chữ rất giống nhau : *Hùng* viết : 雄, *Lạc* viết : 雒. Đoạn này ý giống đoạn ông viết chín năm về trước.

Ông Maspéro quả quyết thế thì e có phần vội vàng, mà ông Nguyễn-Văn-Tố quả quyết theo ông bạn đồng nghiệp mình thì chẳng khỏi có phần hấp tấp.

Chúng ta hãy đọc lại đoạn chót bài ông để xem có khác gì bài đăng trong « *Đông-thanh tạp chí* », gần mười năm trước.

« Nay ta có thể quả quyết hơn, và nói lên rằng : *Hùng* là chép sai, *Lạc* mới đúng. Quyển *Sử-kí* của Tư-Mã-Thiên (về đời Hán-Võ-đế, năm 140 — 88 trước kỉ nguyên) viết rành chữ Lạc là 駱 : như thế không tài nào lẫn được nữa. *Sử-kí* (quyển 113, trang 1b) chép rằng : Lạc là nước Việt... Xét Giao-chỉ có ruộng Lạc ; trông nước triều lên xuống, dân kiếm ăn ở ruộng, người nào được ăn lộc ở ruộng gọi là Lạc-hầu 駱侯 Mọi huyện tự gọi là Lạc-tướng 駱將, ấn đồng dây xanh, tức là quan lệnh ngày nay.

« Gần đây, bộ *Đại-Thanh nhất thống chí* (quyển 422, trang 4a) cũng chép là Lạc-vương, và nói cả đến cung Lạc-vương. Đoạn cung Lạc-vương như thế này : « Lạc-vương cung, ở châu Tam-đái, phủ Giao-châu. Lịch-Đạo-Nguyên (trong bộ *Thủy kinh chú*) có dẫn *Giao châu ngoại vực kí*. Quyển này chép : « Xưa, lúc chưa có quận huyện, thì có ruộng Lạc, cày cấy theo nước triều lên xuống ; làm ruộng là Lạc-dân, trị dân là Lạc-vương ; dưới có Lạc-hầu, Lạc-tướng. Gọi nước là Văn-lang, phong tục thuần phác : thắt nút để ghi nhớ công việc. Truyền mười tám đời, bị con Thục-vương là Phán làm tiêu diệt. Cung nền hãy còn. »

« Có còn thực không ? Hiện chưa ai biết đích, vì chưa ai đi đến tận nơi mà tìm tòi theo phép khảo cổ, cho nên, trừ

những chuyện truyền kỳ ra không kể, lịch sử đời Lạc-vương (mà ta thường gọi là Hùng-vương), chỉ biết đại khái như thế thôi ».

Cách đó không lâu, bốn tháng sau, một học giả khác, cũng từng ra vô trường Bác-cổ Viễn-đông và có trách nhiệm ở trường này một dạo, lên tiếng trong tập san hội « Khai trí tiến đức », số 5 và 6, tháng 1 — tháng 6 năm 1942.

Đây, tiếng nói của ông Sô-Cuồng Lê-Dư :

« Hùng-vương là Hùng-vương ».

« Ít lâu nay có một vài người dã căn cứ vào lời ông Henri Maspéro, cựu giáo sư trường Bác-cổ, mà nói quả quyết rằng: « Hùng-vương phải gọi là Lạc-vương mới đúng ».

Một vài người đó, chúng ta đã biết là ai rồi. Và lời quả quyết của « một vài người » đó đã làm ông Sô-Cuồng muốn cuồng lên !

« Trời ơi ! có lẽ nào chúng ta đã lầm hàng bao nhiêu thế kỉ mà mãi bây giờ mới có được người chỉ điều lầm cho chúng ta !

« Nhưng thử xem chúng ta có quả thật là lầm không đã ».

Trước khi xem thử, ông Lê-Dư cho chúng ta biết năm cái thuyết của ông trong công cuộc khảo cứu.

« Tôi bình sinh có chủ trương mấy cái thuyết này :

« 1 — Việc nước nào, người nước ấy khảo ra mới đúng ;

« 2 — Một việc phát sinh ở nước nào, sách vở nước ấy chép ra mới đúng :

« 3 — Một dân tộc nào, khởi thỉ ở đâu, phải theo sách vở của nước ấy chép ra mới đúng ;

« 4 — Danh từ gì của một dân tộc nào đặt ra, phải dân tộc ấy nói ra mới đúng.

« Vì thế cho nên từ lâu tới nay, tôi không cãi lời của giáo sư làm gì. »

Thế mà tại sao nay ông lại phải phá nguyên tắc ấy ?

« Không ngờ, có bao nhiêu người chỉ hay phụ họa để huyễn hoặc người đời, cũng theo cái thuyết ấy, và sốt sắng khuyên người Việt-Nam ta nên đính chính sự sai lầm ấy và từ nay nên gọi ông tổ chúng ta là « Lạc-vương ».

Vậy Lạc-vương hay Hùng-vương ?

Hỏi, tức là muốn người trả lời, hay rồi chính mình trả lời, cũng thế. Mà trước khi trả lời, cần phải rõ tại sao người ta lại nói thế. Nên chi, ông tóm tắt bài ông Maspéro khảo về nước Văn-lang chúng ta:

« Sách *Việt sử lược* chép : ông vua đầu tiên nước Annam tên là Hùng- (右 và 佳) vương 王 và có mười tám đời. Sách *Việt điện u linh* soạn ra trước sách *Việt sử lược* nửa thế kỉ cũng có chép sự tích vua Hùng - vương. Sách *Nam-Việt chí* cũng nói là Hùng-vương. Sách *Giao-châu ngoại vực kí* thì chép là Lạc - vương (chữ Lạc một bên 各, một bên 佳. Chữ *Lạc* 雒 này với chữ *Hùng* (右 và 佳) giống nhau lắm, dễ viết nhầm, không biết chữ nào là đúng; sau nữa tìm thấy sách *Quảng-châu kí* chép rõ ràng chữ *Lạc-hầu, Lạc-tướng* bằng chữ Lạc 駱 mới giải quyết được chữ Lạc là đúng, thế thì sử Nam từ xưa chép là Hùng-vương đều nhầm cả, nên xóa đi, từ xưa chỉ có Lạc-vương thôi. »

(còn tiếp)

PHẠM-HOÀN-MĨ

LÁ THƯ HẢI NGOẠI,

Một vài cảm tưởng khi tham dự Đại hội khảo nhạc quốc-tế tại Balê.

Ba-lê, cuối thu 58,

Ng. thân mến,

Cũng như anh bác sĩ Nguyễn-Văn-Bửu, vài em học trò cũ và ít người để tâm đến nền cổ nhạc Việt-Nam, Ng. có gửi thư hỏi thăm tôi về kỳ Đại hội khảo nhạc quốc tế tại Ba-lê trong mùa thu qua. Có báo ngỏ ý nhờ tôi viết bài tường thuật công việc của Đại hội. Nhưng một ký giả phải là một khách bàng quan mới đủ sáng suốt, mới có thể nhìn bao quát để không sót một chi tiết nào hầu viết bài tường tận về hoạt động của các nhạc sĩ, các nhà khảo nhạc trong Đại hội. Tôi đã trực tiếp tham dự Đại hội thì không thể nào vừa đóng tuồng vừa làm khán giả. Phương chi, giữa bạn thân mà nói với nhau, trong kỳ Đại hội này người tham gia nhiều nhất vào các ban là tôi. Trong một bài tường thuật lại nói tôi làm chuyện này, tôi làm chuyện nọ thì không gì chướng tai độc giả hơn. Và lại « cái tôi là cái đáng ghét ». Nhưng bạn đã hỏi cảm tưởng của tôi về Đại hội nghị vừa qua thì tôi xin ghi lại những ý nghĩ, cảm xúc của tôi nhân kỳ hội nghị ấy.

Không phải đây là lần đầu mà tôi có dịp tham dự một đại hội quốc tế. Từ mười năm nay, không một chánh phủ đề cử, nhưng tôi chẳng bỏ qua một dịp nào để trình bày nhạc Việt tại các nước Âu-châu. Lúc học trường chính trị, tôi đã gặp gỡ sinh viên các nước để thảo luận về luật quốc tế. Nhưng ngày trước tôi còn là một sinh viên, nói về nhạc Việt là nhờ sự hiểu biết dựa theo kinh nghiệm — Sau một buổi nói chuyện hay trình bày nhạc Việt, trong một đôi giờ thảo luận, không thể xem tất cả các vấn đề. Trong số thính giả, chỉ năm ba người hiểu nhạc, nhưng phần nhiều là nhạc Âu Mỹ. Họ có hỏi về nhạc Việt chỉ để cho biết thêm, chớ họ không phải là những người chuyên môn. Lần này, các giáo sư danh tiếng ở các đại học đường Âu, Á, Mỹ đến tham dự Đại hội. Nhiều người lại chuyên khảo về nhạc Á-đông. Mỗi một lời

nói phải thận trọng. Mỗi một danh từ phải xác đáng. Biết thế nên tôi hơi lo khi ông Sack Boruoff, Tổng thư ký của Hội đồng quốc tế về âm nhạc, sau khi nghe tôi diễn thuyết về nhạc Việt tại bảo tàng viện Guimet đến mời tôi tham dự Đại hội. Ông cùng với ông thầy tôi là giáo sư Jacques Chailley là hai người quan trọng nhất trong ban tổ chức. Thầy tôi rất muốn tôi có mặt kỳ Đại hội này, một là để tôi có dịp trình bày những đặc điểm của nhạc Việt cho các giáo sư ngoại quốc, hai là tôi được một cơ hội « thử đá thử vàng ». Có một vấn đề hơi gay go là tôi tham dự với tính cách một đại biểu hay là một bàng thính viên. Bàng thính viên thì không quyền ăn nói, mà đại biểu thì tôi vừa thi xong đã có địa vị gì trong chính phủ nào đâu ? Tôi có thể đi với đoàn đại biểu Pháp với tánh cách một nhà chuyên môn về nhạc Việt. Nhưng tôi không bằng lòng thế, vì tôi là người Việt. Dù không một chánh phủ nào đề cử, nhưng tôi là dân Việt, tôi thấy trong trường hợp nầy, tôi có phận sự thay mặt không phải một chính phủ Việt-Nam, mà dân tộc Việt để trình bày những đặc điểm của nhạc Việt. Thế rồi, sau khi thảo luận, ban tổ chức mời tôi tham dự đại hội với tánh cách cá nhân. Và chẳng những tôi có quyền lên diễn đàn thảo luận về các vấn đề mà ban tổ chức mời tôi làm một bài thuyết trình để mở đầu buổi thảo luận với đầu đề « Người nhạc sĩ phương Đông, trước âm nhạc phương Tây ». Đó là vinh dự mà tôi không chờ đợi, vì trong số 164 người tham dự Đại hội, ban tổ chức chỉ mời 12 người thuyết trình mở đầu. Vinh dự đó không phải riêng cho cá nhân tôi mà cho cả nền quốc nhạc Việt. Rồi người ta sẽ biết rằng có một lối nhạc có truyền thống, có đặc điểm, có lịch sử, không giống hẳn một loại nhạc nào nhạc ấy là nhạc Việt mà tôi lại được diễm phúc đặt nó lên, lần đầu tiên, trên bàn thảo luận quốc tế về âm nhạc. Tôi nhận lời tham dự đại hội. Tôi nhận lời làm bài thuyết trình mở đầu. Tôi nhận lời tham dự đêm hòa nhạc Á-châu. Nhận lời rồi lo. Lo vì đang mắc nạn khan nhà tại Balé, phải chạy đông chạy đáo để tìm nhà ở, bao nhiêu sách vở tài liệu cho vào rương, khi cần làm sao tìm được quyển sách mình muốn xem gấp. Lo vì trong thời gian Đại hội, phải bỏ cả công ăn việc làm, việc sinh sống hằng ngày để chuẩn bị và tham dự. Người ta đi có lương của chính phủ, còn mình lại ăn cơm nhà, làm việc công. Lo vì ngoài sự hiểu biết về nhạc Việt phải xem lại những đặc điểm của các lối nhạc Trung-hoa, Nhật-bản, Ấn-độ, Nam-

dương và cả nhạc Âu-châu. Có đủ thì giờ chăng? Có đủ khả năng chăng? Liệu có làm tròn sứ mạng đối với dân tộc Việt chăng? Đại khái những cảm tưởng của tôi trước ngày Hội nghị khai mạc là thế.

Lo âu cho mấy thì đến ngày Hội nghị khai mạc cũng phải tham dự. Các vấn đề được thảo luận theo thể cách bàn tròn. Tôi ghi tên vào tất cả mấy buổi thảo luận về hệ thống âm giai, tiết tấu, nhạc khí và cung điệu. Hôm thảo luận về âm giai, sau bài thuyết trình mở đầu của bác sĩ Burkechli, người Ba-tư, nói về đặc điểm âm giai của nước Ba-tư, tôi trình bày về những chữ « lợ » trong âm giai Việt và giải thích tại sao có những « lợ » ấy. (1) Thế rồi cuộc thảo luận đi quanh vấn đề âm nhạc Việt trong hơn hai tiếng đồng hồ. Bao nhiêu câu hỏi về chủ âm (conique) về các điệu Bắc và Nam trong nhạc Việt, tôi trả lời được tất cả và sau buổi họp, ông giáo tôi đến bắt tay tôi và trong cái cười của ông có bao nhiêu ý nghĩa. Trong năm hôm liền, tôi không bỏ qua một cơ hội nào để tham dự các cuộc thảo luận về hệ thống âm giai, cung điệu, tiết điệu, và gặp gỡ các nhạc sĩ hay các nhà khảo nhạc để trao đổi ý kiến và học hỏi thêm. Tôi đã gặp các nhạc sĩ và các khảo nhạc Pháp, Đức, Mỹ, Hòa-lan, Do-thái, Gia-nã-đại, Bỉ, Thụy-sĩ, Nam-tư-lạp-phu, Áo, Ấn-độ, Cao-ly, Nhật-bản, Trung-hoa, Thái-lan. Nhiều trường đại học như Vienne (Vi-en) của nước Áo và Cologne (Cô-lô-nhơ) nước Đức muốn mời tôi đến diễn thuyết về nhạc Việt. Đài vô tuyến điện Gia-nã-đại và Pháp phỏng vấn tôi trong hai hôm và đài Gia-nã-đại đang dự bị mời tôi sang tận Gia-nã-đại để trình bày nhạc Việt. Giáo sư Mantle Hood (Mênh-tơl-Hu-đơ) người Mỹ, muốn mời tôi sang đại học Los Angelès (Lốxơ Endjơ-lê-xơ) để tham dự vào nhóm khảo nhạc Á-châu. Tôi cảm thấy họ muốn tìm hiểu những lối nhạc khác hơn lối nhạc của nước họ. Mà từ xưa đến giờ, họ chưa có dịp gặp một công trình khảo cứu nào của người Việt về nhạc Việt. Vừa sung sướng vì thấy bao năm tìm tòi, nay đã phần nào đắc kỳ sở nguyện, nhưng tôi lại thấy lẻ loi. Tại nước người, bao nhiêu nhà khảo nhạc tìm tòi, bao nhiêu sinh viên trẻ tuổi sang học hỏi, mà công việc họ làm được so với những chuyện cần phải biết chưa thấm vào đâu. Mà học về khoa khảo nhạc, có lẽ nước Việt ít ai nghĩ đến. Mất nhiều công, phải biết ngoại ngữ, nhạc lý, phải nhẫn nại, phải cần cù mà kết quả chỉ đem lại sự thỏa mãn về tinh thần chớ cùng một lúc bỏ công học khảo nhạc, nếu học ngoại ngữ, học sáng tác hay biểu diễn nhạc,

ra dạy học lại có tiền hơn. Nhưng nếu ai cũng nghĩ đến chuyện làm ra tiền, nếu ai cũng sống thiết thực, thì làm sao có hội nghị vừa rồi ? Gặp các giáo sư, nghe họ đi qua Phi-châu sống trong rừng năm này tháng nọ, nghe họ thông hiểu nhạc phương Tây, nhạc phương Đông, có người Pháp đọc được chữ Phạn (Sanscrit), có người Mỹ am hiểu nhạc Nam-dương, người Anh chuyên môn nhạc châu Phi, tôi thấy sự học vô cùng và chuyện mình hiểu biết so với điều mình không biết như giọt nước nhỏ và biển cả mênh mông. Trong cả tuần, tôi thấy rằng, một số nhạc sĩ phương Đông muốn cho nhạc sĩ phương Tây thấy rằng nhạc nước họ ngày nay cũng đổi mới cũng áp dụng nhạc thuật Âu-châu. Nhưng các giáo sư phương Tây đã nói với tôi rằng họ thích nghe nhạc phương Đông vì họ gặp trong đó nhiều đặc điểm mà họ không có. Nếu người phương Đông lại tìm cách bắt chước người phương Tây, dùng những mánh khoé mà người phương Tây cho là quá thời hoặc muốn bỏ đi, mà không để tâm phát triển những cái hay riêng của mình thì có nông chăng ? Trong lúc ấy người nhạc sĩ phương Tây lại đang muốn bỏ hệ thống âm giai, và hòa âm cổ điển để tìm màu sắc mới trong nhạc phương Đông. Người ta hay thích những gì mình không có, và khinh thường những gì mình đã có. Vấn đề bảo tồn cổ nhạc và phát triển tân nhạc làm tôi suy nghĩ liên miên.

Sau một tuần lễ tham dự hội nghị, tôi vừa thấy rõ những ưu điểm của nhạc Việt để mà hãnh diện và những khuyết điểm để bổ cứu. Tôi thấy rõ hơn nhiệm vụ tôi ở đâu và những công việc cần phải làm ngay. Tôi thấy rõ hơn phương pháp đào tạo nhạc sĩ Việt tương lai.

Những cảm tưởng trong tuần rất dồi dào, phức tạp, tôi không thể phân tách rõ rệt để nói lại cho bạn nghe. Tôi chỉ nhớ câu nói của ông M. Schneider giáo sư khoa khảo nhạc trường Đại học Cologne (Cô-lô-nhơ) : « Thường thì người ta hoặc là nhạc sĩ hoặc là nhà khảo nhạc. Ông may mắn gồm được cả hai. Ông có bổn phận phải đi sâu vào mọi vấn đề để cho thế giới biết thêm về nhạc Việt. Trước kia châu Mỹ đã có, nhưng phải đợi đến ngày có người tìm ra, thế giới mới hay rằng có châu Mỹ. Trước kia nhạc Việt đã có. Nhưng nhờ kỳ Đại hội này, chúng tôi mới có dịp nghe ông trình bày nhạc Việt về lý thuyết cũng như mặt thực hành. Cám ơn ông. »

Họ đến cám ơn tôi sau mấy buổi hòa nhạc. Nhưng lòng tôi thấy tràn ngập sự biết ơn cha ông và cả gia đình tôi đã trao lại tôi truyền thống cổ nhạc Việt, cám ơn những nhạc sĩ vô danh đã để lại một kho tàng quí báu cổ nhạc, cám ơn mấy Thầy, mấy bạn đã giúp tôi đủ khả năng để trình bày rõ rệt bằng lời những điều tôi nhận thức bằng khả năng cám ơn những người đã tìm hiểu và chú ý nghe nhạc Việt và sau này đem truyền bá trong nước

Bạn Trần-Văn-Khê

của họ những đặc điểm của nhạc Việt.

Tôi đi dự Đại hội với tánh cách cá nhân, không thay mặt cho một nhóm người, một đoàn thể hay một chính phủ nào, nhưng tôi thấy đủ can đảm, vì tôi nghĩ rằng đã được vinh dự thay mặt cho toàn thể dân tộc Việt để nói to cho các nhà khảo nhạc trên thế giới biết qua về vài đặc điểm của nhạc Việt cổ truyền...

Còn bao điều muốn nói, bao ý nghĩ muốn bày, nhưng xin hẹn Ng khi khác vậy.

Xa xôi...

(1) Chữ « lợ » trong nhạc Việt là một chữ đàn không có một cao độ nhất định. Như chữ « xự » giữa hai chữ xự và xang không có một cao độ nhất định mà tùy cách nhấn của nhạc công.

PHỤ CHÚ

Nhiều bạn — hoặc trong học giới, văn giới, hoặc là bạn học cũ — có hỏi chúng tôi hoặc trực tiếp, hoặc bằng thư từ về bản luận án tiến sĩ văn chương Pháp của các bạn Trần-Văn-Khê với nhan « La musique Viêtnamienne traditionnelle » (Nền nhạc cổ truyền Việt).

Tựu trung, các bạn muốn biết hai điều :

1.— Nội dung luận án.

2.— Muốn có quyển ấy phải làm sao ?

Chúng tôi xin trả lời chung để các bạn rõ :

1.— Luận án của bạn Trần-Văn-Khê, được in ronéo tại Paris năm 1958, đóng làm 2 tập, 482 trang, khổ 28/21. Chúng tôi sẽ xin chép lại mục lục luận án chánh và hai phụ đề để các bạn hiểu rõ nội dung.

2.— Luận án này hiện bạn Khê không còn, nhưng bạn còn « giấy sáp » (stencil) để cho in ronéo lại. Nếu được 50 bạn muốn có luận án này, thì bạn sẽ cho quay lại ; tiền giấy, tiền công, tiền gởi bảo đảm về (đường thủy), luận án vốn độ *500$*.

Vậy những bạn nào muốn có luận án này, xin gởi thư cho chúng tôi biết ; được con số tối thiểu nói trên, chúng tôi sẽ tin cho bạn Khê hay để bạn trực tiếp với các bạn và tiến hành việc cho in lại tập luận án đầu tiên của một nhạc sĩ Việt nói về nền cổ nhạc Việt.

Nguiễn-Hữu-Ngư

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í

IX

Kỳ nầy, chúng tôi làm một việc còn liều lĩnh hơn là sưu tầm và định nghĩa danh từ địa phương nữa.

Rất ý thức về chỗ dốt của mình, chúng tôi vẫn cứ làm, không khiêm nhượng giả dối, cũng không sợ bị chê cười nếu có sai sót, vì chúng tôi rất muốn giúp ích và rất sốt ruột mà thấy công việc không ai làm.

Mong mấy trang danh từ chuyên môn (chuyên môn nhưng liên hệ mật thiết với tính mạng của đồng bào) kỳ nầy sẽ được các bạn xa gần chú ý và chỉ bảo thêm như các bạn đã giúp về những kỳ trước.

★

Bác sĩ người miền Bắc, khám con bịnh người miền Nam, lắm khi phải ngẫn ngơ không hiểu con bịnh muốn nói gì. Và trái lại bác sĩ người miền Nam, khám con bịnh người miền Bắc, thường cũng phải « *điếc con rái* » vì lời khai bịnh khó hiểu của bịnh nhân.

Ở ngành khác, không hiểu nhau, chỉ hại chút ít thôi. Trong việc trị bịnh, hiểu lầm có thể gây tai hại lớn.

Kỳ nầy, chúng tôi cố gom góp những danh từ về bịnh tật mà hai miền dùng khác nhau, tuy không thể gom đầy đủ được, nhưng giúp ích phần nào hay phần nấy.

Chúng tôi xin rào đón trước để tránh gây ngộ nhận :

I.— Chúng tôi không phải là y sĩ, và không có tham vọng viết bài về y học, hoặc làm từ điển y ngữ.

II.— Chúng tôi chỉ :

a) Nêu ra những danh từ cố hữu của dân tộc chỉ những chứng bịnh đã có, để giúp các vị Tây y hiểu con bịnh bình dân, vì nhiều vị Tây y chỉ biết tên bịnh bằng tiếng ngoại quốc, hoặc bằng danh từ bác học của Việt - Nam thôi.

b) Đối chiếu hai danh từ tương đương của hai miền Nam và Bắc, cùng chỉ một chứng bịnh, để giúp y sĩ miền Bắc hiểu con bịnh miền Nam, và y sĩ miền Nam hiểu con bịnh miền Bắc.

Những quan niệm y học bên Đông y, nêu ra trong bài nầy, là quan niệm của dân chúng, không biết có đúng với quan niệm chánh cống của y học Đông phương hay không. Chúng tôi chỉ đứng vào mặt dân chúng nên không khảo cứu y lý Đông phương. Vậy nếu có gì trái ý quí vị đông y, xin quí vị chớ ngỡ là chúng tôi muốn đấu lý về y học với quí vị.

Bên trong bài, chúng tôi có một đề nghị, nói là kính gởi bác sĩ Nguyễn-Trần-Huân, nhưng cũng xin gởi tất cả những nhà làm tự điển khác.

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

IX

Chớn thủy (*danh từ ghép*) Chỗ xương sụp xuống ở ngực (Sternum) Miền Bắc gọi là *mỏ - ác*.

Mỏ ác (*danh từ ghép*) Ở Miền Trung và Miền Nam, *mỏ ác* là phía trước của sọ (Fontanelle), tức là *thóp* của miền Bắc.

Ban (*Danh từ*) Việt-Nam tự điển của hội *Khai trí tiến đức*: « *Một thứ bệnh, mọc những mụn lấm tấm có vết nhỏ, như nói sốt phát ban.* »

Nhưng người bình dân miền Nam và cả vài ông lang thì hiểu khác. Ở đây ban là tất cả những bịnh nóng sốt nhiều ngày, nhứt là nơi trẻ con.

Một người mắc chứng sốt rét rừng (ngã nước) rồ rệt, cũng bảo là mình đau ban. Trẻ con sưng phổi nóng mê man, họ cũng nói là trẻ bị ban.

Ban bạch *(Danh từ)* Trong khi sốt lâu ngày, trên da con bịnh mọc đầy những mụn lấm tấm, trong bóng, nặn có nước. Người ta bảo đó là ban bạch, một loại trong nhiều loại ban. Người ta cho rằng mụn ấy từ trong tạng phủ mà ra, và chính nó làm cho sốt ; may mắn lắm, hoặc gặp thuốc hay, nó mới mọc ra được, và nó mọc ra được thì khỏi lo gì nữa cả.

Nhiều bác sĩ đã nghiên cứu chứng nầy và kết luận rằng *ban bạch* không phải là một bệnh mà là sự phồng da do *bất kỳ bịnh sốt nào* mà hành con bịnh lâu ngày. Sự phồng da ấy có lẽ do dự đổ mồ hôi đột ngột và quá độ gây ra.

Chúng tôi không thạo y học (cả Đông y lẫn Tây-y) và chỉ ghi lại tin tưởng

của đôi bên thôi, không dám đấu y-lý với bên nào cả. Nhưng tin tưởng ấy quyết là có.

Ban đỏ *(danh từ)* Bịnh nầy có thật, người Pháp kêu là rougeole. Miền Bắc gọi là *sởi*.

Ban cua (*danh từ*) Cũng cứ theo tin tưởng của dân chúng và vài ông lang :

Bịnh làm sốt dữ nhiều ngày, do một con cua gây ra. Con con nầy nằm trên xương sống và đi xuống lần từ đầu xương sống đến cuối xương sống. Khi con cua xuống tới ngang lưng quần (Nam : bảy ngày, nữ : chín ngày) thì con bịnh phải chết.

Muốn biết có con cua hay không, phải xem lưng con bịnh dưới ánh đèn sáp, sau khi thoa chanh dài theo xương sống. Khi thấy có con cua, không nên nói gì cả, nhứt là không được gọi tên nó. Nếu làm trái lại thì nó biến mất.

Phải cắt da, ngay con cua rồi dùng ventouse mà hút máu thì con bịnh khỏi ngay.

Dấu hiệu khi bịnh : con bịnh sốt dữ tợn, thường mê sảng, và hễ nghe mùi thực phẩm, nhứt là mùi các món chiên xào thì buồn nôn.

Nhiều vị bác sĩ quả quyết rằng dấu hiệu của bịnh nầy giống hệt dấu hiệu của bịnh *fièvre typhoïde*, và con cua chỉ là chuyện bịa đặt. Nếu có con cua thì đó chỉ là một cục máu bầm, vì con bịnh nằm liệt nhiều ngày, lưng bị cấn nên bầm đen ở một hay vài nơi.

Còn nam chết sau 7 ngày, nữ chết sau 9 ngày nếu không gặp thầy, là cũng bịa đặt. Nếu họ có chết sớm thế là vì tim họ yếu quá; chống không lại sự hành hạ của vi trùng. Thường thì họ chết trễ hơn thế nhiều, nếu chạy chữa không đúng.

Thương hàn (*Danh từ*) Có người lấy danh từ thương hàn để dịch fièvre typhoïde. Nhưng sợ e gây rối chăng, vì tiếng *thương hàn* có đã lâu đời trong ngôn ngữ Việt - Nam *và đã chỉ một chứng bịnh khác* rồi.

Bắc (V.N.T.Đ) Thứ bịnh bị khí lạnh phạm vào người mà phát sốt dữ. Như thế là fièvre après refroidissement rồi vậy.

Nam. Ở Nam cũng hiểu ná-ná như thế.

Còn bịnh fièvre typhoïde do vi trùng gây ra, chớ không phải do khí lạnh.

Ban lươn, ban rắn, ban tôm, ban ếch *(Danh từ)* Mấy chứng nầy chỉ nghe *lang băm* nói đến thôi, chớ các bậc Đông-y danh tiếng hình như không cho là có. Và chưa ai định nghĩa rõ rệt ra sao cả.

Ban cua lưỡi trắng, lưỡi đen, lưỡi vàng *(danh từ ghép)* Theo tin tưởng của dân chúng và một vài ông lang thì đó là những loại ban cua. Nhưng...

... Nếu ban cua là bịnh có thật — và ta tạm nhận là bịnh ấy có — thì những danh từ ở trên đây chỉ dùng để chỉ các giai đoạn lâm bịnh mà thôi. Đến giai đoạn nào thì lưỡi của con bịnh trắng ra, đến giai đoạn nào thì nó sậm đen lại.

Lặm *(Động từ và tĩnh từ)* Nói bịnh lặn vào tạng phủ khi không xuất ra ngoài

được. Nghĩa tương tợ như *nhập lý* ở miền Bắc.

Bợn dạ (*Động từ và tĩnh từ*) Buồn nôn.

Tôi bợn dạ. Tôi nghe bợn dạ.

Ở cồ (*Tĩnh từ*) Cảm giác khó chịu nơi cuống họng khi ăn một món khó tiêu hóa.

Lao lư (*Tĩnh từ*) Bụng người đói mà uống nước vào nhiều quá, thì nó làm khó chịu, và bụng đánh lọc-ọc, lắm khi gò lên (Ballonnement du ventre).

Nhảy mũi (*Động từ*) Hắt hơi.

Hầm hầm (*Tĩnh từ*) Hơi sốt một tí. Miền Bắc nói hâm-hâm.

Lác (*Danh từ*) Hắc-lào.

Long ben *(Danh từ)* Lang ben.

Cào-cào (*Danh từ*) Thổm lồm.

Rét rừng (*Danh từ*) Ngã nước.

Ăn lợi nghĩnh (*Quán thoại*) Ăn trả bữa.

Sèn (*Danh từ*) Sán, sán xơ mít.

Sán lải (*Danh từ*) Run.

Làm kinh (*Động từ*) Động kinh (Convulsions)

Kinh phong hoặc phong xù (*Danh từ*) Epilepsie. Bịnh nầy Đào-Duy-Anh gọi là *trúng phong* (ông Đ.D.A. người miền Trung). Hai bác sĩ Phạm-Khắc-Quảng và Lê-Khắc-Thiều, người miền Bắc thì gọi là *Kinh giản* (*Danh từ y học*).

Chú ý : Ở miền Nam *trúng phong* hay *trúng gió* là cảm sốt sau khi lội gió sương.

Ở Thanh-hóa *Chứng trúng gió độc* được tả giống hệt một chứng attaque cardiaque kia (*Nguyễn-Tuân: Chiếc lư đồng mắt cua*)

Trúng thực (*Tĩnh từ*) Bội thực.

Phong (*Danh từ*) Cứ theo tin tưởng dân chúng thì phong là tất cả cái gì làm cho ngứa ngáy, lở-lói, ho hen, nhức nhối, giựt gân. *Thịt gà sanh phong.*

Cùi *(Danh từ)* hủi (Bắc).

Phong đòn gánh (Danh từ) Tétanos miền Bắc gọi là *uốn ván.*

Thiên thời (*Danh từ*) Thổ tả.

Trái trời (*Danh từ*) Đậu mùa.

Trồng trái (*Động từ*) Chủng đậu.

Trời trồng *(Danh từ)* Đây là một chứng bịnh kỳ lạ, được dân chúng trình bày dưới một bộ mặt huyền hoặc ; nhơn vì bịnh hiếm có nên người ta cứ ngỡ đó là chuyện hoang đường.

Dân chúng thường kể rằng một anh trai kia nuôi gà chọi rất tài. Anh ta quí gà lắm. Một hôm, vợ mới cưới của anh ta lỡ tay đập phải gà chết, nên hoảng sợ vô cùng vì anh ta rất ác, và xem gà trên tất cả mọi thứ ở đời.

Mẹ anh ta thương hại nàng dâu, bèn nhận tội khi anh ta đi xa về. Người con bất hiếu ấy mới vác hèo mà đập mẹ. Nhưng anh ta vừa hươi hèo là bị trời trồng ngay. Anh ta đứng giữa trời, không cục cựa được, cũng không biết gì nữa cả.

Sự thật thì đó là một chứng bịnh thần kinh, bất kỳ con hiếu thảo hay con bất hiếu gì cũng có thể mắc phải.

Pháp gọi là *catalepsie.* Không rõ dân chúng miền Bắc gọi là gì, riêng hai

bác sĩ Phạm-Khắc-Quảng và Lê-Khắc-Thiền thì gọi là *chứng treo dáng động vật*.

Giời ăn (*Tính từ*) Có một thứ bịnh bì-phu người Pháp kêu là Zona, người miền Bắc không có tiếng gọi (Hai bác sĩ P.K.Q. và L.K.T. âm là Zô-na), người miền Trung cũng không có tiếng gọi (Đào-Duy-Anh dịch ra là : một thứ bịnh lở da), nhưng miền Nam gọi là bịnh giời ăn.

Tôi bị giời ăn. Vỏ cây gáo dùng trị bịnh giời ăn.

Con giời (ver luisant), thật ra không phải là nguyên nhân của bịnh nầy đâu.

Nức cụt (*Động từ*) Nấc.

Nằm bếp dối (*Thành ngữ*) Sảo thai tự nhiên. Fausse couche, Avortement naturel.

Bù lạch ăn (*Danh từ*) Biến-thể bình-dân của *Bọ lạch ăn*. *Bọ lạch* là một sinh vật nhỏ hay bay quanh mắt người mà người ta gọi trại ra là con *bù mắt*.

Bịnh *bù lạch ăn*, thật ra không phải do con bọ lạch gây nên. Người bịnh có mí mắt ửng đỏ, rịn nước lầy nhầy. Miền Bắc gọi là mắt toét.

Mắt bù lạch. Nó bị bù lạch ăn mắt.

Huyết trắng (*Danh từ*) Bạch dái.

Trái nước (*Danh từ*) Mắc chứng ngã nước kinh niên, nó sanh ra một khối nước ở giữa hai lớp da bụng, làm cho bụng to phình lên. Miền Bắc gọi là *bụng nước*, Pháp kêu là ascite.

Dân chúng miền Nam lại có người cho là con bịnh bị *thư* tức là bị tay phù thủy nào làm phép đưa vào đó một vật to, như cái nồi, trái dừa chẳng hạn.

Có tội (*Động từ*) Có kinh kỳ. *Hôm nay tôi có tội, không biết tiêm thuốc ấy, có sao không ?* miền Bắc cũng gọi là có tội.

Dơ mình : (*Tính từ*) Có kinh kỳ.

Gấy cảng (*Tính từ*) Đây là tiếng lóng của giới bình dân, cũng có nghĩa là có kinh kỳ.

Mụn (*Danh từ*) Trứng cá.

Tầu mã (*Tính từ*) Nói về chứng bịnh nào (như bịnh ung xỉ chẳng hạn) mà đột biến chuyển và đi đến độ nguy một cách mau chóng quá sức : galopant.

Thí dụ : *Ung xỉ tầu mã khó trị lắm !*

Hết (*Tính từ*) khỏi.

Bớt (*Tính từ*) Bịnh đã đỡ.

Khá (*Tính từ*) Bịnh đã đỡ đôi chút.

Huyết vận (*danh từ ghép*) Bịnh sốt, trên da có nổi nhiều vệt đỏ, vệt đỏ nầy có khi xê dịch (Người bình dân tin rằng nói đến tên nó, nó càng đi mau, và ta càng nguy).

Pháp kêu là érysipèle hoặc érésipèle.

Danh từ y học của hai bác sĩ P.K.Q. và L.K.T. gọi là *đơn độc*. Đào-Duy-Anh gọi là *đan độc*, hoặc thiên *hỏa*, hoặc *xích du*.

Chúng tôi ngạc nhiên mà nhận xét rằng về những chứng bịnh thông thường ở xứ ta, ba nhà tự điển trên ít khi dịch bằng danh từ thông thường sẵn có của ta.

Hai vị bác sĩ chắc có lý lẽ riêng của họ, là tên cũ thường khi không diễn

đúng ý niệm khoa học về bịnh.

Nhưng còn ông Đào-Duy-Anh ?

Tập danh từ của chúng tôi, vì chỉ có mục đích giúp hiểu nhau thôi, nên rất cần danh từ có sẵn của dân tộc, nhưng khó lòng mà tìm biết được các danh từ bình dân có sẵn của miền Bắc và Trung, vì lẽ đã nói trên.

Bịnh con khỉ (*Danh từ*) Trong *Danh từ y học* của hai bác sĩ P.K.Q và L.K.T, bịnh nầy được chỉ bằng một danh từ bác học : *chứng suy nhược hạch yên*. Không lẽ miền Bắc lại không có một tiếng thông thường để chỉ chứng bịnh rất thông thường ở thôn quê. Bịnh nầy Pháp kêu là *Cachexie hypophysaire*. Chúng tôi nghĩ rằng trong các tập danh từ y học, các tác giả nên chua thêm danh từ cũ của ta vào, ngoài danh từ mới tạo có thể nói rõ ý khoa học hơn.

Trong tự điển Pháp bịnh phong xù được gọi bằng cả hai danh từ, danh từ khoa học (épilepsie) và danh từ cổ của dân tộc (le haut-mal). Tại sao ta không làm thế cho dễ hiểu ?

Chúng tôi xin kính gởi ý kiến trên đây cùng bác sĩ Nguyễn-Trần-Huân, người đang soạn một tập *Từ điển y ngữ* để bổ túc cho quyển *Danh từ y-học*.

Mạch lươn (*Danh từ ghép*) Mà lươn.

Mạch lươn ở Nam khác mà lươn ở Bắc về mấy điểm sau đây :

Mà lươn là sự ăn luồn dưới da của nhọt đầu trẻ con. Mạch lươn trong Nam là sự ăn luồn dưới da của tất cả mọi ung, nhọt, ghẻ, lở. Ở đây mạch lươn: fistule.

Miền Bắc vẫn có tiếng mạch lươn (hiểu theo nghĩa mà lươn) nhưng ít dùng.

(Còn tiếp)

BÌNH-NGUIÊN-LỘC

và

NGUIỄN-NGU-Í

Phụ chú :

Chúng tôi cậy một sinh viên trường Thuốc tả và giải thích bịnh con khỉ. Ông ấy cho biết như dưới đây :

« Bịnh con khỉ do sự thiếu hormone de croissance, gọi tắt là S.T.H. (người Anh, Mỹ gọi tắt là G.H.) gây ra.

Nơi trẻ con thì trẻ mắc bịnh không lớn được, gầy khô đét như con khỉ (cachexie de Simmond).

Nơi người lớn (nhứt là phụ nữ) thì con bịnh đã lớn xong, cứ gầy lần, và cũng khô đét như con khỉ già (cachexie de Sheehans).

✦ Công kích thường làm nhụt nhuệ khí của người, khiến người sinh ra chán nản ; công kích cũng thường gieo rắc sự phân vân, sự bất hòa trong đoàn thể, khiến cho đoàn thể sinh ra chia rẽ về ý kiến cũng như về hành động.

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUẤN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

actinoneuritis :

(T). — Xạ tuyến tính thần kinh viêm.
(N). — Phóng xạ tuyến thần kinh viêm.
(V). — Chứng viêm thần kinh, vì quang tuyến X hoặc Ra-đi-om.

actinopraxis : x.c. actinothérapie.

actinoscopie :

(T). — X tuyến thấu thị kiểm tra pháp.
(N). — Cách khảo sát sự thấu minh (transparence) của các tổ chức hoặc các bộ phận trong thân thể.
(*Thấu minh, thấu thị* : nhìn suốt, nhìn qua.)

actinotherapeutic : xem chữ actinothérapie.

actinothérapie : (*actis, actinos* : tia sáng ; *thérapeia* : trị bệnh.)
(T). — Xạ tuyến liệu pháp. (*liệu* : chữa).
(N). — Quang tuyến liệu pháp.
(V). — Cách chữa bệnh bằng quang tuyến (tỉ dụ : điện tím, hay điện đỏ.)

actinotoxemia (toxémie actinique) :

(T). — Xạ tuyến tính độc huyết chứng.
(N). — Phóng xạ độc huyết chứng.
(V). — Chứng độc huyết vì xạ tuyến.

actinotropisme :

(N). — Hướng nhật tính. (*Hướng* : quay về).
(V). — Tính hướng nhật hướng dương.

action :

(T). — 1° Tác dụng. — 2° Động tác. 3° Hiệu dụng.
(N). — 1° Cơ năng. — 2° Tác dụng. 3° Hành động.

(V). — Tác dụng, — Cơ năng, — Động tác.
(*tác* : làm ; *dụng* : dùng ; *động* : cử động ; *cơ* : máy móc ; *năng* : có thể).

action d'arrêt : (action of arrest).
(N). — ức chỉ tác dụng ; Chế chỉ tác dụng. (*ức* : đè ; *chỉ* : ngừng lại ; *chế* : chống lại).
(V). — Tác dụng dừng lại ; tác dụng chế chỉ.

action aspiratoire :
(T) — Hấp dẫn động tác. (*Hấp* : thở vào ; hít vào.— *Dẫn* : kéo vào.)
(V) — Động tác hấp dẫn,— động tạc thu hút.

action bactéricide : (bactericidal action)
(T) — Sát quẫn tác dụng. *Sát* : giết.)
(V) — Tác dụng giết nấm ; tác dụng giết bắc-tê-ri.

action (buffer —) : (action tampon)
(T,N) : Hoãn xung tác dụng. *Hoãn* : làm chậm lại ; *Xung* : đụng nhau, va chạm.)
(V) : — Tác dụng hoãn xung ; tác dụng đỡ đụng.

action calorigénique (calorigenic action, — *calor* : Sức nóng.)
(N) — Phiên âm.
(V) — Tác dụng sinh nóng.

action capillaire : (capillaris, capillus : Tóc)
(N) — Mao quản hiện tượng. (*Mao* : lông ; *quản* : ống, mạch máu).
(V) — Hiện tượng mao quản.

action catalytique (catalysis)
(T) — Thôi hóa tác dụng (*thôi* : thúc giục.)
(N) — Xúc môi tác dụng (*Xúc* : tiếp với ; *Môi* : làm mối, làm trung gian.)
(V) — Tác dụng ca-ta-li., tác dụng môi giới.

action chimique :
(T) — Hóa học tác dụng.
(V) — Tác dụng hóa học.

action cumulative :
(T) — Súc tích tác dụng.
(N) — Súc tích tác dụng. (*Súc tích* : chứa đựng.)
(V) — Tác dụng súc tích ; tác dụng chồng đống.

action de masse :
(T) — Chất lượng tác dụng.
(N) — Chất lượng tác dụng.
(V) — Tác dụng chất lượng.

action défensive :
(N) — Phòng ngự hành vi.
(V) — Tác dụng phòng ngừa, — tác dụng đề phòng.

action déficitaire (*déficit* : thua lỗ,— kém cỏi.) :
(N) — Tinh thần khiếm hãm tính hành vi.
(V) — Tác dụng khiếm thiếu, — tác dụng thiếu sót.

action diastasique— (ou enzymatique.) :
(T) — Phát giáo tác dụng. (*giáo* : men).
(N) — Phiên âm.
(V) — Tác dụng sinh men.

action dynamique spéciale (A. D. S.) (Specific dynamic action) :

(T) — Đặc thù động lực tác dụng.

(N) — Đặc thù lực học tác dụng.

(V) — Tác dụng sinh sức đặc biệt. (Tính chất đặc biệt của các món ăn là có năng lực làm tăng đại tạ cơ bản « métabolisme basal » của cơ thể ; Thí dụ : một người nhận được 100 ca-lô-ri chất mỡ, sẽ phát ra trong thân thể 114 ca-lô-ri, thừa ra được 14 ca-lô-ri. Nhưng nếu ta cho người ấy ăn 100 ca-lô-ri chất ngọt, người ấy sẽ chỉ phát sinh được 105 ca-lô-ri mà thôi, chỉ thừa có 5 ca-lô-ri. Số ca-lô-ri thừa ra ấy, y ngữ Pháp gọi là Extra chaleur, — dư nhiệt — dùng để đo « *Tác dụng sinh sức đặc biệt* ». Tác dụng này vì vậy, tùy theo loại thức ăn mà thay đổi. Do đó người ta nghiệm thấy là T.D. S.S.Đ.B. của chất mỡ là 14%, của chất ngọt là 5%, của chất thịt (protide) là 30%.)

action galactologue :

(T) — Thôi nhũ tác dụng (*Thôi* : thúc giục, *nhũ* : sữa.)

(V) — Tác dụng ra sữa, dẫn sữa.

action immédiate :

(T) — Lập phát tác dụng,— Trực tiếp tác dụng.

(V) — Tác dụng trực tiếp.—Công hiệu tức khắc.

action immunisante :

(N) — Miễn dịch tác dụng (*Miễn* : trừ bỏ, — *dịch* : bệnh dịch, bệnh lây, maladie contagieuse.)

(V) — Tác dụng miễn dịch,— tác dụng ngăn bệnh, ngăn lây.

action indépendante :

(N) — Tự luật hành động.

(V) — Hành động riêng biệt, độc lập.

action intégrative :

(N) — Chỉnh hợp động tác.

(V) — Tác dụng chỉnh hợp.

action lipolytique :

(T) — Chi giải tác dụng. (*chi* : mỡ,— *giải* : làm cho tan.)

(V) — Tác dụng tan mỡ.

action locale :

(T) — Cục bộ tác dụng.

(V) — Tác dụng tại chỗ.

action moléculaire :

(N) — Phân tử tác dụng.

(V) — Tác dụng phân tử.

action oligodynamique : (*oligo* : ít, nhỏ ; — *dunamis* : sức lực)

(T) — Vi lực tác dụng. (*vi* : nhỏ.)

(V) — Tác dụng vi lực, tác dụng ít sức.

action photodynamique :

(T) — Quang lực tác dụng.

(V) — Tác dụng quang lực. (*photo* : ánh sáng. — *dynamique*, ở chữ *dunamis*, nghĩa là sức lực.)

action primaire :

(T) — Nguyên thủy tác dụng.

(V) — Tác dụng nguyên thủy. (*nguyên thủy* : bắt đầu.)

action prolongée :

(N) — Thiên diên tác dụng. (*Thiên* : chuyển dời ; *diên* : kéo dài.)

(V) — Tác dụng lâu dài.

action réflexe :
(T) — Phản xạ động tác.
(N) — Phản đối động tác.
(V) — Tác dụng phản xạ. — phản ứng.

action secondaire :
(T) — Kế phát tác dụng.
(V) — Tác dụng kế tiếp, tác dụng thứ nhì.

action sélective :
(T) — Tuyển trạch tác dụng. (*Tuyển trạch* : chọn lựa.)
(V) — Tác dụng chọn lọc, chọn lựa.

action spontanée :
(N) — Tự phát hành vi.
(V) — Tác dụng tự động tự phát.

action sympathomimétique :
(T) — Loại giao cảm phản ứng tác dụng.
(V) — Tác dụng cùng loại giao cảm. (*sympatho*, ở chữ *sympathique*, thần kinh giao cảm ; *mimétique*, giống như.)

action synthétique :
(T) — Tổng hợp tác dụng. (*Tổng* : gần nghĩa như chữ *Tổng*, nghĩa là hợp lại ; dồn lại.)
(V) — Tác dụng tổng hợp.

action tampon : xem chữ action (buffer...)

action tardive :
(N) — Hậu tác dụng. (*hậu* : sau.)
(V) — Tác dụng chậm muộn.

action thermogénique :
(N) — Phát nhiệt tác dụng.
(V) — Tác dụng sinh nóng.

action toxique :
(T) — Độc tính tác dụng.
(V) — Tác dụng độc hại.

action vitale :
(N) — Sinh lý tác dụng,
(V) — Tác dụng cần cho sự sống, — Tác dụng sống còn.

activateur :
(T) — Hoạt hóa tế, — Hoạt hóa chất. (*Hoạt* : sống.)
(N) — Phú hoạt tố — Khởi động chất. (*Phú* : đổ vào.)
(V) — Thuốc hoạt hóa — Thuốc tăng sống — Chất kích động.

activation :
(T) — Hoạt hóa. — Kích hóa.
(N) — Hoạt tính hóa.
(V) — Sự hoạt hóa ; — sự tăng sống. Hoạt hóa tức là sự bành trướng trọng đại các tính chất một vật hữu thể, vì ảnh hưởng của các loại phóng xạ (irradiations), hoặc do số lượng rất nhỏ của một chất khác gây nên.

activer :
(N) — Hoạt tính hóa.
(V) — Hoạt hóa, — Tăng sống.

activité :
(T) — Hoạt động tính ; — Hoạt lực; — — Hoạt độ ; — Hoạt hóa ; — — Hiệu năng.
(N) — Hoạt động tính. — Hoạt tính độ.
(V) — Sự hoạt động, — Hiệu năng, — Sức hoạt động, — Hoạt độ, — Cơ năng. (*Độ* : đo lường. — *Hiệu* : Có hiệu quả. *Năng* : có thể.)

(Còn nữa)

ĐIỆN ẢNH

VÀ

CÁC CON CHÁU ÔNG TƯ

ĐOÀN-THÊM

Ông Tư bảo Chu :

— Các cháu xem xi-nê nhiều quá. Chú thử coi giúp, chúng có chịu ảnh hưởng gì không ? Tôi nghe nói có nhiều phim không đứng đắn.

Chu vui lòng nhận lời, vì tuy đã là khán giả lâu năm của màn bạc, Chu cũng chưa từng chịu để ý xem phim ảnh lợi hại cho chính mình ra sao.

Nên Chu đã phỏng vấn và quan sát những người thân còn trẻ tuổi và các bạn chúng, để nhận xét giúp anh, giúp chúng, và giúp cả mình nữa.

★

Lô, mười ba tuổi, đã xem độ ba chục phim ; đôi khi đi với Ba, nhiều lần với bạn, có bận lén đi một mình : nghĩa là đã bắt đầu mê rồi. Nếu Chu nhờ việc vặt gì, thì Lô nháy một mắt và đặt luôn điều kiện : « Một « chầu », chú nhé ! » và nếu được ừ, thì không có bài học luân lý nào hiệu nghiệm hơn cái vé xi-nê được hứa hẹn, để Lô sốt sắng giúp đỡ.

Lô không thích đi với Ba, vì phải xem phim được chọn. « Le Faon », Ba bảo là đã được giải thưởng quốc tế, lại có em bé đóng giỏi, nên Ba chắc Lô thấy kép tí hon bằng tuổi mình thì phải ưa : Lô buồn ngủ quá ! Lão kép già (Gregory Peck) nói lảm nhảm như thày giáo, và thằng nhỏ chỉ khóc mếu... Ba không biết gì về xi-nê hết !

Đi với bạn, lần nào Lô cũng được hồi hộp, và sau đó, kể lại vanh vách cho bạn khác nghe bằng cả mồm lẫn chân tay « Vera Cruz », hai kép Gary Cooper và Burt Lancaster bắn hay ghê : cách trăm bước, mà các ngọn đèn cày bị đạn tắt phụt ! « L'homme et l'Enfant » : Eddie Constantine đấm « crochet » như thế này này !

Còn những phim khác, muốn được thưởng thức, phải có nhiều Mọi bị giết, những mặt gian ác rút cuộc cũng chết sau khi bị đánh rất đau. « Blanche Neige », xem ba lượt không chán, và hình ảnh bảy thằng Lùn được dán đầy các bìa sách vở.

★

Chỉ về điểm này, Lô mới được em gái họ là Ngọc đồng ý : Ngọc kém Lô một tuổi, nhiều khi xem cùng phim. Ngọc thích « Bạch-Tuyết », thích « Ba con heo nhỏ » (Les trois petits Cochons) nhưng ghét những trò đấm đá : du côn lắm. Ngọc chê Lô ở chỗ không biết ưa nét mặt thùy mị của Miko Taka, hay điệu hát êm ái của Annarkhali : Lô kêu là nhạt, và để giễu Ngọc, huýt luôn bài còi O. Cangaceiro của bọn lục lâm Mễ-Tây-Cơ ! Lô còn chê Ngọc mềm yếu « chắc chỉ thích xem chúng nó yêu nhau ! » Ngọc tức quá, phát khóc ; Ngọc ghét Lô, và ghét hơn nữa, những truyện tình mà Ngọc buộc lòng phải đi coi với chị Lệ, vì không có Ngọc kèm, thì Lệ chẳng được Má cho đi.

*

Lệ, 19 tuổi, lớp đệ nhị, thích xi-nê không phải vì tình đâu ! Ngọc bực mình vì phải theo chị thì nói như vậy, và chớ nên tưởng lầm, kẻo Má sẽ cấm đi ! Sự thực, Lệ chỉ mê các đào đẹp mà thôi. Lệ ưa cặp mắt sao băng và khuôn mặt xinh tươi của Sylva Koscina, nụ cười như hoa nở và cánh tay nõn nà của Susan Hayward. Khi thấy Rossana Podesta, đẹp như nữ thần Hy-Lập mà chết trong phim « La Red », Lệ đã rỏ nước mắt. Trái lại, Lệ ghét dáng khêu gợi của Jane Russell, hay vóc người vạm vỡ của Sophia Loren. Và tuy cực lực cải chính là không lãng mạn, Lệ đã cười và bảo Chu : ai mà không ưa thích những cảnh « Roméo và Juliette » ; Lệ cũng ưa phim phiêu lưu, nhưng tương đối thích xem đánh gươm vì kiếm thuật có tánh cách quí phái hơn là đấm đá. Và Lệ thích nhất, như chị họ là Diệu đã tố giác : những cảnh Nàng được Chàng cứu thoát nguy hiểm, và bồng bế lên lưng tuấn mã để cùng phi.

Lệ thuộc rất nhiều tên tuổi và việc đời tư của các đào : ai muốn biết Rita Hayworth mấy đời chồng rồi, hoặc « Liz » Taylor có định tái giá sau khi Mike Todd chết vì nạn máy bay, thì cứ hỏi Lệ. Lệ còn rõ đào ăn mặc chơi bời ra sao, và nếu dở các tạp chí xi-nê, bịt chữ hỏi tên, thì Lệ cũng nhận ngay được Isabelle Corey, Agnès Laurent hay Nathalie Wood.

Thế còn đối với các kép ? Lệ mặc họ sống, như thế nào không cần biết, chỉ để ý tới vẻ người và bộ mặt : khiếp, chịu thế nào được cái sọ dừa của Yul Brynner hay dáng điệu của Marlon Brando ? Không dám khen Tyrone Kower có mã công tử dễ thương, Lệ rất thích các phim mà kép này đóng vai chính, và khi Diệu bảo « Capitaine King » xoàng lắm, Lệ cũng nhất định đi coi.

*

Nhưng thà ở nhà, còn hơn đi với Diệu và anh Năm là con nhà bác : hợp sao được, mặc dầu chỉ hơn kém nhau hai ba tuổi ?

Lanh lẹ uyển chuyển như Nadine Tallier, nở nang gần như Diana Dors mà Diệu ao ước sẽ bằng, Diệu không thể chịu những vẻ, những cử chỉ, những thân hình của đào kép mà Lệ cho là đẹp, lành và thơ mộng : đối với Diệu, các thứ đó lỗi thời, lạc hậu « vieux jeu ». Diệu ưa những người và những truyện gì được coi như hợp với thế hệ mới : phải nhanh, mạnh, nở, nhiều sinh lực. Vì

thế, đã có dạo, Lệ tưởng Diệu mến đào như Sylvana Mangano hay Anita Ekberg, kép như Fernando Lamas hay Ricardo Montalban : đúng, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn là cùng, vì tính Diệu tuy khác nhiều bạn gái, lại dễ thay đổi hơn, mỗi khi thấy không hợp thời nữa ; về phương diện này, Diệu hay nghe Năm.

★

Nghĩa là Diệu đồng ý với Năm để nhận rằng : bộ tóc óng dài của Juliette Greco hay ngắn cụt của Jean Seberg, cặp môi nũng nịu của Brigitte Bardot, vẻ tinh quái của Mylène Demongeot có sức quyến rũ hơn là mặt trái soan cổ điển của E. Taylor, thân hình cân đối của G. Lollobrigida. Diệu phục Năm « hiểu biết rộng rãi » vì Năm chê những truyện kết cục bằng đám cưới không thể tránh, những thắng lợi bắt buộc của hiệp sĩ vừa đẹp, vừa giỏi, vừa sung sướng : những trò cũ rích đó nên dành cho mấy ông tiểu tư sản « petits bourgeois » vì chỉ ru ngủ tâm hồn chớ không đáp lại thắc mắc gì của phái trẻ hết. Năm và Diệu ngả nhiều hơn về loại phim đầy dẫy những vấn đề chưa giải quyết của thời đại, như « Elle n'a dansé qu'un seul été » (tình duyên ngang trái) « La Comtesse aux pieds nus » (những mối tình éo le lãng mạn) « A l'Est d'Eden » (những nhu cầu tình cảm chưa thỏa mãn) « graines de violence » (những mầm non hung bạo)...

Có điều đáng chú ý, là Năm, Diệu và mấy bạn chúng, cũng rất thích xem những phim thuộc loại sinh lý học hay giả vờ là có mục đích khoa học, như « Les dangers du désir » (những nguy hiểm của nhục dục) và cả những sách nghiên cứu về tình dục như « kết quả điều tra về sinh lý của Bác-sĩ Kinsey » (Rapport Kinsey). Ngoài ra, phim trinh thám cũng được ưa, nhưng phải dữ dội, làm cho tắt thở, vào loại phim Hitchcock, thuộc loại Sách Đen (Série Noire) hay « Suspense » mà Bộ Nội-Vụ bên Pháp cũng đã phải cấm.

★

Nếu về phương diện tình cảm. Chu đã lượm lặt được một số tài liệu như trên, thì trái lại, về phương diện trí thức, Chu chưa thấy kết quả rõ rệt. Các cháu không kể được những kiến thức gì đã thâu nhận qua các phim ảnh. Nên Chu đành phải suy nghĩ lấy, cố nhớ lại những điều mắt thấy tai nghe để đi tới nhận xét tổng quát.

★

Khi bàn về vấn đề xi-nê, Chu thấy nhiều bạn chỉ lo lắng về ảnh hưởng đối với phong tục. Song theo Chu, thì còn nhiều khía cạnh khác đáng được cứu xét.

Chu để ý trước nhất tới những ảnh hưởng về bề ngoài : dáng điệu, cử chỉ, ngôn ngữ. Vì phim ảnh trực tiếp truyền cảm vào khán giả, và kích thích mạnh tính bắt chước, nhất là của người trẻ, khiến họ khác nhiều người đứng tuổi rồi.

Người dân quê Việt-Nam, khi đánh nhau, thường hay xông vào địch thủ để ôm mà vật ngã : trái lại, Lô và các bạn, khi chơi đùa hoặc bực tức, thì đấm ngay vào hàm như Randolph Scott hay Kirk Douglas. — Ba, Má của Diệu, nét mặt nghiêm nghị, nói năng từ tốn, vui buồn ít khi để lộ, khiến những người Âu Mỹ quen biết, thường bảo rất khó lòng đoán được tâm lý, và đã hỏi sao Diệu lại khác

hẳn : nhí nhảnh, thoăn thoắt, lúc cười ngặt ngẽo, lúc nhún vai theo lời nói, và cũng như Năm, khi dùng điện thoại thì cũng gật, lắc, cười, hoặc bĩu môi như khi đứng trước mặt người tiếp chuyện. Có chi lạ ? Sophie Desmarets, Maria Shell, Cyd Charisse, Pierre Brasseur hay James Cagney đều như thế cả.

Dở tập an-bom của Lệ, Diệu, Năm, xem cuốn vở kỷ niệm với những trang bút ký và tấm hình của mỗi bạn tặng, hoặc ngắm tủ kính các hiệu nhiếp ảnh, thì càng thấy các cháu và bạn chúng muốn giống tài tử đến mực nào ! Má đã cấm Lệ không được theo Diệu mà chụp hở vai phơi cổ như Kim Novak, nhưng ít ra Lệ đã có ảnh ngước mắt mơ mộng như Pier Angeli... Có cô bạn má phính, giá có chồng thì cũng đã tay bồng tay mang, mà ngậm ngón út cho ngây thơ như Andrey Hepburn. Cô khác, thì mái tóc thề bơ phờ như của Marina Vlady ; cô đứng ở bãi biển, với bộ áo tắm bikini, tay khuỳnh sau gáy, chân thẳng chân gấp, y như Abbé Lane hay Rita Moreno ! Có những cậu chiêu đăm như James Dean, lơ mơ như Elvis Presley, chán chường như G. Sanders trong những vai thất vọng vì tình... lại còn anh chàng nào ở góc tủ kính kia, trông dữ dội như Jack Palance lúc sắp bóp cổ Robert Mitchum !

Những lông mày lá liễu, rồi bây giờ rậm như sâu róm ; những cặp môi hình trái tim của Danielle Darrieux hồi 18 tuổi, mà nay dày mọng như của Jayne Mansfield... ở đâu mà ra, mà ngoài các phim ảnh thì sách nào dạy, trừ những tập « Ma Beauté » mắc quá nên mấy người dám mua ? Diệu cố bơi cho thân hình được như của Esther Williams và tập thể thao hai buổi sớm chiều như Anne Vernon để giữ đường cong đường thẳng. Nhưng ai khéo biến đổi trong hai ba mươi năm vừa qua, bộ mặt chất phác hiền lành của con cháu ông Đồ ông Khóa, ra những tóc mai che má lối Harry Piel, những râu mép Erol Flynn, những óng chuốt, sáng tươi, khủng khỉnh, cương quyết, ranh mãnh hay hoài nghi với cặp mắt đầy câu hỏi ?

Có phải tại gần người Âu Mỹ ? Nhưng trong 80 năm ngoại thuộc, đã mấy ai quen thân với Thực-Dân, và mấy người được may mắn xuất dương chung sống với người phương Tây mà bắt chước hoặc để vô tình lây những phong tục của họ ? Sách báo ngoại quốc, cũng chỉ có một thiểu số ham đọc. Cho nên, nếu chưa đủ tài liệu để quả quyết rằng mọi sự đổi thay bề ngoài đều do đào kép, Chu cũng chắc chắn một phần nào về ảnh hưởng của xi-nê.

*

Dẫn bước nữa trên đường phân tích, Chu ngó gần những hành động, hay đúng hơn, những thói quen nhập cảng cùng với phim ảnh. Có những trò giải trí, hình như không phải do ngoại kiều đưa vào, nhưng đã tới đất nước này và lan truyền theo xi-nê.

Nghe tiếng hát « Thu về » của Diệu theo dịp lục-huyền-cầm của Năm, Chu nhớ lại việc mấy chục năm về trước.

Ít lâu sau khi phim nói đầu tiên « A l'Ouest rien de nouveau » xuất hiện vào khoảng 1930-1931, thì âm nhạc bình dân

của Heymans hay Vincent Scotto bắt đầu véo von trong các phim ca kịch « opérette » với Albert Préjean, Henry Garat, Lucienne Boyer và nhất là Tino Rossi ; rồi không biết bao nhiêu bạn trẻ, khán giả xi-nê, cũng hùa theo mà tập đàn tập hát. Chẳng bao lâu, những bài tân nhạc Việt-Nam réo rắt khắp nơi theo tiếng đàn mandoline, hay violon, phơi ra bao nhiêu giấy bìa xanh đỏ đầy các vỉa hè, bồng trầm trước những máy vi âm ở tiệm ăn tiệm nhảy ; rất nhiều bài, có những câu nhắc lại Rose-Marie văng vẳng từ miệng Jeannette Mac Donald, hay rền rĩ như giọng Louis Mariano trong Violettes Impériales... Ấy là chưa kể những điệu múa, lạch cạch gót sắt, « claquettes » hay « Hat-cha-cha », như Fred Astaire và Jane Powell, dặt dìu tango argentin, rung rinh « Bi-Bop », lộn như điên theo « Rock'n Roll », quay tít mù... vòng « Hula-Hoop » !

*

Nếu chỉ có thế, thì chẳng đến nỗi cho phụ huynh phải quá lo ngại. Song những cuộc thẩm vấn điều tra ở các nước Âu Mỹ nhân dịp thanh niên thiếu nhi phạm pháp, đã chứng tỏ ảnh hưởng tai hại của điện ảnh và xúc động các giới hữu trách. Chính ở Việt-Nam và theo gương các hội bảo tục nước ngoài, nhiều vị đã lên tiếng đòi hỏi một sự kiểm duyệt chặt chẽ hơn để ngăn phòng những sự đáng tiếc cho tuổi trẻ. Chu cũng nhận thấy cần, nhất là vì thanh niên nước mình ở thời buổi mà đời sống không tránh được sự quốc tế hoá, có khuynh hướng theo đà và trào lưu chung của thanh niên Âu Mỹ. Chu cũng đã chọn phim cho mấy con nhỏ : để Ba đi trước xem thế nào đã, kẻo lại phải lấy nón che mắt con khi có cảnh... bất nhã.

Nhưng Năm đã cười mà hỏi Chu :

— Những phim cấm trẻ dưới mười sáu tuổi xem, lại được nhiều ông bằng tuổi chú hoan nghênh nhất. Chú e các cháu xem thì hư thân mất nết, nhưng thực ra, chú đã thấy cháu làm gì có hại ?

— Có, có, không phải vì sau khi xem, cháu đã làm việc bậy bạ. Nhưng trông thấy những hành động tàn bạo, gian ác, hay ô trọc, thì chỉ có hai trường hợp xảy ra : một là cháu có bản chất tốt, thì cháu phải khủng khiếp hay ghê tởm, mà chẳng lẽ một tâm hồn trong sạch lại đi tìm những cảnh đó ? hai là cháu thấy thích hoặc mê ly, như vậy thì cháu đồng lõa hay đồng tình với những kẻ lường gạt, giết người, hay cháu ngây ngất trước những trò khêu gợi : có khác gì cháu đã hành động thực sự để xúc cảm mạnh theo hành động đó ? Chính Đức Giáo-Hoàng Pie XII trong một bài diễn giảng về vấn đề xi-nê, cũng đã thấy và vạch rõ khuynh hướng của các tâm hồn khán giả đặt mình vào địa vị đào kép để bị lôi cuốn mà không biết (1).

— Nhưng sao chú xem tất cả các loại phim mà vẫn đứng đắn ? chính vì thế

(1)... « poussé à transférer d'une certaine manière son Moi avec ses dispositions psychiques, ses expériences intimes, ses désirs latents et mal définis dans la personne de l'acteur... il vit à sa place et comme en lui, en parfaite communion de sentiment, parfois même il est entraîné par l'action » (Pie XII 21-6-55. Allocution aux représentants de l'industrie cinématographique d'Italie).

mà cháu thấy không cần cấm đoán, nhất là e nhiều phim có giá trị về nghệ thuật mà bị gạt bỏ.

— Có những cơ thể không bị truyền nhiễm vì đã được chích thuốc phòng bịnh. Có những tâm hồn đủ cứng rắn, đủ chí xét đoán vì lịch duyệt nhiều, nên có thể tự vệ.

— Thế thì cháu và các bạn cũng có thể như chú !

Câu đó lại khiến Chu băn khoăn, và Chu đã phải thú với ông Tư :

— Bọn mình lớn tuổi, yên trí là không thể bị phim nhảm lôi cuốn ; thế thì chúng nó cũng có thể tự hào là « bất khả nhiễm độc ».

Theo ông Tư, đã cấm, phải cấm cả người lớn, thì bọn trẻ mới không hậm hực.

Nhưng Chu cũng ngại như Năm, rằng cấm như vậy có thể hại nghệ thuật : một phim như « Les Frères Karamazov », tuy kinh khủng thiệt vì có những cảnh cốt nhục tương tàn, nhưng dóng theo tác phẩm có tiếng của Dostoïevski, chẳng lẽ cả mình cũng không được xem.

Chu thấy Năm cũng không phủ nhận được tánh cách có hại của một vài loại phim. Song Năm tự hào vì nông nổi, hoặc biết có hại mà vẫn thích, nên cố tìm cách tự bào chữa, nghĩa là vẫn ngả về sự xấu.

— Nó lại bắt mình đi sâu hơn vào vấn đề...

★

Cách đây ít lâu, sau khi suy xét thêm, Chu đã bàn lại với ông Tư, và được ông đồng ý về quan điểm sau :

Các cháu đi xi-nê, vì ưa thích riêng, chớ ít khi vì thấy có ích ; hoặc viện cớ ích lợi để xin đi, còn hỏi ích như thế nào, thì cả Năm, Diệu, Lệ,... và các bạn chưa trả lời được thiệt rõ ràng.

Song cũng như phần đông con nhà Việt-Nam mình, chắc chúng không đến nỗi ưa thích những cảnh độc ác đã treo gương xấu cho nhiều thanh niên thiếu nhi ở các thành phố lớn bên Âu Mỹ.

Tuy nhiên, giáo dục cũng như cai trị, là đề phòng ; dù chỉ một vài đứa sa ngã, thiểu số đó cũng có thể làm hại xã hội, như vài thú dữ cũng đủ quấy nhiễu một vùng.

Lô đã bắt chước được những cách đấm đá, thì biết đâu một số bằng trạc Lô, nếu ở hoàn cảnh thiếu dạy dỗ, lại không muốn theo thói tàn nhẫn của anh thượng sĩ coi tù (E. Borgnine) để dập người ta xuống mà đánh như trong phim « Tant qu'il y aura des hommes ? »

Diệu, Năm, hay Lệ, dù nhận thức được hay không, cũng hướng mạnh về một mục đích. Mục đích đó... không phải hẳn là ái tình hay tình dục như Chu đã ngờ vực, — nhưng là một đường lối sống khác, không những khác ngày thường, còn khác cả đời của phụ huynh chúng.

Năm đã thú :

— Cháu và các bạn thân cũng có thích những hình ảnh mỹ nhân (Chu nhận chính Chu hồi hai mươi tuổi cũng vậy). Nhưng nếu chỉ căn cứ vào đó mà chê và cấm, thì quả là chúng cháu chưa được hiểu.

Năm không nói rõ được là muốn gì,

nhưng Chu đã thấy : đối với Năm và Diệu, thì từ lối ăn mặc, đi đứng, chơi bời, làm ăn, dạy bảo, cho đến ý kiến của Ba Má, tuy không có gì làm cho chúng phải phẫn uất bực rọc, cũng không khiến cho chúng vui thích. Chúng thương yêu Ba Má, nhưng cảm thấy còn thiếu cái gì để cho đời chúng đẹp hơn, cao hơn, và tiến hơn, trong khi Ba Má an phận thủ thường và yên trí rằng chúng chỉ mong có cuộc đời chí thú nhàn hạ như mình.

Tin ở văn minh hiện đại, mà viễn ảnh chỉ tới chúng bằng cách rõ rệt nhất là những cuốn phim Âu Mỹ, chúng cố tìm ở đó, — không phân biệt mộng và thực —, một tương lai đầy các sinh thú hợp thời, mà trong đó sắc đẹp chỉ là một.

Nguyện vọng đó, Chu thấy chính đáng —, mặc dầu ông Tư còn hơi hoài nghi, — vì là điều kiện của sự tiến bộ, và nếu tuổi hai mươi không có, thì con người chẳng lẽ quá sớm cằn cỗi hay sao ? Nhưng điều cốt yếu, theo Chu, là cố sao giúp được chúng tìm thấy đường tiến thích hợp ; thích hợp không phải với những nhu cầu trần tục của con người hốc đá rừng sâu, còn rớt lại trong đáy lòng, nhưng với cái gì cao quí mà tuổi trẻ dễ thấy hơn ông Tư và cả Chu : *quốc gia, dân tộc*.

Lệ, Diệu, Năm cả Ngọc, đều muốn đẹp. « Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã » (ta chưa thấy ai yêu đức bằng yêu sắc) Đức Khổng-Tử mấy ngàn năm về trước còn phải nhận chân sức quyến rũ của khóe mắt nụ cười, huống hồ những thanh niên thiếu nữ thấy mình và người chung quanh chưa đẹp bằng người Âu Mỹ. Chu cũng vui mừng nhận thấy : theo gương người phương Tây để giữ gìn chải chuốt, thế hệ sau này (cả vợ Chu nữa) quả đã tuấn tú mỹ miều hơn lớp người trước, và càng văn minh thì càng phải đẹp.

Song Diệu phải hiểu rằng nhan sắc lộng lẫy nhưng sỗ sàng của phương Tây không thể hợp mắt, nhất là hợp tính tình người Việt-Nam đã bao đời cùng với các người Á-châu khác, ưa những nét thanh tao. dịu dàng, kín đáo. Nếu cần tiến hơn, thì đúng như Lệ đã cảm thấy, nên giống Yoko Tani của Nhật-bổn, Kim-Chimi của Đại-hàn, hay Margis của Ấn-độ, hơn là Sylvana Pampanini của Ý-đại-lợi. Chính Năm cũng đã nói: cái đẹp của các đào Ý, Pháp, Mỹ, là cái đẹp của bạn nhất thời, nhưng không thể là của bạn trăm năm : Diệu nghe chưa ?

Ngọc và Lô tinh khôn thông thạo hơn những trẻ ít xem xi-nê. Hai cháu biết nhiều thứ không thấy ở quanh mình và nếu có xem ở sách, thì chỉ qua những nét hình lờ mờ khó nhận khó nhớ : tiềm thủy đĩnh, phi cơ phản lực, hỏa tiễn Explorer, nhà chọc trời, núi rừng, sa mạc, hải đảo, thú dữ, quần áo đời trung cổ, người da đen, da đỏ v.v... Ngọc biết người ta bảo vệ súc vật hay chăm nom cho trẻ sơ sinh ra sao, ở Thụy-Sĩ và ở Anh ; Lô biết người ta cấp cứu nạn nhân bão lụt thế nào ở Nhật, họp đại hội đồng tử quân Jamboree thế nào ở Úc-Đại-Lợi v.v... thanh niên Việt-Nam cần biết lắm. Nhưng biết làm chi : có thể dùng đèn dưỡng khí mà dục tủ sắt lấy trộm bạc, hoặc người lớn ở

ngoại quốc có trò chơi kỳ quặc, vừa ăn vừa xem thoát y vũ ?

Lô muốn hùng : được lắm, vì sẽ ích cho nước. Nhưng không nên có cái hùng của người đầy mình súng đạn mà bắn lìa lịa vào Mọi chỉ có mũi tên ngọn mác ; cũng không thể là cái hùng của tướng cướp Scarface hay Al-Capone, cười nhạt, thổi còi, rồi lia trăm phát liên thanh vào đám người vô tội ! Lô nên đi coi những cảnh thanh gươm yên ngựa của « Ba kỵ mã xứ Bengale » (Les trois Lanciers du Bengale) hoặc cảnh kỷ luật oai nghiêm của sinh viên võ bị West-Point trong « Ce n'est qu'un au revoir » ?

Diệu, Lệ, Năm đều đến tuổi nghĩ tới tình duyên, mà xem điện ảnh cũng như tiểu thuyết đông tây kim cổ, tránh sao được đề tài đó ? Vả lại, tránh làm chi luật chung muôn thủa buộc con người ? Song, tơ lơ mơ đôi chút như Lệ cho đời nên thơ... thì Ba Má cũng ngơ đi cho. Nhưng Diệu và Năm phải vứt khỏi đầu giường, ngăn kéo và tâm hồn, những tấm hình kép Anh đào Ý ! Năm chớ ngộ tưởng thanh niên thiếu nữ thời nay ở đâu cũng vậy : nếu có vài ngàn kẻ hoan hô chật đường những Sal Mineo hay Elvis Presley, thì trăm vạn người trẻ tuổi khác cặm cụi trong các phòng thí nghiệm, thơ viện hay doanh trại, dễ rồi, nếu không thành kẻ thù bất nạt thì cũng sẽ là hạng thày dạy được Năm...

Nếu Năm và Diệu nhớ thế, thì những gương sáng để các cháu sớm hôm soi chiếu, sẽ không phải là những sắc tài vi vút như bóng câu qua màn ảnh, song là dung quang rực rỡ của Bà Curie, Mac Arthur hay Bác sĩ Schweitzer...

Còn Năm sở dĩ phục James Dean, hoặc ưa Jean Seberg, chẳng qua vì hiếu kỳ lập dị, chớ những nỗi thắc mắc về tình cảm và hoàn cảnh xã hội của những vai trò mà họ đóng, phải đâu là của những thanh niên Việt - Nam 1958 ? Chúng ta cũng như ông cha, có tâm hồn giản dị quang minh, không có những tâm tư u uất của người phương Tây sau Đại chiến, để băn khoăn với những nhu cầu rắc rối éo le. Muốn sống mạnh, dào dạt, cao hơn cha mẹ, thì khỏe lên, giỏi đi mà phụng sự. Chúng ta cần, và cần gấp xây dựng một giang sơn để cải thiện đời sống chung, không thể mất thời giờ lần quần ở tầng lớp thứ mấy, dưới đáy lòng thầm kín : Ta không nên quá tin những phương pháp cắt cái tóc thành bốn của một số nhà tâm lý học phương Tây (psychanalystes).

Nhưng muốn tránh những điều mà Chu mong Diệu và Năm bỏ đi, Chu nghĩ *cần thay đổi cả quan niệm của các cháu về xi-nê.*

Các cháu chỉ coi chiếu bóng là một trò giải trí, cha mẹ cũng nghĩ thế, nên dùng làm giải thưởng để khuyến khích sự học của Lô và Ngọc. Thành ra nhiều phim rất có giá trị về phương diện văn hóa nghệ thuật, tuy được khen, nhưng vẫn bị coi thường, không được đặt ngang hàng với sách. Chứng cớ, là khi Năm hay Lệ học văn chương, thì đọc tác phẩm và nghiên cứu cả đời tư của tác giả. Tuy hoan nghênh phim « Les Neiges du Kilimandjaro » hoặc « Bhowani Junction », chẳng cháu nào thèm để ý tới tài nghệ, công phu, hay tính danh Henry King hoặc George Cukor !

Lại có những phim ích lợi rõ rệt mà Ba Má Lô chưa nhận thấy tánh cách giáo dục, chỉ coi như một phim mới lạ để thỏa mãn tính tò mò của khán giả ngây thơ : nhưng chẳng có bài động vật học nào dễ hiểu dễ in vào óc hơn là « Cánh đồng cỏ » (La Grande Prairie) hay « Sư-tử Phi-Châu » (Les lions d'Afrique) của Walt Disney. May mà Chu sớm biết sẽ chiếu, nên sửa soạn cho Lô như một bài học, xui Lô xem trước tên và hình các con vật ở tự vị Larousse, để trông màn ảnh thì dễ nhận và chú ý hơn. Lô càng hiểu càng thích, và vỗ tay khoe : cháu sẽ không bao giờ quên chúng nó, còn « Ba con heo nhỏ » thì để cho bọn con Ngọc !

Chu còn mách các cháu : gặp truyện phim chán đến đâu, vẫn có thể lợi dụng được. Vì mỗi phim là một cuốn tài liệu về địa dư, lịch sử, phong tục v.v... Ông Tư xem « Don Camillo » do Fernandel đóng, không thấy thích : nhưng Chu đã lưu ý Ông trong hơn một giờ, về phong cảnh một vùng thôn quê bên Pháp. Bà nội đi coi Sayonara, chẳng hiểu chuyện gì : nhưng Bà cũng vui, vì Chu xin Bà nhìn kỹ những nhà cửa, áo quần, lối diễn tuồng bên Nhật-Bản. Các phim của C.B. de Mille, không phải đều hay hết cả, nhưng bao giờ cũng cho Chu những hình ảnh về đời sống thời cổ ở La-Mã, Hy-Lạp, Ai-Cập v.v... Xem như Chu, thì gần như đi du lịch, cho nên nhiều bận Chu chẳng thèm để ý tới đào kép đẹp hay xấu, truyện nhảm hay không ; Chu thấy nên xem bằng ý trí hơn là bằng tình cảm.

Sự thực, thì không có phim nào, dù tầm bạo đến đâu, dám đi ngược luân thường đạo lý ; vai chánh nào cũng phải tốt đẹp, có đức tính gì hơn người ; và cũng như trong tiểu thuyết Tầu, bao giờ thiện cũng thắng ác, hoặc tội lỗi sẽ nhường bước cho sự cải quá. Nhưng tại sao khán giả không theo được những gương tốt đã nêu cao ?

Theo Chu, thì cũng tại cách xem : không để ý tới nhân vật truyện phim, chỉ chú trọng vào cá nhân đào kép đóng vai nhân vật đó. Vì thế, các cháu quên mất Ivanhoé, mà chỉ thấy có Robert Taylor ; không nhớ công chúa Katia, mà chỉ mơ Danielle Darieux ; chẳng nghĩ tới Stève trong Buffalo Bill mà chỉ phục Garry Cooper. Như vậy, thì phẩm cách siêu phàm hay thủ đoạn phi thường của người trong truyện, được gán cho đào kép để khiến họ đáng yêu hơn, chớ không ích lợi gì cho khán giả.

Cho nên, các cháu phải tập nhận xét, hiểu rõ ý nghĩa cuốn phim, và nếu dĩ nhiên thấy thiện cảm đối với tài tử, thì cũng nên nhớ hơn những thục nữ anh hùng mà đào kép cho mượn bộ mặt để sống lại với các cháu. Kể thì phải tập quen mới phân biệt được như trên ; song nếu nhận thức rõ thói thường của mình, thì cũng chẳng khó thay đổi, để tận dụng ích lợi của xi-nê, và khiến sự mua vui cho phép thưởng thức chân giá của nghệ thuật này.

✦

Ít lâu nay, Chu hay được Năm mời đi coi phim cùng với Diệu và Lệ.

B. T.

LƯỢC KHẢO

VỀ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Phải chăng Tào-Tháo chỉ nhờ « thiên thời » mà dựng được Bắc Ngụy ?

TÁC giả Tam quốc diễn nghĩa đã dụng ý nói nhiều đến cái « thiên thời » của Tào-Tháo. Trong hồi 18, « định ba phần, Long-Trung chỉ kế », Khổng-Minh đã nói :

« ... Tào-Tháo thế không bằng Viên-Thiệu mà lại thắng Thiệu đặng, ấy chẳng những là nhờ thời trời mà còn nhơn mưu nữa. Nay Tào-Tháo cầm binh bá vạn, lấy thế thiên tử mà sai khiến chư hầu, thì chưa nên tranh phuông với va... »

«... Tướng quân muốn nên nghiệp bá thì phía bắc phải nhường cho Tào-Tháo chiếm thiên thời ».

Qua hồi thứ 43, Trương-Chiêu cũng dùng lập luận tương tợ như thế để khuyên Tôn-Quyền :

« Tào-Tháo cầm binh cả trăm vạn, mượn danh thiên tử mà đánh dẹp bốn phương, nếu cự với va, e không êm thuận ».

Cứ theo tình thế bấy giờ, dĩ nhiên đó là một thế tốt, nhứt là trong khi Lưu-Bị, Tôn-Quyền đều không thể tạo được cái thế đó. Cho nên, suốt đời Tào-Tháo luôn luôn quyết tâm bám vào và triệt để khai thác cái ưu thế đó. Tam quốc diễn nghĩa có một đoạn miêu tả tâm trạng này của Tào khá rõ :

« Tháo lấy thơ (của Tôn-Quyền) mà xem. Thơ rằng :

« Tôi là Tôn-Quyền đã biết trước rằng mạng trời khiến về chúa công. Cúi xin chúa công lên ngôi đại biểu, rồi sẽ sai tướng qua trừ Lưu-Bị... »

Tháo xem thơ rồi thì giao cho quần thần xem và cười rằng : « Thằng này muốn khiến ta ngồi trên lò lửa sao ? »

Rồi lại tiếp :

« ... Nếu mạng trời khiến về ta đi nữa thì ta cũng làm vua Văn-Vương mà thôi ».

Ấy là Tào muốn dùng cho hết cái thế « hiệp Thiên-tử để khiến chư hầu », rồi sau đó Tào-Phi sẽ noi gương Võ-Vương phạt Trụ mà phế Hiến-Đế đó !

Tuy nhiên, dựng được cơ đồ Bắc-Ngụy, Tào-Tháo không phải chỉ nhờ có thiên thời mà, đúng như lời Gia-Cát-Lượng đã nói, « còn nhơn mưu nữa ». Phải có « nhơn mưu » đầy đủ mới có thể dùng hết, và dùng một cách có lợi, cái thế « thiên thời ». Đổng-Trác, Lý-Thôi, Quách-Tỵ há chẳng từng « hiệp thiên tử » đó sao ? Nhưng bởi vô mưu nên sớm diệt vong.

Người ta cũng thường hay nói đến cái gian xảo, ác độc của Tào, mà ít khi chịu nhìn đến cái hay, cái đúng. Nói đến Tào, ai cũng thường nghĩ ngay đến một anh chàng « mặt gà mái, đôi mão bốn rèm, mắt láo liên » nào đó. Sự thật thì Tào chẳng những là một nhà chánh trị và chiến lược gia có tài, mà còn là một thi nhân nổi tiếng, « ba chục năm dư tay không rời sách, ngày thì bàn việc quân cơ, đêm lại lo kinh truyện » (Ngụy-thư). Cũng trong Ngụy-thư, có đoạn chép Tào « tính rất tiết kiệm, chẳng thích hào hoa, nơi hậu cung áo chẳng lụa là, thị vệ chẳng cho xa xỉ, màn trướng bình phong, hư rách mới bỏ... »

Nói thế không phải Tào là người hoàn toàn tốt. Sự tàn bạo của Tào là một điều không thể chối cãi được rồi.

Chỉ trong một trận đánh Đào-Khiêm báo thù cho cha, Tào cũng đã giết trên mấy vạn dân lành. Đối với những kẻ đối lập, Tào cũng đã chẳng nương tay trấn áp. Tàn sát phe Đổng-Thừa, hại Đổng-Quí-Phi, giết Phục-hoàng-hậu, chém Dương-Tu, v.v... Tào đã tỏ ra là một kẻ giết người không biết gớm tay.

Nhưng, đi đôi với chánh sách đàn áp tàn bạo, Tào vẫn không quên dùng nhiều thủ đoạn mị dân, phỉnh phờ để lôi cuốn dân chúng và mua chuộc nhơn tài. Chắc bạn đọc còn nhớ chuyện « cắt tóc thế đầu » giữa đồng lúa mạch. Chưa hết ! Những việc : tế Điền-Vi, thương mã đề kim, hạ mã đề ngân, chuộc Từ-Thứ, tha Nễ-Hoành, dụ Trương-Tú, tuy chưa bằng « tam cố thảo lư », hay « quăng A-Đẩu trước mặt Triệu-Vân » nhưng cũng đáng xếp vào hàng thủ đoạn tinh xảo. Cho nên, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy Tào đã qui tụ được khá đông nhân tài văn võ, như : Tư-Mã-Ý, Giả-Hủ, Quách-Gia, Trình-Dục, Dương-Tu, Trương-Liêu, Hứa-Chử, Tuân-Vức, Lý-Điển, Vu-Cấm, Bàng-Đức, v.v...

Tuy nhiên, khéo mị dân, khéo mua chuộc, chỉ mới là một ưu điểm nhỏ của Tào. Chính sách nội trị, quân sự và ngoại giao vững vàng, sáng suốt mới thật tài ba của Mạnh-Đức.

*

Thời kỳ loạn lạc đời Tam-Quốc là thời kỳ mà nhân khẩu bị tiêu hao rất nhiều. Năm Kiến-An thứ bảy (202 sau T.C.) chính Tào-Tháo đã nhìn nhận :

« Ta từ dấy binh đến nay, vì thiên hạ mà trừ bạo loạn, dân chúng cố cựu các địa phương đã chết gần hết. Trong xứ đi cả ngày chẳng thấy một bóng người... »

Trong những năm còn chuyên quyền, lúc thiên đô về Trường-An, Đổng-Trác đã ra lịnh thiêu hủy tất cả làng mạc, chợ búa trong vòng hai trăm dặm chung quanh Lạc-Dương, và tất cả cung điện, lăng miếu, phố xá trong thành, bắt hằng trăm vạn bá tánh phải theo xe giá qua tân đô. Số người chết không sao kể xiết.

Sau khi Đổng-Trác bị Vương-Doãn và Lữ-Bố giết chết, bọn Lý-Thôi, Quách-Tỵ kéo binh vào Trường-An báo thù cho Trác, lại một phen thẳng tay cướp giựt, đốt phá, giết chóc. Cả một vùng mấy trăm dặm chung quanh Trường-An đã bị quân binh vơ vét sạch sành sanh, lương thực đều khô cạn, đến đỗi phải diễn ra cảnh người ăn thịt người. Mấy trăm dặm vuông không một ngọn khói. Hai câu thơ « xuất môn vô sở kiến, bạch cốt tế bình nguyên » chính là tả thảm trạng ấy.

Vấn đề người do đó trở nên quan trọng. Bởi vì, muốn giành thiên hạ, nhất định phải cần đến người : người để đánh giặc và cày ruộng, dệt vải, .. Khi bỏ Tân-giả, Lưu-Bị đã nói một câu rất đúng hiện trạng thời bấy giờ :

« Mưu việc lớn, phải lấy dân làm gốc, nay dân đã theo ta, ta nỡ nào bỏ lại hay sao ?

Người sau dựa vào đó mà cho rằng Lưu-Bị đại nhân đại nghĩa. Sự thật, dụng tâm của họ Lưu chẳng qua là muốn giữ một số người sau này có thể đi lính, cày ruộng cho mình.

Nhưng, trong đời Tam-quốc, có lẽ Tào-Tháo giải quyết vấn đề người một cách khéo léo hơn hết.

Bước thứ nhất, Tào chủ trương dùng binh sĩ tại ngũ để cày ruộng. Chiếm được vùng nào, binh Tào liền bắt tất cả dân chúng trong vùng xung vào làm ruộng và đặt dưới quyền quản lý trực tiếp của quân đội. Khi rút đi, họ mang tất cả dân chúng theo.

Bước thứ hai là chính sách đồn điền. Có thể nói, Tào-Tháo luôn luôn chiếm được ưu thế trong đời Tam-quốc là nhờ chính sách đồn điền này. Sách Thông-Giám chép rằng :

« Tào-Tháo mộ rất nhiều dân vào đồn điền, mỗi năm thâu trên trăm vạn hộc thóc. Các châu huyện đều có điền quan, thóc chứa tại chỗ, kho vựa đều đầy. Nhờ đó khi chinh phạt bốn phương, khỏi tốn công vận lương. »

Sự kiện « cắt tóc thế đầu » mà chúng tôi vừa kể trên tuy là thủ đoạn mị dân, nhưng cũng bộc lộ phần nào sự quan tâm của Tào đối với nông nghiệp.

Tào lại còn đặt ra những chức « Điền nông trung lang tướng », « Điền-nông đô úy », dùng biện pháp quân sự cưỡng bức để bắt dân chúng đi khai hoang cho triều đình. Nhà nào xài trâu của triều đình thì nạp 60 % số thu hoạch cho công khố, còn không xài, thì 50 %.

Sở dĩ Tào thực hiện được dễ dàng chính sách đồn điền là nhờ trong cuộc nội chiến lâu dài đời Hán-mạt, đất đai của hào tộc bị bỏ hoang rất nhiều, dân chúng chạy loạn phá sản cũng rất đông. Tào chỉ cần trưng dụng số đất và số người đó là đã có những đồn điền to rộng.

Ngoài ra, trong lúc chinh phạt, Tào còn có thể kiêm tính thêm một số đồn điền lẻ mẻ các địa phương nữa (1).

Những tướng tá của Tào có công lớn như Hứa-Chử, Lý-Điển. v.v... cùng đều được ban thưởng đất đai và điền khách để khai hoang, mở rộng thêm phạm vi cày cấy của Bắc-Ngụy.

★

Về quân sự, Tào-Tháo cũng là một kỳ tài. Chúng tôi không muốn đi vào chiến thuật và kỹ thuật trong từng trận nhỏ, vì đó chưa phải là chỗ xuất sắc nhất của Tào. Chúng tôi muốn phân tích chiến lược toàn bộ của Tào. Đó mới chính là chỗ hơn người của Mạnh-Đức.

Như chúng ta đã biết, sau trận Xích-bích, Tào không phát động một chiến dịch nào với qui mô toàn diện như thế nữa. Tào đã sáng suốt và kịp thời nhận thức rằng đối thủ của mình hiện giờ không phải là bọn « xương khô trong mả » như Viên-Thuật hay « chó giữ nhà » như Lưu-Chương, hoặc « sắc dữ mà mật thì mỏng » như Viên-Thiệu v. v... nữa. Đối thủ của Ngụy ngày nay là Lưu-Bị và Tôn-Quyền, đã có lực lượng, lại nhiều mưu trí. Tào biết chưa thể khinh xuất, tốc quyết tốc chiến như trước được, mà phải phòng ngự, giằng co lâu dài, « đợi cho thiên hạ sanh biến, rồi thì sai một tên thượng tướng... » Chiến lược của Khổng-Minh vạch ra cho Lưu-Bị chưa kịp thi hành thì Tào đã làm ! Vì thế, có thể nói, từ trận Xích-bích cho đến ngày Đặng-Ngại, « lén độ binh ngả Âm-Bình », những cuộc chiến tranh giữa Ngụy-Thục, Ngụy-Ngô, đứng về phương diện Bắc-Ngụy mà nói chỉ là những cuộc tiến công có tánh chất, phòng ngự. Trong khi đó, Ngụy luôn luôn cố gắng bồi dưỡng thực lực để chờ cơ hội tốt.

★

Về ngoại giao, Tào nhận định rằng Thục là kẻ địch chính yếu, và luôn luôn tập trung mũi nhọn đối phó với Thục. Với Ngô thì chủ trương vừa đánh vừa lôi kéo, cốt phá hoại liên minh Ngô, Thục. Và Tào đã thành công lớn với trận « Lữ Tử Minh áo trắng qua sông » và « Lục Tồn đốt binh Thục tại Di-Lăng ». Ngô, Thục tranh nhau chính là lúc Tào-công ngồi cười khoái trá.

★

Được thiên thời, lại có cả nhơn mưu, cho nên mặc dù mang tiếng gian hùng, Tào-Tháo vẫn luôn chiếm ưu thế trong đời Tam-quốc.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

(1) Một số hào tộc không chịu chạy bỏ đất đai, mà lại qui tụ gia đình và tá điền, tổ chức thành gia binh, xây hào đắp lũy để chống giữ giặc cướp. Những thành trì ấy ngày càng thu hút được đông đảo dân chúng tị nạn, để trở thành những khu vực cát cứ quân phiệt nho nhỏ. Những tay quân phiệt nho nhỏ này thường gom lại, đặt dưới quyền thống thuộc của một tay quân phiệt khác lớn mạnh hơn. Do đó, một tay quân phiệt này sau khi đánh bại một tay quân phiệt khác, còn phải dẹp hết các ông quân phiệt tí hon kia mới ổn định được tình hình. Tỉ như lúc Tào-Tháo đánh được Viên-Thiệu, sai Mãng-Lũng làm Thái-Thú Nhữ-Nam, Lũng phải đánh phá trên hai chục ổ bích bộ thuộc của Viên mới bình định được vùng này.

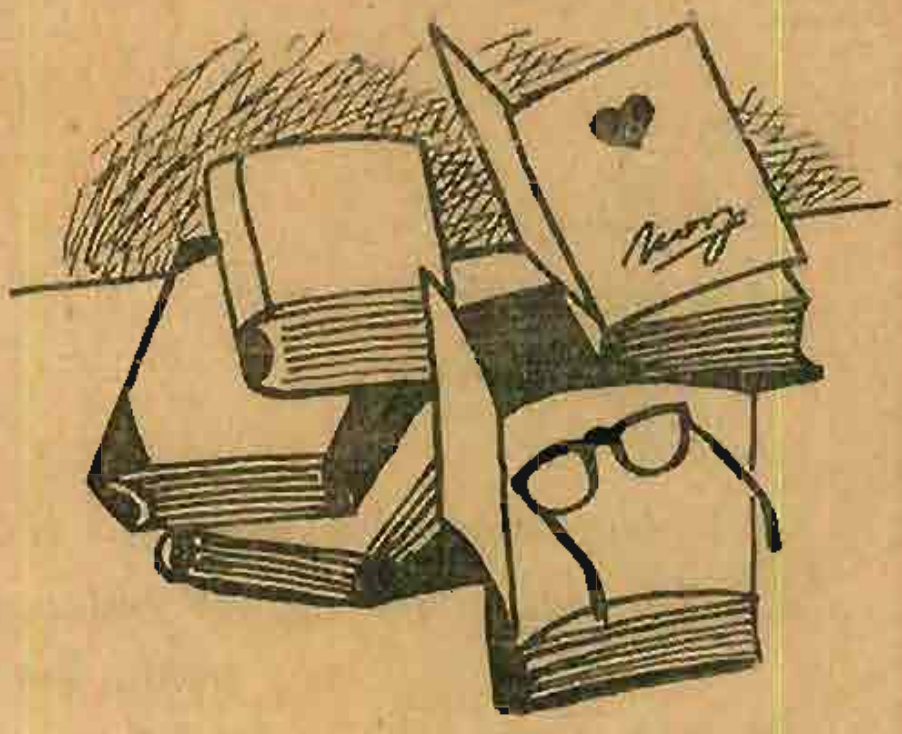

ĐIỂM SÁCH

ĐỌC THƠ

NGUYÊN-SA

Đề mở đầu cho tập « **Thơ Nguyên-Sa** », và cũng để mở đầu cho bài tựa của anh, Mai-Thảo viết thế này :

« Ở đây không có những vang bóng những ảnh hưởng của một hay nhiều thời đại. Cũng không có những khuynh hướng của một hay nhiều môn phái nghệ thuật.

« Chỉ có Nguyên-Sa. Chỉ có một con người với tâm hồn mình ».

« Chỉ có một con người làm chủ hoàn toàn cái thế giới bên trong của mình».

Thú thật, khi đọc những lời của Mai-Thảo, tôi đã suy nghĩ rất nhiều. Tôi tự hỏi : có lẽ nào bao nhiêu màu sắc, âm thanh, tâm tình, biến chuyển, bao nhiêu xao động bên trong, bên ngoài, bao nhiêu vui, buồn, thương, ghét làm nên cuộc sống hằng ngày trong đó có Nguyên-Sa, bấy nhiêu thứ của cuộc đời không tác động, không ảnh hưởng gì đến anh, đến một tâm linh mà cuộc sống tựa hồ gắn liền với văn nghệ ; mà văn nghệ là của thời đại, của con người ? Tôi tự hỏi : có thể nào một người — nhất là người nghệ sĩ — lại dối trá để đến có thể chối bỏ sự ảnh hưởng qua lại giữa mình với cuộc đời, để có thể dại dột tuyên bố tự mình đã tách lìa ra khỏi cuộc sống và làm nên một vũ trụ riêng biệt trong đó không còn có ai và chỉ thấy có mình ?

Tôi không tin như vậy. Tôi chắc chắn rằng đó chỉ là một sự hiểu lầm — dù là của Mai-Thảo hay là của chính Nguyên-Sa — một sự hiểu lầm cố ý và chỉ nhằm mục đích giải thích một thái độ, biện minh một đường đi, trình bày một quan niệm, giới thiệu một lối sống. Nhưng Nguyên-Sa vẫn là Ngnyên-Sa, một Nguyên-Sa kỳ dị, cô độc, lạc loài. Nếu không kỳ dị thì anh đã không viết :

Có một đêm tỉnh giấc
Tôi thấy cần viết nên một tờ di chúc
Của một người sống giữa chợ đời
Mà chỉ là một gã giang hồ cắm trại.

(Di Chúc)

Nếu không cô độc thì anh đã không tự thú :

Chỉ là hiện thân của một người tử tù
Có gục đầu nhìn cuộc đời
Cũng chỉ như nhìn khung cửa nhà giam
Vẫn có một chút trời xanh
Nhưng rất nhiều đơn độc...

(Di Chúc)

Và nếu không lạc loài thì tại sao :

Sẽ có một buổi ban mai
Mắt vẫn mở to
Mà lòng không thỏa đáng
Miệng không thể hát ca những lời hoan lạc
Tôi nhổ neo :
Tôi chỉ là người nhân ngãi của cuộc đời
Sống bên nhau không bao giờ hôn thú

(Di Chúc)

Tôi nhớ ngày xưa, ngày mà những con người văn nghệ Việt-Nam có ít nhiều lương tri lúc nào cũng băn khoăn tự hỏi : sống để làm gì ? cuộc sống sẽ đi đến đâu ? và tại sao phải sống ? Hỏi thì phải trả lời. Vì chưa thể trả lời nên họ tổ chức những cuộc đi để săn tìm và khám phá ý nghĩa lẽ sống lúc nào cũng như những cái đinh xoắn đâm trong đầu họ. Họ bàng khuâng. Họ thắc mắc. Họ đau khổ. Họ loạn cuồng. Nhưng rồi những lần đi không trả lời những gì họ muốn mà chỉ tạo nên cái - thói - giang - hồ - vặt không đích, không đường « *lỡ bước sang ngang* » Một Nguyễn-Tuân « *thiếu quê hương* » đã ngả vào men rượu. Một Nguyễn-Bính than khóc mối độ xuân về. Một Nguyễn-văn-Bổng xin hứa « *làm lại cuộc đời* », nhưng không bao giờ làm lại. Mãi cho đến Cách mạng tháng 8, ngỡ rằng đã gặp lẽ sống, không ngờ lại phải thiêu thân. Thì ra lẽ sống ở chính ngay trong mỗi con người. Và Nguyên-Sa đã đào sâu vào khía cạnh đó. Sự bắt đầu thật là đáng khen, nhưng về sau con người tri thức của Nguyên-Sa đã đánh rơi con người tình cảm của anh và anh trở thành một cái gì rã rời, chán chường, một cá nhân sinh tồn tiêu cực.

Khi đọc :

Và cười đi em ơi,
Cười như sáng hôm qua,
Như sáng hôm kia.
Cười đi em,
Cười như những chiều đi học về...
Em đố anh Paris có bao nhiêu đèn xanh, đèn đỏ
Và anh đố em : Em có nhớ
Mỗi ngày bao nhiêu lần anh hôn em !...
Cười đi em,
Cười rõ thật nhiều đi em !...
Rồi đố anh...
Cho anh không kịp đếm
Cho anh tan trong niềm vui !
Cho bao nhiêu ngọn đèn xanh, đèn đỏ thi nhau cười

người ta thấy một Nguyên-Sa lành mạnh, thiết tha, một Nguyên-Sa chân thành, phong phú. Nhưng khi đọc :

Và em nhớ không, chúng mình đã hỏi nhau :
Tại sao phải làm lễ tơ hồng
Tại sao phải nhờ người ta buộc chỉ vào chân
Khi tay em đã vòng ra đằng sau lưng anh
Khi tay anh đã vòng ra đằng sau lưng em
Người ta làm thế nào cắt được
Bốn bàn tay chim khuyên !...

là đã thấy một cái gì bắt đầu cho sự buông xuôi, cần phải đề phòng và dè dặt (ngày cả từ nội dung cho đến hình thức).

Đã nhiều lần tôi nghĩ : có lý nào Mai-Thảo lại bằng lòng để cho Nguyên-Sa

đi xuống trong đêm khuya : « *Tôi muốn còn sống hôm nay làm một gã tình nhân của cuộc sống bên nhau không bao giờ hôn thú. Tôi đến chẳng đợi chờ, đi xin đừng ai giữ. Sau này khi tôi chết đi nếu người đời có nhớ thương, có tạc tượng bằng đá trắng đồng đen, xin để dùm ở một góc công viên để tôi được nhìn trăng soi gương và những người yêu nhau tình tự* ».

Thật là lạ lùng ! Và từ chỗ ấy, anh đã xa chúng ta. Xa mà không làm cho chúng ta hối tiếc. Đã không hối tiếc thì làm gì có chuyện *tạc tượng bằng đá trắng đồng đen* ; và phần anh, anh cũng không có quyền *được nhìn trăng soi gương và những người yêu nhau tình tự*. *Trăng soi gương và những con người yêu nhau tình tự* là của cuộc đời, là của con người, mà anh thì chỉ muốn sống *làm một gã tình nhân không bao giờ hôn thú* với cuộc đời, với con người. Tưởng một con người — dù là con người nghệ sĩ đi chăng nữa — nhưng càng nghệ sĩ thì trái lại càng tha thiết, gắn bó hơn ai — đã bạc bẽo, phụ phàng đến thế thì thôi ! Nguyên-Sa quên đi rằng ở mỗi chúng ta có những ràng buộc với cuộc đời, và cái định lý « bánh đúc trao đi bánh chùy trao lại » đã trở thành một thông luật để tạo nên một cán cân bình đẳng, bác ái và công lý của cuộc đời. Không trách cái thái độ phụ phàng, bạc bẽo đó đã đưa anh đến cảnh quên lãng, bơ vơ, hay nói một cách khác, tự anh, anh đã dẫn mình vào cảnh bơ vơ, quên lãng :

Hãy đưa tôi ra bờ sông
Để tôi nhìn cho rõ
Tôi nhìn dòng nước chảy
Tôi nhìn tôi bơ vơ...
Hãy đưa tôi ta bờ sông
Để tôi nhìn tôi hò hẹn
Rồi tôi rủ tôi quên...

Với một con người như vậy làm sao tôi có thể tin được như lời Mai-Thảo: « *Tập thơ mang cái cốt cách đăng tử, tiếng nói ấm và tha thiết của gã tình nhân, hiến dâng trọn vẹn tâm hồn mình cho cái thế giới tình yêu thần thánh. Tập thơ là tiếng nói, con mắt buồn và đam mê của pho tượng ấy vẫn còn khát khao ngó xuống cuộc đời, vẫn còn khát khao rung động.* »

Vâng, làm sao chúng ta có thể tin được những điều ấy khi anh ta đã nói :

Đốt lửa bằng thơ
Tôi ca, tôi hát
Nhưng khi những người thích ngao du
Đến xin cùng nhập bọn
Tôi vẫn khước từ
Có cả những người con gái
Đến bảo yêu tôi
Tôi cũng vẫn khước từ

Đối với người thì vậy, còn đối với cảnh thì có khác gì hơn :

Mai tôi ra đi chắc trời mưa
Tôi chắc trời mưa mau...
Mai tôi đi chắc Paris sẽ buồn
Paris sẽ nhìn theo
Nhưng nhìn thì nhìn đời trăm nghìn góc phố
Con đường dài thẳng mãi có bao nhiêu

Ở trên tôi có nói Nguyên-Sa cô độc, lạc loài. Nhưng thử hỏi vì sao anh lại có

những nét tâm lý như vậy ? Phải chăng vì anh phải sống xa quê lâu ngày ? (Nhiều bài thơ trong tập đã được làm ở Pháp). Phải chăng vì Paris mênh mông đã làm anh lạc lõng ? Phải chăng vì những bước đầu ở một địa hạt nào đó đã làm anh thất vọng, chua cay, chán chường, bất mãn ? Chỉ biết anh đã từng yêu, đã từng thèm khát, và có lẽ cũng đã từng cay đắng với những kết quả đem về.

Đã nhiều lần tôi đọc « *Tôi không còn cô độc* » của Thanh-Tâm-Tuyền. Tôi thấy ở con người thường nói đến cô độc ấy không có gì đáng ưu tư, lo ngại. Nhưng ở chính Nguyên-Sa, cái chất ấy mới thật rõ rệt và đáng nghĩ xa. Cái hình thể tự do của thơ Nguyên-Sa mới đúng là cái tự do cần có để chứa đựng một tâm hồn như vậy. Vì anh bộc lộ. Vì anh cởi mở. Vì anh bạo nói. Vì anh thành thật, thẳng thắn, thành thật thẳng thắn đôi khi đến bất ngờ. Bài « *Gọi em* » cuối cùng của tập thơ là điển hình cho những phút giây tương tự.

Đọc « **Thơ Nguyên-Sa** » người ta thấy một cái gì rất Tây, từ thể cách phô diễn đến lối cảm nghĩ, trình bày. Cái nếp sống âu hóa đã quá quen thuộc với chúng ta để chúng ta có thể tiếp nhận « những môi, những má, những hôn, những yêu, những cắp tay nhau, những nằm trong lòng » mà không thấy có gì phải ngợ ngàng, e ngại. Chúng ta tiếp nhận những thứ ấy giản dị như thanh niên Pháp tiếp nhận « Buồn ơi, chào mi ! » « Trong một tháng, trong một năm »... Và Đông, Tây ngày nay có gì cách xa trong tình yêu, trong nếp sống, trong lối nghĩ, trong nói ra ?

Và phải chăng cái thái độ thành thật, thẳng thắn, bạo nói, bạo phát giác của tuổi trẻ ngày nay — trong đó có chúng ta — làm cho mọi người dễ hiểu nhau, dễ yêu nhau, dù đôi khi có lầm lỡ ngông cuồng, chúng ta cũng sẵn sàng tha thứ và tiếp nhận.

Huế, giữa Hè, 58.

ĐỖ-TẤN

★ Nhiều khi có chấp hành thành thật một mệnh lệnh, ta mới có thể nhận chân được tầm quan trọng thực của những khó khăn mà sự lười biếng hoặc sự sợ sệt đã khiến ta lầm tưởng là chúng ở trên sức mình.

★ Giữ kỷ luật không có nghĩa là yên lặng, giữ gìn, hay thi hành cái nghệ thuật trốn trách nhiệm, mà có nghĩa là hành động theo hướng của mệnh lệnh chính đáng đã ra, và muốn được vậy, phải làm sao vận dụng tâm tư, rán tìm hiểu cho thấu tinh thần của mệnh lệnh. (Foch)

Sau số Đặc biệt này

Các bạn đón coi :

★ BÁCH-KHOA **XUÂN KỶ-HỢI**

Số 50 ngày 1-2-1959.

sẽ phát hành vào ngày 26-1-1959

★ BÁCH-KHOA **SỐ TÂN NIÊN**

Số 51 phát hành ngày 15-2-1959

★ Hai số báo đem tới bạn thi vị TẾT và XUÂN trong những ngày đầu năm.

★ Một kỷ niệm đầu xuân tươi đẹp và giá trị của mọi gia đình.

MỪNG ĐỆ NHỊ CHU NIÊN BÁO BÁCH-KHOA

Thực đáng mừng riêng báo BÁCH-KHOA :
Tinh thần vững một lối xông pha.
Hai xuân khua gọi hồn non nước,
Trăm vẻ phô bầy bức gấm hoa.
Gieo rắc văn minh thêm hạt mới,
Trau giồi đạo đức sẵn gương nhà,
Trên trường ngôn luận còn tăng tiến,
Không phụ thanh danh giống Việt ta...

Mùa xuân năm 1959
Á-NAM vị đình thảo

Đường Thi Dịch Giải

Trường Tương-Tư

(Nguyên Văn của Lý - Bạch)

1.— Trường tương tư, tại Trường-an,
2.— Lạc-uy (1) thu đề kim tỉnh lan.
3.— Vi sương thê thê đạm sắc hàn,
4.— Cô đăng bất minh tứ dục tuyệt,
5.— Quyền duy vọng nguyệt không trường than.
6.— Mỹ-nhân như hoa cách vân đoan,
7.— Thượng hữu thanh minh chi cao thiên,
8.— Hạ hữu lục thủy chi ba lan ;
9.— Thiên trường, lộ viễn hồn phi khổ ;
10.— Mộng hồn bất đáo quan san nan.
11.— Trường tương tư, tại Trường-an...

Tương tư hoài

(Bản dịch của Á - Nam)

Tương tư hoài ở Trường-an,
Lạc-oi (1) trên giếng thu kêu ran.
Chiếu tre lạnh lẽo hơi sương tan.
Chiếc đèn mất sáng, tứ nghĩ tuyệt,
Cuộn màn trông trăng luống dài than !
Người đẹp như hoa cách mây ngàn :
Trên có Trời cao kìa xanh ngắt,
Dưới có nước biếc kìa sóng tràn.
Trời dài, đường xa hồn bay khổ,
Mộng hồn khó tới bởi quan san,
Tương tư hoài ở Trường-an !

(1) Tên một loài sâu, hình to lớn mà chun giản, giống loài sâu đo.

Phần giải nghĩa.— Trong lòng ta man mác bao la một mối tương tư, không lúc nào là không nhắc nhở nhớ tới Trường-an.

Những buổi tiết thu hiu hắt, trên bờ giếng kia, tiếng con lạc vy luôn luôn kêu gọi.

Ngoài ra những hạt sương thu li ti lất phất, khiến cho chiếc chiếu trên giường cũng thêm lạnh lẽo.

Bên cạnh giường nằm, kia ngọn đèn con nửa chiều như tắt, lại càng xui giục lòng ta cảm động miên man, muốn nghĩ cũng không sao mà lần ra mối, chẳng khác tâm trường đoạn tuyệt tới nơi.

Đối với cảnh huống vô liêu đó, ta, chỉ còn một cách là đứng dậy, cuốn bức màn lên rồi trông ngắm vầng trăng mà thở than ngậm ngùi, để mong khuây khỏa nỗi lòng.

Hồi tưởng lại đất Trường-an qui báu của ta, là một vị mỹ nhân như bông hoa đẹp, nhưng lại ở vào một nơi xa cách trên tít tầng mây :

Phía trên thì có trời cao xanh ngắt một màu, không biết tới đâu cùng tận ;

Mà ở phía dưới thì cách làn nước biếc mênh mang, muôn trượng sóng còn nổi dậy.

Ta muốn gặp nơi đó, nhưng tiếc vì trên thì khoảng trời dẳng dặc dưới thì đường đi xa tít mù khơi, dù cho tâm hồn có muốn bay đi cũng thấy khó mà bay tới.

Vậy thì mộng hồn của ta cũng hết đường phảng phất đi về, phải chăng chỉ vì những nỗi quan san cách trở mà ta đã thuật ở trên.

Do đó, trong lòng ta lại càng man mác bao la một mối tương tư, không một lúc nào là không nhắc nhở nhớ tới Trường-an ! . . .

Thằn Hà Bá

PEARL BUCK
Nguyễn *(dịch)*

Vài dòng về Tác giả.— *Pearl Buck chuyên viết truyện dài, nhưng bà cũng có viết một ít truyện ngắn, mà « Thần Hà Bá » là một trong những chuyện được ưa chuộng và tiêu biểu hơn cả. Trong những năm gần đây bà cũng có viết vài cuốn tiểu thuyết lồng trong khung cảnh và sinh hoạt của Hoa-kỳ. Nhưng bà sở dĩ nổi tiếng là nhờ những tiểu thuyết phô diễn trung thành những tập tục và sinh hoạt của dân Trung-hoa, chẳng hạn như : cuộc sống của đám nông dân, mối liên hệ giữa dân Trung-hoa và những kẻ thống trị phương Tây, cuộc va chạm giữa cổ tục Á Đông và cuộc duy tân theo Tây phương, ảnh hưởng của cách mạng, tai trời ách nước...*

Bà cho rằng lực lượng nông dân, chiếm 4/5 dân số, là nguồn sinh lực của Trung-hoa, vì thế bà viết rất nhiều về họ. Dọng văn bình dị, trong sáng của bà quả đã là một lợi khí truyền cảm thích ứng trong việc phô diễn cuộc sống cũng như những cảm xúc của đám người bình dị.

Những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của bà là « Gió Đông Gió Tây » (East Wind, West Wind) « Đất lành » (The Good Earth) và « Những đứa con trai » (Sons). Năm 1938 bà đoạt giải Nobel về văn học.

BÀ cụ Hoàng quả có biết là đang có chiến tranh. Ai nấy đã biết từ lâu rằng đang có chiến tranh và quân Nhật đang chém giết người Trung-Hoa, nhưng đấy chẳng qua chỉ là nghe phong thanh vậy thôi, chứ nào đã có ai thấy tận mắt, con cháu dòng họ Hoàng đã có ai bị giết chóc gì đâu. Làng họ Hoàng bên bờ sông Hoàng-Hà này chưa hề biết bọn Nhật mặt ngang mũi dọc thế nào. Thành thử suốt ngày họ chỉ bàn tán đến Nhật Bản.

Một buổi chiều đầu Hạ, như thường lệ, sau khi dùng bữa cơm chiều bà cụ trèo lên mặt đê xem mực nước dâng tới đâu. Cụ sợ dòng sông này hơn cả quân Nhật. Chẳng gì cụ cũng đã biết dòng sông này hung hãn đến mực nào rồi. Dân làng người một, nối đuôi nhau theo cụ trèo lên đê, họ đứng lặng nhìn xuống dòng nước hiểm độc vàng lờ lờ, uốn mình như muôn vàn con rắn xói vào bờ đê cao.

Cụ Hoàng lên tiếng : « Già chưa hề thấy nước dâng cao gớm đến thế này, » cụ ngồi xuống chiếc ghế tre do thằng cháu Tiều-Chủ mang ra cho cụ và nhổ nước bọt xuống sông.

Tiều - Chủ nói bâng quơ : « Cái lão Hà bá này hiểm độc hơn cả quân Nhật-Bản ! »

Cụ Hoàng vội mắng lấp : « Thằng qui kia. Hà bá nghe thấy thì sao. Có nói sang chuyện khác không ? »

Thế là họ lại bàn đến chuyện Nhật-Bản... như chị hàng bánh, cháu cụ Hoàng, lần thần hỏi khi gặp bọn Nhật thì làm thế nào nhận biết được chúng, chẳng hạn.

Cụ Hoàng trả lời chắc nịch : « Ôi dào ! Lúc đó cháu sẽ biết ! Bà đã có lần được thấy người ngoại quốc rồi. Nó cao lênh khênh vượt cả mái nhà, tóc thì vàng khè như bùn, mắt thì cứ như là mắt cá ấy thôi. Cháu cứ thấy ai không giống người mình — ấy đúng là Nhật-Bản đấy ! »

Vì cụ cao niên nhất làng, nói tất phải đúng nên ai nấy đều răm rắp nghe theo.

Tên Tiều-Chủ lại cất giọng phá ngang : « Bà thấy thế nào được chúng nó ! Chúng nó cưỡi máy bay nấp ở tít tận trên mây ấy cơ mà ! »

Cụ Hoàng không trả lời ngay. Đã có lần cụ quả quyết : « Bao giờ tao thấy máy bay tao mới tin » Nhưng đã bao chuyện cụ không tin mà lại có thật. chẳng hạn như cụ cho là Đức Thái-Hậu chưa chết nhưng quả thật bà ta đã chết từ hồi nào. Cụ lại cũng chẳng tin rằng có chế độ Cộng-Hòa vì cụ chẳng biết nó là cái quái gì. Ngay đến bây giờ cụ cũng chưa hiểu nó là gì, nhưng họ đã bảo từ lâu là quả có một chế độ Cộng-Hòa thật. Thành thử cụ chỉ ngồi ngắm quanh đê, giữa đám dân làng quây quần quanh cụ. Trời thật mát mẻ dễ chịu, nước sông không tràn dâng ngập lụt là cụ thích rồi, ngoài ra cụ chẳng cần để ý đến chuyện khác.

Cụ nói thủng thẳng : « Ta cũng chẳng tin là có Nhật-Bản ».

Mọi người phì cười, nhưng không có ai dám cãi. Vợ Tiều - Chủ, cháu dâu cưng của cụ, châm tẩu thuốc mời cụ. Cụ phì phà hút.

Một vài người sướng lên : « Ca chơi đi ! Tiều-Chủ ! »

Thế là Tiều-Chủ bắt đầu cất giọng vút cao ngân nga ca một bài hát cổ, cụ Hoàng lắng nghe quên cả chuyện Nhật-Bản. Chiều thật đẹp, trời trong và lặng đến nỗi hàng liễu rủ trên đê soi rõ bóng cả trên dòng nước lầy bùn. Vạn vật đều yên tĩnh Ba chục căn nhà trong làng rải rác dưới chân họ. Chẳng có gì phá tan được cái vẻ thái bình an lạc này. Hơn nữa, bọn Nhật chẳng qua cũng chỉ là người chứ là gì mà sợ.

Khi Tiều-Chủ vừa rứt tiếng ca, cụ se sẽ bảo thằng cháu :

« Bà chẳng tin là có tàu bay ».

Không trả lời, hắn lại tiếp tục trời giọng ca.

Đã biết bao năm, chiều chiều cụ lên đê hóng mát như thế này. Lần đầu tiên hồi cụ mới có 17 tuổi, vừa bước chân về nhà chồng, chồng cụ gọi cụ ra đê hóng mát. Cụ bước ra, mặt đỏ bừng e thẹn,

hai tay ngượng ngùng soắn chặt lấy nhau. Cụ cố lần vào đám đàn bà con gái trong khi bọn đàn ông cười rộ lên trêu chọc. Tuy thế chứ họ mến cụ lắm. Họ bảo chồng cụ : « Thật là khuynh quốc khuynh thành, bác hạnh phúc thật ! ». Chồng cụ làm ra vẻ không đồng ý : « Các bác cứ quá khen vậy, chứ chân nó hơi thô ». Tuy nói vậy chứ cụ bà thấy rõ là chồng cụ có vẻ thích, rồi dần dần cụ cũng bớt thẹn đi.

Thật tội nghiệp cho chồng cụ, ông ta bị chết đuối trong trận lụt đương lúc tuổi xuân còn hơ hớ. Cụ phải thuê người về làm chay, cúng lễ hàng năm trời để cho ông chồng thoát khỏi địa ngục. Nhưng rồi con cái bíu víu, nào ruộng nào nương trăm công nghìn việc, cụ đâm nản, thành thử lúc lão thày cúng gạ gẫm :

— « Bà chịu khó bỏ ra 10 đồng tiền bạc nữa thôi, là ông nhà hoàn toàn siêu thoát ».

Cụ hỏi ngay :

— « Thế bây giờ ông nhà tôi còn có phần nào mắc trong địa ngục nữa ? »

Lão thày cúng khuyến khích :

« Chỉ còn có mỗi một cánh tay trái nữa thôi bà ạ ! »

Thôi, thế là cụ hết cả kiên nhẫn. Mười đồng tiền bạc ! Số tiền đủ để nuôi sống cả gia đình suốt mùa đông. Rồi cụ lại còn phải bỏ tiền ra thuê người thay chân đắp đê phòng lụt nữa chứ.

Vì vậy cụ trả lời cương quyết : « Thôi, nếu chỉ còn có một cánh tay, thì lo gì rồi ông ấy chả rút ra được. »

Cụ vẫn thường băn khoăn chẳng hiểu lão ấy có biết rút tay ra không, để khổ cho cái anh chồng ngờ nghệch ấy ! Cụ thường thao thức thâu đêm, dễ thường không mất, khéo hắn vẫn còn nằm đấy chờ cụ tìm cách cứu giúp. Xưa nay hắn vốn vậy, Thôi được, có lẽ rồi một ngày kia, con vợ thằng Tiều-Chủ, sinh đứa con đầu lòng được vuông tròn, nhà cửa được dư dật, cụ sẽ lại thuê người tụng niệm cho ông chồng được siêu thoát hẳn khỏi địa ngục. Cần gì phải vội, tuy...

Vợ Tiều-Chủ dịu dàng thưa : « Thưa bà, bà nên về nghỉ. Mặt trời đã lặn, sương bốc mờ cả mặt sông rồi ».

Cụ thuận lời ; « Phải đấy, ta nên về thì hơn ». Cụ nhìn dòng sông một lát. Biết bao thiện, ác trộn lẫn trong dòng sông này. Lúc được ngăn, được coi sóc cẩn thận thì nó tưới cho đồng ruộng màu mỡ tốt tươi, nhưng nếu để cứ nứt rạn một ly là nó tràn vào ào ào như rồng cuốn. Cũng chỉ vì kiểm soát lơ đễnh khúc đê thuộc phần mình mà chồng cụ đã bị nước cuốn đi đấy. Chồng cụ lúc nào cũng lo vá chỗ đê rạn, đắp đất cho cao, rồi đến một đêm kia nước sông dâng lên phá vỡ đê tràn vào. Chồng cụ chạy ra khỏi nhà, cụ bế đứa bé trèo lên nóc nhà thoát được, còn chồng cụ bị chết đuối. Rồi dân làng lại chặn đứng được con sông như hiện giờ đây. Ngày ngày cụ cứ tản bộ dọc theo con đê thuộc phần kiểm soát của dân làng. Bọn trai tráng trong làng cười bảo nhau : « Nếu đê có làm sao thì đã có bà cụ Hoàng bảo. »

Chưa có bao giờ họ chịu dời làng để tránh con sông này. Dòng họ Hoàng đã sống đời đời ở đây, lúc nào cũng có người sống sót sau trận lụt để rồi sau đó lại chiến đấu với dòng sông mãnh liệt hơn xưa.

Tiều Chủ bỗng nhiên ngừng hát.

Hắn la lớn ; « Kìa, trăng lên kìa ! Rõ thật xúi quẩy. Những đêm trăng thế này là hay có tàu bay lắm đấy ! »

Cụ Hoàng gắt : « Mày học ở đâu cái chuyện tầu bò tầu bay ấy hở thằng kia ? Cụ thêm : « Những chuyện phải gió ấy làm tao bực cả mình », giọng cụ giận dữ đến nỗi không có ai dám hé răng. Trong niềm yên lặng ấy, cụ dựa vào tay vợ Tiều-Chủ, một tay chống chiếc điếu thay gậy, chậm rãi bước xuống những bực đất dẫn về làng. Phía sau cụ, dân làng người một lần lượt xuống theo, về nhà ngủ. Không có ai dám đứng dậy trước khi cụ rời khỏi ghế, nhưng cũng không có một ai lưu lại lâu sau khi cụ ra về.

Sau đó cụ êm đềm nằm ngủ trong tấm màn xanh mà vợ Tiều - Chủ đã giặt cẩn thận. Cụ nằm thao thức một lát, nghĩ ngợi tại sao bọn Nhật lại thích chém giết đến thế. Chỉ có những kẻ vũ phu mới ưa đánh nhau. Cụ thấy hiện ra trong trí hình ảnh những tên vũ phu cục mịch. Cụ nghĩ nếu chúng đến thì mình phải ve vuốt dỗ dành chúng, mời chúng uống trà, giảng giải cho chúng biết điều hay lẽ thiệt — thế nhưng chúng nó đến cái làng yên ổn thế này làm gì cơ chứ...?

*

Cho nên lúc mụ vợ Tiều Chủ hét vào tai cụ rằng bọn Nhật tới, cụ còn ngỡ là chiêm bao. Cụ ngồi nhỏm dậy lắp bắp : « Chén trà đâu — chén... »

Mụ vợ Tiều-chủ chu chéo : « Không kịp rồi bà ơi ! Chúng nó đến kia rồi, đến kia rồi ! »

Cụ Hoàng tỉnh hẳn, kêu lên : « Đâu ? Đâu ? »

Mụ vợ Tiều Chủ rền rĩ : « Trên trời kia kìa ! »

Bên ngoài trời đã sáng rõ, cả hai vội chạy ra ngửng nhìn lên. Kia rồi, trông chẳng khác nào đoàn ngỗng trời bay vào tiết Thu, dáng chúng to như chim thật.

Cụ Hoàng hỏi to : « Nhưng đâu, chúng nó đâu ? »

Ngay lúc đó, như một quả trứng bạc rớt, một vật nhào thẳng xuống, rơi vào một cánh đồng tận cuối làng. Đất bay lên tung tóe, dân làng chạy rầm rập đi xem. Họ thấy một cái hố rộng đến mười thước, trông chẳng khác nào một cái ao. Dân làng há hốc mồm kinh ngạc, chưa có người nào kịp nói một tiếng thì hết quả trứng này đến quả trứng khác rơi xuống từng chuỗi, mọi người bỏ chạy tán loạn.

Mọi người đây phải hiểu là trừ cụ Hoàng. Lúc mụ vợ tên Tiều - Chủ nắm tay cụ định lôi đi thì cụ dật tay lại và ngồi phệt xuống dựa lưng vào thành đê.

Cụ bảo : « Tao không chạy nổi nữa. Bảy chục năm trời nay từ lúc tao bỏ chân đến giờ, tao có chạy được nữa đâu. Thôi mày đi đi. Chồng mày đâu ? » Cụ nhìn quanh, Tiều-Chủ đã đi từ lúc nào, cụ lẩm bẩm : « Thật đến giống ông nó, có chuyện gì là chạy trước ».

Nhưng vợ Tiều-Chủ không dám bỏ cụ, cho mãi đến lúc cụ Hoàng nhắc nhở chị ta rằng đấy là bổn phận chị mới chuyển lòng.

Cụ bảo : « Nói dại nếu thằng Tiều Chủ chết, thì mày có bổn phận phải lo

bảo toàn cho mạng con nó. » Thấy đứa cháu dâu còn ngần ngại, cụ lấy cái điếu đập nhẹ, thúc dục : « Đi... Đi đi !..».

Vợ Tiều-Chủ đành phải đi theo mọi người một cách miễn cưỡng vì lúc đó tiếng phi cơ nhào lộn gầm thét làm át cả tiếng người.

Tuy chỉ mới có vài ba phút mà bấy giờ làng xóm đã tiêu điều, mái dạ, kèo gỗ cháy lem lém. Mọi người bỏ chạy cả. Mỗi lúc có người chạy qua, họ lại gọi với cụ, cụ vui vẻ đáp lại :

« Già đi đây ! Già đi đây ! »

Nhưng cụ không đi. Cụ ngồi một mình lặng lẽ nhìn, quang cảnh bây giờ mới ngoạn mục làm sao. Một vài chiếc phi cơ không biết từ đâu đến tấn công đoàn phi cơ trước. Mặt trời đã lên khỏi cánh đồng, trong bầu không khí trong sáng của mùa hạ, những chiếc phi cơ nhào, lộn, khạc đạn vào nhau. Cụ nghĩ thầm, lát nữa máy bay đánh nhau xong, cụ phải đảo qua làng xem còn có gì sót lại không. Rải rác đây đó một mái nhà xụp dựa lên một bức tường đứng trơ vơ. Ngồi đây mà cụ có thể trông suốt đến tận nhà cụ. Nhưng cụ còn lạ gì loạn lạc nữa. Đã có lần bọn cướp vào cướp phá làng, đốt phá cả nhà cửa. Đến nay cảnh ấy lại xảy ra nữa. Cảnh nhà cháy thì ai chả thấy, nhưng đã có mấy ai thấy những vật sáng loáng kia nhào lộn, đánh nhau trên trời. Cụ không hiểu gì cả — cụ chả hiểu những vật ấy là gì, mà cũng chẳng biết tại sao nó lại lơ lửng được trên không. Cụ đành ngồi ngẩn ra đấy mà nhìn, bụng mỗi lúc một đói.

Cụ nói to : « Ta muốn xem một cái tận mắt xem nó ra thế nào ». Đúng lúc ấy, như để đáp lời cụ, một chiếc độ nhiên rơi xuống, chệnh choạng, quay cuồng như thể bị thương. Nó đâm nhào xuống cánh đồng mà vừa hôm qua đây thằng cháu cụ mới cầy để trồng đậu tương. Trong khoảng

khắc, bầu trời lại vắng lặng, chỉ còn cụ và cái vật bị thương kia nằm trên mặt đất.

Cụ lầy bầy nhầy dậy. Vào tuổi cụ, cụ còn cần phải sợ chuyện gì nữa. Cụ có thể — cụ nhất định đi đến xem cái vật kia là cái gì. Thế là cụ lom khom chống cái điếu tre, chậm rãi băng ngang cánh đồng. Sau cụ một vài con chó còn sống sót ở đâu chạy ra len lét cúp đuôi theo sát cụ, khi đến gần chiếc máy bay rơi, chúng sủa ầm ĩ. Cụ lấy cái điếu vụt lũ chó mắng :

« Im nào ! Tiếng ầm ĩ lúc nãy đã đủ làm tao thủng lỗ nhĩ rồi ».

Cụ gõ gõ vào chiếc phi cơ.

Cụ bảo lũ chó : « Kim khí », cụ tiếp : « Bằng bạc cũng nên ! Đem đun chảy ra thì cả làng giầu lớn. »

Cụ dạo quanh chiếc phi cơ, đến sát gần quan sát kỹ lưỡng. Tại sao nó bay được nhỉ ? Trông nó có vẻ chết rồi thì phải. Trong nó chẳng thấy có gì động đậy mà cũng chẳng có tiếng kêu nào. Lúc đến chỗ đầu phi cơ đâm chui xuống, cụ thấy một gã thanh niên ở trong đó, hắn ngồi rũ ra trong một cái ghế nhỏ, lũ chó tru lên, cụ vụt, chúng lùi cả lại.

Cụ lễ phép hỏi : « Cậu chết chưa đấy ? »

Nghe thấy tiếng cụ, gã thanh niên hơi cựa mình, nhưng không nói. Cụ lại gần nhòm vào lỗ hổng mà gã thanh niên ngồi trong. Sườn hắn bê bết những máu.

Cụ kêu lên : « Bị thương ! » Cụ cầm lấy cổ tay hắn, tuy còn ấm nhưng hầu như không còn sinh khí. Khi cụ buông ra, cánh tay rơi thõng xuống cạnh lỗ hổng. Cụ ngắm kỹ gã thanh niên. Tóc hắn đen và da xấm như người Trung-hoa, nhưng cụ vẫn không thấy hắn giống người Trung-hoa.

Cụ nghĩ thầm : « Có lẽ hắn là người miền Nam ». Nhưng chẳng cần biết đến làm gì, điều cốt yếu là hắn còn sống.

Cụ bảo hắn : « Cậu nên ra thì hơn, để rồi già đắp thuốc dấu vào sườn cho cậu. »

Gã thanh niên lầm bầm vài tiếng khó hiểu.

Cụ hỏi : « Cậu bảo sao ? » Nhưng hắn không nói nữa.

Một lát sau cụ quyết định : « Mình hãy còn khoẻ chán ». Thế là cụ cúi mình vào nằm ngang lưng hắn, ì ạch kéo ra, cụ thở dốc từng hồi. Cũng may là hắn cũng nhỏ bé và khá nhẹ. Khi cụ lôi được hắn xuống mặt đất, hắn quờ quạng như tìm đôi chân ; hắn gượng đứng lầy bầy rồi choàng níu lấy cụ làm cụ phải xốc hắn lên.

Cụ bảo : « Nào bây giờ cậu có thể đến nhà già này được. Nhưng để già xem, chả hiểu có còn không ? »

Hắn nói vài câu khá rõ. Cụ lắng tai nghe nhưng không hiểu chút gì. Cụ lùi lại dương mắt nhìn hắn.

Cụ hỏi : « Gì thế ? »

Hắn chỉ vào lũ chó. Chúng châu vào sủa ầm ĩ, lông cổ xù cả lên. Hắn lại nói và đang khi nói thì hắn ngã khuỵu xuống đất. Bầy chó xồ vào cắn, cụ Hoàng phải lấy tay đánh đuổi chúng.

Cụ quát : « Cút ngay ! Ai cho phép chúng mày giết hắn ! »

Lũ chó lủi ra xa, cụ xốc hắn lên và gần như cõng hắn trên lưng, cụ lầy

bầy nửa cõng nửa kéo, l ạch mãi mới kéo hắn tới làng. Cụ đặt hắn trên mặt đường, đoạn bỏ đi, tìm xem nhà mình có còn không, cụ không quên gọi đàn chó đi theo.

Nhà cụ cháy gần hết. Cụ tìm thấy chẳng mấy khó khăn. Căn nhà ở ngay đối diện với cửa đê. Cụ vẫn thường coi sóc cửa đê này. May mắn làm sao nó không bị hư hại, nếu không đê đã vỡ rồi. Kể ra dựng lại nhà cũng dễ. Chỉ có hiện thời là không có chỗ trú thôi.

Vì vậy cụ đành quay lại chỗ gã thanh niên. Hắn vẫn nằm như cụ đặt hắn khi nãy, lưng dựa vào thành đê, mặt mũi nhợt nhạt, thở hồn hển. Hắn phanh áo lấy ra một túi nhỏ và móc ra một mảnh vải dài với một lọ gì nữa. Hắn lại nói nhưng cụ chẳng hiểu gì cả. Hắn đành phải ra hiệu, cụ Hoàng hiểu là hắn cần nước, cụ bèn nhặt một cái hũ sứt trong đám chậu hũ vỡ lăn lóc trên mặt đường và trèo lên đê múc đầy nước đem xuống. Cụ xé một đoạn băng rửa vết thương cho hắn. Hắn biết cách băng vết thương nên ra dấu chỉ dẫn cụ, hắn ra hiệu sao cụ làm vậy. Suốt trong lúc băng bó hắn cố nói với cụ nhưng cụ chẳng hiểu gì cả.

Cụ hỏi : « Chắc tiên sinh ở miền Nam ».

Kể cũng dễ nhận biết hắn thuộc giới trí thức. Trông hắn có vẻ lanh lợi thông minh.

« Tiếng tiên sinh nói khác hẳn với tiếng nói của chúng tôi ở đây ». Cụ mỉm cười trấn tĩnh hắn, nhưng hắn chỉ dương cặp mắt lờ đờ buồn rầu nhìn cụ. Thấy thế cụ cất giọng vui vẻ : « Thôi để già đi tìm xem có gì ăn không, có lẽ thế tốt hơn.

Hắn không trả lời. Hắn ngả người xuống, thở có vẻ mệt nhọc hơn, mắt lờ đờ nhìn vào khoảng không như thể không nghe thấy cụ nói.

Cụ Hoàng lại bảo hắn : « Cậu được ăn là dễ chịu ngay đấy mà. Già này cũng thế ». Cụ bắt đầu cảm thấy cồn cào cả ruột gan.

Cụ nghĩ ra là ở hiệu bánh của dứa cháu cụ, chắc thế nào cũng còn sót ít cái. Mà dù có vôi vữa, bụi bậm bám vào thì nó cũng vẫn còn là bánh cơ mà. Cụ phải đến tìm xem mới được. Nhưng trước khi đi cụ kéo hắn vào trong bóng mát của khóm liễu, bên bờ đê. Đoạn cụ đi tới hàng bánh. Lũ chó đã chạy đâu mất cả.

Cũng như mọi túp nhà khác, gian hàng bánh cũng tan hoang cả. Không một bóng người. Thoạt đầu cụ chỉ thấy lù lù một đống vách đất. Sau đó cụ nhớ ra rằng lò bánh ở ngay sau cửa, khung cửa hãy còn đứng vững đỡ phần mái còn lại. Cụ đứng dưới khung cửa, luồn tay vào dưới đám mái sụp ở bên trong, cụ mò thấy cái vung gỗ của chiếc chảo gang. Dưới đó có lẽ có bánh nóng cũng nên. Cụ thận trọng và khéo léo luồn tay vào. Cho được tay vào cũng mất khá thì giờ, đã thế từng đám bụi và vữa lại rơi rào rào như trêu chọc cụ. Cụ đoán thế mà đúng. Cụ lách tay xuống dưới cái vung và sờ thấy lần vỏ chắc nịch, láng bóng của những khoanh bánh nóng hổi, cụ lần lượt móc ra được 4 cái tất cả.

Cụ Hoàng hí hửng nói một mình : « Thân già này có chết cũng còn khó » Cụ vừa đi vừa bỏm bẻm nhai khoanh bánh.

Giá thêm được tí tỏi và một chén trà nữa thì tuyệt — nhưng lúc này được như vậy đã là hạnh phúc lắm rồi.

Vừa lúc đó cụ nghe thấy có tiếng lao xao. Khi đến gần một gã lính lạ trông có vẻ như vừa ở đâu đến, cụ thấy chung quanh hắn lố nhố bao nhiêu là lính tráng nữa. Bọn lính cúi nhìn gã thanh niên bị thương, mắt hắn nhắm nghiền.

Bọn lính hỏi to : « Lão mẫu thấy thằng Nhật này ở đâu thế ? »

Cụ tiến lại gần, ngạc nhiên : « Thằng Nhật nào ? »

Bọn lính nói lớn : « Thằng này chứ còn thằng nào nữa ? »

Cụ kêu lên sửng sốt : « Hắn là Nhật á ? Hắn trông có khác gì mình đâu... mắt hắn đen, da hắn... »

Một gã hét : « Đã bảo là Nhật mà lại ! »

Cụ hạ giọng : « Thế hả ? hắn ở trên trời rơi xuống »

Một tên khác quát : « Đưa ta cái bánh kia »

Cụ Hoàng nói : « Bây lấy đi, nhưng để một cái này cho hắn »

Tên lính nổi giận : « Thằng Nhật khỉ kia mà hòng ăn bánh ngon thế này hả. »

Cụ chống chế : « Già tưởng hắn cũng đói ». Cụ bắt đầu ghét bọn ấy. Nhưng xưa nay cụ có ưa bọn lính tráng bao giờ đâu.

Cụ bảo lũ lính : « Các người có đi đâu thì đi đi. Các người làm gì ở đây ? Làng này vẫn yên tĩnh cơ mà. »

Một gã nhe răng cười bảo : « Phải yên tĩnh lắm, yên tĩnh như mồ hoang ấy. Lão mẫu, có biết ai xui nên vậy không ? Bọn Nhật-Bản ! »

Cụ gật gù : « Già cũng nghĩ thế ». Rồi cụ lại hỏi : « Nhưng sao vậy ? Già không hiểu tại sao lại thế đấy ».

— Sao ? Tại chúng muốn chiếm đất mình chứ còn sao nữa ! »

Cụ Hoàng nhắc lại : « Đất mình ! Sao lại thế được, chúng không có quyền chiếm đất mình. »

Bọn lính hô lớn : « Không bao giờ ! »

Nhưng trong lúc vừa ăn vừa nói chuyện như thế, họ vẫn tản mát ra và nhìn về phía đông.

Thấy thế cụ Hoàng bèn hỏi : « Sao các người cứ nhìn về phía đông làm gì thế ? »

Tên lính đoạt bánh lúc nãy đáp : « Bọn Nhật đang từ phía ấy tiến lại »

Cụ ngạc nhiên hỏi : « Thế các người bị chúng nó đuổi đấy à ? »

Tên lính phân trần : « Cụ thử nghĩ, chúng tôi được để lại giữ làng Bảo-An, ở quận... »

Cụ Hoàng ngắt lời : « Già biết làng ấy rồi. Anh không cần phải nói. Già là con gái làng ấy đó. Thế ông cụ Bảo có ngôi hàng nước ở đường cái quan giờ ra sao ? Cụ ấy là anh già này đấy ».

Gã dân ông đáp : « Chết sạch cả rồi. Bọn Nhật đã chiếm làng đó — cụ thử nghĩ nó bao nhiêu là binh là lính, rồi lại súng ngoại quốc, xe tăng tàu bò, chúng tôi làm thế nào chống lại được cơ chứ ? »

Cụ Hoàng gật gù : « Kẻ đến nước ấy thì 36 chước, chạy là hơn ». Tuy vậy, cụ cũng thấy bồi hồi se sắt. Thế là người

anh cuối cùng của cụ đã chết rồi ! Hiện giờ, trong gia đình chỉ còn có mỗi cụ là còn sống sót.

Nhưng bọn lính lại tản mát ra xa, bỏ cụ lại một mình.

Chúng bảo nhau : « Chẳng chóng thì chầy, thế nào bọn lùn cũng tới ! Chúng ta nên đi thì hơn. »

Tuy vậy gã đoạt bánh lúc nãy cũng còn ngần ngừ lưu lại một lát, cúi nhìn gã thanh niên bị thương, hắn nằm yên như khúc gỗ, mắt nhắm nghiền.

Tên lính hỏi : « Nó chết chưa ? » Cụ chưa kịp đáp thì hắn đã rút một lưỡi dao ngắn ở thắt lưng ra. « Chết hay sống, ông cũng cho mày vài nhát ».

Nhưng cụ Hoàng gạt được tay hắn ra. Cụ lên giọng kẻ cả : « Không ! Anh không được phép làm thế. Nếu hắn đã chết ta không nên để hắn phải xuống địa ngục thân mình bị băm vằm đâm chém như thế. Gã là một phật tử mộ đạo, già không đang tâm. »

Gã đàn ông cười lớn trả lời : « Được, hắn chết rồi mà », đoạn thấy bạn đồng ngũ đi đã khá xa, hắn vội vã chạy theo.

Còn lại một mình với khuôn mặt không hồn kia, cụ Hoàng phân vân ngắm nhìn gã thanh niên. Hắn là Nhật-bản ư, có đúng thế không ? Hắn hãy còn trẻ măng, đôi mắt hiện giờ đã khép lại. Tay hắn tái xanh mềm nhũn — trông chẳng khác nào như tay trẻ con, chưa hoàn toàn và hãy còn đang phát triển. Cụ cầm lấy cổ tay hắn, nhưng không thấy mạch chuyển. Cụ cúi xuống dí nửa khoanh bánh còn dở vào môi hắn.

Cụ nói to, rõ từng tiếng một : « Ăn ! Bánh ! »

Không thấy có tiếng trả lời. Hắn chết thật rồi. Có lẽ hắn đã chết trong lúc cụ lấy bánh.

Không biết làm gì hơn nữa cụ đành ăn nốt chỗ bánh. Ăn xong cụ phân vân không hiểu có nên đi theo vợ chồng Tiều-Chủ và dân làng hay không. Mặt trời đã lên cao, trời mỗi lúc một nóng. Nếu cụ định đi thì có lẽ nên đi ngay thì hơn. Nhưng trước hết cụ phải lên đê tìm hướng đã. Họ đi thẳng về phía Tây, cuối tầm mắt cụ trải dài một vùng đồng ruộng bao la. Cụ trông thấy một đám đông cách xa chừng vài dặm. Thế nào rồi cụ cũng tìm thấy làng kế cận, bọn dân làng chắc trú cả ở đấy.

Nghĩ vậy cụ lom khom trèo lên đê, mồ hôi mồ kê vã cả ra. Trên mặt đê gió thổi hây hẩy thật dễ chịu. Cụ kinh ngạc vì thấy con nước đã lên mấp mé mặt đê. Tại sao nó lại chọn đúng vào cái lúc nguy ngập này mà dâng lên cơ chứ !

Cụ cất giọng trách móc : « Cái lão Hà bá này ! » Cho lão ấy nghe thấy cụ cũng chẳng cần. Lão ấy dến độc ác — lão định dâng nước cho ngập lụt vào đúng lúc nhiễu nhương như thế này đấy.

Cụ cúi xuống đầm tay xuống và phả nước lên má. Nước sông lành lạnh như chứa đọng nước mưa ở đâu tới. Đoạn cụ nhòm dậy nhìn quanh. Ở phía Tây chẳng có gì lạ trừ mấy anh lính đi gấp như bị ma đuổi, mặt trước bọn lính, mờ mờ bóng làng bên nằm trên một mô đất dài. Có lẽ cụ nên đi tới làng kia thì hơn. Khéo vợ chồng Tiều Chủ đang mong ngóng cụ cũng không chừng.

Cụ sắp sửa bước xuống đề ra đi thì cụ thấy thấp thoáng có gì ở phía đông. Mới đầu chỉ thấy một đám bụi mù mịt lớn như một vầng mây. Nhưng lúc cụ nhìn kỹ thì thấy lố nhố những chấm đen và những vệt sáng lập lòe. Cụ nhận ra rồi. Đó là một đoàn người — một đội quân. Đột nhiên cụ biết ngay là quân nào.

Cụ nghĩ thầm : « Bọn Nhật đấy ! »

Quả vậy, trên đầu chúng một đoàn máy bay sáng ngời bay ầm ì. Chúng lượn quanh như thể đang dò tìm ai.

Cụ lầm bầm : « Tao không hiểu chúng mày tìm ai đây, chắc là tìm tao và vợ chồng thằng Tiều - Chủ chứ gì. Chỉ còn chúng tao sống sót thôi. Lũ chúng bay đã giết anh Bảo tao rồi còn gì nữa. »

Cụ đã quên hẳn chuyện người anh cụ chết. Bây giờ đột nhiên cụ nhớ lại thật rõ ràng. Ông anh cụ có một ngôi hàng nước mới lịch sự làm sao chứ — lúc nào cũng sạch như lau như li, trà ngon, thịt béo lúc nào cũng sẵn mà giá lại hạ. Cụ Bảo là người hiền lành tốt bụng lắm. Ở, lại còn bà vợ với bảy đứa con số phận ra sao ? Chắc là bị giết cả rồi. Bây giờ bọn Nhật lại đi tìm cụ. Cụ cảm thấy ở trên đê lộ liễu quá thành thử cụ lật bật trèo xuống.

Xuống đến nửa chừng thì đột nhiên cụ nghĩ đến cái cửa đê ngăn nước từ xưa đến nay dòng sông này vốn là một tai họa đối với dân làng. Tại sao nhân lúc này nó không ra tay đề đền bù phần nào tội ác ? Nó lại chực bày ác kế, lén tràn qua mặt đê. Ở, sao lại không nhỉ ? Cụ lưỡng lự một lát. Kể đề cho xác gã trai trẻ Nhật kia bị nước lũ cuốn đi thì cũng tội nghiệp. Hắn trông thật khôi ngô, chả gì cụ cũng đã ngăn cho hắn khỏi bị đâm. Tuy chẳng thề coi như cứu mạng hắn nhưng cũng gần như thế. Giá hắn còn sống thì hắn đã được cứu thoát rồi. Cụ đến bên hắn và lạch kéo hắn lên tới gần mặt đê, đoạn cụ lại trèo xuống.

Cụ biết rõ cách mở cửa đê. Đứa bé nào chả biết cách mở cửa cống dẫn nước vào ruộng. Nhưng cụ biết cách mở cả cửa đê. Cái khó là cụ phải mở thế nào cho nhanh đề có thể tránh kịp làn nước ?

Cụ lầm bầm : « Mình đã già nua tuổi tác rồi ! » Cụ lại ngần ngại lần nữa. Kể ra không được trông thấy mặt con thằng Tiều Chủ ra sao thì cũng tội nghiệp, nhưng thôi, có ai thấy được hết chuyện đời. Cụ thấy cũng đủ nhiều chuyện ở trên cõi đời này rồi. Mà rồi ai chẳng phải có một lần chết.

Cụ nhìn về phía Đông. Bọn Nhật đang vượt qua cánh đồng. Đoàn quân đi thành một vệt dài, đen xẫm, lập lòe muôn ngàn điểm sáng. Nếu cụ mở cửa đê này ra, cả một dòng nước mãnh liệt sẽ ào ào đổ về phía chúng, ào ạt cuốn vào đồng ruộng, dềnh lên thành hồ nước bao la, dìm chết cả lũ chúng cũng không chừng. Chắc chắn là bọn Nhật còn tiến mãi, tiến gần tới cụ, tiến gần tới nơi vợ chồng Tiều Chủ đang chờ cụ. À, vợ chồng Tiều Chủ — chắc thế nào chúng nó cũng đang nghĩ tới cụ đây — chúng chẳng thề ngờ được chuyện này. Quả là một chuyện lý thú — kể ra chắc hay lắm.

Cụ mạnh dạn tiến tới cửa đê. Có người đánh giặc bằng tàu bay, có kẻ bằng súng ống, nhưng ta có thể dùng sông đánh giặc nữa nếu nó ghê gớm như con sông này. Cụ bặm môi rút một chốt lớn ra. Mặt gỗ phủ đầy rêu xanh. Tia nước vọt mạnh thành vòi. Cụ chỉ cần tháo một cái chốt nữa thôi, còn những cái khác sẽ tự bật ra. Cụ bắt đầu rút chốt gỗ, nó đã hơi nhúc nhích được một chút.

Cụ nghĩ : « Ta làm việc này khéo mà thoát được địa ngục chứ chẳng chơi, mà rồi khéo họ lại thả cả ông nhà mình nữa chứ. Một cánh tay thì nghĩa lý gì. Rồi mình với ông ấy sẽ...»

Cái chốt bỗng tuột ra, cánh cổng bật mạnh dập thẳng vào người làm cụ ngất ngư nghẹn thở. Cụ chỉ còn kịp thều thào nói với dòng sông :

« Lên đi ! Lão Hà Bá ! »

Rồi cụ cảm thấy dòng nước cuốn lấy cụ, đẩy cụ lên tít chín tầng mây. Nước trào lên trên cụ, bao quanh người cụ. Dòng nước đẩy cụ bập bềnh như nô như rỡn, rồi nó xoáy chặt lấy xác cụ, cuộn kín vào lòng, dòng nước ào ạt cuốn về phía quân thù.

Phỏng dịch « The old demon »

Saigon 31-X-58.

NGUYỄN

★ Giữ kỷ luật không có nghĩa là yên lặng, thoái thác, để chỉ làm nguyên những điều mình xét ra không phương hại tới bản thân mình. (Maurois).

★ Một đoàn người bị lạc trong một khu rừng rậm, có thể có nhiều lối ra, song lối ra tương đối chắc chắn nhất vẫn là lối ra do người cầm đầu chỉ dẫn. Nếu mỗi người trong đoàn đều một mực khăng khăng đòi đi theo sở thích hoặc linh khiếu của mình, đoàn tự nhiên sẽ tan rã, không hợp thành đoàn được nữa.

Mấy lời cảm tạ

Gần đây **Bách-Khoa** đã nhận được rất nhiều thư của các bạn gửi về, góp bài, góp ý kiến để xây dựng « **Bách-Khoa « Đặc biệt kỷ niệm đệ nhị chu niên** ». **Bách-Khoa** trân trọng cảm tạ thịnh tình của các bạn. Tiếc rằng số trang có hạn, nên **Bách-Khoa** không thể đăng được tất cả mọi bài gửi tới, mong các bạn thông cảm mà lượng thứ cho.

B. K.

LÀNG TÔI

Gởi miền Trung thân yêu.

Làng tôi nằm dựa ven sông,
Con đường đất đỏ ngăn dòng nước xanh.
Lối vào mấy xóm nhà tranh,
Bờ tre nhịp khúc yên lành từ xưa.

Rẫy mì nghiêng xuống vườn dưa.
Hàng cau nương bóng hàng dừa xanh xanh.
Trầu sang với mướp chung giàn
Mạ xanh cùng với ngô vàng sớm trưa.

Cuộc đời sớm nắng chiều mưa,
Dòng sông vẫn chảy từ xưa đến giờ.
Dâu già đợi mãn mùa tơ,
Lúa ôm bờ cỏ nằm mơ thanh bình.

Dẫu cho thế cuộc xoay vần,
Dân làng tôi vẫn làm lành với nhau.
Trao tay điếu thuốc miếng trầu,
Mối duyên ruộng cạn đồng sâu mấy mùa.

Dân làng tôi sống hiền từ,
Như khoai với sắn, như dừa với cau.
Bốn mùa cuốc bẫm cày sâu,
Đói no đắp đổi, sang giàu không ham.

Chợ chiều lẹn chuyến đò ngang,
Trai làng cùng với gái làng qua sông;
Ngập ngừng câu chuyện bông lông,
Hôm sau thành vợ thành chồng với nhau

Vì đâu mấy cỗ trầu cau,
Gái làng tôi chẳng làm dâu xứ người.
Đã quen tiếng nói giọng cười,
Tình quê kết chặt duyên người yêu quê.

Dòng đời năm tháng không về,
Từ ngày giặc tới bờ tre tơi bời;
Vườn khoai, rẫy sắn thôi tươi,
Và cô thôn nữ không cười trongương.

Dâu làng tản mác mười phương,
Xóm thôn hoang vắng, ruộng vườn xác xơ.
Tôi đi từ bấy đến giờ,
Đêm đêm tôi ngũ thường mơ thấy làng...

VŨ-QUỲNH-BANG
1952

Đêm không hết

Nguyễn-Phúc

1951...

Xe lửa chạy qua một quãng đường xấu, rền lên làm rung chuyển những tấm cửa gỗ. Thi choàng tỉnh dậy, mắt hắn gặp ngay cây đèn gương thô kệch, cổ lỗ, nhớp nhúa cháy bằng dầu dừa đang run rẩy ở thành toa.

Tuy ánh đèn lù mù, nhưng hắn có thể trông khắp cả toa và đếm được từng người. Phần nhiều họ đều ngủ cả, trừ một vài người có con nhỏ, chong mắt nhìn qua khung cửa tối, loáng thoáng những tàn lửa bay từ đầu máy, kéo dài như những đường chỉ đỏ sáng. Nhưng hắn bỗng giật mình ngồi thẳng dậy. Vì rõ ràng hắn vừa nhận được hơi nóng ấm áp ở lưng cùng một lần với sự nhận biết bàn tay hắn đang quấn cái chéo áo đàn bà. Hắn tự hỏi phải chăng đã tựa lưng như thế này trên đường từ VT đến đây ? Và trong lúc ngủ, nét mặt hắn như thế nào ? Có gì đáng ghét không ? Miệng hắn có há hốc để nước dãi chảy ra bên má như đã một lần bị chế sau cơn ngủ trưa ở trại báo chí mặt trận ? Hắn nghĩ như thế, tự lấy làm hổ thẹn. Hắn đưa tay rờ thử hai bên má, trong khi đó hắn đảo mắt nhìn chung quanh, xem có ai đã chứng kiến cái dị ngợm của hắn chưa ? Hắn nhẹ nhàng rút tay ra khỏi tà áo và đồng thời liếc mắt nhìn người hắn tựa lưng. Đó là một cô gái, tuổi không biết bao nhiêu, nhưng tóc còn bỏ xõa. Nhìn nghiêng, hai má nàng

gầy, trán hơi vồ, cái sóng mũi thẳng với nước da ngăm ngăm. Mặt nàng trông thoáng có vẻ bần cực, nhưng lại nghiêm trang. Thi chỉ nhận được chừng ấy vì nàng ngồi gục xuống, cằm tựa vào đôi tay khoanh đặt trên đầu gối. Cái tai trắng của nàng lộ ra giữa hai rẻ tóc bên mai nhỏ nhắn, mỏng mảnh làm Thi nghĩ rằng người con gái này dễ yêu chỉ nhờ có thế. Thi lại tò mò nhìn đôi chân nàng co lên, cho đến cái lưng nàng cụp xuống và ngực nàng gần như dán sát vào đôi vế. Tất cả đều như muốn giới thiệu một cuộc sống lam lũ, khó khăn chật vật, và tuy thuần hậu nhưng không khỏi quê kệch. Tự nhiên Thi nảy ý trông đợi một cơn gió nhẹ thổi tạt vào, đủ sức làm bay tà áo để hắn có thể trông rõ hai bàn chân của nàng. Nhưng hắn lại chợt thấy tà áo đã bị chận dưới gót chân nàng.

Nàng ta ngồi như thế lâu lắm, không nhúc nhích, song nghe trong hơi thở có thể hiểu rằng không một giây khắc nào vừa qua chứng tỏ nàng đã chợp mắt. Hơn thế nữa, cứ trông vào lối ngồi để chân trên ghế, tay ôm chặt hai đầu gối, thân hình lại chẳng tựa vào đâu cả thì cũng biết phải có một sự cố gắng thường trực trong gân cốt mới giữ người khỏi ngã. Thi nhè nhẹ bắt chước lối ngồi của nàng. Hắn nhận thấy đôi mông của hắn nhỏ đi, và nếu hắn chỉ thiếp đi trong một phút thôi, người hắn sẽ lạng về một phía. Không nghi ngờ gì nữa, hắn quả quyết rằng nàng ta đang thao thức, hoặc nghe ngóng gì đây.

Lúc đó, có lẽ vào khoảng hai giờ khuya, Thi đoán thế vì ngọn đèn dầu lạc coi bộ muốn lụn dần. Những người ngồi ở cuối toa chỉ là những hình bóng bị nhòe ra, không còn sắc nét như khi hắn mới thức giấc. Tàu vẫn chạy, tiếng gập ghềnh ở đường sắt nhịp đều, chốc lát lại xùng xình lắc qua lắc lại vài cái. Ngoài trời không thấy có mưa, nhưng thỉnh thoảng Thi lại bắt gặp một giọt nước nhỏ từ một vết dạn trên trần rơi xuống trước mặt, kêu tách một cái rất nhỏ. Vài ba cái nhà gần bên đường sắt thoáng qua rất nhanh, để lại một tiếng dội nhẹ rồi biến hẳn, chỉ còn tiếng bánh sắt rì rầm cùng tiếng thở hồn hển, mệt mỏi của đầu tàu.

Thi ngồi, không thấy buồn ngủ nữa, hắn hết nhìn cô gái bên hắn đến chờ giọt nước trông cho qua hết đêm dài. Chợt một ý nghĩ đến với hắn. Hắn giả vờ gục nằm ba cái trước khi ngả lưng dần về phía người con gái. Hắn khẽ gục một cái rồi lại rụt về chỗ cũ. Hắn làm như thế đôi ba lần nhưng chẳng thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ nàng ta phản đối. Hắn yên tâm nghiêng người, dựa rất nhẹ vào nàng. Hơi ấm của da thịt cùng với mùi nhẹ nhẹ ở gáy tóc nàng tỏa ra làm hắn cố ý định tìm hiểu những cảm giác do sự đụng chạm gây nên. Tay hắn bíu trên lưng ghế thình lình rớt xuống tay nàng. Sự bất thường ấy quả là ngoài sức tưởng tượng của hắn. Hắn lặng người đi trong một lúc trong khi chiếc tàu vẫn vô tình chạy làm tay hắn khẽ rung rung trên tay nàng. Nàng ta thì cứ ngồi như thế, không cử động, tuy nhiên, thân người nàng hơi tựa về phía hắn một tí. Hắn cảm thấy điều ấy vì hắn đã tựa thật sự vào nàng mà thế ngồi của nàng vẫn không bị mất quân bình. Hắn để như thế rất lâu và nghĩ rằng đã đi quá nhanh trong việc tiếp xúc với đàn bà. Hắn xem như

là một việc đáng ghi nhớ, một biến cố trọng đại từ trước đến nay chưa bao giờ có trong quá khứ ân tình của hắn. Hắn xác nhận nhiều lần trong trí óc rằng đây không phải do bản tính phóng đãng, lì lợm hoặc ưa thích ghiền gập của một thằng con trai mới lớn. Đó chỉ là một sự tò mò muốn tìm hiểu cảm giác khi gần đàn bà, khác nào như ý muốn tìm hiểu một phản ứng hóa học do hai đơn tố hợp lại mà thôi. Và chẳng hắn đã giới hạn sự tìm hiểu ấy. Hắn không có quyền đi xa nữa vì một lý lẽ nào thì hắn chưa nhận thức kịp, nhưng trước hết, chuyến tàu này sẽ đến BS đúng sáu giờ sáng. Lúc đó không tài nào trốn khỏi cặp mắt khinh bỉ của nàng, mặc dầu ngay bây giờ nàng có thể bằng lòng cho hắn hành động xa hơn... Nhưng đó mới chỉ là một giả thiết chứ chưa hẳn là một định đề khả dĩ chứng giải được một vấn đề ẩn náu trong tim người đàn bà. Hắn chợt nhận thấy rằng cái ý nghĩ liều lĩnh muốn tìm hiểu đàn bà có từ sau mấy ngày gần đây, nghĩa là sau ngày chứng kiến Liên đã có một người chồng. Chính hắn giờ đây cũng không còn nhớ rõ sự phẫn nộ của hắn đến chừng nào khi vừa mới bước chân đến đầu làng, được một người ở cùng xóm thuật lại cơ sự giữa Liên và Tuấn từ một tháng nay kể cả ngày cưới. Lễ thành hôn cử hành có trọng thể hay không trọng thể, bên nam có những ai, bên nữ có những ai, bên chánh quyền, mặt trận có những ai, bên Đảng có những ai v. v... hắn đều không muốn nghe tới. Không phải hắn sợ một sự thật nhưng những nghi thức ấy hắn cho là quá tầm thường vì hắn đã dự không biết bao nhiêu đám cưới. Rút cuộc đám cưới nào cũng giống nhau, cũng chào cờ mặc niệm, cũng các đại biểu lên phát biểu ý kiến rồi ăn uống và lòe nhau về lập trường xây dựng gia đình của mới người. Có những cậu thanh niên chưa biết gì về tình yêu cũng đem luyến ái quan của Hồ-Bắc với một giọng đặc cụ non ra kháo để dạy đời, để lắm anh hùng lý luận giữa các nàng phù dâu...

Rồi mọi sự mọi việc đều có thể yên ổn cả, duy chỉ còn tư tưởng tiếc rẻ một vụ nghỉ phép không thích thời và phân vân không biết dùng những ngày nghỉ còn lại vào những lạc thú gì. Hắn mới biết rằng trong chiến tranh có những ngày chưa kịp thấy ánh mặt trời thì bóng tối đã bao phủ. Ngày qua nhanh đến biến thành một mối kinh hãi. Lại có những ngày dài lê thê, bắt con người chờ đợi đến chán chường, đến mỏi mòn, sống trong phập phồng lo sợ đến điên cuồng... Riêng hắn, phải nghỉ ngơi bằng cách nào mới gọi là đúng nghỉ ngơi trong khi mọi người chung quanh hắn đang làm việc. Hắn bị cô lập giữa cuộc đời. Hắn không thể nào đi xem họ làm việc, cũng không thể nào đứng cạnh sự lo lắng không cùng của một ai mà không thấy xúc động bồi hồi. Hắn thấy buồn nản và thắc mắc với cái ý nghĩ ấy hơn là vì mất Liên một cách đột ngột. Hắn cho lấy Liên là một sự tự nhiên phải đến, cho nên để nó đến sớm chừng nào hay chừng nấy. Dùng dằng gì nữa, yêu sớm một người đàn bà và yêu họ mãi mãi vẫn là việc nên làm. Ngày nay cơ sự đã ra nông nỗi này, hắn lại nghĩ khác. Liên về với Tuấn do bởi trong quá khứ đã có những động lực thúc đẩy Liên lấy

chồng sớm hơn cả ý định lấy vợ sớm của hắn. Chẳng qua, hắn không đón đúng thời cơ ; cũng như một sách lược chính trị dầu thần diệu đến đâu vẫn thất bại vì không có những chiếc gai ăn khớp với xu trào của quần chúng.

Song sự việc đâu phải đơn giản và qua đi một cách dễ dàng đến thế. Hắn vẫn còn nhớ cái phút bàng hoàng đến nỗi mặt hắn phải đờ đẫn, ngây ngô đi một lúc. Hắn vốn tính ghét ai quan trọng hóa một vấn đề gì trong cuộc sống, nên hắn không thừa nhận một tiếng sét, hoặc một nhác búa — theo nghĩa bóng — đã dám nổ, hoặc dán xuống đầu hắn, kể cả chuyện lấy vợ hụt của hắn trong kỳ nghỉ phép này. Có lẽ đúng phần nào, Thi đã lấy lại bình tĩnh một cách rất dễ dàng. Trong đầu hắn mang máng hai tiếng tự trọng mà nghĩa của nó là chiến đấu để lập lại sự bình thường trong tình cảm của mình. Lúc ấy hắn chỉ thốt ra : « A !... ra Tuấn ! »

Cố nhiên không phải vì Tuấn chỉ là bạn của hắn mà thôi đâu ; đó còn là một sự thông cảm khó tỏ bày !

Khi Thi từ giã Liên, tàu bay địch quần khắp làng. Nhìn máy bay, nghĩ đến Liên lấy Tuấn, hắn bật cười. Môi trên của hắn dài ra, các sớ thịt nơi mặt săn lại, vết sẹo ở thái dương kéo xệch đuôi con mắt bên phải trụp xuống. Những nét tương phản trên mặt hắn không biết có diễn tả đúng cái cười của hắn không ? Song nếu có người nào gặp hắn lúc ấy, chắc họ nghĩ rằng hắn đang nhăn nhó, dằn vặt hoặc cãu nhàu với riêng hắn về một việc gì đây. Hắn nhớ đến cái đêm nằm bên Tuấn cách đây ba tháng ở đại đội Tuấn. Với một giọng thiết tha mãnh liệt, Tuấn nói về đàn bà suốt cả đêm. Có chỗ giọng nói của Tuấn bệu xuống làm hắn có cảm tưởng như nghe một đứa trẻ vừa rời khỏi giường bệnh, háu nói những thức ăn ngon. Câu chuyện dài, đứt đoạn, lộn xộn, không đầu không đuôi của đêm hôm đó hầu hết chỉ lôi hắn vào những thèm muốn, ước ao, hoặc điên cuồng vì những ảo giác. Sáng hôm sau, hắn đã quên đi một số khá nhiều. Đó cũng là điều may mắn cho hắn ! Ngoại trừ những lời thú thật chân thành, tha thiết đến tội nghiệp của Tuấn mà đến nay hắn vẫn như còn nghe rõ bên tai : Đêm đó, một đêm có trăng nhưng trời lại muốn ủ giông. Không khí nồng, oi ả lúc đầu. Về sau, khí trời mát mẻ nhờ một cơn mưa lớn. Trong gian

nhà thờ họ không đèn đuốc, tối om và vắng lặng. Tuấn nằm nghiêng trên một bộ ván gỗ mỏng, lấy tay làm gối kế bên Thi. Gã tỉ tê như một kẻ xưng tội :

— Thi ơi ! Đến mùa đông này tao phải đi theo chiến dịch H.D. Trước khi lên đường, tao chỉ băn khoăn có một nỗi là tao chưa hiểu gì về đàn và cả. Đàn bà là cái gì nếu không phải là một thế giới sâu kín bí mật và kỳ ảo. Cái gì ở họ cũng có thể khích động được tao, cũng có thể bao hàm một ý nghĩa lạ lùng, hoặc một cảm giác mà tao tưởng tượng cũng đủ đắm đuối rồi. Này xê lại đây tao hỏi : đàn bà có xem quý cái bàn tay của họ như mình đã nghĩ không nhỉ ?

Tuấn nói xong, ngừng lại một tí rồi ngẩng lên cho ánh trăng rọi vào mặt :

— Mày có biết xem tướng không ? Mày thấy khí sắc tao thế nào ? Có báo hiệu một sự chẳng may trong lần xuất trận sắp tới ? Tao chẳng cần gì hết, cũng chẳng cần được ai để ý cất nhắc bằng một người đàn bà. Vâng, đúng thế ; cố nhiên tổ quốc là trên hết, nhưng giả thử tổ quốc không có đàn bà thì sao ? Mày có chạy sang một tổ quốc khác để nhận làm tổ quốc của mình không ?

Tao nói quá... Tao điên rồi, xin lỗi mày. Tao đã động đến cái thiêng liêng chung mà chính cái ấy đã giữ được tinh thần chiến đấu của tao trong mấy năm nay. »

Tuấn chồm dậy liền sau khi nói xong, gần như gã cố lánh mặt Thi sau những lời bộc lộ ấy. Gã xỏ chân vào đôi giép cao su, kéo lê lẹp xẹp ra sân. Thi có cảm tưởng rằng Tuấn đang trần truồng xô cửa bước đi. Bóng gã ngã ra sân, dài thượt, đụng phải khóm lài lác đác những hoa trắng ở hàng đậu gần đường. Cái hình ảnh ấy không hiểu sao lại đập vào trí Thi làm cho hắn nhớ dai và mỗi lần nghĩ đến, hắn lại sợ bóng hắn trong những đêm khuya cũng dài thườn thượt, nhất là bóng chiếc đầu mất hẳn trong bụi câu hay một hàng chè vảy ốc.

Một lát sau Tuấn trở vào, gã đẩy hắng mấy cái rồi nằm sấp xuống phản, cằm gác trên băng đạn tiểu liên, mắt đăm đăm ngoài trời. Qua ánh trăng dọi chếch vào cửa, Thi thấy Tuấn như già đi nhiều lắm. Hai má gã râu mọc xanh, tóc gã rối và cứng, môi dưới hơi trễ ra, trán xếp lại. Thi đoán gã đang cương quyết trong một dự tính gì đây ? Thình lình gã quay lại hỏi Thi :

— Đàn bà chắc họ thường nghĩ đến mãnh lực của sắc đẹp. Có lẽ đó là một thứ khí giới làm cho họ trở nên thông minh và bình tĩnh hơn mình. Nếu ta tránh nhìn họ, ta có khỏi bị những tình cảm yếu đuối lôi cuốn không ?

Không thấy Thi trả lời, Tuấn lại tiếp :

— Chức vụ đại đội trưởng cùng mấy cái huy chương anh dũng của tao thì quyến rũ được họ rồi đấy. Nhưng liệu có khác gì mấy cái đồ nữ trang trong tủ kính nhỉ ?

Tuấn lấy chân hất nhẹ vào đầu gối Thi một cái :

— Mày ! Tại sao không thấy mày trả lời ? Không lẽ tao cứ sống cô độc như thế này mãi ư ? Mày, Thi ? Tao lớn hơn mày bảy tuổi chứ ? Thực tế nó sẽ ra sao khi có một người vợ xinh tươi ở hậu

phương chờ mình từ tiền tuyến trở về ?

Thi định mở miệng nói hình ảnh ấy đẹp thì Tuấn càu nhàu :

— Rắc rối thực, tao thấy chẳng ra sao cả. Chỉ tập cho người đàn bà biết một lần khóc chồng thôi ! Chứ rồi cũng không đi đến đâu...

Tuấn ngáp một cái thực dài, mồm méo xệch qua một bên, gã nói u ơ trong miệng :

— Thôi mặc... chẳng thà tao không yêu chứ tao không thể sống với những bộ mặt ngơm ngớp chờ hội ý, hội báo công việc. Cố nhiên không thể hội báo tình yêu nhưng có thể hội ý tình yêu được chứ ! Ừ, không thể sống thiếu một giấc mộng yêu đương. Mày có thường ước ao sẽ yêu hoặc được yêu không ?

Tuấn ngừng lại, hắn ngẫm nghĩ giây lát rồi nói, không cần Thi trả lời :

— Tao cho đau khổ vì yêu cũng là một hình thái thúc đẩy sức sống, chứ thiếu tình yêu thì... gày mòn...

Lần này, Tuấn câm bặt đi một lúc lâu. Gian nhà vắng lặng. Thi nghe rõ tiếng mạch máu nhảy dưới lỗ tai như tiếng chày giã gạo ở đâu xa tít dìu dặt đưa về.

Sự im lặng cứ thế kéo dài giữa hai người cho đến khi có tiếng chân người đi đạp nước khuya, Tuấn mới nói :

— Họ cũng chẳng ngủ nhưng cái thao thức của họ thiết thực hơn mình nhiều... Có gì xấu không mày ? Dầu sao tao cũng chỉ nói trong đêm nay thôi. Mày nghe đừng nghĩ rằng tao mất tinh thần nhé. Không ! Hôm nay là hôm nay, ngày mai ở mặt trận là khác xa rồi. Tao cũng vẫn là con hùm xám của trung đoàn, không một cậu công nông nào vượt tao được.

Tao tin rằng công việc của rạng ngày mai lại sẽ làm tao quên. Nếu có chăng thì tối, khuya, tao mới sống lục đục với những ý nghĩ ấy như sống với một tình nhân. Mày cũng cấm tao nốt ư ?

Nói xong, Tuấn cười thoải mái. Lúc ấy Thi buồn ngủ quá không nghe thêm được tiếng nào nữa.

Đến bây giờ, nghĩ lại những điều bộc lộ, Thi không biết phải nên kết luận như thế nào ? Trong tâm tư, hắn cũng không rõ đã có những dấu hiệu gì chứng tỏ hắn thương hay ghét Tuấn. Hắn chỉ biết chắc chắn Tuấn lấy Liên trước khi quen biết nhau. Rõ ràng hai người đều khao khát và cùng chờ đợi. Họ gặp nhau như thế thì thật ở trên đời này không có sự ngẫu nhiên nào lý thú hơn. Tình yêu trong chiến tranh là thế ; họ tha thiết sống, tha thiết hưởng thụ. Họ chờ đợi những mối tình do sự tình cờ đem lại ; mà sự tình cờ trong chiến tranh thì thật không hiếm, kể cả sự tình cờ của một quả bom, một viên đạn lạc, một nạn đói, một căn bệnh hiểm nghèo hay một thiên tai v.v...

Họ là những người ở trong tuổi hưởng thụ và tạo tác lại sống đúng lúc mà cuộc đời đã dành cho họ toàn những phá hoại, những thương đau, những thí nghiệm và hậu quả những bệnh ấu trĩ nữa.

Hắn nhận thấy con người trở nên hèn mọn và nhỏ nhoi. Con người biến thành công cụ để khai thác, để dọ đường ở mặt trận, ở hậu phương hay... ở trên một chuyến tàu. Nhất là người đàn bà, họ là cái gì nếu tâm hồn họ trở nên cao siêu. Chiến tranh đã kéo nhân loại xuống quá giá trị của một con người. Họ không

được hưởng thụ nên lại càng đòi hỏi, tìm kiếm để được hưởng thụ dầu phải hành động trong tội ác. Hình ảnh người con gái ngồi co rúm, xơ xác, nhưng tâm hồn vẫn thao láo nghe ngóng trong một toa xe lửa lù mù, tồi tàn, cồ lỗ, hôi hám phải chăng là một tiêu đề đã khơi dẫn Thi đến một hành động chim chuột mà tchính hắn cũng cảm thấy làm như thế còn lỗi bại hơn vào một nhà chứa.

Thi trở mình định ngồi thẳng dậy thì hắn thấy trong bàn tay của hắn một bàn tay khác đang cố rút khẽ ra. Một lần nữa hắn hoảng hốt. Hắn a lên trong tâm trí hắn : « Trời ơi ! Lại có thể là một bàn tay mềm mại được ư? Tôi đã làm gì ? Tôi ngủ hay thức. Quái chỗ nào cũng có đàn bà ! »

Rồi hắn cố nhớ, cố hết sức nhớ để biết những gì đã qua khi hắn mơ màng...

Rặng cây xa thấy thoáng chạy theo đoàn tàu. Chân trời hừng sáng. Ở cửa sổ đã có một người không ngủ đứng nhìn ra. Ngọn đèn độc nhất của toa xe chỉ còn để lại một chấm đỏ trên tim đèn. Thi đứng vậy bỡ ngỡ và chẳng dám nhìn người hắn nắm tay. Trong trí hắn in hình cặp mắt sâu, nghiêm khắc của người con gái ngồi bên hắn. Hắn xây lưng chênh chếch, mặt hướng ra phía cửa để tránh khỏi tò mò theo dõi những cử động của nàng. Hắn cố tìm trong cái bước đi của thời gian một ý nghĩa mới cho hắn, cho tất cả đồng loại về cuộc sống hoặc chọn một hình ảnh nhất định để quên những cái gì hắn đã làm trong đêm vừa rồi. Trong khi đó, những cánh cửa tàu được kéo lên dần, ánh sáng tuôn vào nhiều hơn. Hắn tự thấy không thể là một bức tượng mãi. Nhưng bây giờ làm thế nào lấy lại tự nhiên. Hắn không có thói quen tự dối mình bằng nghĩ rằng không có việc gì xảy ra trong nửa đêm về sáng cả.

Mới hay lần đầu tiên hắn không khao khát ánh sáng. Hình như tạo hóa đã chia đêm ngày cho những sinh vật trên trái đất này, mà hắn là một trong những sinh vật đã từ bỏ ngày để sống nhiều về ban đêm. Vì vậy ánh sáng mặt trời không phải là sự cần thiết mà hắn đang chờ đợi. Hắn tự nghĩ thầm như thế và cố nhiên hắn lấy làm ngượng ngập vô cùng.

Ánh nắng đã bắt đầu chụp lấy các ngọn dừa. Đám mây đen rải những hạt mưa trong đêm vừa rồi hình như bị tia sáng đuổi dồn về một phía. Mặt trời lồ lộ, một khối lửa chao động dữ dội đang cố nhoi lên để gặp đoàn tàu. Một vài tiếng xì xào khiến Thi bắt đầu cảm thấy lo sợ. Hành khách trong toa đang thu xếp hành lý vào cả trong hai tay. Mấy gã trong quân đội đã chực sẵn ở cửa. Không khí chuẩn bị tác chiến cũng căng thẳng đến như thế là cùng. Thi luồn theo cơ hội ấy ra đứng đầu toa.

Riêng người con gái ngồi sát bên Thi,

nàng nhón chân, với tay lấy cái bị bằng lát cũ kỹ rồi ôm vào ngực. Nàng cử động một cách bình tĩnh. Hình như mọi sự xao động ở trên tàu đều ở ngoài những ý nghĩ của nàng. Chỗ nàng ngồi đêm hôm vừa rồi lần trong bóng tối của một phòng vệ sinh. Chiếc cửa gần đấy lại đóng kín vì cái chốt bị hỏng, kẹt cứng dưới một thanh sắt ngang. Bây giờ Thi mới nhận rõ thân hình thon thon và khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng. Nàng đẹp và trang nhã. Môi nàng đỏ, khép kín, đôi mắt buồn buồn và nếu như không nghiêm khắc thì dịu dàng và quyến rũ biết bao. Thi thấy bâng khuâng mãi vì tại sao nàng lại đột nhiên đẹp, làm đảo lộn những điều ghi nhận của hắn về nàng, và trông kỹ dáng dấp, cử chỉ quá thản nhiên ấy, lại phảng phất một vẻ gì tuyệt vọng.

Thi nghĩ thầm : « Nàng tự nhiên quá đến khó hiểu. Đối với nàng hình như chẳng có việc gì đến trong đêm vừa rồi. Nàng rút tay ra khỏi tay mình như kẻ bừng mắt dậy sau một giấc ngủ khỏe khoắn và yên lành. Vậy nàng là thế nào ? Còn chiếc bị lác kia, trong ấy đựng những gì mà nàng ôm khư khư vào người ?

Khi tàu chạy quá T.Q một quãng đường khá xa thì bỗng ngừng lại. Tiếng máy hãm rít lên đến ớn cả người. Hành khách nhốn nháo. Một cảnh hỗn độn xảy ra : người nào cũng muốn nhảy ra cửa trước với đồ hành lý nơi tay. Mà vì thế các cửa gần như bị bít cứng. Tình trạng lại khẩn cấp và ồ ạt hơn nữa khi tiếng còi báo động the thé nổi lên và chiếc đầu máy chạy xa dần. Đúng ! sự lo sợ của mọi người đã đến. Trong chiến tranh, chờ đợi tai nạn thì sẽ có tai nạn ! Không phải đó là một điều khó cắt nghĩa nhưng vì tai nạn đến với con người kể cả từng giờ từng phút.

Hai chiếc phi cơ phóng pháo bay quanh một vòng. Những toa tàu lúc đó nằm lì ra giữa một cánh đồng rộng. Người ở hai bên hông tàu đổ ra tua tủa. Họ lội bì bõm xuống ruộng nước, xéo cả lên những cây mạ mới cấy. Có người sợ hãi quá đã rúc đầu vào một bờ dứa, nom rõ gần hết cái mông đít với chiếc quần trắng phêu. Có người nhảy xuống một ao nước tuy trong tay còn một đứa bé. Nhưng, tuyệt nhiên không có bóng dáng một gã bộ đội nào. Có lẽ họ đã nhảy khi tàu còn chạy nhanh. Thật đáng thương ! Gần năm năm chiến tranh, mỗi lần có một vụ đánh phá thì phần đông đều chọn chỗ ẩn chỉ cốt che dấu tầm mắt đối phương chứ không quan tâm đến tầm đạn.

Chiếc phi cơ thứ nhất đã bắt đầu chúi xuống. Tiếng rú của động cơ và cánh quạt có lẽ khủng khiếp hơn cả súng nổ. Lúc ấy, Thi trụt xuống một mương nước con, và mỗi lần máy bay quần lấy đích, Thi lại bò đi xa được một quãng. Cứ thế hắn ra ngoài vòng hoạt động của máy bay.

Nửa giờ sau cuộc bắn phá giao thông, cuộc sống của những người chung quanh đó lại trở lại bình thường. Trong một quán nhỏ ồn ào, tấp nập người ra vô ăn bánh lá, Thi được tin nhiều người chết và bị thương, đa số là đàn bà con trẻ ; trong ấy có người con gái ngồi bên hắn. Nàng tên là Hoàng, bị hai viên đạn 12 ly 7 xuyên qua ngực.

Thi thở ra :

— Thế là hết một kiếp người. Chiến tranh đã cướp mất của nàng những ngày thật đáng kể còn lại. Hắn nghĩ không hiểu nàng có ao ước điều gì trước khi nhắm mắt ? Bất giác, Thi nhớ đến cái băn khoăn của Tuấn trước ngày theo chiến dịch. Hắn nhớ đến cả Liên, đến bức thư hẹn hò của nàng đã gởi cho hắn trước ngày gặp Tuấn không đầy hai tháng. Hắn bỗng bật cười, môi trên của hắn lại kéo dài ra, mặt hắn nhăn nhở giống như cái ngày hắn từ giã làng sau đám cưới của Liên.

Thi ngồi thừ trong quán cho đến khị hắn gặp người khách ghé mua ba chiếc bánh cuối cùng. Hắn không hiểu có sự gì xui khiến bắt hắn ngồi lâu đến thế, vì sau đó thi hài của người con gái trên xe được đưa ngang quán. Hắn tự hỏi linh hồn nàng có là nguyên nhân của sự tình cờ kỳ lạ này chăng ? Tự nhiên hắn nghĩ đến Platon và Leibnitg trong quan niệm về sự cấu tạo linh hồn. Platon thì có vẻ hoang đường còn Leibnitg thì gần với quan niệm mô, chất xung hợp để tạo thành bản tính. Mà bản tính tự nhiên đó sao lại có thể coi là linh hồn ! Hắn lẩm bẩm : thế thì cũng đi vào vòng luẩn quẩn của siêu hình. Nhưng thôi, cứ tin linh hồn là một cơ cấu bất tử đi để có sự ràng buộc giữa mọi người trong xã hội. Và khi linh hồn của người chết còn lưu lại trong ký ức của người sống thì cái giây liên lạc về tâm lý ấy ắt hẳn sẽ đem lại nhiều thú vị. Trong chiến tranh, con người hãy nhìn nhau bằng sự thừa nhận linh hồn của mỗi người thì cái trách nhiệm lo toàn cho nhau sẽ được nâng cao lên một bực. Có lẽ nhờ thế con người đỡ thấy tủi cho thân phận mình khi chứng kiến một cảnh chết chóc.

Thi vùng đứng dậy, hắn hấp tấp mang chiếc xắc bố vào vai chạy theo thi hài của người con gái. Giờ đây hắn mới thấy ngậm ngùi thương xót như đưa một kẻ thân thuộc đã khổ vì mình về nơi an nghỉ cuối cùng.

Hắn phải tốn sức đi thật nhanh, có chặng phải chạy lúp xúp. Thỉnh thoảng hắn trật cái mũ vải khỏi đầu xua đuổi một số ruồi nhặng đeo trên chân nàng. Máu của nàng đen thẫm lại, dán chặt những ngón chân vào nhau. Mùi tanh của máu thoang thoảng đưa lên mũi, nhưng hắn không thấy khó chịu cho lắm. Hắn nhìn đôi bàn chân nhỏ, đầy dặn trắng bệch nổi những đường gân xanh ở gót mà lòng thấy uất tức vô cùng. Hắn nghĩ lại đêm hôm vừa rồi, nàng đã dấu chúng nó trong vạt áo dài. Còn chiếc bị lát nhỏ của nàng thì được đội cứu thương treo ở cán băng-ca gồm có một quyển sách và một chiếc quần lãnh đen. Bây giờ nàng đã chết. Những thứ ấy phơi trần trước mắt Thi. Hắn cảm thấy lạ lùng và đau thương. Hắn thấy chúng nó không là cái gì nữa, nhưng lại làm hắn xúc động dai dẳng và cứ làm hắn rầu rầu với ý nghĩ xa cách, hối hận.

Thi theo thi hài của người con gái ấy cho đến BS. Một số thân nhân, kể cả vài người trong gia đình bên chồng nàng được tin ra đón. Thi dành từ giã sau khi đã an ủi một vài người, nhưng chính thực hắn hiểu rằng cái chết của nàng không làm họ tuyệt vọng hoặc ảo não vì thương cảm. Hắn biết thêm nàng đã có một đời chồng. Người chồng ấy chỉ ở với nàng trọn vẹn trong một mùa đông kể từ ngày cưới và đã bỏ mình vì một quả bom nổ chậm dưới chân một cầu sắt. Còn quyển sách được xếp theo với chiếc quần lãnh đen là một tập bài

ca, viết toàn lời, không có ký âm của người chồng. Trang đầu có một chiếc ảnh khổ rất nhỏ chụp chung hai người khi mới cưới. Không biết vì nàng thích ca một mình để gây lại cái âm hưởng những ngày sống bên chồng hay đó là bút tích duy nhất của một đời chồng.

Thi về đến cơ quan hơn mười giờ sáng. Hắn chào người trưởng đơn vị rồi đi thẳng đến phòng cấp dưỡng để ghi phần ăn. Lúc đó, ở văn phòng còn rộn lên tiếng máy đánh chữ và tiếng tranh luận của một số cán bộ chính trị trong vấn đề văn phong và học phong. Nhìn vào họ, người nào trong đầu cũng có vẻ chứa chấp toàn những vấn đề phức tạp, cao xa. Sự thật thì họ học vấn đề này đã non ba tháng gồm có mấy đề mục chính : cách viết, cách báo cáo, cách xem văn kiện. Họ có vẻ nhàn tản lắm. Cứ xem cái gã đang viết đề án hoặc làm báo cáo đã mặc cho cây bút lăn xuống gậm bàn để được nói xen vào thì đủ. Đến nhà ăn, Thi gặp mấy đội viên hỏa thực đang xây một vòng chung quanh một chén nước mắm đầy tóp mỡ dòn và lớp ngóp mấy miếng thịt hon để cùng tán với nhau về lập trường nấu nướng. Họ thảo luận trôi chảy và lý thú lắm vì trong tay mỗi người có một nắm cơm cháy vàng rụm. Thi nuốt nước miếng đánh ực một cái. Hắn thấy đói ghê gớm nên cũng muốn tham gia bồ túc cho lập trường của họ được rõ ràng và dứt khoát hơn... Song hắn chỉ mỉm cười với ý nghĩ ấy.

Khi Thi trở về chỗ làm việc, gã liên lạc đã đón hắn :

— Thưa anh hồi sáng có phi cơ bắn phá ở nhà ga ?

— Không, ở chuyến tàu tôi đi. Có nhiều người chết trong đó có cô Hoàng.

— Trời ! thật ư ? Gã liên lạc trẻ tuổi la lên.

— Thế nào ? Bà con với anh ?

— Dạ không...

Thi trừng mắt hỏi :

— Thì sao ?

Gã liên lạc trẻ tuổi lúng túng một lúc lâu mới nói được.

— Dạ ngày mai em về phép...

Thi buông xuôi hai tay, đầu hắn ngoẻo qua một bên làm bộ chế diễu.

— Ò ! chả quan hệ gì cả. Anh đừng đùa quá trớn như thế chứ !

— Dạ thưa anh sẽ không có tàu ạ.

Gã liên lạc mặt bần thần lui về ngồi ở chiếc bàn điện thoại kê sát cánh cửa ra vào. Cùng lúc đó, giấy nghỉ phép đưa ký đã về. Thi đọc hàng chữ ghi lý do, lầm bầm :

— Lại xây dựng gia đình !

Gã liên lạc thẹn thò, ấp úng trả lời :

— Em chẳng có quyết định gì. Cái đó tại thầy mẹ em.

— Ừ gọn rồi. Tôi có phê bình gì đâu.

Gã liên lạc bỏ ra ngoài, tay cầm giấy phép, lòng y thấy rưng rưng. Trong phòng giấy chỉ còn lại mình Thi. Hắn ôm đầu mệt mỏi. Nhà bên cạnh, tiếng xay lúa đều đều, buồn bã vang lên nghe như tiếng tàu hỏa chạy mãi trong đêm dài cô tịch.

14/9/1958

NGUYỄN-PHÚC

DẶNG MÁ THƯƠNG

L.T.G.— Dưới đây là bài thơ tặng mẹ, đề ở đầu tập quyển « Thổ ngơi Đồng-nai » một tập sưu tầm ca dao địa phương. Xin nói rõ thế để bạn đọc khỏi ngạc nhiên về vài chi tiết có phần bí hiểm trong đó.

Từ đấy thời gian, dậy tiếng ru,
Ừ... ơ lời má, giọng trầm phù.
Má ơi hồn đất bao năm thiếp,
Bỗng chốc trưa nay vắng, tít mù...

★

Kẽo kẹt xà nhà tiếng võng đưa,
Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa:
Thổ ngơi thơm phức; hồn ma cũ.
Lòng rộn vui mà mắt lệ mờ.

★

Ngày qua, năm, tháng, cứ trôi xuôi,
Giấy lát nhớ xưa thoắt ngậm ngùi,
Những ngỡ lửa tàn trên bếp lạnh,
Hay đâu than ngún dưới tro vùi.

★

« Ngược dòng năm tháng » mấy hàng nầy,
« Những áng tuyết xưa » gợi lại đây,
Gởi cả muôn thương cùng vạn nhớ
Tản-uyên đất má thăm vơi đầy.

Lái-thiêu, 16 tháng 3 năm 1950

BÌNH-NGUYÊN-LỘC

(Thổ-ngơi Đồng-nai, quyển thượng : Ca dao địa phương Nam-Việt)...

HUYỀN CÁ

Kính dâng từ mẫu.

Như biển rộng, như mây trời man mác:
Lòng mẹ hiền bàng bạc năm muôn năm!
Cả Thời Gian ngây ngất điệu thanh cầm,
Toàn Tạo Vật say đầm hương trìu mến,
Bởi lòng mẹ là Xuân-Thu lưu luyến,
Là tình thương ấm áp bốc lên hương.
Đây niềm mơ vô tận, mộng vô lường,
Đây trái ngọt và hoa thơm phẩm tiết!

Đêm mông lung thuyền đơn trong gió thét,
Mẹ làm đèn dắt nẻo cho con đi;
Miền tuyết nê mưa gió gội lâm li,
Mẹ làm lửa sưởi lòng con ấm cúng;
Giữa sa mạc cát ngời lên bóng nắng,
Mẹ cho con suối mát nước trong ngần.
Những chiều thu, mẹ làm áng mây Hàng
Cho lữ thứ con tường nơi mẹ ở.
Đường truân chiên cát lầm cùng bụi khô,
Dịu lòng đau, mấy độ thoảng mùi huyền.
Mẹ hiền ơi! tôn kính! mẹ yêu hiền!
Con nhỏ dại tìm về bến áo mẹ.
Tóc con đây! tóc sầu vấy huyết lệ,
Mong bàn tay từ ái vuốt cho xanh.
Môi con khô, hoa héo ở đầu cành,
Mẹ cười đi cho hoa nồng thắm lại!
Lòng con khát vì lửa gai tê tái,
Mẹ nói lên cho con uống lời êm!
Phổi con khô, hơi mành như tơ mềm,
Mẹ ơi mẹ! con tìm hơi mẹ thở.

Đêm nay đây, con quì châu lệ nhỏ,
Tóc nghiêng sầu, hướng về mẹ xa xăm...
Ôi mẹ hiền! mẹ muôn thuở từ tâm!
Lòng biển rộng thương con không bờ bến!
Toàn thân con run lên vì xao xuyến,
Vì nhớ thương, vì mong mỏi khôn nguôi!
Mẹ hiền ơi! mẹ quí của con ơi!
Xin ấp ủ lấy bóng con khờ dại!

NGỤY-TÀN-THƯƠNG

MÁ

« Má ơi ! con muốn điên rồi,
« Má còn trông đứng đợi ngồi mà chi ! »

★

Con nhìn Má, Má có thấy con không,
hỡi Má ?

Đêm khuya rồi, chỉ có Má, con thôi.
Nhà ngủ yên, và cả thế giới loi nhoi
Cũng thiêm thiếp với đất trời mệt mỏi.

Con nhìn Má, Má gầy nhiều, Má hỡi,
Xương, gần này rõ rệt ở tay chân.
Má lại đây, Má, cho con Má nhìn gần,
Coi tóc Má bạc nhiều hay bạc ít.

Lạng ngắm Má, con bồi hồi từng nét...
Cả lòng con ngào nghẹn lúc này đây.
Em chết mang cả cháu ngoại đợi từ ngày...
Má đã khóc bao lần trong đụn lửa ?
Hàn Má đã dàu dàu như lá úa,
Nhưng khi ngồi chụp ảnh gởi ra con,
Má bảo : « Mình cố vui, vui nữa, vui hơn
Cho nó tưởng mình vui, không buồn nữa... »

Con không buồn nữa, Má ơi ! con hứa
Không buồn đâu, vì Má lặng trong,
Vì Má ngồi yên, mà Má vững như trồng,
Ngồi trèo mây, tay vịn thành ghế sắt.

(Chiếc ghế sắt mà Thầy sơn dầu hắc,
Từ khi con lên bảy, biết phân li...,
Chiếc ghế phiêu lưu, từ Cần-đước xuống ghe đi
Cần-giờ, lên Bến-gỗ,
Rồi lên An-hảo, rồi lại lên tàu ra Mường-mán,
rồi lội bộ
Về Tam-tân.
Giặc bố, chạy vào rừng.
Giặc bố già thì chạy lung tung,
Mà mặt ghế vẫn bình, chân chưa lảo đảo!.

★

Má đã khổ vì Thầy bị đày đi Lao-bảo,
Má có đau vì nhà nát, quê lìa,
Má còn sầu vì con ở đâu kia,
Má mới khóc vì con, cháu chết...
Và nước . . .
Đời má dường mất hết,
Nhưng mà giờ, Má ngồi đó, vững vàng,
Nhìn chẳng thấy con, mà vẫn tin rằng :
« Rồi Má gặp con, con gặp Má,
Và rồi nắm tay con, Má sẽ ve vuốt má
Của dâu hiền yên lặng đứng bên con ».

★

Má ngồi yên, Má trong lặng nhìn con,
Con rung động nhận cái nhìn của Má.

★

« Ủ ơ...
« Vì dầu con Má có sao,
« Có điên, có dại, Má nào bỏ thương... »

Bờ sông Trà-khúc, tỏ Xinh-xinh, lg 45 ph đêm
21-10-1949, khi nhận được ảnh mẹ già từ
Hàm-tân khói lửa gởi tay ra.

(Có những bài thơ...)

BÚT MÁU

Vũ-Hạnh

LƯƠNG-SINH người ở Mân-Châu, con nhà thế phiệt, từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh đĩnh ngộ. Lên tám tuổi đã giỏi thơ ca, từ phú, ai cũng ca ngợi là bậc thần đồng. Lên mười tuổi có bài « Tơ liễu trong trăng » được tán thưởng nhất là mấy câu :

« Trăng cũ phô đầu bạc
Liễu tơ chuốt mi dài
Trăng, liễu xa ngàn dặm
Một tối hẹn vườn ai. »

Lúc Sinh mười hai tuổi, gặp phải thời loạn, cha mẹ đều bị giặc giết. Sinh sầu thảm trải mấy tháng liền, mất ăn mất ngủ, lại thêm căn tạng yếu đuối nên lâm bệnh nặng, thần kinh hốt hoảng, luôn luôn giật mình, mơ thấy toàn máu lửa, sọ xương. May có người cậu ruột đem về nuôi, săn sóc đêm ngày. Sau nhờ đạo sĩ họ Trình ở núi Hoa-Dương cho bài thuốc Hi-di Ninh-thần dùng toàn não tủy một giống Bạch-hầu trong núi Nga-lâm, uống thuần với nước viễn chí nên được lành bệnh, tâm thái trở lại an tĩnh, điều hòa. Đến mười lăm tuổi, Sinh được cậu gởi đến Lã-Công vốn là một quan Thủ hiệu bị bãi chức từ lâu ở nhà mở trường dạy võ. Sinh học rất chóng, chỉ độ nửa năm đã làu thông cả mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã. Lã-Công rất quí mến, một hôm lấy thanh bảo kiếm của mấy đời họ Lã đã lập công danh trao cho Sinh luyện tập. Giữa buổi, Sinh đang múa kiếm bỗng dừng lại, đưa kiếm lên ngửi rồi nhăn mày, kêu lên :

— Máu người tanh quá !

Đoạn đem thanh kiếm nộp trả, cáo từ mà về.

Đến nhà, lạy cậu thưa lên :

— Võ nghệ không phải là con đường mà cháu nên theo. Máu người chảy trong cơ thể thực vô cùng quý giá nhưng dính ra ở ngoài lại hết sức hôi tanh. Kẻ cầm lưỡi dao trọn đời sao cho khỏi đổ máu người. Điều tàn nhẫn ấy cháu không làm được.

Cậu giận lắm, bảo rằng :

— Mày thực là cạn nghĩ, phụ cả lòng ta trông đợi lâu nay. Đành rằng máu người là quý nhưng để máu ấy chảy trong đầu bọn ác nhân thì càng tác quái cho loài người, lại càng có tội !

Lương-Sinh cúi thưa :

— Ai cũng cho mình là phải, lấy đâu để nói xấu tốt cho rõ ràng. Làm điều thiện một cách hăm hở mà không ngờ rằng đây là điều ác lại càng có tội vì đã tự lừa mình, lừa người. Nghĩ binh đao là nghề dứt khoát, cháu chưa dứt khoát trong người, tự thấy không dám theo đuổi.

Cậu nói :

— Hoài nghi như thế, e rồi không khéo mày tự mâu thuẫn với mày. Không phân biệt được giả, chân, thiện, ác làm sao có thể tự tin mà sống ? Xã hội chưa đâu có thể tự gọi là chốn thiên đường, bên cạnh nhà trường còn có nhà ngục, bên cạnh ngòi bút còn có lưỡi đao, không thể chỉ thấy một chiều, chỉ yêu một cạnh. Mà vị tất nhà trường đã không tội lỗi, ngòi bút đã không oan khiên ! Ta không có con, từ lâu kỳ vọng nơi mày, nhân thời tao loạn mong cho mày múa gươm trận địa, hơn là múa bút rừng văn. Bây giờ thế thôi là hết. Từ nay tùy chí mày định lấy đời mày, ta không nói nữa.

Từ đấy, Lương-Sinh sẵn có nếp nhà phú túc, chuyên nghề thơ văn, tiêu dao ngâm vịnh tháng ngày. Lời thơ càng đẹp, ý thơ càng sâu, tiếng đồn lan xa, lan rộng như sóng trên biển chiều nổi gió. Quan lệnh trấn mới đổi đến địa phương vốn là người hâm mộ văn chương cho vời Sinh đến, thấy Sinh tướng mạo khôi ngô trong lòng rất cảm mến, tiếp đãi hết sức trọng hậu. Sau đó, quan lệnh mượn mấy tập thi tuyển của Sinh trong một tháng trường, nhiều khi bỏ cả xử kiện để mà bình thơ. Khi quan giao trả, Sinh thấy sau những bài đắc ý nhất của mình đều có bài họa, văn từ tao nhã, ý tứ thâm trầm, nét chữ uyển chuyển, dưới đề : « Tuyết-Hồng tiện-nữ chuyết-họa. » Hỏi, biết được Tuyết-Hồng là con gái đầu lòng của quan lệnh. Theo lời nha lại tán tụng thì nàng là người tài sắc vẹn toàn, khiến Lương-Sinh đêm ngày tơ tưởng cứ thấy giai nhân chập chờn trong cơn mộng ảo. Càng ngày càng tương tư mê mệt tưởng như không có nàng thì không thể sống được. Nhiều lần lảng vảng cạnh hoa viên sau tư thất quan lệnh để nhìn cho được mặt Tuyết - Hồng nhưng chỉ thấy bóng hoa thấp thoáng sau rèm lá, lại càng mê mẩn tâm thần hơn nữa. Dịp đâu may mắn, Quan lệnh mời Sinh đến uống rượu và ngỏ ý muốn kén Sinh làm giai tế. Sinh mừng run người, tưởng có thể đội mái nhà mà bay lên. Bấy lâu ao ước người đẹp, bây giờ thế là thỏa nguyện.

Trong lễ hôn phối, Sinh mới nhìn rõ mặt Tuyết-Hồng : mặt nàng hơi gầy, mũi nàng hơi to, lưng nàng hơi cong. Sinh rất đỗi buồn lòng, song tự an ủi rằng chẳng qua là duyên số tự trời và nhan sắc nàng tuy kém nhưng tài thơ nàng khá cao cũng là một điều an ủi. Suốt tuần trăng mật, nhiều lần Sinh ép Tuyết-Hồng làm thơ xướng họa nhưng nàng đều chối từ. Hỏi sao ngày xưa thi tứ nàng dồi dào là thế mà bây giờ chẳng cho nghe được lời nào, thì nàng cúi đầu, ngập ngừng giây lâu mới đáp :

— Chàng kén thiếp để làm vợ đâu phải là để làm thơ. Đạo vợ là đạo lớn e rằng đem hết trí lực để chu toàn, chưa chắc đã trọn, đâu dám lấy chuyện thơ văn toan bề chểnh mảng. Dù chàng có ép nài, thiếp cũng đành cam chịu lỗi.

Đã thế, nhiều lần Sinh đọc thơ cho nàng nghe bảo nàng góp ý nàng cũng có vẻ hết sức dửng dưng. Sau cùng, Sinh dằm

nghi, nghĩ thầm rằng có lẽ những bài thơ họa ngày xưa không phải của nàng mà chính là của quan lệnh trấn. Nghĩ thầm chứ không nỡ nói mà cũng không dám nói vì Tuyết-Hồng mỗi khi giận dữ thường khóa chặt cửa buồng nằm riêng hai ba đêm liền không tiếp.

Càng ngày Sinh càng chán nản khôn khuây, ảo tưởng vỡ tan, Sinh tưởng chừng như tuyệt vọng tình đời. Thiếu hình ảnh giai nhân, cuộc sống tự nhiên cằn cỗi, y như nuốt hoàn thuốc đắng mà không có mật đường trợ vị. Nhân Tết nguyên đán, Tuyết-Hồng trở về thăm song thân, Sinh bèn thừa dịp xuân nhật, muốn noi gương Tử-Trường ngày xưa phiếm du sơn thủy, tiếp lấy cái sinh lực của muôn vẻ thiên nhiên, cho văn khí thêm phần phong phú, siêu dật.

Bước ra khỏi nhà, Sinh đi theo con đường hai bên cỏ non phơi phới, quanh co theo một dòng suối trong veo, lơ thơ bắc đôi nhịp cầu nho nhỏ, mơ màng lá đào rơi rắc mà vào chốn thiên thai. Xuân ý, xuân tình chứa chan trong cảnh sắc, màu trời như theo các giác quan đào dạt thấm vào mạch tủy khiến Sinh ngây ngất. Đi đã ba ngày mà không nghĩ đến đường về. Đi sáu ngày thì sực nhớ đến vợ nhà nhưng vợ ở cách xa đến sáu ngày đường nên cũng không còn sợ nàng giận dữ. Đi đến mười ngày thì tiền lưng muốn cạn, túi thơ chừng đầy. Chợt đến một miền có vẻ tiêu điều, dân cư thưa thớt. Sinh chán nản định quay về nhưng ruột đói, lưỡi khô bèn đi tìm một tửu quán nghỉ chân. Qua ba dặm đồng trơ trọi vẫn chưa thấy bóng một người để hỏi thăm nơi. Bỗng nghe phảng phất có tiếng trống, tiếng chiêng lẫn tiếng reo cười. Dò theo âm thanh vọng lại bước lần đến thì thấy một đám hội trước chùa, bèn vào một quán nhỏ ăn uống. Chủ quán cho biết là đã mấy năm rồi ở đây mới có một ngày hội lớn vì quan Khâm sai triều đình sắp về địa phương nên quan Tổng trấn họ Lý bày ra trò vui để dân chúng thỏa thuê ít bữa. Đang ngồi nhấm rượu lại nghe những tiếng hò hét rồi thấy đám người trước cửa rạt ra hai bên có vẻ hết sức sợ hãi. Từ xa tiến đến một chiếc kiệu hoa do bốn người khiêng và thêm chừng mười người lính hầu áo màu loè loẹt, tiền hô hậu ủng. Khi kiệu đến trước quán thì bị nghẹt người, dừng lại. Sinh ngước mắt lên nhìn thấy một khuôn mặt đàn bà tuyệt đẹp. Hỡi, biết là Lý-Duyên-Hương, con của quan Tổng trấn vùng nầy. Người đẹp nhìn thẳng về phía trước, mặt hơi vênh lên như không muốn nhìn thấy một ai quanh mình. Vẻ kiêu hãnh và nét sắc xảo của một khuôn mặt tươi hồng khiến Sinh nhìn ngây ngất tưởng như gặp tiên giáng trần, sửng sốt chiêm ngưỡng, tay cầm ly rượu buông rơi lúc nào không biết. Ly rượu chạm vào mặt bàn vỡ tan, tỏa hơi nồng ra bốn phía. Người ngọc nghiêng đầu liếc xuống, thấy vẻ mặt Sinh ngây nhìn, chợt hiểu, bỗng nhoẻn miệng cười. Nụ cười lộng lẫy như hé sáng cả một trời tình, Sinh lảo đảo đứng lên, không phải say vì rượu, trả tiền cho chủ quán rồi tiến về phía kiệu hoa. Người xem đã giãn, kiệu vào trong chùa. Sinh vội bước theo, cố quên rằng mình đã có vợ nhà.

Trong chùa chật ních những người. Phần đông đều mặc áo mùa xuân tươm tất nhưng vẻ mặt hốc hác nói lên rất nhiều đau khổ. Ai cũng cố gắng mà vui,

hình như không có dịp nào để vui hơn nữa. Lương-Sinh chen vào, nghe mùi mồ hôi xông lên khó thở nhưng gượng nghĩ rằng vẫn còn hương thơm của người dẹp đi qua sót lại phần nào. Khổ nhọc rất lâu, vào đến thềm trong thì đã thưa người. Thấy Sinh có vẻ nho nhã, người gác thềm để Sinh vào trong. Vào tận trong xa vẫn chưa gặp được người ngọc. Thoạt nhìn lên một bục cao thấy hương trầm nghi ngút, sực nức mùi thơm, Lý tiểu thơ đang cùng mấy vị tăng già đàm đạo, vẻ mặt hết sức thành kính. Lương-Sinh hậm hực đứng nhìn, tự giận mình từ xưa chẳng chịu thế phát qui y.

Một lát lâu, thấy Tiểu thơ quay vào bàn lễ, Sinh ngại nàng sẽ vội đi về nên bỗng nảy ra một ý. Lại gần biệt phòng bên cạnh sẵn nghiên bút và hoa tiên để khách thập phương đề vịnh, Sinh thảo phóng mấy câu :

« Lá gió sầu xuân, đưa đầy duyên
trời hẹn ước,
Tiên hoa gài mộng, vấn vương đền
Phật bâng khuâng
Động biếc, thoáng cười tiên nữ
Rêu xanh, ngần lối Lưu thần.
Mặt nước hồ im, xao động bốn mùa
sóng gió
Bóng đèm hang thẳm, long lanh một vẻ
giai nhân. »

Rồi bẻ một cành hoa kẹp vào. Khi Lý tiểu thơ lễ xong, khoan thai bước xuống thềm, mọi người đều sợ hãi rạt ra hai bên thì Lương-Sinh đi theo. Đến lúc nàng vừa lên kiệu, Sinh ném cành hoa lên chỗ nàng ngồi. Một lính hầu thoáng thấy, kêu lên :

— Có người ám hại Tiểu thơ !

Lập tức, hai, ba, rồi chín, mười lưỡi gươm vung lên một lượt, lính hầu vây lấy Lương-Sinh. Những người xem hội thất sắc lùi lại, dồn dập ép đầy vào nhau kêu la náo động. Lý Tiểu thơ ngồi trên kiệu, vén rèm che qua hai bên, không nói một lời, vẻ mặt hết sức kiêu kỳ. Lương - Sinh muốn tìm lời chống chế nhưng lính đã xông vào trói chàng.

Đôi tiếng thì thào ở trong đám đông :

— Anh ta chỉ ném có một cành hoa đấy thôi.

— Thế cũng đủ héo cuộc đời rồi !

— Qua dinh Tổng trấn không lấy nón là đã bay đầu, nói chi xúc phạm đến tiểu thơ vàng ngọc !

Lúc ấy Lương-Sinh mới sực nhớ rằng mình đã quên từ lâu mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã.

Về đến nha môn, lính dẫn Lương-Sinh nhốt vào trại giam rồi tâu trình lên Tổng-trấn. Sinh nằm trong bốn vách tường đá, nghĩ lại cuộc đời bằng phẳng của mình bấy lâu nay mà lòng rầu rĩ không yên. Chắc là phen này không thể sống thoát và cái tiếng vang danh sĩ ngày nào bây giờ bị hoen nhục vì một phút không nén được lòng bồng bột. Đang mơ màng đường đi về cõi thế giới bên kia thì chợt nghe tiếng người gọi dậy rồi lập tức được lính dẫn đến công đường. Quan Tổng-trấn ngồi giữa, vóc dạng phương phi, râu hùm, hàm én, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa tiên.

Sinh cúi đầu thi lễ, toan tìm lời kêu oan gỡ tội thì quan đã ra lệnh mở trói. Trước sự kinh ngạc của Sinh, Quan bước xuống thềm, dắt Sinh vào trong và kéo ghế bảo

ngồi. Sinh từ chối hai ba lần cũng không được. Quan mở lời :

— Ta thường ao ước được gặp người tài đức, nay mới biết ngươi vốn là một danh sĩ nên thực hết lòng hâm mộ. Lính hầu sơ suất phạm điều vô lễ vừa rồi, ta sẽ nghiêm trị. Gác Đằng thuận nẻo gió đưa, ngươi hãy ở đây cùng ta hưởng mấy ngày xuân, vui câu xướng họa cho thỏa tình ta khao khát lâu nay.

Đoạn truyền đem rượu ngon thịt béo ra thết đãi nồng hậu. Lương-Sinh tự thấy tài năng của mình thực đã bảo đảm cho cái mệnh của mình vô cùng vững chắc nên hết sức cởi mở tấm lòng, uống rượu say khướt từ sớm đến chiều, mỗi khi chập chờn thức tỉnh lại ngâm thơ sang sảng tưởng như lúc nào sau rèm cũng có bóng người đẹp nép nghe. Quan Tổng-trấn có vẻ đặc biệt kính trọng tài năng của Sinh nên luôn luôn nhường lời cho Sinh mà không hề xướng họa, thành ra Sinh phải độc xướng, độc họa, độc ngâm suốt ngày. Đôi lúc Sinh muốn hỏi thăm Lý Tiểu-thơ đã định trao duyên nơi nào chưa nhưng thấy Lý Tổng - trấn đãi mình như bậc thượng khách nên phải tự trọng làm thinh.

Được vài hôm, Quan tổ chức du xuân, đưa Sinh đi xem cảnh trí trong miền. Nơi nào Quan cũng cho thấy những kỳ công đại lực của Quan tạo lập cho dân : kìa là dòng suối quanh co Quan đã khai thông để dân lấy nước cấy cày. Nọ là đồng ruộng bao la trước kia là rừng rậm hoang vu Quan đã tốn công khai phá cho dân trồng trọt.

Sinh ngồi trên kiệu cao, nhìn theo ngón tay Quan trỏ ra phía xa xa mơ hồ thấy suối thấy đồng nhiều vẻ khác màu mà ngợi khen không dứt. Hơi men nồng nàn, lòng Sinh chan chứa nhiệt tình đối với những bậc « dân chi phụ mẫu » mà ngày xưa Sinh thường tỏ ý rẻ khinh.

Đến đâu Quan cũng xin Sinh lưu bút để khắc vào bia đá, cột đồng. Sinh phóng bút thao thao bất tuyệt, hết lòng tán tụng uy đức của Quan. Mực thơm bút quý, thực là lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu. Trước khi giã từ, Sinh còn để lại một bài tán tổng kết công đức của Quan để khắc ở công đường và một bài minh ký để ghi tạc vào mấy cỗ hồng chung tại các tháp đền qui mô trong hạt. Quan ân cần tiễn chân Sinh ra khỏi nha môn, đưa tặng một cỗ ngựa bạch và mấy nén vàng ròng nhưng Sinh một mực chối từ không nhận để giữ vẹn lòng thanh khiết.

Giữa mùa xuân ấy, Sinh lâm bệnh nặng, nằm liệt giường suốt một tháng liền. Tuyết-Hồng hết sức săn sóc thuốc thang, nhiều đêm không ngủ. Bây giờ Sinh lại có lòng mừng là nàng không biết làm thơ nhưng Sinh thì ngày đêm khắc khoải vì không cầm được cây bút. Một ngày không viết được câu nào, Sinh có cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Ngoài bệnh tật giày vò, Sinh còn bị nỗi băn khoăn về sáng tạo hành hạ. Bệnh cũ như muốn tái phát, thần kinh dạo dựt không yên, giấc ngủ chập chờn ác mộng. Mấy lần chống tay ngồi dậy nhưng lại bủn rủn nằm xuống, hơi thở nóng ran như lửa. Một sớm đang nằm nghe tiếng chim hoàng anh hót ngoài vườn vụt tắt, thấy một tia nắng lọt qua khe cửa chợt tàn, Sinh bỗng hoảng hốt tưởng chừng mùa xuân

đã bỏ mình mà đi, gượng gạo ngồi lên, xô mạnh cửa sổ. Mấy nụ hoa thắm vẫn cười duyên trước thềm, lá xanh còn tươi màu nhựa mới. Sinh gọi đem nghiên bút và tập hoa tiên. Vừa cầm bút lên, Sinh bỗng kinh ngạc : nghiên mực đỏ tươi sắc máu. Sinh thử chấm bút vào, lăn tròn mũi bút đưa lên, bỗng thấy nhỏ xuống từng giọt, từng giọt thắm hồng như rỉ chảy từ tim. Khiếp đảm, Sinh ngồi sững giây lâu, tâm thần thác loạn. Cố viết đôi chữ lên giấy nhưng nét chữ quánh lại, lợn cợn như huyết khô trên cát. Sinh buông viết tưởng chừng bàn tay cũng thấm máu đầy. Đưa lên ngang mũi, mùi tanh khủng khiếp. Sinh quệt tay vào áo, nghe đau nhói đến trong người. Sinh nằm vật xuống, mê man bất tỉnh. Sau mấy ngày, Sinh tỉnh dậy, lòng lại khát khao cầm bút. Nhưng nhớ đến hình ảnh vừa qua, tự nhiên đâm ra e ngại. Sinh cố tập trung thần lực, men đến án thư nhưng vừa cầm bút lại thấy lảng vảng sắc máu, không sao có đủ can đảm mà vạch được nét nào. Sinh ném bút, hất giấy, vô cùng khiếp sợ, tưởng như xôn xao chung quanh có vô số hồn oan đòi mạng. Từ đó Sinh gầy rạc hẳn đi, liệu không sống thoát.

Người cậu của Sinh từ lâu đã vào núi Hoa - Dương ở với đạo sĩ họ Trình, một hôm tạt về thăm nhà thấy cháu suy nhược rất là lo lắng. Sau khi nghe Sinh thuật hết những điều quái dị vừa qua, ông suy nghĩ hồi lâu rồi nói :

— Ta đã từng bảo cháu rằng ngòi bút không phải là không có oan khiên. Lưỡi gươm tuy ác nhưng mà trách nhiệm rõ ràng, lầm lỗi tác hại cũng trong giới hạn. Mượn sự huyền hoặc của văn chương mà gây điều thiệt hại cho con người, tội ác của kẻ cầm bút xưa nay kể biết là bao, nhưng chẳng qua mờ mịt hư ảo nên không thấy rõ hay không muốn rõ mà thôi. Làm cho người gái lớn lên băn khoăn sầu muộn, làm cho trai trẻ đang hăng khinh bạc, hoài nghi, gợi cho người ta nghĩ vật dục mà quên ái tình, khêu cho người ta tiếc tài lợi mà xa đạo nghĩa, hoặc cười trên đau khổ tha nhân, hát trên bi cảnh đồng loại, đem sự phù phiếm thay cho thực dụng, lấy việc thiển cận mà quên diều sâu xa, xuyên tạc chân lý, che lấp bần hàn, ca ngợi quyền lực, bỏ quên con người, văn chương há chẳng đã làm những điều vô đạo ? Tội ác của văn chương xưa nay nếu đem phân tích biết đâu chẳng chất thành ngàn dãy Thiên-sơn ? Thần tạng của cháu vốn kinh động thất thường, nhưng mà bản chất huyền diệu có thể cảm ứng với cõi vô hình, chắc cháu đã làm điều tổn đức khá nặng nên máu oan mới theo đuổi như vậy. Hãy xem có lỡ chừng hứng bút mà đi lệch đường chăng ? Soát lại cho mau, soát lại cho mau, chớ để chầy ngày. »

Lương-Sinh nghe xong, bồi hồi tấc dạ, nhưng trí tuệ xem như minh mẫn hơn nhiều. Cơn bệnh do đó lui được khá xa. Sinh đem mấy tập thi tuyển của mình đọc lại từng câu, dò lại từng chữ, thấy toàn là ý bướm tình hoa, phát triển cảm xúc mà sao nhãng trí tuệ, tán tụng thiên nhiên mà bỏ mất cảnh đời, trốn tránh thực tại, từ chối tương lai, nhưng nghĩ kỹ lại vẫn chưa dò được lối máu từ đâu. Bỗng sực nhớ đến những bài thơ phóng bút viết cho Lý Tổng trấn, không ghi trong thi tuyển, tâm não trở nên bàng hoàng. Đồng thời những gương mặt hốc hác

trong ngày hội chùa lại hiện lên rõ rệt, mấy cánh đồng trơ trọi, những tiếng thì thầm hai bên kiệu hoa, vẻ người nhớn nhác sợ hãi, những đòn dây trói, mấy dãy nhà giam, lần lượt như sống lại trước mặt. Những cảnh ấy thực đã trái ngược rõ rệt với những bài tán, bài minh đã viết. Mồ hôi toát ra như tắm, Sinh đứng lên được, quyết định trở lại chốn cũ để tìm hiểu sự thực.

Sinh đến chốn cũ vào một buổi chiều, nắng vàng thê lương phủ trên cảnh vật tiêu điều, xơ xác. Qua khỏi một dòng suối khô cạn Sinh bước vào một thôn trang vắng vẻ, thưa thớt những mái tranh nghèo, không một bóng người thấp thoáng. Đến một gò cỏ héo chợt thấy một người nông phu ủ rũ trước nấm mồ đất mới, hiu hiu mấy nén hương tàn. Sinh dừng bước lại gần ngồi xuống một bên, khẽ hỏi :

— Bác khóc người thân quyến nào vậy ?

Người kia ngước lên không nói, ngắm nhìn lớp bụi đường trường bạc thếch trên quần áo của Sinh, dịu đôi mắt xuống :

— Người nằm dưới mồ không phải là bà con quyến thuộc của tôi.

Sinh nghĩ thầm : « Chẳng lẽ người này cũng là một thi nhân khóc thương cho kiếp hồng nhan bạc mệnh nào chăng ?» Chưa kịp dò ý thì người kia chợt hỏi, ra vẻ hoài nghi :

— Ông từ đâu mà đến đây ?

— Tôi ở chốn xa, nhân bước đường phiêu lưu ghé tạt qua thôi. Buồn thấy miền này có vẻ tiêu điều hơn các nơi khác.

Người nông phu bỗng long lanh đôi mắt như không dằn được tấm lòng dồn nén, bật lên những tiếng căm hờn :

— Nói hết cho muôn ngàn khách qua đường cũng chưa hả được dạ này. Ví dù phải chết ngày nay, thân này chẳng tiếc, miễn sao bộc bạch cho được sự thực uất hận từ lâu. Đã bao năm rồi, sống dưới nanh vuốt của Tổng trấn họ Lý, chính sự độc dữ hơn hùm beo, đồng ruộng gầy khô, dân làng đói rách. Đầu xuân này có quan Khâm-sai đi về, cụ Thôn trưởng của chúng tôi, mặc dù già yếu cũng quyết vì dân làm bản trần tình, cản đầu ngựa, níu bánh xe mà tỏ bày sự thực.

Thế nhưng Khâm-sai đi khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy bia đá, cột đồng đầy lời hoa mỹ tán dương công đức Tổng trấn của thằng danh sĩ chết khốn nào đó nên ném bản trần tình, không xét, mà bảo rằng : « Muôn ngàn lời nói của dân đen vô học đâu bằng mấy vần từ điệu cao xa của một kẻ danh nho. Danh sĩ bao giờ cũng tự trọng, Tổng trấn được hạng ấy xưng tụng, hẳn không phải là bất tài vậy. » Thế đã thôi đâu, Khâm-sai đi rồi, Tổng trấn phái sai-nha về nã tróc những người đã đầu đơn tố cáo nó. Bao người phải chết vì cực hình thảm khốc, vợ góa con côi, một trời nước mắt, ruộng đồng từ đây dành để nuôi loài cỏ dại mà thôi. »

Sinh chết điếng cả người, giây lâu mới gượng gạo mà hỏi :

— Chẳng hay bác có biết danh sĩ ấy tên là gì không ?

Người nông phu trợn trừng cặp mắt, gào lên :

— Làm gì mà biết ! mà biết làm gì ? hạng hiếu lợi, hiếu danh, trốn trong từ

chương để tiếp sức cho kẻ ác mà cứ tưởng thanh cao, hạng danh sĩ ấy thì đâu chẳng có. Dân làng đây ai cũng nguyền rủa hắn mà hắn nào biết cho đâu ! Nghĩ thương cho cụ Trưởng của thôn tôi, mấy lần đứng ra chịu nhận hết tội để cứu lãnh bao người mà bọn chúng chẳng chịu, cứ việc tàn sát thẳng tay, lôi đi lớp này rồi đến lớp khác nên khi bị dẫn qua đây cụ tự móc họng cho trào máu mà chết để khỏi bị người đày đọa. Trước khi nhắm mắt, cụ còn gượng nói : « Ta được chết trên cánh đồng đã đẫm mồ hôi của ta, của bà con xóm làng ta, thế là quí rồi. Chôn ta ở đây, cho ta được gần với các người ». Hơi thở gần tàn, cụ còn nói tiếp : « Tội ác là ở lũ vua quan. Tên danh sĩ kia chỉ là cái cớ để chúng vin vào mà che lấp sự thực. Đừng oán hờn tên danh sĩ. Đáng thương cho nó, đáng thương cho nó. »

Người nông phu dừng lại, nghẹn ngào rồi tiếp :

— Nhưng bao người khổ ở đây, bao kẻ chết nơi kia còn đáng thương đáng xót gấp trăm ngàn lần !

Đoạn gục đầu trước mồ, khóc than thảm thiết. Sinh cũng sụp xuống, hòa tiếng khóc theo. Bóng đêm xóa nhòa, gió lạnh như từ cõi âm thổi về rung động bờ lau bụi cỏ. Sinh tưởng như theo cơn gió oan hồn của người đã khuất hiện về chứng kiến cho những giọt lệ chảy ra từ một tấm lòng hối hận chân thành.

20-12-58

VŨ - HẠNH

★

Cùng các bạn gửi bài :

Trân trọng xin nhắc lại để quý bạn lưu ý những thể lệ thông thường về việc gửi bài đăng trên Bách-Khoa như sau :

— Bài gửi đăng, xin viết một mặt, và viết cho rõ ràng.

— Nếu có hình vẽ gửi kèm, xin vẽ bằng mực đen để tiện làm bản kẽm.

— Những bài không đăng, tòa soạn sẽ không trả lại bản thảo.

— Dưới mỗi bài, ngoài bút hiệu, xin viết thêm tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa báo tiện liên lạc, gửi tiền nhuận bút hoặc báo biếu.

— Mỗi bài gửi đến Bách-Khoa, xin đừng đồng thời gửi tới các báo khác. Nếu thấy Bách-Khoa chậm đăng hoặc vì một lẽ gì mà tác giả đổi ý kiến muốn gửi sang báo khác xin tin lại cho Tòa soạn Bách-Khoa rõ, để Bách-Khoa khỏi đăng trùng bài với các đồng nghiệp, có nhiều điều bất tiện.

KỊCH THƠ LỊCH-SỬ.

AI NGƯỜI TRÁNG SĨ

Soạn giả : **HỬ-CHU**

Bản kịch này có trích dụng một số ca dao, cổ thị, và 36 câu ca từ Cao-Tiệm-Ly của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương.

THỜI GIAN : Một ngày ngoài lịch sử

KHÔNG GIAN : Một nơi ngoài thế tục

NHÂN VẬT : **KINH-KHA SỬ-THẦN**
CAO-TIỆM-LY THỊ-NỮ

Tiếng-Hô :

Kinh tráng sĩ ! Kia rồi kinh tráng sĩ !
Ngài dừng xe ! Ngài đang tiến vào sân !
Nào lễ ban ! Hãy sửa soạn nghênh tân !
Kinh tráng sĩ ! Kính chào Kinh tráng sĩ !

Kinh-Kha : (bước ra, vái xuống)

Chào chư vị ! Kha xin chào chư vị !
Hãy ngồi cho ! Đâu đấy hãy ngồi cho !
(mỉm cười)
Bữa rượu nay, ta phải cạn trăm vò,
Nửa kim cổ cũng say vùi một cuộc.
(ngơ ngác)
Ô này lạ, Thế-tử đâu vắng mặt ?
Thế-tử đâu ?

Sử-Thần : (bước ra, chắp tay)

Lệnh vừa triệu Đông cung,
Nên Người cam lỗi chư vị anh hùng
Mà hứa liệu cáo chầu không quá trễ

Kinh-Kha : (mỉm cười)

Cũng không sao, bọn ta đâu câu nệ,
Vắng chủ nhân thì tiêu lượng lại càng hăng.
Nhưng ghế Kha ? Phải chính ghế này chăng ?

Sử-Thần :

Dạ thưa phải, chính mời ngài chủ tọa,
Còn Thế-tử lát nữa về thì đã
Cấm-đồn kia, Người sẽ có riêng ngồi.

Kha vái xuống rồi ngồi vào ghế. Trống nổi khai tiệc. Thị-Nữ rót rượu cho Kha

Tiếng-Ca :

Bờ... đào... tiêu... dạ... quang... bối
Ngọc trong chính khí, rượu sôi anh hào
Thái... sơn... nhất... trịch... hồng... mao
Nhả ra nhật nguyệt, nuốt vào đấu ngưu

Sử-Thần : (chắp tay hướng xuống)

Yên Thế-tử vốn riêng yêu kiếm khách :
Sử rành ghi, hơn hai nghìn năm cách
Giữa khi mưu độc kế hiếp Doanh-Tần
Người đã từng nghiêng vái đón Kinh-quân.
Kể từ ấy, phế hưng bao rộn sóng,
Tần Sở Hán Tấn Tùy Đường Lương Tống
Nguyên Minh Thanh, rồi Dân-quốc ngày nay.
Cõi u-minh, Thế-tử vẫn mong thay
Chư hiệp sĩ cả muôn đời tụ tập...
Vậy giờ đây, tiệc Quần-anh đã lập
Có ba trăm đại hiệp đất Trung-hoa,
Bất luận trước sau, không kể trẻ già,
Buổi thanh khí, hãy mừng kỳ đại hội...
Nào ca nữ ! Nào nhạc công ! Nào vũ đội !
Mau tấu nghe, bài Tiêu-tiêu của Thanh-Liên !

Tiếng-Ca :

Thấy chăng ai
Sông Hoàng-hà ngọn nước tại lưng trời
Tuôn đến bể khôn vời lại được
Thấy chăng nữa
Đài gương mái tóc bạc
Sớm như tơ mà tối đã như sương
Nhân sinh khi đắc ý nên càng
Khôn nỡ để chén vàng suông với nguyệt

Kinh-Kha : (xua tay)

Thôi khoan hãy ! Hãy im, ta hỏi việc !
(hỏi Sử-thần)
Này tiên sinh, ngay bàn đó những ai kia ?

Sử-thần :

Dạ thưa Ngài, người nhỏ nhất tức Yên-Ly
Người xõa tóc ngồi bên là Hứa-Tuấn
Còn đối diện, Cô-Áp-Nha hảo hán
Mà áo hoa thì hiệp sĩ Chuyên-Chư
(lấy 1 tập sử đưa ra)
Đây vì bằng Ngài muốn rõ riêng tư
Của mỗi vị, thì đây, tôi đã chép...

Kinh-Kha :

A thế ư ? Vậy thì đâu, Sông Dịch
Hãy đưa Kha xem trước chuyện Kha xem !

(Sử-thần đưa 1 cuốn, Kha mở đọc)

Vốn dòng họ Khánh
Quán ở Tề đô
Lánh nạn sang Ngô
Rồi thiên qua Vệ
Vẫn chưa đắc chí
Lại bỏ vào Yên
Đổi họ thay tên
Thường ra giữa chợ
Nghêu ngao than thở
Rượu uống li bì
Gặp Cao-Tiệm-Ly
Gõ tay đánh trúc
Oà lên tiếng khóc
Vỗ nhịp hát vang

Sau có Điền-Quang
Một lòng tiễn cử
Được Yên Thế-tử
Biệt đãi ân cần
Nào bái thượng tân
Nào xây đài tạ
Nào dâng tứ mã
Nào biếu thuyền quyên
Nào mở yến diên
Nào trao vàng thỏi

(mơ màng)

Ờ ta nhớ : một khi nao ta nhặt ngói
Toan ném rùa thì Thế-tử đã truyền ngay

Đèn tắt tối. Thị-nữ ra dâng thoi vàng.

Tiếng-Hô :

Lấy thoi vàng lớn, quân bay !
Mau dâng tráng sĩ xứng tay ném rùa !

Kinh-Kha :

Ta lại nhớ có phen ta ngẫu nhĩ
Nói chơi rằng gan ngựa rất ngon ăn.

Thị-Nữ : (ra dâng gan ngựa)

Kính dâng nếm thử buồng gan
Con thiên lý mã đích ban Ký Kỳ

Kinh-Kha :

Ta lại nhớ, có đêm ta lỡ miệng
Khen đôi tay một sủng thiếp của Đông-cung

Thị-Nữ : (ra dâng đôi tay)

Vâng truyền Thế-tử, xin dâng
Đôi tay lọt mắt anh hùng đêm qua

Đèn bật sáng

Kinh-Kha :

Thế rồi buổi sáng trời thu lạnh
Trông nẻo đường Tần một mũi dao
Thủ cấp Ô-Kỳ trong hộp gỗ
Đốc-Cương đồ bản giữa tay bao
Tiễn ta, tân khách ba ngàn kẻ
Áo vải khăn sô, khóc lạy chào
Ta ngửng đầu lên : trời hoàng hốt
Ta nghiêng mắt xuống : đất xôn xao
Hơi... ta... thở... vọt... từng... cao...
Tóc ta dựng ngược xuyên vào đầu quan

Tiếng-Ca :

Thứ... địa... biệt... Yên... Đan
Tráng... sĩ... phát... xung... quan
Tích... thì... nhận... dĩ... một
Kim... nhật... thủy... do... hàn
Sông này... lãnh khí... chưa tan
Nào đâu kẻ biệt Yên-Đan sang Tần
Chiều chiều... vẫn một... cố nhân
Trúc còn gõ, hát còn ngân, não nùng

Kinh-Kha :

A gõ trúc ! Cao-Tiệm-Ly, người cũ
Ta nhớ rồi, buổi tiễn ấy, cũng đưa nhau
Để coi nào, sử chép bạn ta sau
Đã kẻ sống khóc gì cho kẻ chết !

Kha lật sử. Đèn tắt tối.

Cao-Tiệm-Ly : (bước ra, thổi tiêu rồi ngâm) (1)

Ai tráng sĩ bao năm mài gươm dưới nguyệt
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu
Kinh-Kha hỡi Kinh-Kha
Vinh cho người hỡi ba nghìn tân khách
Tiễn người đi, tiếng trúc nhịp lời ca.
Biên thùy trống giục, nẻo Tần sương sa
Gió thổi lượng quàn quại khói giang hà.
Buồn xưa giờ chưa tan
Phong tiêu tiêu hề, Dịch-thủy hàn
Tám phương trời khói lửa.
Một mũi dao sang Tần
Ai trách Kinh-Kha rằng việc người để lỡ ?

(1) Đoạn này 36 câu của Vũ-Hoàng-Chương, trích trong bản thi kịch *Tâm Sự Kẻ Sang Tần*.

Ai khóc Kinh-Kha ràng thềm cao tảng thân

Ta chỉ thấy
Tơi bời tướng sĩ
Thấy ngã hai bên
Một triều rối loạn
Ngai vàng xô nghiêng
Áo rách thân run hề ghé hồn bạo chúa
Hùng khí nuốt sao Ngâu hề nộ khí xung thiên
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ
Hiệp-sĩ Kinh-Kha hề ngươi thác đã nên
Ta há quan tâm gì việc thành hay bại
Thế gian ơi, kìa bãi bể nương dâu
Một giấc kê vàng chợt tỉnh.
Thành xây cõi dựng là đâu.
Nào ai khởi nghiệp đế
Nào ai diệt chư hầu.
Ca trùng lửa đóm cũng hoàn phần không hư
... dù làng ngà hay cô khâu
Riêng tồn tại với thời gian hề việc làm tín nghĩa
Tranh sáng với trăng sao hề tấm lòng trượng phu
Ôi Kinh-Kha
Hào khí người còn sang sảng
Đâu đây lòa chói giấc mơ
Nước sông Dịch còn trôi hay đã cạn
Gương anh hùng vằng vặc sáng thiên thu

Cao-Tiệm-Ly trở vào. Đèn bật sáng.

Kinh-Kha :

Gương anh hùng vằng vặc sáng thiên thu
Vằng vặc sáng thiên thu, vằng vặc sáng...
A ha ha...
Thật thế chứ, tiên sinh ?

Sử-Thần :

Dạ thưa Ngài, bút còn mực, sử còn kinh
Thì Dịch-thủy tất nhiên còn lạnh mãi.

Kinh-Kha :

Nếu quả vậy, giữa anh hào vạn đại
Thì ngôi cao đệ nhất hẳn là Kha ?

Sử-Thần :

Dạ thưa Ngài « Tần bệ dựng phong ba »,
Khẳng khái ấy thật đã run hoàn vũ.
Nhưng nếu kể ngôi cao trong hiệp sử,
Thì...

Kinh-Kha :

Thì sao ?

Sử-Thần :

Còn lắm bậc anh tài

Kinh-Kha :

Ngươi nói sao ? Còn lắm bậc...

Sử-Thần :

Như Ngài,
Vâng đúng vậy, như Ngài, còn chín vị

Kinh-Kha :

Ngươi nói lạ ! Xưa nay ai kiếm sĩ
Đáng thượng tân của một bậc con vua ?
Xưa nay ai, buổi tiễn có người đưa
Ba ngàn kẻ tang sô cùng lạy khóc ?
Rồi ai đã hào uy đầu dựng tóc
Miệng thở hơi vọt trắng một vòng cung ?
Lại đã ai dám thét tại triều trung
Xé áo kẻ mười phương đều nép sợ ?
Ai ? Ai đáng so ta, ngươi hãy thử
Nói ta nghe, kẻ đó, ấy là ai ?

Sử-Thần : (cầm trao 1 tập)

Dạ xin thưa, đây các vị như Ngài
Mà tất cả ngồi kia đều đủ mặt

Kinh-Kha : (hất tung tập sử, im nghĩ, rồi lấy 1 cuốn xem)

Phạm - Hồng - Thái, Việt - Nam nhân,
Pháp thuộc...
Việt-Nam nhân ?

Sử-Thần :

Dạ phải, Việt-Nam nhân
Nhưng người này quốc tịch đầu nam lân
Mà một đã táng thân nơi ngã thổ

Kinh-Kha : (đọc)

Chính danh Thành-Tích
Biệt hiệu Nho-Tư
Dòng dõi cầm thư
Ngọc-Điền bản quán
Nhân vì quốc nạn
Trốn đến Xiêm-La
Sau sang Trung-Hoa
Cải danh Hồng-Thái
Nhập Quang-Phục-hội
Lập đảng Tâm-Tâm
Ngày đêm âm thầm
Chờ gây chính biến
Gặp khi Sa-Điện
Hội Quảng-châu quan
Tiệc đón Mã-Lan
Toàn quyền Đông-Pháp
Liền mưu đột nhập
Một phóng tay vung
Tạc đạn nổ tung
Hồng đăng tắt phụt
Người người hoảng hốt
Kẻ kẻ kêu rên
Còi lệnh rú lên
Quân binh ập tới
Sắc không biến đổi.
Lòng chẳng hoang mang
Thoát đến Châu-giang
Ung dung tuẫn tiết

(quăng cuốn sử)

Hỡi cường sĩ, thế mà đời nghị thuyết
Nhìn việc đời như ếch ngó cung mây
Kìa một tên Tiểu-lại Pháp-Lan-Tây
Mà đem sánh vua Tần uy mãn địa !

Sử-Thần :

Dạ thưa Ngài, nếu luận về đại nghĩa
Quả Mã-Lan không thể ví Tần-vương
Nhưng kể về cái đảm khí cái can trường
Thì Tần-bệ Châu-giang đồng nhất tử

Kinh-Kha :

Hừ, Tần-bệ Châu-giang đồng nhất tử...
Mà ừ thôi, điều ấy hãy khoan bàn
Nhưng sao ta, thượng khách của Yên-Đan
Lại ví kẻ vốn vô danh vô vọng ?
Rồi lại nữa, sao ta đây khí dũng
Thở hơi ra, trời đất cũng e kinh
Dựng tóc lên, sông núi cũng nghiêng mình.
Lại ví kẻ lên đường không dũng khí ?
Nào hãy nói, nói sao cho thuận lý
Bằng không thông, thì này đó dao thần !

(rút dao cắm phập trên bàn)

Sử-Thần : (tiến lên, trỏ tay xuống)

Phạm-Hồng-Thái, Việt-Nam nhân !
Phạm-Hồng-Thái, Việt-Nam nhân !
Tri ngộ sao không đợi đến lần ?
Ai đã biếu ngươi hề xa mã
Ai đã dâng ngươi hề kim ngân
Ai đã dựng ngươi hề đài tạ
Ai đã bái ngươi hề thượng tân
Ôi hỡi !
Gái tơ hề chưa gần
Rùa ao hề chưa nếm
Tay ngọc hề chưa vần
Gan ngựa hề chưa nếm
Vậy mà ngươi đã hớn hở vội vàng thay !
Vậy mà ngươi đã liều lĩnh một đi ngay !
Tính mệnh con người như núi Thái
Sao không ĐỔI SƯỚNG lấy đổi ngày ?

Sao không cứ hãy chờ tân khách
Khóc tiễn lên đường một bữa say ?
Sao không cứ hãy vỗ vào ngực
Mà thét lên rằng « TA ĐI ĐÂY » ?
Phạm quân ôi ngươi
Kẻ khác nhất khứ hề phẫn nghĩa
Mà ngươi nhất khứ hề điểm nhiên
Sao ngươi không dựng tóc hề cho hùng uy đảo địa ?
Sao ngươi không phì hơi hề cho nộ khí xung thiên ?
Sao ngươi đã bình tâm hề Nhiếp-Chính
Sao ngươi đã tĩnh khí hề Chuyên-Chư
Sao ngươi chẳng mặt xanh hề Tống-Ý (2)
Sao ngươi chẳng mặt đỏ hề Hạ-Phù (2)
Ngươi hãn coi khứ bạo là sự đi nhiên của bậc tài nam
... Nào há lại cần tay chữ động ?
Ngươi hãn xem tuẫn thân là sự dung thường của trang hiệp khách
... Có đâu mà vỗ ngực trượng phu ?
Ngươi hề ! ngươi hề !
Châu-giang hào khí mờ hay tỏ
Tráng sĩ ai người vẫn đầy ru

Kinh-Kha : (bước lên chắp tay hướng xuống)

Phạm liệt sĩ ! Việt-Nam Phạm liệt sĩ !
Kẻ Kha này tội thật núi gò cao
Đóm đếm mưa, tự nghĩ sáng lòa sao
Cóc buổi tạnh, ngỡ mình kêu ắt sấm
Như tức hạ há thua Kha dũng cảm
Mà hào tâm hiệp khí, quả hơn Kha
Vậy thì đây, cuồng ngữ dám xin tha
Cái mong được khấu đầu chờ tạ tội...

(quì gục xuống)

Màn từ từ khép.

Tiếng-Ca :

Ở... đời... muôn... sự... của... chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

HƯ-CHU

Cuối Đông năm Quý-Mão

(2) Tống-Ý và Hạ-Phù : Hai dũng sĩ bị Điền-Quang chê là hạng bất lực, vì một người hễ giận thì mặt xanh, một người hễ giận thì mặt đỏ.

MINH-TÂN

Nguyệt san văn hóa của hội « Khổng-học Việt-Nam »

— Hình thức trang nhã.
— Nội dung lành mạnh.

✱ Một tập san đứng đắn, bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, trên cơ sở đạo đức, luân lý Khổng-Mạnh.

Giá bán : mỗi số 10đ. 6 tháng : 55đ. 1 năm : 110đ.

Ngân phiếu, bài vở, xin gởi về :

Ông Nguyễn-Trác

Chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san « Minh-Tân »

137-139, *Phan-Thanh-Giản — Saigon.*

ĐI TRONG TÔI

Gởi anh Đoàn-văn-Cừu,

Biết bao người đã sống ở trong tôi
Biết bao nhiêu, biết bao nhiêu cuộc đời
Những cuộc đời đã chết cho Cách-mạng
Những cuộc đời đã chết cho Vui tươi
Những cuộc đời nhỏ nhoi như cây cỏ
Những cuộc đời tan tác như hoa rơi...
Nhưng là những cuộc đời
Những con người.
Ra đi với vui buồn lẫn lộn
Ra đi với cay đắng trong tôi.

Và họ đã qua rồi
Ngàn năm chỉ còn niềm thương tiếc
Ngàn năm chỉ còn những tàn hơi
Và khổ đau vẫn là những con người
Những con người ngày nay còn ở lại
Những con người nắng mưa dầu dãi
Những con người nhìu mắt nhìn tương lai
và ngày mai
Thoáng hiện trong âu lo, mộng ảo
Trong đói rách, bơ vơ
Trong khát cơm, thèm áo
Trong đêm dài lạnh tím đường mưa....
Những người đã đi qua
Và những người còn lại
Những người của ngày xưa
Và những người buông xuôi nhận tội...
Và những người chờ đợi...
Đêm nay tôi nhớ lại không cùng
Nhớ không rõ mặt người, nhớ mãi miết, mông lung
Những cánh bướm tàn phai
Những hoa lá rụng rời
Những mùa xuân
Những con người
Những cuộc đời
Đi trong tôi chậm chậm.

ĐỖ-TẤN

MỘT TRUYỆN LIÊU TRAI MỚI.

ÁO VẢI

MỘNG CÔNG-HẦU (1)

MẶC-THU

VÀO buổi chớm có gió heo may của một ngày đầu thu năm Tuất, trước thềm ngôi chùa cổ vắt vẻo trên đỉnh một ngọn núi Thất-Sơn, có hai kẻ một già, một trẻ đối mặt khật khà nâng chén rượu Hoàng-Hoa, ngồi đếm từng cánh chim hỏm xao xác về rừng.

Người già là ông đạo Thất-Sơn mà lối đi về vẫn là bảy ngọn núi năm tháng mây che. Khách trẻ, tên gọi Liễu-Sinh, vốn sanh trưởng tại một xóm nghèo hẻo lánh dưới chân núi và cũng là một danh sĩ mà tên tuổi vẫn còn ẩn náu trong cây cỏ.

Đôi bạn vong niên tương đắc từ lâu, mỗi năm đôi lần, vẫn thường có ước hẹn gặp nhau chén khướt.

Rượu được mươi tuần, bóng chiều vừa ngả vào sau rặng núi, Liễu buông ly rượu, cúi mặt khẽ thở dài.

Đạo sĩ vỗ bụng làm nhịp cất tiếng ca một khúc « Tương Tiến Tửu » đoạn quay sang tủm tỉm cười nhìn Liễu :

— Người bạn áo vải hội-ẩm lần này nghe trong tâm dường có bợn điều trần lụy ?

Liễu tợp một hớp rượu đoạn ngậm ngùi :

---

(1) Một câu trong thơ Vũ-Hoàng-Chương.

— Ngày tháng trôi mau như nước chảy qua cầu, tiện sĩ không khỏi thẹn mình chưa đem được chút tài mọn giúp đời. Đầu bạc rồi mấy nỗi mà thay cho đầu xanh. Sự nghiệp trên mình vẫn trơ manh áo vải. Tháng năm mài miệt, ôn sử luyện kinh để rồi... giấc mộng công hầu vẫn chỉ như đỉnh núi mây bay. Tiện sĩ trộm nghe: họ Hồ, họ Đặng phương Bắc, họ Mao, họ Châu đất Diên cũng chỉ là kẻ bút nghiên khởi nghiệp mà một sớm, một chiều đã ngất ngưởng ngựa xe, danh vọng một thời, dưới tay sanh linh kể có hàng trăm vạn... Nghĩ người chẳng khỏi tủi phận mình, nên chi xin hổ thẹn mà thú rằng men rượu Hoàng-Hoa tri ngộ vẫn chưa đủ khuây lòng tục tử.

Đạo sĩ cười ngất rồi than :

— Ôi, tất cả những điều túc hạ vừa nói quả chỉ là mây bay đỉnh núi, nước chảy qua cầu...

Nhưng thôi, tuổi trẻ mà tài cao, thì giấc mộng công danh vẫn là nhơn tình thế thái. Nào, mối hận vàng son hãy tạm gác một bên ! Có gái non mơn mởn, họa may nỗi sầu của túc hạ mới khuây vợi đi chăng ?

Nói rồi chẳng đợi Liễu trả lời, ngất một nhành mẫu đơn kề bên, ném ra trước mặt quát to lên một tiếng :

— Người đẹp đâu sao chẳng vì danh sĩ một phen giải muộn.

Tức khắc có một gái tuổi xuân hơ hớ, vừa độ mười tám, đôi mươi nghiêng nước, nghiêng thành, từ bụi mẫu đơn gót sen nhẻ nhẹ tiến ra, sóng mắt rợn tình khiến Liễu tâm thần mê mẩn.

Mỗi lần nàng kề bên rót rượu, hai thân áp nhau, Liễu nghe như trong da thịt nàng có tầm ướp xạ hương. Tửu hứng bèn bốc cao, thoắt chốc mươi vò đã cạn.

Nhìn sang bên đạo sĩ đã trật rốn ngủ say, ngáy vang như sấm.

Liễu dẫn lòng chẳng được, quơ tay ôm ngang lưng nàng nằm gọn vào lòng. Nàng bèn lấy quạt khẽ đập vào tay Liễu, thấy đau nhức lạ thường, giận hỏi, nàng ngùng nguầy đáp :

— Chàng nào có ưa gì người đẹp. Bụng dạ chàng hiện chỉ đương vơ vẩn có mỗi một giấc mộng công hầu.

Liễu khen thầm là giỏi, song đánh lẳng hỏi nàng cây quạt gì sao nhẹ như vậy mà đánh thế cũng đau. Nàng đáp đó là quạt của Mẫu-đơn Thần nữ có thể giúp được chàng toại nguyện đường mây.

Liễu cả mừng khẩn khoản nàng giúp. Vật nài đôi ba lần nàng mới mỉm cười khứng chịu, xòe quạt ra mà dặn :

— Sau này đắc ý chớ khá quên nhau nhé !

Bèn lấy quạt mà quạt nhẹ vào Liễu... Liễu bỗng thấy tối tăm mặt mũi bốc bay lên cao như lên tới chín tầng mây rồi thoát chốc lại ngồi trong một phủ đường cực kỳ nguy nga tráng lệ, trước mặt có trăm quan văn võ phủ phục.

Liễu cúi nhìn thấy mình mặc áo Đại trào đội mão, mang hia, cân đai bỗ tử đủ vẻ mới biết mình đương ở chức Tể tướng trong triều.

Từ đấy vinh hoa tột bực, ngọc gấm đầy kho, ngựa xe trăm cỗ, danh vọng tuyệt vời, không chi hơn nữa.

Liễu Tề-tướng từ được đắc sủng, lấn át cả quyền vua, tác oai tác phúc, sanh linh trăm họ đồ thán, tiếng than u uất, mây đen lấn át cả mặt trời.

Kế đến một ngày, giặc ngoài trận vào, quân trong nổi loạn, Liễu phải bỏ Trường-an cùng gia nhân kéo chạy về phương Nam. Giặc đuổi theo sát lưng mà Liễu thì cồng kềnh theo sau hàng trăm thê thiếp, hàng đoàn ngựa xe chất nặng gấm vóc, ngọc châu, tiếc của, tiếc người bỏ đi không rứt. Quân đuổi theo hò reo dậy đất, đốt lửa rực trời. Liễu ngẩng mặt lên trời than, đã chắc phen nầy vong mạng.

Chợt thấy có hai khách bộ hành áo lá, chống gậy đứng bên lộ mỉm mỉm cười, Liễu nhìn ra thì là Thất-Sơn đạo sĩ và người đẹp có chiếc quạt mẫu đơn năm xưa. Bèn cứ nguyên phẩm phục Tề-tướng, vàng đeo ngọc dắt sau lưng, mà tụt xuống ngựa quỳ lạy xin cố nhân cứu mạng.

Đạo sĩ ngoảnh sang bên quạt bảo cô gái :

— Còn đợi chi nữa mà không nhắc bổ cái của khốn ấy đi cho bạn ta !

Cô gái lấy quạt dắt bên mình, đem quạt trên lưng Liễu mấy cái thì bỗng nhiên bộ trào phục tề-tướng, mũ miện triều nghi, vàng dát ngọc đeo trên mình Liễu tức khắc rủ xuống đất như một lớp bụi. Kế đó quạt ra phía sau Liễu thêm mấy cái, thì hàng trăm thê thiếp, hàng đoàn ngựa xe châu báu của Liễu cũng tan biến đi mất như một cơn lốc đầy bụi. Tiếng hò reo của quân giặc đuổi theo cũng tắt lặng.

Liễu mừng rỡ thấy nhẹ mình thư thái quỳ lạy tạ ơn cứu mạng.

Đạo sĩ ân cần đỡ dậy tạ từ :

— Liễu danh sĩ có tội chi đâu, chính ngu phu nầy mới có tội. Cái tội ngủ say giữa tiệc để con bé nầy nó làm cho danh sĩ phải một phen hoảng sợ.

Liễu giật mình dụi mắt nhìn ra thì thấy mình vẫn ngồi nơi bàn tiệc trước thềm chùa, vò rượu Hoàng-Hoa còn ngổn ngang trước mặt. Cô gái đứng bên vẫn phe phẩy quạt cho Liễu, miệng vẫn tủm tỉm cười. Liễu cả thẹn chắp tay vái tạ đạo sĩ và xin cho thụ giáo.

Từ đấy người trong vùng Thất-sơn lâu lâu lại gặp Liễu ở trên núi cao, áo vải nón lá trên lưng. Vừa đi vừa nghêu ngao hát... Cũng có người thấy Liễu cùng cô gái đẹp đủng đỉnh một chiếc thuyền nan trên sông Vàm-cỏ Tây. Ý hẳn là cô gái Mẫu-Đơn. Vì vậy thời nhân nghi hoặc cho rằng Liễu chưa thành tiên, vì tiên vốn không có vợ.

MẶC-THU

(1959)

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :
Tòa soạn BÁCH-KHOA
160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160
— SAIGON —

TÂM HỒN

TRUYỆN NGẮN của VÕ-PHIẾN

LÚC Thảo tỉnh giấc thì nghe tiếng nước mưa rớt giọt ngoài sân. Mới chừng hai giờ rưỡi chiều mà trong phòng hơi tối rồi. Thảo thấy hiện ra trong trí một lượt bao nhiêu là điều phiền phức bực dọc : chốc nữa đây, khi anh đi tiểu, nếu đi dọc theo hè sau thì sẽ bước lẹp nhẹp trên một khoảng thềm đất ướt ắt, trơn trợt, sẽ bị những giọt mưa li ti và lạnh buốt từ dưới giọt bắn lên bàn chân, mắt cá và cổ chân, nếu đi vòng vào phía trong nhà bếp thì anh sẽ phải gặp cái mùi nước mắm xông lên nồng nặc pha lẫn với mùi ẩm thấp rất khó chịu, rồi anh sẽ gặp một luồng gió lạnh từ phía sau vườn thổi tạt vào mặt, và khi mở cửa cầu tiêu thế nào anh cũng bị năm mười giọt nước lớn rớt lên đầu, lọt vào cổ. Nếu trong bếp không sẵn nước nóng thì thêm cái khổ súc miệng và rửa mặt bằng nước lạnh. Anh lại nghĩ đến mấy con heo nái nhà bên cạnh : trời này mà chúng nó lại chui rào qua được, chạy lộc xộc vào bếp thì thực là tức đến lộn ruột. Có mấy con heo, nói mãi không chịu nhốt lại ! Luật đâu lại có luật cho thả rông heo nái trong thành phố ? Nuôi heo mà tham đến nỗi muốn để nó tự do chạy kiếm cơm đổ, vỏ khoai, đầu cá khắp các nhà bếp láng giềng, chỉ biết bớt tốn kém cho mình mà không kể đến sự phiền nhiễu kẻ khác ? Người đâu mà có người thế ? Họ có vẻ khinh thường anh, không coi lời yêu cầu của anh vào đâu. Anh hậm hực giận người chủ nhà bên cạnh, hầm hầm chuẩn bị những câu cãi nhau, những cách trả thù cho y biết tay. Những câu cãi và mắng chửi thì anh đã chuẩn bị nhiều lần rồi, anh cũng đã đem ra bày vẽ cho vợ và cho đứa ở vài ba lần ; nhưng chưa bao giờ hoặc anh, hoặc vợ anh, hoặc đứa ở chịu mang ra thi hành. Khi anh ngồi trước bàn ăn, dạy những câu mắng cho vợ, anh hậm hà hậm hực, lúc lên giọng, lúc hạ giọng, lúc kịch liệt chồm lên xỉ vả, lúc lim dim hai mắt hếch cái cằm tới, cười mỉa mai thách đố. Nhiều lúc anh nhắm hẳn mắt lại, nghẻo đầu về một bên để giảng giải, bàn tay anh ngửa lên và chúm các ngón lại ; rồi anh bỗng mở bùng cả hai mắt và hai tay ra một lượt như sực tỉnh, ngơ ngác hỏi vợ : « Phải mắng cho nó biết chứ. Sao mà thật thà quá vậy ? Luật đâu lại có luật thế, hả ? » Vợ anh cũng giận dữ :

« Chớ sao ? Con mẹ đó phải mắng cho nó một trận chứ nhịn mãi được à ? ».

Thảo nhìn nhanh lên mặt vợ, anh thấy tia giận long lanh trong mắt. Anh vừa lòng. Nhưng mà anh có kinh nghiệm rồi, anh không tin ở vợ, anh quay luôn chỉ vào mặt đứa ở, nói : « Thằng Tài này nữa ! Tao không thấy con trai đứa nào mà nhút nhát tiêu cực như mày. Nếu gặp lúc cô mày không trông thấy mà mày trông thấy heo nó chui qua rào thì mày cứ kệu tên nó lên mà mắng có được không ? Hả ? Có được không ? Tao cho phép mày cứ lấy cây mà nện, nó có làm gì tao chịu cho tất cả. Này ! thày với cô chịu hết cho,

không việc gì đến mày đâu » Thảo hạ giọng xuống, mắt liếc qua lại, ranh mãnh vui vẻ : « Này nhé. Vẽ cho nhé ! Mày lượm một mớ đá bằng nắm tay thế này, xếp sẵn vào góc phòng đây. Mày rình mà ném cho thật mạnh vào đầu con heo một cái là nó chừa tới già. Khỏi phải rượt phải đuổi gì cả. Hoặc là thế này lại thú hơn : cho phép mày sắm một cái ná cao-su, cứ rình mà nã vào đầu nó vài phát... ». Anh lại nổi giận : « Rủi nó đui mắt à ? Cho nó đui mắt ! Luật đâu có luật cho thả heo nái ? Người ta có giết chết cũng cứ chịu. Mày nói thế đi cho tao, cứ nói thế xem ! »

Thảo dơ một bàn tay chặt xuống trước mặt, rồi cứ để y như thế, nhìn chằm chặp vào mặt thằng bé Tài. Cho đến lúc mắt anh dịu xuống, và anh thu bàn tay lại thì anh cũng vừa hết tin ở thằng Tài. Hình như một phút nhìn kỹ lại cái hình dáng rầu rĩ ấy nhắc anh kịp nhớ đến tính nết của nó. Thằng bé bệnh hoạn ấy quả là nhác nhớn tiêu cực vô cùng, không bao giờ nó nghĩ đến một trò chơi như cái ná cao-su. Nó chỉ trông được rảnh việc để đem chiếu trải ra trong một góc phòng ăn, nằm nghỉ. Nó thích chơi với những cái ve thuốc hay hộp thuốc con con do vợ chồng anh vứt bỏ. Nó lượm cất hết vào một nơi, rồi khi rảnh nó đem ra vừa nằm vừa hát ri rỉ trong mồm vừa bóc nhãn thực kỹ lưỡng, xếp thành hàng để ngắm nghía. Đến mỗi kỳ được về quê nó xếp hết vào trong bọc mang về.

Lúc Thảo thu bàn tay cương quyết về, thì nhìn vào khóe mắt anh người ta đọc thấy rõ sự thất vọng nhẫn nại. Anh có vẻ biết rõ rồi những lời dặn dò hăng hái của mình sẽ không đưa đến đâu. Nhưng mà sau mỗi lần biểu diễn cách mắng nhiếc người láng giềng như thế anh cũng thấy có thể yên tâm tạm gác cái việc heo nái ấy lại một thời gian.

Thức dậy sau một giấc ngủ trưa quá dài trong ngày chủ nhật, nằm nghe tiếng nước giọt rớt lách tách không đều, khi đứt khi nối, như cơn mưa cũng lén lút vụng trộm, thoạt tiên Thảo cảm thấy cuộc sống hàng ngày có vẻ tiêu điều và thực vô vị. Rồi những cảnh phiền phức hiện đến. Anh lại hậm hực, ôn lại những lời mắng nhiếc người láng giềng. Anh vừa thầm mắng đến câu : « Luật đâu lại có luật... ». Nếu thực sự có cuộc cãi cọ với người chủ nhà bên cạnh, người ấy chận lời anh mà hỏi đến cái luật thả heo và đánh chết heo chắc anh sẽ bối rối hết sức. Anh đã thấy áp dụng luật đối với việc thả chó, chớ còn luật lệ thành phố đối với heo thì anh chưa biết thế nào. Anh đã nói bừa, mà trong các lần mắng biểu diễn, vợ anh và dứa ở đều bỏ qua. Cũng như mọi người đều lặng lẽ cho qua, không ai hỏi tại sao người này không trực tiếp mắng nhà láng giềng mà lại dạy người kia mắng. Chẳng phải người láng giềng có tiếng là hung dữ, nhưng ai cũng biết họ sẵn sàng kháng cự, và cả Thảo, cả vợ anh đều sợ cái cảnh phải lớn tiếng cãi nhau trước con mắt tò mò của đám đông. Tuy vậy chẳng ai muốn « lật tẩy » nhau, chỉ chịu thấy lờ mờ cái nhẫn nhục hèn nhát ấy, và để cho nhau có thể hiểu là sở dĩ người này hay người kia chưa lên tiếng với nhà bên cạnh vì chưa gặp đúng dịp.

Thảo trở mình qua một bên. Anh ngửi phải cái mùi hôi của tàn thuốc

tắt lạnh trong không khí ướt. Anh khó chịu, đưa mắt tìm, và rút tay ra khỏi mền, búng mẩu thuốc ngắn mà anh đã để quên trên thành giường trước khi ngủ. Lại cháy sém thêm một chỗ nữa trên mép giường! Thảo lấy móng tay cái cào cào chỗ cháy, rồi vùng khoác mền ngồi dậy. Nhưng anh vẫn dụm hai chân trước ngực, rùn vai lại, khoanh tay ôm lấy hai chân, gục đầu xuống nghĩ ngợi lan man. Anh đã quên chuyện con heo nái, và bắt đầu tự hỏi : « Chiều nay có đến nhà Hạnh không ? Thôi đi ! Trời mưa ướt át nhớp nhúa thế này, lặn lội đi ngót mười hay cây số để gặp nhau, mà chưa chắc đã đi đến kết quả gì. Đã phải là hẹn hò chính thức gì đâu ? Hơi sức đâu vịn vào một câu nói vu vơ mà đi cho khổ sở thế. Mệt, phí sức vô ích. Không chừng chiều nay Hạnh lại đi về Huế chơi với bạn bè thì có phải mình chịu cực vô ích không ? Lãng mạn, si tình, mà dại dột thế, người ta biết được lại cười cho. Chắc chắn là không có ai chịu đi dại dột thế. Chắc thế. Những người khác, người ta có đến với tình nhân là ít ra cũng có hẹn hò chắc chắn trước. Chẳng tội gì làm ra si tình một cách dại dột ».

Khi Thảo tự bảo như thế thì trong trí anh những cảnh ướt át nhớp nhúa phiền phức không còn vẽ ra rõ ràng nữa, nhưng cái cảm giác lừ nhừ, bực dọc, bứt rứt thì vẫn còn nguyên, như một thứ đau ê ẩm tràn lan khắp người mà không biết vết thương ở chỗ nào. Thảo ngừng lại và giữ chặt lấy ý nghĩ cuối cùng : « Chắc chắn là không có ai lại chịu dại dột thế », xem như đó là kết quả một suy luận kỹ càng. Anh yên tâm là đã giải quyết xong một vấn đề, và xỏ chân vào dép đứng lên.

Nhưng một lát sau, khi từng chuyện một, từng chuyện một anh đã vượt qua khỏi hết những phiền phức ban đầu ngổn ngang trong trí : anh đã đi tiểu, đã súc miệng xong, đã đi ngang qua nhà bếp mà không thấy dấu heo nái vào phá, khi anh đã ngồi trước bàn nhìn một ly cà-phê nóng, thì « vấn đề » lại mon men trở về. « Vấn đề » trở lại rụt rè và êm ru, như một con mèo đến làm quen, nhẹ nhàng nép vào lòng ta lúc nào không hay, đến lúc ta thấy có cái gì cựa quậy rất êm, cúi xuống nhìn thì ra nó đang húc húc cái đầu tròn của nó vào tay áo của ta như muốn làm nũng. Thoạt tiên, « vấn đề » chỉ nêu lại câu hỏi : « Đi không ? Có thể đi không ? », một cách lưỡng lự.

Thảo thầm mỉm cười trước cái nhẫn nại của nó và thấy mình sẵn sàng xét lại.

Ờ ! mà kể ra cũng chẳng có gì khờ dại nếu anh đi tìm Hạnh lúc này. Trời đã tạnh cơn mưa rồi. Từ An-cựu đến Đập-đá, nếu có đổ xuống một đôi cơn mưa bất thường thì thiếu gì nhà ở hai bên đường cho anh vào núp. Từ Đập-đá xuống Dương-nỗ đường xấu quá và thưa nhà, nếu may gặp được một chuyến ô-tô-buýt không có người nào quen mà đi một đoạn thì hay biết mấy. Nửa tháng rồi anh chưa gặp Hạnh. Nếu chúa nhật này không chịu khó đi một chuyến thì lấy gì nuôi dưỡng mối tình mới chớm ? Uể oải một chút mà để cho lần này mưa gió lại xóa lấp một mối tình nữa thì uổng biết bao nhiêu. Đem vấn đề ấy ra xét lại, thế mà phải.

Nhìn xuống ly cà-phê, tự nhiên Thảo nảy ra một ý kiến. Anh lên tiếng gọi : « Liên ơi ! » không nghe tiếng vợ trả lời. Anh ướn người ra, quay mặt vói vào phía trong gọi : « Này ! Liên ơi ! ». Vợ anh khóa tủ lách cách vội vàng, vừa đi ra vừa nói, núng nịu : « Gì mà kêu gọi om sòm vậy ? » Thảo chỉ vào ly cà phê :

— Uống cái này tí nhé.

Anh vừa nói vừa với tay lấy một chiếc ly khác, chực sớt cà phê ra cho vợ một nửa phần. Nhưng Liên đã đưa hai tay bụm chặt miệng, rùn cổ lên, dụm hai chân lại trong một thế phòng thủ, và kêu rối rít :

— Thôi đi ! Thôi đi ! Ông mang cà phê ra bao giờ đó ? Hứng bất tử thế rồi đừng có trách !

Thảo cứ tiếp tục sang ra cho vợ một phần ly, rồi nói :

— Trời lạnh, uống một chút cũng thấy hay hay.

Liên vẫn che kỹ gồm bằng hai bàn tay gầy :

— « Hay hay » ! Rồi bón, rồi táo, rồi nhức đầu, mất ngủ sinh ra đủ thứ chuyện cho mà xem. Đã bảo cà phê nó nóng nhất. Thôi, tôi chịu ! Tôi dọn cất hết bây giờ !

Thảo có thể thản nhiên trước những bộ tịch vờ vĩnh của vợ. Anh biết phải làm thế nào và sẽ đi đến đâu. Anh quặt một tay ra sau, vói nắm tà áo của vợ, kéo nhẹ tới và nói :

— Thì uống với người ta cho vui. Ít thôi. Anh pha thêm nước cho loãng nhé.

Vợ anh đã ngồi xuống ghế. Vẫn còn bụm miệng, nhưng cười. Liên đã xiêu. Thảo nghĩ tới những lối phản đối của Hạnh, cũng nhiều bộ tịch rất giả tạo. Thảo cho rằng có thể liệt chung vào loại những *vờ vĩnh đàn bà*. Nếu anh tự chủ được, thản nhiên và sáng suốt như đối với Liên thì anh có thể khuất phục Hạnh.

Trong lúc anh đầy ly cà phê về phía vợ thì trong trí anh thoáng nghĩ : « Lại có tí nắng trên ngọn cây rồi. Gớm ! Thế mà đã định bỏ qua một lần nữa. Không đi làm sao mà đến ? Muốn được người yêu mà không chịu khó, mà tránh tiếp xúc thì làm thế nào ? Có thành được một mối tình hay không, quan hệ là ở chút tích cực đó. Chứ có cảm tình ngầm với nhau thì kể gì, một buổi dạo phố biết bao nhiêu là lần liếc nhau, những không bước tới nữa thì những cảm tình mới nhóm đó rồi tự xóa hết. Đừng có rụt rè mơ tưởng vu vơ. Phải ra tay hành động đi mới được... Chiều nay mà không đi thì đừng nên nghĩ tới Hạnh nữa ». Thảo thích thú về chữ *ra tay* có vẻ phấn khởi và quả quyết. Anh lại vui vẻ và thấy cần nói với vợ một câu :

— Trời mưa, ngồi nhà pha cà phê hầu vợ, thiệt đáng mặt nam nhi.

Liên vội bỏ ly xuống, cười cúc cúc, đưa tay chận lên ngực, giả vờ giữ cho khỏi sặc :

— Một chút đã kể công ngay ! Tại anh định pha cà phê cho em nên trời mới mưa đó chớ !

Thảo cũng cười trong mồm. Nhưng anh không biết mình đang vui về câu nói giễu cợt của vợ hay là đang hớn hở về cái ý quả quyết « ra tay ». Ý quả quyết « ra tay » lại lẫn lộn với một ý nghĩ về gương mặt bầu bĩnh của Hạnh mà anh thoáng nhớ tới khi liếc qua vẻ mặt Liên đang cười. Mặt của Hạnh bầu mà màu da lại tai tái. Mắt sáng, đa tình, mà cái nhìn hay lẩn tránh. Khi có điều đáng cười mà biết có người đang để ý đến mình, Hạnh cắn môi dưới, cúi đầu xuống. Thảo cũng nghĩ rằng đó là một lối kín đáo đè dặt vờ vĩnh của đàn bà, vì đàn ông khi cần kín đáo thì không tuyên bố thái độ mình ra như thế. Tuy nghĩ vậy Thảo vẫn thấy Hạnh rất dễ thương. Khi Hạnh cúi đầu xuống thì khoảng đôi mắt bị tối và người ta thấy rõ cái trán của Hạnh hơi dồ. Thảo nao nao trong người, muốn trông lại khuôn mặt, mái tóc ngoan ngoãn khi chiếc đầu ấy cúi xuống, muốn trông lại cái trán dồ ấy. Muốn trông thấy ngay buổi chiều nay ! Thảo cho rằng toàn thể những chi tiết cùng với nhau biểu hiện một vẻ dễ thương độc đáo mà anh đã hiểu được cũng như hiểu một tác phẩm. Cái vẻ độc đáo đó phải gọi như thế nào thì anh chưa nghĩ ra. Tuy thế kẻ đã hiểu một vẻ đẹp thì rất đáng tự dành cái quyền thưởng thức đó.

Thảo thấy mình định tích cực mạnh dạn lên một tí để « ra tay » ngay là có lý. Bây giờ không còn « vấn đề » nữa. Anh thấy tất nhiên là mình sẽ đi rồi, và quay lại sắp tìm một câu nói với vợ. Chợt gặp Liên đang theo dõi anh bằng một khóe mắt, anh nhớ là hai môi mình đang hé mở, cười vẫn vơ. Anh giật mình lo lắng, khép môi lại vội vàng, che dấu một chứng cớ ngoại tình bị hớ hênh. Và anh nhìn lại lên mặt vợ, dò thăm xem cái cười vừa rồi của mình có vẻ lơ đãng quá chăng, nhưng lại thấy Liên cười tự nhiên, tin cẩn

ở hạnh phúc, Thảo liền cười xòa để đáp lại sự hưởng ứng chậm trễ.

Những lúng túng ấy làm anh không kịp tìm ngay một câu nói. May vừa gặp lúc Liên lên tiếng : « Chiều nay anh thích ăn món gì ? Trời bắt đầu lạnh vào hôm chủ nhật phải có một bữa đặc biệt chớ » Thảo đáp :

— Phải rồi ! Trời lạnh... hay ta ăn bánh khoái đi... phải đấy...

Liên vội la :

— Thôi đi ! Lại hứng bất tử nữa. Ăn bánh khoái cho nhiều dầu vào để rồi lại ráo cổ bón cho coi. Đã nói dầu mỡ nóng nhất. Chịu cho các ông ! Ăn uống chi nghĩ cho thích khẩu, không thận trọng gì cả, tới khi đau một tí là kêu ầm lên.

Thảo cười lớn, có cảm tưởng như mình thực là một kẻ ngông nghênh vô tư. Anh ra vẻ bất cần, huênh hoang.

— Ới chà ! Thận trọng ! Cứ như em thì chỉ nên ăn cơm trắng với tôm kho suốt đời !

Thực ra Thảo và Liên đều giữ gìn sức khỏe kỹ lưỡng như nhau, nhưng mỗi người lo mỗi cách. Liên thì chú ý đến việc ăn uống. Theo Liên thì các món ăn chia làm hai hạng, hạng nóng và hạng lạnh, hai bên đều nguy hiểm. Ăn trứng gà thì sợ tròng trắng hàn, nhưng trứng vịt thì lại phải cái rất nhiệt. Những thứ rau tươi, trái cây đều là đồ sanh lãnh ăn vào sanh đàm. Đàm là nguyên do của hết thảy bệnh tật trong người. Đàm là cái mối lo thường xuyên của Liên. Ăn cá diếc, thịt cầy không được cũng vì lẽ ấy. Nhưng ngược lại, bánh khoái, cá ngừ, thịt heo, cà-phê... thì lại nhiệt, cũng cần tuyệt đối kiêng cữ. Liên thuộc đặc tính của các thứ hoa quả, thịt cá, như thầy thuốc thuộc tính dược. Và đối với Liên tất cả các món ăn đại khái cũng như là những món thuốc, chọn bữa ăn cũng như là kê toa thuốc.

Thảo thì ít quan tâm đến chỗ ấy, chẳng biết vì sao. Nhưng về một phương diện khác, Thảo lại bỏ Liên rất xa. Chẳng hạn Thảo rất ham đánh cờ tướng, nhưng cái lệ ngủ đúng chín giờ thì không thể vi phạm được. Đôi khi quá say mê, anh theo một ván cờ, nhìn lại đồng hồ thấy trễ đi mười phút, anh hoảng hốt xuýt xoa : « Bậy vô số ! Mất sức khỏe ! Mất sức khỏe ! » và anh vội vã đứng lên bỏ cuộc. Anh em bạn nhìn vẻ mặt ân hận hối tiếc của anh lúc anh nói : « Mất sức khỏe ! » có cảm tưởng là nghe nói đến một cái gì rất thiêng liêng, nên không ai nghĩ đến việc chèo kéo anh ngồi chơi tiếp.

Nếu đi đường mà anh ngồi phải một goong tàu chật, hay gặp phải một cái xe hơi xóc, hoặc trần xe hơi thấp, hoặc ghế xe hẹp, thì thế nào rồi anh cũng tự kiểm điểm lại và hối hận như phạm một lỗi lầm quan trọng trong đời. Anh lặp đi lặp lại : « Mất sức khỏe. Bậy! Bậy vô số ! ». Người ta không rõ lặp mãi trong mồm như thế để làm gì, và trộm nghĩ rằng cái lối ấy giống như một chú khuyển nhai gặm mãi một khúc xương khô hết thịt. Gặm lộp cộp như thế nó không được gì, kỳ thực có lẽ nó không rời nhả được cái cớ để tạm thỏa mãn một thèm khát chưa khuây. Đối với Thảo thì là một hối tiếc không khuây.

Thảo lúc nào cũng tính toán để khỏi phí sức và khỏi hao tổn tinh thần. Anh biết làm cách nào để cho ở sở anh luôn luôn có công việc trước mặt mà vẫn không hề bận rộn chút nào, anh biết chọn chỗ ngồi thoáng gió hơn hết, anh biết cách tránh khỏi các cuộc tranh cãi thảo luận vô ích để cho trí được khỏe khoắn thảnh thơi, đối với mỗi vấn đề cần giải quyết anh biết trình lên thượng cấp một bản dự thảo không giải quyết được gì nhưng đọc rất êm xuôi lưu loát. Nếu trong phòng có một cái quạt máy thì nó sẽ quay về hướng anh ; và nếu có cái đèn điện thì nó lại ở gần anh, phía bên trái. Đại khái sự sắp xếp của anh kín đáo, như không hề có sắp xếp, như anh do tình cờ mà gặp mọi thuận lợi, mà được thảnh thơi. Bởi vậy, khi bạn đồng sở để ý đến đều giật mình chịu là Thảo thần tình.

Thảo có cái tính quý mến bác sĩ và cho rằng trên đời không có nơi nào đáng lui tới hơn là các phòng khám bệnh. Các dược sĩ nghe anh nói chuyện về giá cả các thứ thuốc có thể lầm anh là một đồng nghiệp. Thuốc men là món sở thích đặc biệt của Thảo.

Sự lo lắng về sức khỏe của Thảo kín đáo hơn, còn Liên lại thường hay càng ràng can thiệp vào chuyện ăn uống kiêng cữ thành ra có nhiều dịp bị anh chế giễu. Những lúc đó anh muốn gây ra cái cảm tưởng rằng chỉ có vợ anh mới có những lo lắng lầm cầm như thế, còn anh thì... « bất cần ». Khi vui vẻ, Liên thích nhượng bộ, tôn Thảo lên, và nói : « Thôi ! Chịu các ông, tôi chịu các ông ! » như khâm phục cái ngông nghênh của chồng lắm.

Lần này, nhân cái không khí vui vẻ, Thảo mở đầu, lộ cái ý « ra tay » :

— Được chưa ? Dám ăn bánh khoái chưa ? Một năm một lần không bón ngay đâu. Em đồng ý thì cứ thong thả mà làm, chiều nay có ăn tối tối một tí cũng được. Độ sáu giờ nhé.

Anh ngừng một chút, rồi như nảy ý mới, tiếp ngay :

— Phải đấy. Sáu giờ. Anh đi chơi một tua, độ chừng đó về thì vừa.

Liên la lên :

— Trời này mà đi chơi ?

— Chứ sao ? Em coi, tạnh trời rồi. Mà có mưa chút ít, choàng áo tơi đi dạo càng thấy hay hay !

Anh lại làm ra bộ bất cần, ngông nghênh. Nhưng anh vừa bắt gặp trong ánh mắt của Liên một vẻ gì như là ngờ vực. Anh vội vã tìm gấp một ý nữa để nói tiếp, như là một người bơi kém tưởng đã đến gần bên bờ nên ngừng lại, chợt thấy bị hỏng chân vì nước còn sâu hoảng hốt đạp bơi túi bụi :

— Phải... Vâng, đúng rồi, hay là ta mời luôn vợ chồng cậu Năm dự luôn cho vui. Em thấy thế nào ? Nghĩa là cho vui ấy mà.

Thảo vươn cổ hướng mặt về phía Liên với một vẻ chờ đợi ngây thơ.

Liên mỉm cười. Cậu Năm là em trai của Liên. Anh ta không học hành và hơi ngớ ngẩn, từ ngày thày mẹ Liên mất, anh ta nghèo cực và làm công cho một xưởng đồ gỗ ở An-cựu. Liên thương hại người em ngớ ngẩn và thường giúp đỡ anh ta; hoặc tiền

bạc hoặc đôi món cần dùng, đôi khi dấu không cho Thảo biết. Liên có cái mặc cảm ngờ rằng Thảo khinh em mình. Vì vậy những lúc muốn chứng minh cái hạnh phúc đầm ấm của gia đình, Thảo nghĩ và nhắc đến cậu Năm một cách thân mật.

Trong khi soi gương thắt cà-vạt, Thảo thoạt nhớ rằng sáng nay Hồ có bảo là gặp Hạnh mua đồ ở Mô-ranh hôm thứ bảy, y cười ranh mãnh thuật lại lúc Hạnh đứng ngắm nghía những cái cà-vạt trong tủ kính. Thảo nghe đau nhói trong lòng, và chơi với lo lắng như vừa thất lạc một cái gì hệ trọng. Hồ vô tình nhắc anh rằng Hạnh có một đời sống riêng của Hạnh, khuất mắt anh: Hạnh dạo phố, đi chơi, mua đồ, ngắm cà-vạt và nghĩ ngợi đến người này người khác... Thảo không muốn ai cho biết rằng ngoài những lúc gặp anh Hạnh còn có một đời sống khác mà anh không được tham dự. Anh ao ước dòm vào toàn thể sinh hoạt của Hạnh. Hình như là cái ý định rạo rực đi Dương-nổ tìm gặp Hạnh không cần hò hẹn là nảy ra ngay lúc đó. Trong lúc nắn cái cà-vạt, Thảo tưởng tượng chốc nữa đây khi bước tới cổng nhà Hạnh anh sẽ thấy Hạnh hoặc đang khâu, hoặc đang gọt khoai, hoặc đang ủi quần áo cho em... đang làm những việc vặt vãnh hiền lành ngoan ngoãn không thể khiến nghi ngờ xa xôi. Tất cả cái tha thiết muốn đi Dương-nổ lúc này chỉ còn là mong được bắt gặp Hạnh trong cảnh sinh hoạt tầm thường nhất cho được yên tâm. Thảo quên mất cái lý luận « ra tay » tiến tới một bước trong tình yêu.

Lúc dắt xe ra đến cửa, Thảo quay lại nhìn Liên. Không hiểu sao anh phải nhìn kỹ lại mặt vợ khi bắt đầu việc phản bội. Anh ngập ngừng, lại thấy cần một câu gì để nói, nhưng Liên không để ý đến, nên anh lướt đi.

(còn nữa)

VÕ PHIẾN

★

Tin mừng trong văn học giới

Chúng tôi rất vui mừng được tin **Văn học tạp chí** cơ quan chuyên nghiên cứu văn chương học thuật do Cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải chủ trương, sẽ phát hành vào hạ tuần tháng 1-1959.

Cụ Á-Nam, một nhà thơ lão thành mà thi phẩm đã nhiều lần đăng trên Bách-khoa, nay chủ trương tạp chí **Văn-Học** trên đây chắc chắn sẽ thâu lượm được kết quả tốt đẹp. Chúng tôi chân thành chúc đồng nghiệp **Văn học tạp chí** mạnh tiến trên đàn ngôn luận.

Cải chính

Bài « *Những cánh thiếp tết* » trong tập báo kỳ này, ở mục *Úc viên thi thoại*, trang 46, sau bản chữ ngòi lông, hàng thứ 5, có câu :

Cho nên nàng Thơ phải tự tay nhúng ngòi **thơ** trong ao nghiên đá...

Xin đọc lại : ... nhúng ngòi **thỏ** trong ao nghiên đá...

MỘT TRUYỆN LIÊU-TRAI.

PHÒNG-VĂN-THỤC

KIỀU-YIÊU dịch

ĐẶNG-THÀNH-ĐỨC, ở Khai-phong, tỉnh hội tỉnh Hà-nam, du học ở Duyễn-châu (nay là huyện Tư-dương, tỉnh Sơn-đông) lưu ngụ trong một ngôi chùa đổi phế, đi biên chép thuê cho những chức viên lập sổ kiểm tuổi nhân dân.

Gần cuối năm các liêu hữu đều ai về nhà nấy. Riêng Đặng ở nán lại, nấu ăn trong miếu một mình. Sớm tinh sương, có một thiếu phụ gõ cửa đi vào, đẹp tuyệt, bước lại trước bàn Phật đốt nhang vái lạy rồi trở ra.

Hôm sau cũng thế. Đêm ấy, Đặng thức giấc khêu đèn, có công việc cần phải làm. Ả lại đến có phần sớm hơn trước. Đặng nói : « Cô lại sao sớm thế ? » Ả rằng : « Chờ đến sáng bạch, sẽ có đông người lộn xộn, chi bằng lại sớm. Nhưng sớm quá, thì lại e quấy rầy giấc ngủ yên tĩnh của chàng. Vừa thoáng thấy ánh đèn, biết chàng đã thức, nên mới vào đây. »

Chàng ướm lời trêu ghẹo : « Trong chùa vắng vẻ không người. Giả sử đến ở trọ, thì sẽ khỏi phải đi đi về về nhọc nhằn. » Ả mỉm cười nói : « Nếu trong chùa vắng vẻ không người, thế thì chàng là ma đó sao ? »

Đặng xét thấy ả là người có thể lả lơi, bèn đợi cho vái lạy xong, kéo ả ngồi xuống, cầu xin giao hoan. Ả nói : « Trước mắt Phật lẽ đâu làm việc ấy được sao ? Thân đã chẳng có nhà, lại còn vọng tưởng. »

Đặng cứ nài nỉ không thôi. Ả bảo : « Cách đây ba mươi dặm (0,576 km x 30 = 17,280 km), trong một xóm nhỏ có sáu bảy cậu thiếu niên, định mời thầy dạy mà chưa được. Chàng hãy đi tìm thăm ông Lý-Tiền-Xuyên, là sẽ được việc. Hãy bịa chuyện có đem gia đình theo, xin cấp cho một gian nhà riêng. Thiếp sẽ nấu ăn cho chàng. Kế đó có thể lâu dài được lắm. »

Đặng lo sự tình một mai phát giác ắt sẽ bị tội. Ả nói : « Không hại gì Thiếp họ Phòng, tiểu tự Văn-Thục, tuyệt không có ai thân thuộc, suốt năm ở trọ nhà cậu, ai biết được đâu ? » Đặng lấy làm mừng.

Bèn từ biệt ả, lập tức tìm đến xóm nhỏ, yết kiến ông Lý-Tiền-Xuyên. Cuộc thương lượng quả được ổn thỏa, chàng hẹn trong năm sẽ mang gia đình đến ngay.

Lúc quày về, một sớm tinh sương nói chuyện lại cho ả biết. Ả hẹn sẽ đợi ở nửa đường. Đặng từ giã những người cùng xóm, rồi mượn ngựa ra đi. Quả nhiên ả đứng chờ ở nửa đường. Bèn xuống ngựa, trao dây cương cho ả. Ả tự điều khiển con ngựa, cùng nhau kế tục lộ trình. Khi đã đến thư trai dành sẵn, nỗi vui của hai người tương đắc thật vô cùng.

Trong sáu bảy năm trời họ nghiễm nhiên thành ra cầm sắt. Mà tuyệt nhiên không ai đến kiếm kẻ đào vong bao giờ. Ả bỗng sanh một đứa con trai. Đặng nghĩ đến người vợ son ở quê nhà, được mụn con đầy mừng rỡ khôn xiết, đặt tên là Duyễn-Sanh.

Ả nói : « Chắp nối như đôi ta, chung cục cũng khó thành vợ chồng thật được. Thiếp toan cáo biệt chàng nay mai gì đây. Ai dè lại sanh ra thứ hệ lụy nầy làm chi » Đặng nói : « May phước là còn được tiền dư. Định cùng em lẻn trốn về quê nhà, sao em lại nói thế. »

Ả nói : « Xin cám ơn, xin cám ơn chàng. Thiếp không tài nào uốn lưng cười nịnh được, chầu chực bên mình chị cả để làm vú em cho người ta đâu. Suốt ngày nghe oa oa bên tai, thật khó mà chịu nổi. » Đặng hết sức biện minh cho vợ nhà, cam đoan là chẳng ghen. Ả không nói gì cả.

Hơn tháng sau Đặng dẹp lớp dạy tư, bàn tính với con trai của Tiền-Xuyên cùng nhau bước vào thương nghiệp. Bèn bảo ả : « Anh thiết tưởng làm thầy đồ mở tư thục, chắc không mong gì trở nên giàu có được. Nay thử học nghề buon bán, hẳn sẽ có ngày về xứ rạng mặt nở mày. » Ả cũng không nói gì cả.

Đêm ấy, ả hốt nhiên ẵm con đứng dậy. Đặng hỏi : « Định làm gì thế ? » Ả đáp : « Thiếp muốn đi. » Đặng vội vàng đứng lên, đuổi theo hỏi cho vỡ lẽ. Cửa ngõ chưa mở mà ả đã biến đâu mất. Rất sợ hãi, bấy giờ mới chợt hiểu ra ả chẳng phải là người. Đặng xét thấy tung tích khả nghi, nên cũng chẳng dám nói cho ai biết cả, chỉ bịa chuyện ả đi về thăm cha mẹ ruột cho xuôi.

Trước kia Đặng lìa nhà, hẹn với vợ là nàng Lâu, cuối năm nhất định sẽ về. Thế rồi luôn mấy năm biệt vô âm tín, có tiếng đồn chàng đã chết. Người anh thấy

nàng không con muốn cho nàng cải giá. Lâu xin triền hạn đợi chồng thêm ba năm nữa, đêm ngày chỉ vò võ phòng không, đánh sợi dệt vải để độ nhật.

Một hôm, trời chạng vạng, ra đóng cửa ngoài. Có một nữ lang lên bước vào, trước ngực bế một đứa nhỏ quấn khăn. Ả nói : « Em từ nhà mẹ em đi về bên chồng, lỡ gặp trời tối. Biết chị ở một mình, nên xin ngủ nhờ đêm nay. »

Lâu mời ả vào. Lúc đã vào trong phòng, dòm kỹ ả, thấy người đẹp, chừng hai mươi ngoài, vui vẻ lên chung một giường. Rồi dùa với đứa bé, trắng như hột bầu. Nàng than rằng : « Cái thân sống thừa nầy lại chẳng được một mụn như thế. »

Ả nói : « Chính em đương bực mình về nỗi có con là đeo lấy phiền lụy. Giả như cho chị làm con, thì ý chị thế nào ? » Lâu đáp : « Tôi chẳng dám nghĩ rằng cô nỡ dứt tình mẫu tử. Mà dẫu cô đành lòng đi nữa, thì tôi đây không sữa, cũng không thể nào nuôi nó sống được. »

Ả nói : « Cái đó có khó gì ? Lúc em sanh, những sợ không sữa, lo uống thuốc, chỉ có nửa tễ mà đã kiến hiệu. Nửa tễ kia nay vẫn còn đây, xin sẵn lòng tặng cho chị. » Bèn lấy ra một gói nhỏ, để trước cửa sổ. Lâu ừ lấy có, chưa kịp ngờ lạ về chuyện gì cả.

Rồi cùng ngủ. Đến lúc thức dậy gọi ả, thì thằng bé còn đó, mà nữ lang đã mở cửa đi mất tự hồi nào. Nàng sợ hãi vô cùng. Trời dần sáng, thằng bé đói bụng khóc. Lâu bất đắc dĩ bỏ thuốc vào miệng ngậm nuốt. Một lát sữa chảy ra, bèn cho đứa nhỏ bú.

Hơn năm sau, thằng bé càng ngày càng mũm mĩm, dần dần học nói được. Nàng yêu mến nó chẳng khác nào con ruột Từ đấy ý định cải giá tắt hẳn. Ngặt một nỗi phải ẵm bồng đứa nhỏ từ sáng sớm, không làm lụng gì được, nên cái ăn cái mặc ngày một thêm túng quẫn.

Một hôm nữ lang chợt đến. Lâu sợ ả đòi con lại, đầu tiên bắt lỗi ả khi không bỏ đi, rồi thuật nỗi khổ của chính mình nuôi nấng đứa bé. Ả cười rằng : « Chị tưởng đâu hễ chị kể lể bao nhiêu gian nan của chị là em giao con luôn không đòi lại sao ? » Bèn vãy đứa bé lại. Nó khóc ré lên, đâm bổ vào mình Lâu.

Ả nói : « Bé không còn nhìn mặt bò mẹ nữa rồi. Nhưng cái của nầy trăm lượng vàng cũng không đổi được đâu. Chị nên đem vàng lại công sở làm tờ chứng khoán mua con mới được. »

Lâu tưởng nói thật đỏ cả mặt. Ả cười rằng : « Chị đừng hoảng hồn. Em lại đây chính vì con. Ngày từ biệt nhà chị ra đi, vẫn lo không có tiền để hoạn dưỡng nó, nên chạy khắp nơi được mười mấy lượng vàng. » Bèn lấy vàng ra trao cho Lâu.

Lâu sợ nếu thế thì từ đó trở đi ả muốn đòi con lại lúc nào mà chẳng được, nên kiên quyết khước từ không nhận lãnh. Ả đặt tiền trên giường, rảo bước ra cửa đi mất. Bế con chạy đuổi theo, thấy ả đã đi xa, cất tiếng gọi lớn, cũng chẳng ngoái lại, vẫn ngờ ả có ý gì hiểm ác.

Nhưng từ ngày được vàng, đem cho vay

dành dụm vốn lời, gia cảnh nhờ thế mà thành khá giả. Ba năm qua, Đặng mở cửa hàng buôn bán có tiền dư, sửa soạn hành trang đi về. Đương cùng nhau hàn huyên uý lạo, chợt đưa mắt nhìn quanh mà hỏi: « Con ai thế ? » Người vợ đem cả gót đầu thuật lại. Hỏi: « Tên gì ? » Đáp: « Mẹ nó kêu tên nó là Duyễn-Sanh, nên cứ y như cũ. »

Đặng sửng sốt nói: « Nó quả thật là con anh. » Hỏi lại ngày giờ cho rành, thì đúng cái ngày ả tìm đến lúc trời còn đêm. Bấy giờ Đặng thuật hết những tình tiết hợp li giữa chàng và Phòng-Văn-Thục. Hai vợ chồng càng cảm thấy vui mừng, ước mong ả còn đến nữa, nhưng tâm dạng ai từ đó vắng tanh luôn.

BỒ-TÙNG-LINH
(1640-1715)

Bản dịch của KIỀU-YIÊU

ĐÓN ĐỌC :

GIÁO-DỤC PHỔ-THÔNG

Số XUÂN KỶ-HỢI (1959)

★

— Một tập tuyển đặc sắc về Văn-học và Văn nghệ.

— Một tập trung của nhiều cây viết hữu danh Thủ đô và các tỉnh.

— Quí Bạn sẽ rất hài lòng với Giáo-Dục Phổ-Thông, số XUÂN KỶ-HỢI vì bài vở chọn lọc, vui tươi, trình bày trang nhã.

★

Giá bán lại phổ thông.
Phát hành vào ngày 23 tháng chạp.

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG IX

Khi trở về tới kinh thành, Mộc-Lan đưa Man-Ni về tới tận Tăng-phủ. Hai ông bà Tăng - văn - Phác thấy người con dâu khỏe mạnh, vui vẻ, ông bà xiết nỗi mừng rỡ, nhưng ông bà cũng không khỏi không phàn vàn nghĩ ngợi, vì thấy nàng cứ đẹp lỗ lộ ra ; ông bà tự hỏi, cái việc cho phép nàng đi khỏi nhà, dù là để đi du ngoạn, liệu có phải là một việc nên làm hay không ? Cái lúc nàng trở thành một quả phụ, nàng mới có mười tám tuổi đầu. Sau hồi tang tóc, buồn thảm, cái sức sống mãnh liệt và cái tuổi phát dục đã thúc đẩy sự sinh trưởng và làm cho nàng một ngày một kiều diễm thêm lên. Bao nhiêu vết tích đau thương, sầu khổ, đã nhờ thời gian xóa nhòa hết.

Nay, khuôn mặt trái xoan của nàng, mỗi ngày mỗi thêm rạng rỡ, cặp má đào cứ mơn mởn ửng hồng ; đôi mắt ánh loáng tựa như nước hồ thu, dưới hai hàng lông mi ông mượt như những sợi nhung tơ ; cái phong độ của một trang giai nhân tuyệt thế của nàng, cứ ngày thêm rõ rệt. Ngần ấy điều làm cho Tăng - tiên - sinh nửa mừng, nửa lo, ông tự lấy làm khó nghĩ, chẳng biết nhà mình có đủ phúc khi để được có mãi mãi, một người nàng dâu, đủ cả đức hạnh, lẫn nhan sắc như vậy không ? Ông càng nghĩ, càng tiếc con, thương dâu ! Không biết cái mệnh vận sau này sẽ ra sao ?

Man-Ni khoe với bố mẹ chồng rằng, hai chị em Mộc-Lan, đến thu này, sẽ đi Thiên-Tân, tòng học.

Mộc-Lan nói : « Thưa ký phụ, ký mẫu, việc đó cũng chưa quyết định hẳn, đâu ạ..... Song thân con mới bàn thế đấy, thôi ạ..... »

« Ô ! đã lớn tuổi như con, mà còn đi học ? » Ông Tăng - văn - Phác hỏi thế và nói tiếp : « Một người con gái đã lớn, mà ly khai gia đình để tòng học, mà lại còn lưu trú ở học hiệu, ta e không biết có tốt hay không ?..... Với lại, việc gì phải đi xa như vậy ? đi mãi lên Thiên - Tân kia.

Quế-Cô nói : « Thưa lão gia, tôi tưởng các việc ấy là do ý riêng của bên Diêu-phủ, không biết ta có nên can thiệp tới không ạ ? »

Tăng-tiên-sinh chỉ cười cười, còn Tăng-thái-thái đáp : « Ô, đối với Mộc-Lan thì không sao, vì Mộc-Lan chẳng

vẫn là con cái nhà ta là gì. »

Man-Ni nửa cợt, nửa thực, nói : « Thưa ba má, có lẽ ta cũng phải coi chừng, mà đừng để cho con linh điểu đó, nó bay đi mất, thì uổng quá ! Nó bay đi mãi Thiên-Tân thì rồi liệu nó có bay trở về không ? »

Mộc-Lan vội cãi : « Ơ kia, Man-Ni, em đi đây, là em đi học đấy chứ, mỗi tháng, em sẽ lại về thăm nhà, kia mà ! »

Mộc-Lan về nhà, lên chào mẹ xong, thì về phòng mình để thay quần áo. Con Cầm-Nhi liền lên thủ thỉ với cô :

« Trời ơi ! Cô đi vắng, nhà cửa nó trở nên rộng rãi, trống trải, quá đỗi !.... Thế rồi, Nhũ-Hương đi về thăm nhà, chỉ còn trơ trọi có mỗi một mình cháu với Ngâm-Bình thôi..... à, với lại, hôm qua, chúng cháu có đi hỏi thăm chị Thúy-Hà và đứa con nhỏ của chị..... » Nguyên lai, năm ngoái đây, Thúy-Hà đã đi lấy chồng, lấy con trai lớn của bác La-Đại, mà chồng Thúy-Hà thì làm ở gia đình nhà họ Vương.

« Thế hồi này, Thúy-Hà ra sao ? » Mộc-Lan hỏi Cầm-Nhi như vậy.

Cầm-Nhi đáp : « Dạo này, chị ấy cũng khá, mà đứa nhỏ của chị ấy xinh quá !..... Hôm đó lại là hôm đầy tháng của nó, tuy thái-thái không nhớ, nhưng chúng cháu cũng rủ nhau, lấy danh nghĩa của cô, đem lại cho đứa nhỏ một đôi giày « đầu lão hổ » và hai đồng bạc... Ngoài ra, ba đứa chúng cháu còn gom tiền mua cho nó một đôi vòng tay, nữa... Thúy-Hà có gửi lời cảm tạ cô và chị nói, vài hôm nữa, chị ấy sẽ mang con lại chơi, để thăm cô, đấy. »

Mộc-Lan nói : « Mấy em ăn ở thiệt là chu đáo, tôi rất vui lòng... à, thế còn Ngân-Bình ? Ngân-Bình ra sao ? »

Cầm-Nhi đáp : « Thưa cô, cái tình cảnh của Ngân-Bình thiệt là khó khăn... Trong khi cả nhà đi vắng, chúng cháu có chuyện trò, bàn bạc, với nhau rất nhiều... Kể ra, tất cả, không phải lỗi tại nơi chị ấy... Cái phận của chúng cháu là kẻ đi ăn, đi ở, thì đã có thời hạn, hoặc dăm năm hay mười năm, thì là dăm năm hay mười năm, thôi ; ngoài cái hạn đó ra, chúng cháu, mỗi người phải lo tới sự nhiên hậu của mình... Riêng về phần cháu, cháu tình nguyện ở với cô suốt đời, nếu có thể được, thì... »

— Cầm-Nhi cứ yên tâm... em với cô, ta đã sống với nhau suốt từ tấm bé cho tới lớn khôn, cô nói thiệt, cái tình không khác gì tình chị em, ai lại có thể đành tâm mà phân ly nhau... »

— Nhưng, thưa cô, cái tình cảnh của Ngân-Bình khác hẳn... Khi chị ấy đến đây, chị ấy được sai, riêng phục thị đại-thiếu-gia, từ bấy nhẫn nay, đã lâu lắm rồi... nay chị ấy đã ngoài hai mươi và hơn hẳn tuổi của đại-thiếu-gia... thành thử ra, cái địa vị của chị ấy nó không rõ hệt ra sao cả ; cao, không phải cao, mà thấp, cũng chẳng phải thấp... Thế rồi, chị ấy ở đây sung sướng đã quen, nhất định, chị ấy không chịu trở về quê nhà, lấy một chú nông phu hay một anh nhà quê, nhà mùa, thô lỗ... Phần nữa, chị ấy cũng không thể đợi được tới khi đại-thiếu-gia kết hôn... Mà, cứ nghe chị ấy nói, cháu nhận thấy, chị ấy không muốn dời kinh thành, để về quê... Tình cảnh của chị ấy chẳng giống tình cảnh của ai hết ; vâng, thưa

cô, Nhũ-Hương còn đủ cả cha mẹ, ở ngay đây, mà về phần cháu, tuy ba má cháu đã mất cả rồi nhưng, cháu có thể ở với cô được mãi mãi, mới lại, một khi đã có cô, thì không bao giờ sợ khổ... Còn chị ấy, thì không biết chị ấy làm thế nào ? »

Mộc-Lan nói: « Cầm-Nhi nói rất đúng... vả lại, xưa nay, bao giờ cũng thế, cái măng ở trong đất, bao giờ cũng mọc trở lên, để vượt lên khỏi mặt đất ; nhân tâm, ai cũng thế, ai cũng muốn vượt lên trên những bạn cùng hàng, cùng cảnh, với mình. cái đó đã đành, nhưng, có một điều, nếu Ngân-Bình không bằng lòng về Nam, ba má có thể tìm cho chị ấy một người chồng tử tế, ở ngay đất kinh thành này, như vậy, có hơn không ?»

Cầm-Nhi nói : « Vâng, nếu chị ấy ưng ý như vậy, thì còn phải nói gì nữa ; nhưng, thưa cô, chị ấy lại có ý khác kia !... Ở đời, nếu ai cũng biết điều, biết an phận, thì chẳng có cái gì là khó khăn, là khó xử cả ; thiệt chỉ tại ở như ông mình. » Mộc-Lan nhìn Cầm-Nhi không chớp mắt, Cầm-Nhi nói tiếp : « Đại-thiếu-gia là một người rất tốt, cậu đối với chị ấy, bao giờ cũng ôn hòa và thể-tuất ; lúc cậu ấy vui vẻ, thì cậu ấy nói, kiến trong lỗ cũng phải bò ra, nhưng, lúc mà cậu ấy gắt, bẳn, thì phải coi chừng, mà, thưa cô hình như đàn ông, con trai, ai cũng như vậy cả... Lại còn thế này nữa, cho dẫu chị Ngân-Bình có ưng thuận xin thôi, nhưng đại-thiếu-gia không nghe, thì làm thế nào ?... Chị ấy còn nói rằng... »

Cầm-Nhi đương nói thì Nhũ-Hương bước vào và bảo, Ngân-Bình bị đau bụng, cậu Địch-Nhân sai nó đi xin thuốc, chính hồi năm ngoái, Ngân-Bình cũng bị đau bụng như thế, nên chẳng ai lấy làm lạ, nhưng, từ chiều, hình như Ngân-Bình bị đau kịch hơn, nên cậu Địch-Nhân, mặt tái mét, cuống cuồng chạy bổ tới phòng thái-thái để nói với thái-thái, cho đi mời y-sinh để xem bệnh và chữa cho chị.

San-Thư, lúc đó đang ở trong phòng thái-thái, cô nói : « Hãy cứ thư thả, việc gì phải mời y-sinh ... Nó đau bụng là thường, hãy cứ cho nó uống một liều thuốc tẩy và thuốc chỉ-thống là khỏi ngay, đấy mà ; nhưng phải dặn nó, chớ có ăn uống một tí gì cả, và nếu khát, chỉ được uống nước hà-diệp thôi. »

Mạc-Sầu nói : « Có lẽ cái trò đau bụng, đau bão này, đánh chết cũng là do tại anh đã nói cho hắn biết rằng, anh sắp xuất dương, sang Anh-Cát-Lợi, chứ chẳng sai ! »

Địch-Nhân đáp : « Có, anh có bảo nó, anh sắp xuất dương, nhưng, quả thiệt tình, nó nói, nó rất vui vẻ, nếu anh được đi ra ngoại quốc, để đi thăm cái thế giới ngoại dương, kia mà. »

Mạc-Sầu nói : « Em thì em bảo, chỉ tại có bấy nhiêu đấy thôi, anh muốn hảo chữa thế nào, thì bảo chữa, em bảo, chỉ tại thế ! »

Địch-Nhân nói : « Em đừng có bất công như thế, em ghét bỏ gì nó mà cứ ngờ oan cho nó..... em không biết, chứ, nó đau cho đến nỗi môi nó trắng bạch cả ra, lại còn ; có thể nào giả vờ như vậy được, kia chứ ?... Bệnh đau bụng cũng có thể rất nguy hiểm đấy nhá ! »

Mạc-Sầu đáp : « Không, không, em không nói là bệnh đau bụng không nguy hiểm, nhưng, em nói thiệt, nếu anh cứ bảo cho hắn biết, là anh đã

đổi ý, anh không đi ngoại quốc nữa, em dám quả quyết rằng, cái bệnh đau bụng đó, sẽ tiêu tán hết ngay. »

San-Thư hỏi Địch-Nhân: « À, thế ra cậu nhất định đi thiệt, đấy hả? »

Địch-Nhân đáp: « Nhất định chứ!... Thiệt tình, cả nhà, chẳng có một ai hiểu tôi cả... Ai cũng ngờ vực rằng, tôi không dụng công và chẳng hiểu một tí gì về sự quan hệ của học vấn cả... Nhưng, đối với học vấn, tôi có một cái tín niệm riêng của tôi... Xưa nay, ai ai cũng nói: « học giỏi để thi đỗ và làm quan »... tôi thử hỏi tất cả, việc gì tôi phải cố học cho giỏi để đi đỗ, để làm quan? Việc gì tôi phải cần khổ học? Tất cả thử dịch địa vị sang cái địa vị của tôi xem; nhà có cần tôi phải đi làm, để kiếm tiền, nuôi nhà, không đã? Nhà có cần tôi phải đi làm quan không đã?... Tôi thấy cả nhà, ai cũng tán dương và ca tụng nhà cậu Lập-Phu, tất cả có hiểu đâu rằng, nhà cậu ta bắt buộc phải ra công học, để thi đỗ, để rồi sau, đi làm nuôi em và nuôi mẹ? Tất cả phải biết, để thành một người tốt, tôi cũng chẳng kém ai cạnh nào cả... bởi vậy, tôi nhất định phải xuất dương, đi du học, để có thể vượt lên trên cái trò chăm học, thi đỗ và làm quan. »

Bà mẹ cậu nghe những lời biện luận hùng hồn của cậu thì lấy làm vô cùng đắc ý. Trong cơn hăng nói, mặt cậu sáng lên. Cậu, cũng giống Mộc-Lan, có cái mũi dọc dừa, với cặp lông mày rậm như của ông bố và ở hai bên mép, môi trên, lún phún một ít râu ngắn; trông cậu cũng có vẻ trượng phu, thứ nhất cậu đương trổ tài hùng biện để cố làm ra bộ trang nghiêm, kiên quyết và « ta đây kẻ giỏi! »

Bà mẹ cậu bảo cậu: « Miễn là con chân chính quyết tâm, để cho nên người, thế là tốt lắm rồi, mẹ chẳng cầu gì hơn nữa... Hồi hôm qua, con đã tỏ ra là một người hiếu thuận, mẹ lấy làm hãnh diện trước mặt cậu Lập-Phu và bà mẹ cậu... Thiệt tình, mẹ không cần con phải đi làm, để kiếm tiền, hay làm quan, làm tư, gì « sốt » cả!... Mẹ chỉ mong, con trở nên đứng đắn và thứ nhất bỏ được cái tính cục cằn, hung hãn đi, và khi có điều gì thất ý, thì đừng có đập phá đồ đạc! »

Địch-Nhân đáp: « Thưa mẹ, sở dĩ, thỉnh thoảng con đập vỡ một vài cái đồ đạc, là vì con nghĩ thế này, chẳng lẽ, cứ dùng nó mãi mãi, thì thợ thuyền người ta làm ra cái mới, người ta làm thế nào mà bán đi được; vả, đồ dùng có bể vỡ thì mới mua được cái mới chớ... Nếu những người có tiền, không bao giờ mua đồ mới, thì thợ thuyền nhất định chết đói hết... Tiền,... tiền!... Tại sao ta lại sinh ra ở một gia đình giầu có? Đức Mạnh-Tử đã chẳng hói: « Một khi trời đã định giao một cái đại nhậm cho một người nào, thì, trước hết, trời bắt người đó phải khổ về tâm tri, nhọc về cân cốt: thân thể phải chịu đói rét, phải chịu đau đớn ê chề; đối với việc gì trước hết cũng bị phất loạn, để cho người đó, bị xúc động ở tâm can, mà tập cho quen với cái tính nhẫn nại; để cho người đó có đủ kiên quyết và nghị lực để thắng các trở lực mà làm tròn được cái nhiệm vụ mà trời đã dành cho. »

(còn nữa)

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Cùng các bạn của Bách-Khoa :

Sau khi ra số đặc biệt lễ Giáng-sinh, chúng tôi được nhiều bạn hoan nghinh sáng kiến này, và mong mỏi qua năm mới Bách-khoa sẽ ra những số đặc biệt về :

— **Phật-giáo,** nhân ngày Phật-đản.

— **Khổng-giáo,** nhân ngày Khổng-đản.

— **Phụ-nữ,** nhân ngày giỗ Hai Bà...

— **Thanh, thiếu niên,** nhân ngày giỗ đức Phù-Đổng.

— **Nhi-đồng,** nhân Tết Trung-thu

Điều các bạn mong mỏi cũng đúng là điều mong mỏi của chúng tôi. Song có thực hiện được hay không, một phần lớn là do các bạn.

Vậy từ bây giờ, xin các bạn góp cho ý kiến, tài liệu và bài vở về những số dự kiến trên đây.

Chúng tôi xin đa tạ.

BÁCH-KHOA

★

Những bài đã nhận được : Thơ dịch (Lý-Bá-Toàn — *Tuy-hòa*) Những sự sai lạc ngày nay (P.I.N) Trả lời (Xuân-Vĩnh). Thơ (Diệu-Thanh) Thơ dịch (Tử-Khải). Mây Trời (Huân-Nguyên) Hoài hương (Tôn nữ Huyền-Linh) Thơ (Phan-Hiền-Đức) Bao giờ có xuân (Hương-Quy) Tiểu thuyết gia với các nhân vật của mình (L.V.P. dịch) Xuân hứng (Quang - Trí) Thuyết tính thiện và tính ác với việc giáo dục (L.M. Bích-Quang) Án tử hình (Phan-Văn-Thiết).

Các bài trên đây chúng tôi đương xem và sẽ trả lời lần lần trong mục Hộp Thư này.

Tôn nữ Hoàng-Trân : Đã nhận được thêm bài thơ của **Thiên - Giang,** sẽ đăng. Xin cho biết tên và địa chỉ thực để chúng tôi gửi báo biếu.

Ngụy-Tăn-Thương : Đã nhận được các bài thơ. Sẽ xin lựa đăng dần.

Nguyễn-Thiếu-Nguyên (*Dalat*) : Sẽ đăng lần lượt cả hai bài biên khảo của ông.

Diên-Nghị : Đã nhận được thơ xuân. sẽ đăng trên số Tết.

Hy-Vũ (*Blao*) : Hai bài thơ sẽ lựa đăng cùng với các bài thơ khác của ông. Truyện ngắn rất tiếc không đăng được.

Ô. Kiều-Vân (*Kiên-giang*) : Đã nhận được thư ông, nhưng không rõ địa chỉ nên không trả lời riêng được. Những bài gửi về tòa soạn nếu đã được đăng, đều có biếu báo hoặc bút phí, tùy theo loại thơ hoặc truyện ngắn hay khảo luận. Nếu ông mua báo từ số 1 đến 39, ông sẽ được hưởng giá mua dài hạn

Ô. Hy-Văn (*Huế*) : Rất tiếc bài khảo luận và truyện ngắn của ông không đăng được. Các bài thơ loại trữ tình không có gì đặc sắc cả, có lẽ loại thơ xây dựng của ông khá hơn. Người chịu trách nhiệm trả lời ông bằng thư riêng rủi bịnh từ gần một tháng nay, nên đã làm ông mất công chờ đợi, mong ông thứ lỗi cho.

Ô. Kim-Thu (*Tam-kỳ*):Chúng tôi đã nhận được thư của ông. Xin chân thành cảm ơn ông đã khuyến khích chúng tôi rất nhiều. Đăng thơ ông mấy lần mà dịp này mới biết tên và địa chỉ thực. Bài « Tâm-sự » sẽ đăng vào số xuân hay số tân niên. Rất mong các sáng tác khác nữa của ông.

Các bài không đăng : Trăng mơ (Duy-Thanh) Đợi tin (Kim-Thạch) Sầu đạ (H. Chi - Linh) Trong ngõ hẻm (V. M. Khanh).

Các bài trên đây, vì nhiều lý do, nên rất tiếc hoặc không đăng được, hoặc chưa đăng được ngay.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Grammaire et Syntaxe** » của giáo sư **Phạm-Tất-Đắc**, do nhà xuất bản A.B.C. phát hành và gửi tặng. Sách dày 240 trang giá 50$. Sách soạn theo chương trình bộ Q.G.G.D. rất tiện cho các giáo sư chọn và trích bài cho học sinh, và những người tự luyện pháp văn.

— « **Trung-quốc sử lược** » của ông **Phan-Khoang** in lần thứ ba, do tác giả gửi tặng. Sách gồm 5 thiên, (thời kỳ thượng cổ, trung cổ, cận cổ, cận đại và hiện đại).

Ông **Phan-Khoang** một cây bút khảo luận quen thuộc của các bạn đọc Bách-khoa biên khảo rất công phu.

« **Trung-quốc sử lược** » rất lợi ích cho các học sinh trung học đệ nhất và đệ nhị cấp cùng các bạn cần tham khảo về sử Trung-hoa. Sách dày 616 trang. Giá 120$:

— « **Lịch sử Việt-nam** », quyển I, lớp Đệ Thất ban Trung học đệ nhất cấp, của **Phạm-Hoàn-Mĩ**, và một nhóm bạn, do Tân-việt xuất bản, giá 35$, có bản nhạc « **Đi viếng đền Hùng** và phụ bản « **Bốn biểu hiệu của dân tộc Việt** », do tác giả gửi tặng.

Tuy sách giáo khoa, song sử quan của tác giả và các bài đọc thêm khiến cuốn sách khỏi khô khan, và đọc thấy hứng thú.

Quyển II sẽ phát hành sau Tết.

« **Lược khảo về hiến pháp : Hồi-quốc, Miến-điện, Tích-lan** » của ông **Đoàn-Thêm**, do tác giả gửi tặng. Ba tập trên đây là một phần trong bộ « **Lược khảo về hiến pháp các nước Á-châu** » mà tác giả đã trích đăng trên nguyệt - san của « **Học viện** »

— **Ngôi sao lạ** (*thơ*) của **Mai-Lâm**, trình bày rất mỹ thuật. Sách dày 19 trang giá 12$.

Nhà sách Thanh-quang gửi tặng :

— « **Quốc văn Độc bản lớp Ba** » quyển 2 của ông **Nguyễn-Văn-Xuân** soạn. Sách dày 78 trang giá 18$.

— « **Trồng cây ăn quả** » phương pháp thực hành về ngành trồng giọt của **Nguyễn - Khoa-Chi** và **Phan-Phương**. Sách dày 78 trang giá 30$.

— « **Phương pháp rọi hình** » của **Minh-Thành** giá 34$.

— « **Kẻ nội thù** » trong « **Tủ sách chống Cộng** », của Linh mục **Raymond J. de Jaegher** do ông **Văn-Tự** dịch và nhà **Hiện-Tại** xuất bản.

« **Kẻ nội thù** » là cuốn sách giá trị được dịch ra nhiều tiếng, thuật lại những việc tai nghe mắt thấy sau bức màn sắt Đại lục Trung-hoa. Sách dày 300 trang, phổ biến với giá bình dân 25$.

— « **Tản - đà Nguyễn-Khắc-Hiếu** » sách giáo khoa, của Giáo sư **Hà - Như - Chi**, do nhà xuất bản Tân Việt gửi tặng. Ngoài phần trình bày thân thế và sự nghiệp, tác giả thêm phần giảng những bài thơ của cố thi sĩ Tản - đà. Sách dày 65 trang giá 16$.

— « **Một thời lãng mạn trong thi ca Việt - Nam** » cũng của Giáo sư **Hà-Như-Chi**, do nhà xuất bản gửi tặng. tác giả định nghĩa và tìm nguyên nhân và giá trị của thi ca lãng mạn.

Sách dày 70 trang giá bán 16$.

*

Xin trân trọng cảm tạ nhà xuất bản, các tác giả và ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-khoa.

B. K.

Đón coi : **VĂN-HỌC TẠP-CHÍ** *số đầu*

CƠ-QUAN CHUYÊN NGHIÊN-CỨU
VĂN-CHƯƠNG, HỌC-THUẬT

Tòa báo : *21 đường Võ-Tánh (Frère Louis cũ) — SAIGON*

Giây nói số 23.974

Chủ-Trương Biên-Tập

Á-Nam Trần-Tuấn-Khải

Với sự cộng tác của các vị : Nguyễn-Sĩ-Giác *(Tiến-sĩ Giáo-sư Văn-khoa)*. Nguyễn Văn-Bình *(Cử-nhân, Giáo-sư Văn-khoa)*, Nguyễn-Trác *(Cử-nhân, Phó Chủ-tịch Hội Khổng Học)* Nguyễn-Đăng-Thục *(G.s. Chủ-tịch Hội Liên-Lạc Văn-hóa Á-châu)*, Thẩm-Quỳnh *(Cử-nhân, G.s. Văn-khoa)*, Lê-Đình-Kế *(Tú-Tài Hán-học, G.s. Văn-khoa)*, Vũ Đình-Chiểu *(Tú-Tài G.s. Văn-khoa)*, Nguyễn-Văn-Anh *(Tú Tài G.s. Trung-học)*, Huyền-Mạc-Đạo-Nhân *(Học-giả)*, Nguyễn-Văn-Đang *(Giáo-sư)*, Nguyễn-Thiệu Lâu *(Giáo-sư)*, Tô-Nam, Nguyễn-Văn-Diễm, Đặng-Văn-Ký, Lê-Ngọc-Trụ, Họa-sĩ Tú-Duyên, Trần-Trung-Hòa, Nguyễn-Thượng-Khôi, Nguyễn-Đức-Đàm, Linh-Mục Thanh-Lãng *(Tiến-sĩ Văn-chương Pháp)*, Hòa-thượng Thái-Hư, Song-Thu *(Lão Nữ-sĩ)*, Nguyễn-Văn-Đính, *(Giáo-sư)*, Văn-Bình, *Nguyên Chủ Bút các báo Bạn Dân (Hànội 1953) Tự Lập (Sàigòn 1955)*, Lê-Tràng-Kiều *(Nguyên Chủ Bút Văn-học Tạp-chí 1935 Hànội)*, Hoàng-Nam-Hùng *(Lão cách-mệnh)*, Hoàng-Cao-Tăng *(Nguyên Giám-Đốc Đài Pháp-Á)* và nhiều các học giả tân cựu.

Văn-Học Tạp-Chí sẽ xuất bản hai loại : loại Chuyên-san và loại Tạp-san

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ (CHUYÊN-SAN)

Sẽ là những quyển Tạp-chí nhiều bài khảo-luận, nghiên-cứu rất công phu, giá trị về văn chương, học thuật của các cây bút chọn lọc, chú trọng xây dắp nền quốc-học tương-lai.

Mỗi tập dày từ 100 đến 120 trang. Khổ lớn. Giá bán mỗi tập 20 đ. 12 tập 240 đ. 24 tập 480 đ. Học sinh được trừ 50 phần 100.

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ (loại TẠP-SAN)

Sẽ là những tập phổ-thông, bài vở giá trị như V.H.T.C. Chuyên-San, lại thêm phần giải trí, nhiều truyện ngắn, truyện dài. Bán với giá phổ-thông hơn.

Thư từ và bài vở xin gởi cho Tòa-soạn : **Văn-Học Tạp-Chí**
21 Đường Võ-Tánh — Saigon Giây nói : 23.974

ĐỌ DỌC

Tiểu thuyết dài của

BÌNH - NGUYÊN - LỘC

do nhà BẾN-NGHÉ

233/20 Võ-Tánh xuất bản và phát hành

Sách dày 300 trang chữ nhỏ li ti, ấn loát tuyệt mỹ, bìa đôi ; chữ vàng lá nướng, in lõm sâu trên nền lụa xám — **65$ Một Quyển.** —

Vì sách không phát hành lan rộng nên nơi nào không thấy bày bán, xin mời bạn đọc của Bình-Nguyên-Lộc cứ gởi thẳng bưu phiếu về địa chỉ trên. Sách sẽ gởi tận tay bạn, cước phí **Bảo Đảm** do nhà xuất bản chịu. Bưu phiếu đề: Cô **Tê-Loan-Anh.**

Chúc mừng năm mới

Hiệu thuốc Âu-Mĩ :

NHƠN - THẠNH

537, đường Nguyễn-Trãi — Cholon

Bào chế sư : cô Lưu-Hữu-Tuyến

Cung chúc tân xuân

Hiệu NGUYỄN - VĂN - TẬP

bán bông, kiểng, cây ăn trái

421, Nguyễn-Trãi — Cholon

Chủ nhơn : bà Nguyễn-Văn-Dăn

Cung chúc tân xuân

Hiệu THIÊN - THAI

(mạch nha, kẹo gương)

114, đại-lộ Quang-Trung — Quảng-ngãi

Chủ nhơn : bà Nguyễn-Đình-Quang

CÁC BẠN YÊU NHẠC

Hãy đón coi nhạc phẩm đặc biệt của bạn Trần-Văn-Khê :

NGÀY XUÂN KHAI BÚT

ĐĂNG TRONG

BÁCH-KHOA XUÂN KỶ HỢI

PRODUITS GEVAERT

1o/ PAPIERS
2o/ PRODUITS CHIMIQUES
3o/ FILMS AMATEURS
4o/ FILMS AVIATION
5o/ FILMS ARTS GRAPHIQUES
6o/ FILMS RADIOGRAPHIQUES
7o/ FILMS CINEMA PROFESSIONNELS
8o/ FILMS POUR DOCUMENTS
9o/ PAPIERS POUR DOCUMENTS
10o/ BANDES MAGNETIQUES

INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :
— chạy bằng essence, giá phỏng định mỗi chiếc : **136.000$.**
— chạy bằng diesel, » » » » : **156.000$.**

Quí ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe nầy, xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Prochainement à Saigon

Vous aurez le plaisir de voir au Cinéma
l'un des meilleurs films de cette année

MOI ET LE COLONEL

avec

Danny Kaye - Curt Jurgens et Nicole Maurey

Comme tous les films de grande classe,
ce film est distribué par la

Columbia Films Of Viêt-Nam, LTD

23, RUE GIA - LONG — Tél. : Saigon 418

HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thinh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

CUNG CHÚC
TÂN-XUÂN

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

THE BANK OF EAST ASIA, LTD

(ĐONG-A NGAN-HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N° 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Agences et Correspondant dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES-FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quí Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGLIASTRO & Cie S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON

☆

Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

SHELL

Để dùng vào KỸ-NGHỆ NÔNG-NGHIỆP và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hoả chế ra.

Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

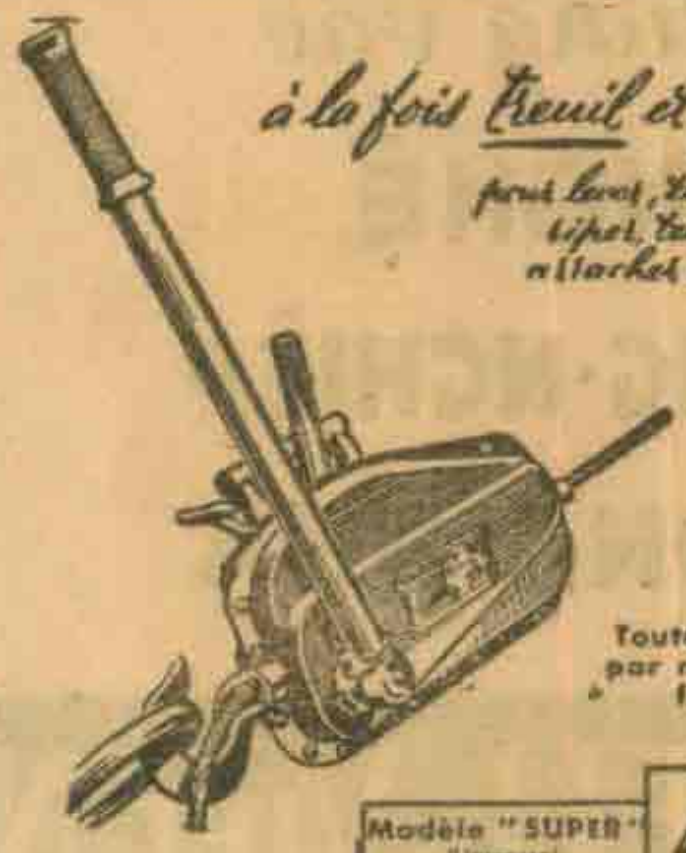

à la fois treuil et palan!

pour lever, tirer, riper, tendre, attacher etc...

6 avantages du TIRFOR

1) Portatif.
2) Mise en batterie rapide.
3) Course de câble illimitée.
4) Toutes orientations et positions.
5) Précision millimétrique de manœuvre.
6) Sécurité : organes essentiels doublés

Toutes forces par moufflage facile

Modèle "SUPER" (Universel) Force : 1.500 kgs Poids : 16 kgs

Modèle "MINES" (Traction seule) Forces : 1500 et 3000 kgs Poids : 18 et 21 kgs

Tirfor rend 1000 services! Demandez-nous la brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sàigòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export

★

REPRÉSENTATION

★

Téléphone : 21.219
Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU **« HERMÈS »**

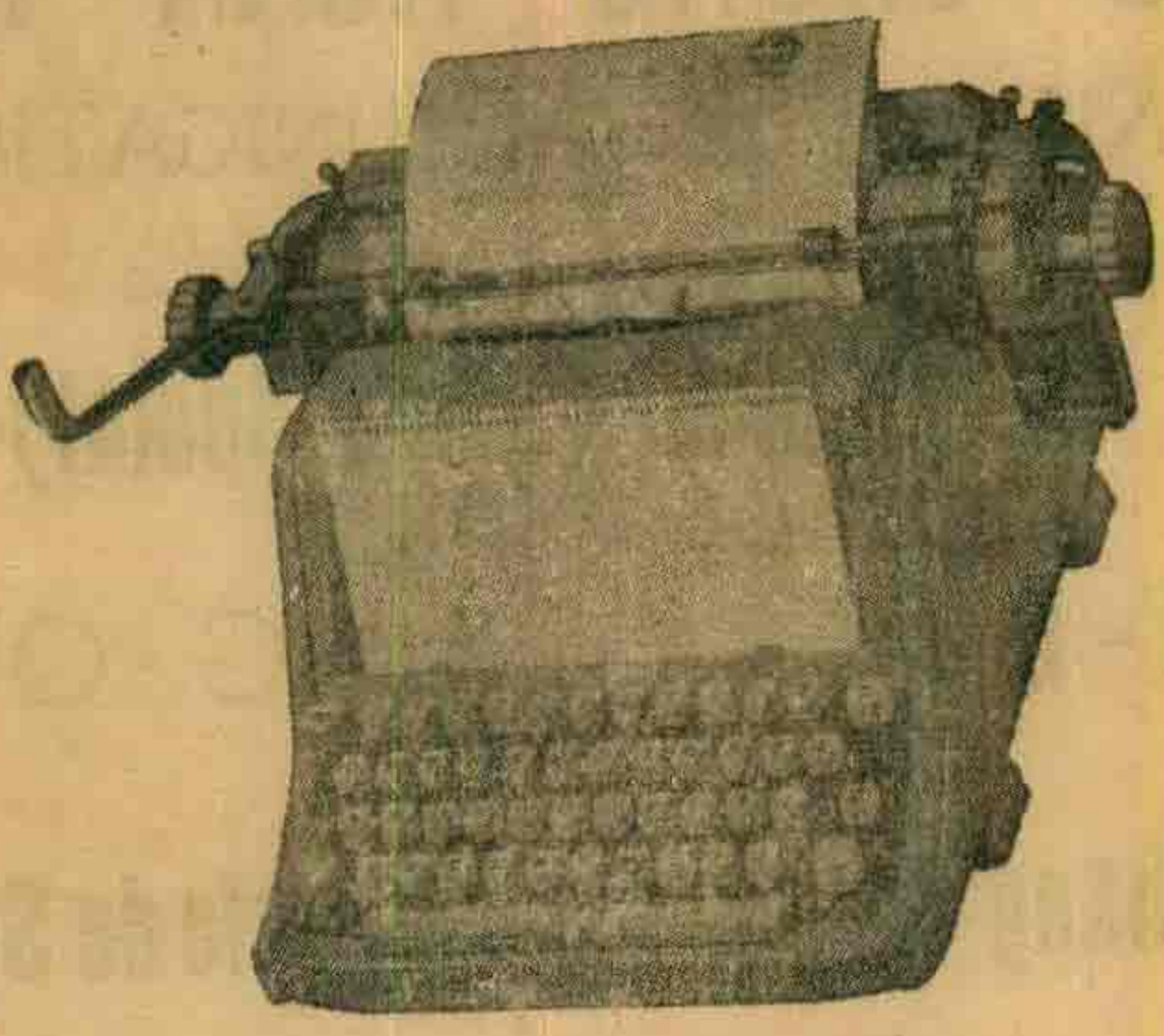

ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Golden Club
Golden Club
VIRGINIA
J. Bastos Saigon
20 CIGARETTES
Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

VIENTIANE SAIGON VIENTIANE

QUADRIMOTEUR

BOEING STRATOLINER

DIMANCHE — VOL DIRECT

MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

ลาวเดินอากาศ AIR LAOS

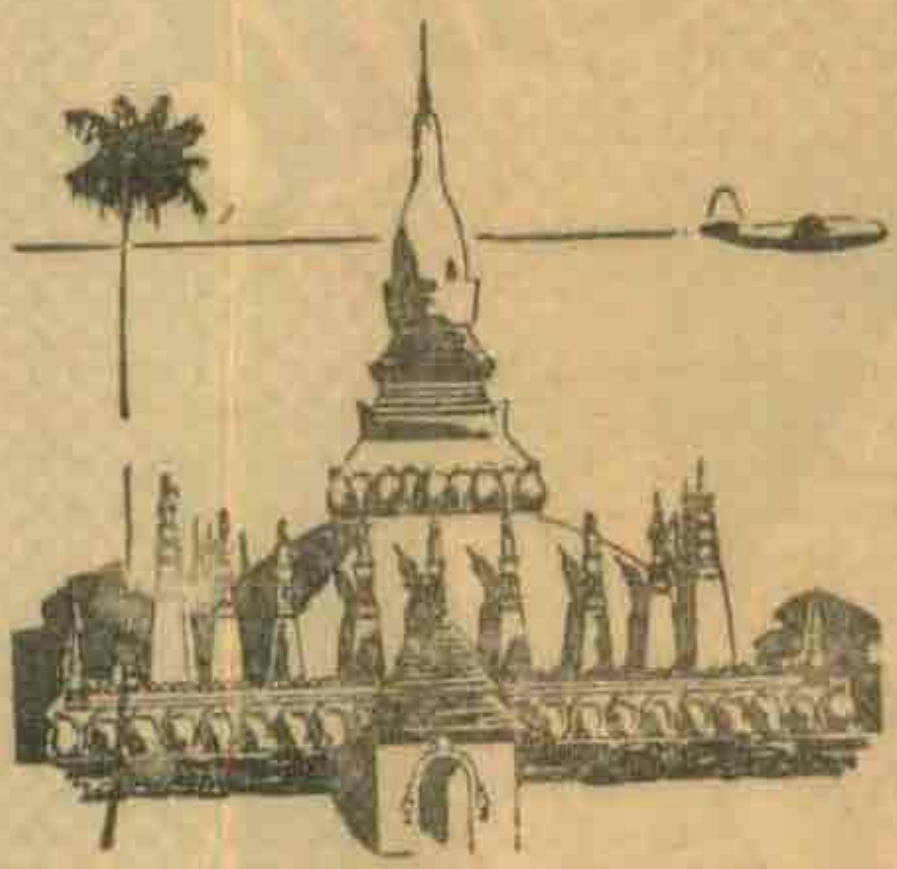

VIENTIANE

BANGKOK	HONGKONG
PHNOMPENH	SIEMREAP
PHONGSAVANH	LUANGPRABANG
LUONGNAMTHA	MUONGSING
THAKHEK	SAMNEUA

AIRLAOS

Renseignements & Reservations

65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON

Tél. 22102 et Cardi 34

Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD là phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)
346, Bến Vân-Đồn
Đ. Thoại 21.950
Đ. Tin Forestière

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON
135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH
26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon
Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của
MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Đầu năm 1959 COSUNAM FILMS *hân hạnh giới thiệu :*

Để làm vui lòng quý khán giả đã từ lâu ủng hộ, chúng tôi hân hạnh trình bày dưới đây những sản phẩm chọn lọc mà chúng tôi sẽ lần lượt chiếu trong các màn ảnh Đô-Thành và trong toàn cõi Việt-Nam.

Les travaux d'Hercule

Steve Reeves. Sylvia Koscina.
Cinémascope Eastmancolor.

A Paris tous les deux

Fernandel. Bop Hope
Technirama. Technicolor.

Un Américain bien tranquille

Phim đã quây ở Saigon
Audie Murphy. Michael Redgrave. Georgia Moll.

Sans Famille

Phỏng theo tiểu thuyết bất hủ của nhà văn hào Hector Malot.

Témoin à charge

Cuốn phim cuối cùng của Tyrone Power. Marlène Diétrich. Charles Laugton.

Les Vikings

Kirk Douglas. Tony Curtis.
Janet Leigh.
Technirama. Technicolor.

Le commando sacrifié

Léo Geun. Kieron Moore.
Cinémascope.

La cité disparue

John Wayne. Sophia Loren.
Rossano Brazzi.
Technirama. Technicolor.

Diables au Soleil

Frank Sinatra. Tony Curtis.
Natalie Wood.

Whisky Vodka et Japon de fer

Bop Hope. Katherine Hepbwin
Vistavision. Technicolor.

Le Tour du Monde en 80 jours

Cinémascope Technicolor
50 tài tử thượng thặng của điện ảnh Quốc-tế.

COSUNAM-FILMS

COSUNAM FILMS

175 Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

XƯỞNG CAO-SU VIỆT-NAM

CHÂU-BÁ

674-676, PHAN-THANH-GIẢN — SAIGON

ĐIỆN-THOẠI 23.314

SẢN-XUẤT:

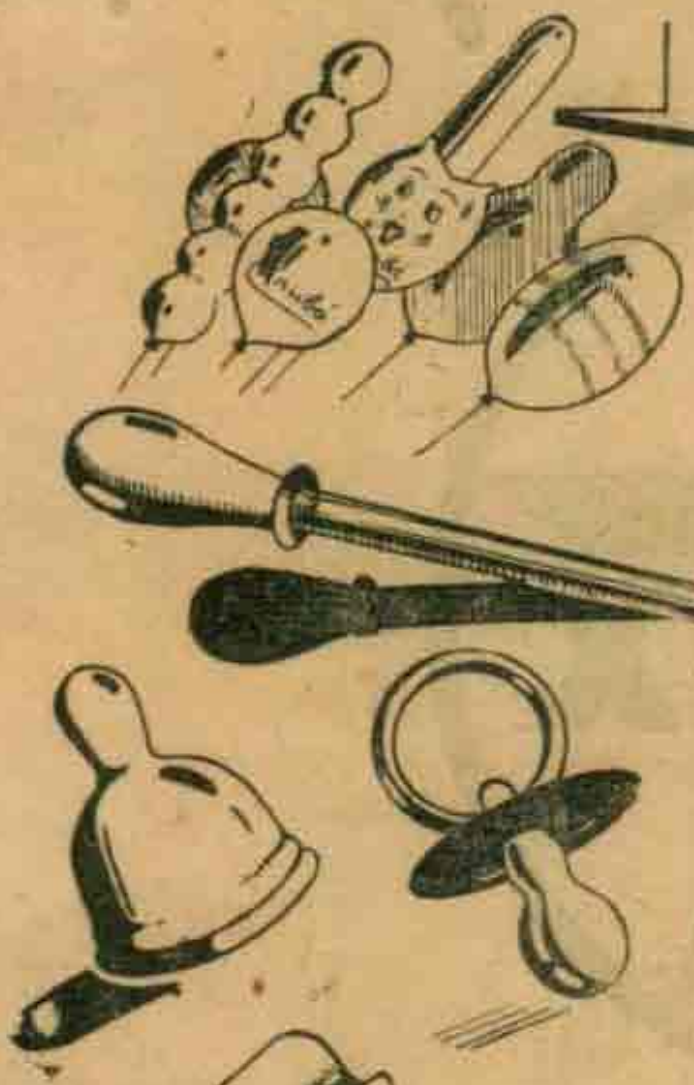

- BONG-BÓNG CAO-SU ĐỦ MÀU SẮC
  (Ballons d'enfants)
- ỐNG NHỎ GIỌT (Compte-gouttes)

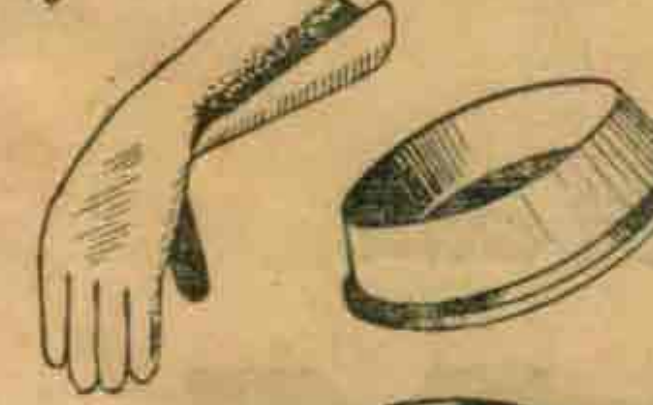

- NÚM-VÚ TRẺ-EM BÚ SỮA VÀ NGẬM CHƠI
  Tétine

- BAO-TAY CAO-SU CHO BÁC-SĨ VÀ THỢ-THUYỀN
  (Gants latex)
- CHÉN GẠT BỌT LƯỠI DAO CẠO
  (Essuie rasoirs)

- ĐẮP VỎ XE HƠI VỚI KHUÔN NGUYÊN
  (Gai đẹp, lâu mòn)
- VÁ VỎ XE HƠI VỚI MÁY FIT
  (Dùng bằng hơi nước)

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC